ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Nguyễn Phương Thủy

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC TRONG TÌNH HÌNH MỚI

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

HÀ NỘI - 2026

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Nguyễn Phương Thủy

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Chuyên ngành: Hồ Chí Minh học
Mã số: 9310204.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS Phạm Quốc Thành

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu hoàn toàn độc lập. Các số liệu, kết quả nghiên cứu nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Nguyễn Phương Thủy

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thiện luận án "Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới", tôi đã nhận được sự quan tâm, giúp đỡ và hỗ trợ quý báu của nhiều cơ quan, tổ chức, các thầy giáo, cô giáo, đồng nghiệp, gia đình và bạn bè. Với lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc, tôi xin được bày tỏ lời cảm tạ chân thành.

Trước hết, tôi xin chân thành cảm ơn Đảng uỷ, Ban Giám hiệu Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội, Phòng Đào tạo và Công tác người học, Phòng Quản lý Khoa học cùng các đơn vị chức năng của Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Tôi xin bày tỏ lòng tri ân sâu sắc tới Thầy PGS.TS Phạm Quốc Thành, người hướng dẫn khoa học trực tiếp. Thầy đã tận tâm chỉ dẫn, định hướng nghiên cứu, gợi mở những vấn đề khoa học quan trọng, đồng thời luôn động viên và hỗ trợ tôi trong suốt quá trình thực hiện luận án. Sự tâm huyết, trách nhiệm và những đóng góp quý báu của Thầy là nền tảng quan trọng giúp tôi vượt qua những khó khăn, hoàn thành công trình nghiên cứu này.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đại học Quốc gia Hà Nội và Hội đồng đánh giá luận án semina cấp Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã dành thời gian đọc, nhận xét, phản biện và đóng góp những ý kiến khoa học sâu sắc, giúp luận án được hoàn thiện hơn cả về nội dung và hình thức.

Tôi xin cảm ơn Ban chủ nhiệm Khoa, Quý Thầy Cô, cán bộ, giảng viên và chuyên viên của Khoa Khoa học chính trị cùng các đơn vị liên quan đã hỗ trợ tôi trong quá trình thu thập tài liệu, tham khảo học thuật và thực hiện các thủ tục nghiên cứu theo quy định.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới lãnh đạo các tỉnh, các cơ quan, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị – xã hội và nhân dân tại các tỉnh miền núi phía Bắc đã nhiệt tình phối hợp, cung cấp thông tin, tham gia khảo sát, phỏng vấn và tạo mọi điều kiện thuận lợi để tôi có được những dữ liệu thực tiễn quý báu cho luận án.

Xin trân trọng cảm ơn Đảng ủy, Ban Giám đốc ĐHTN, Ban TCCB ĐHTN, Ban Giám hiệu, Phòng Tổng hợp, đồng nghiệp Trường Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên nơi tôi công tác đã động viên, khích lệ, tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận án.

Xin chân thành cảm ơn gia đình, người thân và bạn bè đã luôn đồng hành, chia sẻ, động viên và ủng hộ tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu. Sự hỗ trợ và tình cảm của mọi người là nguồn sức mạnh tinh thần lớn lao giúp tôi hoàn thành luận án này.

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực, luận án chắc chắn không tránh khỏi những hạn chế. Tôi rất mong tiếp tục nhận được sự góp ý của các nhà khoa học, Quý Thầy Cô và bạn bè để công trình nghiên cứu được hoàn thiện hơn trong thời gian tới.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, tháng 01 năm 2026

Tác giả luận án

Nguyễn Phương Thủy

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

MỤC LỤC 1

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT 5

MỞ ĐẦU 7

1. Lý do chọn đề tài 7

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu 9

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 10

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu 11

5. Đóng góp mới của luận án 12

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án 13

7. Kết cấu luận án 14

CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI .. 15

1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc 15

1.1.1. Nghiên cứu liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc 15

1.1.2. Nghiên cứu liên quan đến vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc 27

1.1.3. Nghiên cứu về sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh miền núi hiện nay 39

1.2. Kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố và những vấn đề đặt ra đối với luận án 46

1.2.1. Những kết quả đạt được của các công trình nghiên cứu 46

1.2.2. Những khoảng trống trong nghiên cứu và những vấn đề đặt ra đối với luận án...50

Tiểu kết chương 1 53

CHƯƠNG 2 LÝ LUẬN VỀ VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC 54

2.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới 54

2.1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc 54
2.1.2. Khái niệm vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc.....62
2.2. Giá trị vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc 66
2.2.1. Giá trị vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí, tầm quan trọng của đại đoàn kết dân tộc 66
2.2.2. Giá trị vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc 71
2.2.3. Giá trị vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc, phương pháp trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc 90
2.2.4. Giá trị vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc 103
2.3. Những yếu tố tác động đến khối đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc.....106
2.3.1. Các yếu tố khách quan 106
2.3.2. Các yếu tố chủ quan 109
Tiểu kết chương 2.....113
CHƯƠNG 3 THỰC TRẠNG VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC GIAI ĐOẠN 2010-2025 VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA..... 115
3.1. Quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc của Đảng bộ tỉnh, chính quyền và nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc 115
3.1.1. Nhận thức và hành động của Đảng bộ tỉnh, chính quyền địa phương và nhân dân về vị trí, tầm quan trọng về đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh tại các tỉnh miền núi phía Bắc.....115
3.1.2. Nhận thức và hành động của Đảng bộ tỉnh, chính quyền và nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc về lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh 125
3.1.3. Nhận thức và hành động của Đảng bộ tỉnh, chính quyền và nhân dân về nguyên tắc, phương pháp đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh 136

3.1.4. Nhận thức và hành động của Đảng bộ tỉnh, chính quyền địa phương và nhân dân về hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc 147
3.2. Kết quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc 165
3.2.1. Thành tựu và nguyên nhân trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc.....165
3.2.2. Hạn chế và nguyên nhân trong quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc.....175
3.3. Những vấn đề đặt ra đối với việc tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc.....188
3.3.1. Đối với hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 188
3.3.2. Đối với các tổ chức đoàn thể 193
3.3.3. Đối với nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc.....194
Tiểu kết chương 3..... 196
Chương 4 QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP TIẾP TỤC VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC TRONG TÌNH HÌNH MỚI..... 197
4.1. Tình hình mới và yêu cầu mới đối với việc tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc.....197
4.1.1. Tình hình mới đối với việc tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc.....197
4.1.2. Yêu cầu mới đối với việc tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc.....204
4.2. Quan điểm tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc.....220

4.2.1. Kiên định quan điểm "Đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược, là vấn đề sống còn" gắn với phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. 220
4.2.2. Xây dựng Đảng bộ các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội xứng tầm nhiệm vụ, gần dân, sát dân, phát huy vai trò nòng cốt đoàn kết 221
4.2.3. Quán triệt quan điểm "Lấy dân làm gốc", bảo đảm lợi ích của nhân dân và phát huy vai trò chủ thể của đồng bào dân tộc thiểu số. 221
4.2.4. Lấy điểm tương đồng làm mẫu số chung trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. 222
4.2.5. Quán triệt quan điểm "Cầu đồng, tồn dị", chân thành, tự phê bình và phê bình, đoàn kết phải trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ. 224
4.2.6. Quan điểm tăng cường giáo dục chính trị – tư tưởng và xây dựng niềm tin xã hội, tạo sự đồng thuận xã hội trong nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc. 224
4.3. Giải pháp tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới 225
4.3.1. Nhóm giải pháp về nhận thức 225
4.3.2. Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách.....229
4.3.3 Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện.....232
Tiểu kết chương 4.....256
KẾT LUẬN.....257
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....260
TÀI LIỆU THAM KHẢO 261
PHỤ LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	CHỮ VIẾT ĐẦY ĐỦ	CHỮ VIẾT TẮT
1.	An ninh phi truyền thống	ANPTT
2.	Ban Chấp hành Trung ương	BCHTW
3.	Chính trị - xã hội	CT-XH
4.	Chủ nghĩa xã hội	CNXH
5.	Công đoàn Việt Nam	CĐVN
6.	Cán bộ viên chức, người lao động	CBVC, NLĐ
7.	Chương trình mục tiêu quốc gia	CTMTQG
8.	Dân tộc thiểu số	DTTS
9.	Đại đoàn kết	ĐĐK
10.	Đại đoàn kết dân tộc	ĐĐKDT
11.	Đại đoàn kết toàn dân tộc	ĐĐKTDT
12.	Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐCS VN
13.	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	ĐTNCS HCM
14.	Giai cấp công nhân	GCCN
15.	Giai cấp nông dân	GCND
16.	Hội Cựu chiến binh	HCCB
17.	Hội Nông dân Việt Nam	HND VN
18.	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	HLHPN VN
19.	Kinh tế - xã hội	KT-XH
20.	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	MTTQ VN
21.	Mặt trận Dân tộc Thống nhất	MTDTTN
22.	Nhà xuất bản	NXB
23.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TTHCM
24.	Xã hội chủ nghĩa	XHCN

DANH MỤC BẢNG

Bảng: 3.1 Mức độ hiểu biết Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc của cán bộ khu vực miền núi phía Bắc 122
Bảng: 3.2 Mức độ hiểu biết Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc của người dân 123
Bảng: 3.3a Tổng hợp số doanh nghiệp tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong năm 2023-2024 (Nguồn: tác giả thống kê) 130
Bảng: 3.3b Đánh giá của nhân dân về thực trạng vận dụng về lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh 134
Bảng: 3.4 Đánh giá của cán bộ về lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc theo Tư tưởng Hồ Chí Minh 135
Bảng: 3.5 Quan điểm của người dân về phương pháp và nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo Tư tưởng Hồ Chí Minh tại các tỉnh miền núi phía Bắc 144
Bảng: 3.6 Quan điểm của của cán bộ về phương pháp và nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo Tư tưởng Hồ Chí Minh tại các tỉnh miền núi phía Bắc 144
Bảng: 3.7a Thống kê nội dung hoạt động của hội Cựu chiến binh tại các tỉnh miền núi phía Bắc (Nguồn: Tác giả tổng hợp) 157
Bảng: 3.7b Đánh giá của nhân dân về thực trạng vận dụng về hình thức tổ chức khối đoàn kết dân tộc 157
Bảng: 3.8 Đánh giá của cán bộ về hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc theo Tư tưởng Hồ Chí Minh 158
Bảng: 3.9 Ảnh hưởng của mức độ hiểu biết Tư tưởng Hồ Chí Minh của cán bộ về đại đoàn kết dân tộc đến hoạt động vận dụng trong thực tiễn. 159
Bảng: 3.10 Ảnh hưởng của mức độ hiểu biết Tư tưởng Hồ Chí Minh của người dân về đại đoàn kết dân tộc đến hoạt động vận dụng trong thực tiễn. 161
Bảng 3.11 Đánh giá của nhân dân về những khó khăn, hạn chế có ảnh hưởng đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay 181
Bảng 3.12 Đánh giá của cán bộ về những khó khăn, hạn chế trong việc vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại địa phương 183

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc có ý nghĩa và giá trị to lớn trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Việc tiếp tục vận dụng, kế thừa và phát triển di sản tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh trong bối cảnh mới của đất nước vừa là yêu cầu khách quan, cấp thiết, vừa là nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược lâu dài, có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa "là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"[23; tr.158]. "Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc" với khát vọng phát triển đất nước nhằm mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trước yêu cầu của thực tiễn phát triển đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, việc đặt ra và giải quyết các vấn đề liên quan đến đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển bền vững của quốc gia. Quá trình đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhà nước đòi hỏi sự đồng thuận xã hội rộng rãi, lấy khối đại đoàn kết dân tộc làm nền tảng và là động lực quan trọng trong sự phát triển của đất nước. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng vừa mở ra những thời cơ phát triển mới, vừa đặt ra nhiều thách thức phức tạp, yêu cầu phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc. Những thời cơ đã tạo ra những vận hội mới trong sự phát triển của đất nước như xu thế hòa bình, phát triển, hội nhập, hợp tác rộng rãi giữa các quốc gia trên thế giới là cơ hội để phát huy truyền thống đoàn kết của dân tộc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, đất nước đứng trước những nguy cơ, thách thức như: chia rẽ dân tộc, nguy cơ tụt hậu về kinh tế, nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa, nguy cơ mất thế trận lòng dân, làm suy yếu sức chiến đấu của Đảng; biến đổi khí hậu, đe dọa từ an ninh truyền thống và phi truyền thống, ô nhiễm môi trường sinh thái, cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên, an ninh năng lượng… Đặc biệt, sự chống phá của các thế lực thù địch nhằm phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng, xuyên tạc chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng của Hồ Chí

Minh càng đặt ra yêu cầu cấp thiết phải củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy "đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công"[70; tr.186].

Trong bối cảnh "tình hình mới" hiện nay, đất nước đang bước vào giai đoạn phát triển với nhiều biến đổi sâu sắc cả về kinh tế, chính trị, xã hội và quản trị quốc gia. Quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, sắp xếp đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy và chuyển sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp đã và đang tạo ra những tác động đa chiều đến đời sống xã hội, đặc biệt là mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Những thay đổi đó vừa mở ra nhiều thời cơ phát triển, vừa đặt ra những thách thức mới đối với việc củng cố niềm tin xã hội và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, nhất là tại các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Thực tiễn xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh miền núi phía Bắc đặt ra những vấn đề đặc thù cần được nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện. Đây là khu vực có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng – an ninh và đối ngoại; đồng thời là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc thiểu số với sự đa dạng về văn hóa, phong tục, tập quán và trình độ phát triển. Mặc dù đã đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế – xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân và củng cố hệ thống chính trị cơ sở, song các tỉnh miền núi phía Bắc vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như khoảng cách phát triển, nguy cơ tái nghèo, xóa bỏ các phong tục lạc hậu, những vấn đề nảy sinh trong quan hệ dân tộc, tôn giáo và tác động tiêu cực của các yếu tố an ninh phi truyền thống; đảm bảo quốc phòng – an ninh, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, biển đảo của Tổ quốc tại các khu vực giáp biên và thực hiện đối ngoại nhân dân với các quốc gia láng giềng và các nước trên thế giới. Những vấn đề này tác động trực tiếp đến việc xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc tại địa phương.

Từ góc độ lý luận và thực tiễn, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh miền núi phía Bắc thời gian qua đã đạt được những kết quả quan trọng, song cũng bộc lộ không ít hạn chế, bất cập. Một số chủ trương, chính

sách về dân tộc và đại đoàn kết dân tộc chậm được cụ thể hóa phù hợp với điều kiện đặc thù của từng địa phương; hiệu quả huy động sức mạnh của các tầng lớp nhân dân trong phát triển kinh tế – xã hội và giữ gìn ổn định chính trị – xã hội ở một số nơi còn chưa tương xứng với tiềm năng. Điều đó đòi hỏi phải có sự tổng kết thực tiễn một cách khoa học, từ đó làm rõ những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân, đồng thời đề xuất những quan điểm và giải pháp tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

Mặt khác, xét về phương diện nghiên cứu khoa học, mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh và vấn đề đại đoàn kết dân tộc, song các nghiên cứu chuyên sâu, có tính hệ thống về việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc, đặc biệt gắn với bối cảnh mới hiện nay, vẫn còn hạn chế. Nhiều công trình mới dừng lại ở mức khái quát chung, chưa làm rõ những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn đổi mới mô hình quản lý, phát triển và hội nhập quốc tế tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu vấn đề "Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới" giai đoạn từ 2010-2025 một cách đầy đủ và có hệ thống. Do đó, việc lựa chọn nghiên cứu đề tài **"Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới"** là cần thiết, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc, góp phần bổ sung, phát triển lý luận Hồ Chí Minh học, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định và thực hiện các chủ trương, chính sách nhằm củng cố và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn hiện nay. Trong phạm vi không gian và thời gian nghiên cứu, tôi chọn một số tỉnh ở miền núi phía Bắc để nghiên cứu gồm: Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Hà Giang (nay là Tuyên Quang), Cao Bằng, Lạng Sơn từ năm 2010-2025.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1 Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của luận án là làm rõ những nội dung cơ bản và lý luận

về sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. Đánh giá thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc (2010-2025) từ đó đề xuất quan điểm và giải pháp tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu trên, luận án tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đề tài nhằm làm rõ những vấn đề đã được nghiên cứu và những vấn đề phải giải quyết trong luận án.

Trình bày một số vấn đề lý luận về nội dung và giá trị vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

Đánh giá thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc (2010 – 2025).

Luận giải những vấn đề đặt ra từ thực tiễn về sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

Đề xuất quan điểm và giải pháp tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh ĐĐKDT và sự vận dụng trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu, luận án tập trung nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT và sự vận dụng tư tưởng đó trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

Về không gian, luận án được triển khai nghiên cứu trên lãnh thổ Việt Nam, tập trung vào các tỉnh miền núi phía Bắc, bao gồm: Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Tuyên Quang (trên cơ sở địa bàn tỉnh Hà Giang trước đây), Cao Bằng, Lạng Sơn.

Về thời gian, luận án giới hạn nghiên cứu trong giai đoạn 2010 – 2025, gắn với quá trình triển khai và tổng kết ba nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tại các tỉnh miền núi phía Bắc và việc hoàn thành phân giới, cắm mốc biên giới Việt Nam – Trung Quốc. Đây là thời kỳ có những chuyển biến sâu sắc về bối cảnh kinh tế – xã hội và hội nhập quốc tế, gắn với đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số và phát triển bền vững, đảm bảo an ninh, quốc phòng. Đồng thời, giai đoạn này đặt ra những yêu cầu mới đối với việc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, trong bối cảnh Đảng và Nhà nước ban hành, triển khai nhiều chủ trương, đường lối và chính sách lớn đối với vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tình hình mới.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1 Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc; các quan điểm, chủ trương, đường lối và chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về ĐĐKDT hiện nay.

4.2 Phương pháp nghiên cứu

Cơ sở phương pháp luận của nghiên cứu: dựa trên cơ sở thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Về phương pháp nghiên cứu cụ thể: Luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp khoa học xã hội – nhân văn; phương pháp luận nghiên cứu về Hồ Chí Minh học, phương pháp lịch sử và lôgic, phương pháp liên ngành. Ngoài ra, sử dụng kết hợp với các phương pháp: phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp so sánh, đối chiếu, văn bản học, khái quát hóa và trừu tượng hóa, thống kê xã hội học, điều tra xã hội học.

Phương pháp điều tra xã hội học: Sử dụng để nghiên cứu, đánh giá thực trạng việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới. Tác giả sử dụng kết hợp

phương pháp định tính kết hợp với phương pháp định lượng trong nghiên cứu luận án. *Phương pháp định tính*: Đề tài sử dụng các dữ liệu (văn kiện Đảng, chính sách của Trung ương và báo cáo của cấp ủy, chính quyền địa phương) đã ban hành để làm rõ sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Đánh giá thực trạng, thành tựu, hạn chế, nguyên nhân những kết quả đạt được trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. *Phương pháp phỏng vấn sâu* (đa chủ thể) (in-depth interview): Là phương pháp định tính được sử dụng để đi sâu vào bản chất, lý giải nguyên nhân, bổ sung và minh họa cho phân tích định lượng, từ đó nâng cao giá trị khoa học và tính thuyết phục của luận án. Phiếu điều tra được thiết kế 02 mẫu trong đó, Mẫu số 1 dành cho người dân (đại diện các tầng lớp nhân dân) 07 tỉnh: 10 trường hợp thuộc các lứa tuổi, nghề nghiệp khác nhau. Mẫu số 2 dành cho cán bộ, quản lý, lãnh đạo, viên chức (đại diện gồm: Cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh, cán bộ cấp xã, già làng, trưởng bản, tổ trưởng dân phố, bí thư chi bộ, Bí thư Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Ban công tác Mặt trận Tổ quốc thôn/xã) tại 07 tỉnh: 10 trường hợp. *Phương pháp định lượng*: Phương pháp điều tra khảo sát tiếp cận nghiên cứu dựa trên việc thu thập và phân tích dữ liệu số (số liệu khảo sát, thang đo, thống kê) nhằm đo lường mức độ và kiểm định mối quan hệ giữa các biến. Địa bàn điều tra các tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai, Hà Giang (nay là Tuyên Quang), Lạng Sơn, Cao Bằng. Mẫu số 1 điều tra: Người dân, số phiếu điều tra: 1.362, số phiếu xử lý: 1.331. Mẫu số 2: Cán bộ viên chức, quản lý. Số phiếu điều tra: 583. Số phiếu xử lý 583. Phương pháp phân tích, xử lý số liệu: Bằng phần mềm SPSS 27.0 trên máy tính và được phân tích tần suất, tương quan so sánh theo các biến số cơ bản, sử dụng công thức tính cỡ mẫu của Cochran (1977) với 95% tin cậy, sai số 5%, dùng thang Likert 1–5.

5. Đóng góp mới của luận án

Luận án góp phần hệ thống hoá một số vấn đề lý luận về đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh, làm rõ khái niệm đại đoàn kết dân tộc; đồng thời chỉ ra sự cần thiết của sự vận dụng tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh; luận giải những kết quả đã đạt được và đề cập đến những khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu.

Luận án phân tích thực trạng của quá trình vận dụng, chỉ ra những thành tựu và hạn chế, những vấn đề đặt ra trong quá trình vận dụng tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh tại các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay.

Luận án tập trung đề xuất quan điểm, giải pháp cơ bản nhằm tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1 Ý nghĩa lý luận

Những nội dung luận án tập trung phân tích, luận giải sẽ góp phần làm rõ hơn các vấn đề liên quan đến khái niệm đại đoàn kết dân tộc, sự vận dụng những quan điểm của Hồ Chí Minh về: vị trí, vai trò của đại đoàn kết dân tộc, lực lượng, nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới. Làm rõ quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước về đại đoàn kết dân tộc nói chung và đối với các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng.

Luận án đưa ra các quan điểm và giải pháp nhằm tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

6.2 Ý nghĩa thực tiễn của luận án

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo, bổ sung thêm cơ sở thực tiễn cho sự vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong thời kì mới hiện nay và có thể sử dụng là nguồn tài liệu để các chính quyền địa phương, các nhà hoạch định chính sách đề ra các chính sách về ĐĐKDT phù hợp với các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo giảng dạy và học tập học phần tư tưởng Hồ Chí Minh tại các trường cao đẳng, đại học hiện nay và giáo dục truyền thống đoàn kết dân tộc cho nhân dân tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Đồng thời, làm tài liệu nghiên cứu, giảng dạy tại các trường chính trị, trung tâm chính trị ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

7. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án kết cấu thành 4 chương, 11 tiết.

CHƯƠNG 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

1.1.1. Nghiên cứu liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

ĐĐKDT là một vấn đề lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh, được Người đặc biệt quan tâm trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, được Đảng, Nhà nước ta kế thừa, vận dụng sáng tạo trong từng giai đoạn cách mạng. Việc tiếp tục nghiên cứu vấn đề ĐĐKDT và sự vận dụng ĐĐKDT hiện nay theo TTHCM có ý nghĩa quan trọng trong việc kế thừa, bảo vệ và phát triển giá trị lý luận của Hồ Chí Minh về ĐĐKDT phù hợp với tình hình mới. Vì vậy, có hàng trăm các công trình nghiên cứu đã được công bố về tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT và sự vận dụng vấn đề này trong giai đoạn hiện nay, tiếp cận ở các góc độ khác nhau được xuất bản tại Kỷ yếu Hội thảo quốc gia, quốc tế, công trình sách, bài viết đăng trên tạp chí, đề tài, luận án trong và ngoài nước.

Qua việc tổng quan các công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc có liên quan đến hướng nghiên cứu của luận án phải kể đến các công trình tiêu biểu sau:

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1996) với cuốn sách ***"Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận Dân tộc Thống nhất"***[56] đã tập hợp một số bài viết của nhiều tác giả bàn về nhiều khía cạnh, nhiều cách tiếp cận khác nhau về ĐĐKDT theo TTHCM như: luận giải về vai trò của MTTQVN, nội dung tư tưởng đại đoàn kết, ĐĐKDT xung quanh MTTQVN; đại đoàn kết trong giai đoạn phát triển mới của đất nước; Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận, phát huy vai trò của MTTQVN trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. TTHCM về ĐĐKDT trong sự nghiệp xây dựng đất nước quá độ lên CNXH. Trong cuốn sách này, tác giả Phan Đình Diệu có đề cập đến đoàn kết dân tộc trong giai đoạn mới của đất nước cần tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc để đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đồng thời làm cho đất nước giàu mạnh, có vị trí xứng đáng

trong khu vực và thế giới. Tác giả tập trung vào ba vấn đề: đối tượng là ĐĐKDT, mục tiêu chung là bảo vệ nền độc lập thống nhất của đất nước và xây dựng một nước Việt Nam giàu, mạnh, công bằng, văn minh và phương thức để thực hiện sự đoàn kết đó là phải tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích mọi người dân có động lực làm giàu chính đáng; Nhà nước đóng vai trò trong việc thực hiện các chính sách nâng cao phúc lợi, đời sống của nhân dân, giúp cho người dân có cơ hội làm giàu chính đáng trên cơ sở ĐĐKDT. Những bài viết trong cuốn sách giúp tôi có sự hiểu biết sâu sắc hơn về nội dung TTHCM về ĐĐKDT và nội dung cần tiếp tục vận dụng tư tưởng về ĐĐKDT của Hồ Chí Minh trong tình hình mới hiện nay. Tác giả đã kế thừa một số nội dung trong quá trình làm luận án của mình.

Nguyễn Bích Hạnh – Nguyễn Văn Khoan (2001) với cuốn sách ***"Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết và Mặt trận đoàn kết dân tộc"***[34] đã đưa ra khái niệm nội hàm "mặt trận", "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam", luận giải về sự ra đời và phát triển của MTDTTN và sự vận dụng sáng tạo của Hồ Chí Minh về tập hợp nhân dân quy tụ trong một tổ chức – MTTDTN. Đấu tranh giai cấp với tư duy của Hồ Chí Minh về "đấu tranh giai cấp" và "đại đoàn kết của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là một vận dụng sáng tạo "đấu tranh giai cấp" của chủ nghĩa Mác ở Việt Nam đã tập hợp, đại hoà hợp được tất cả "con Rồng, cháu Tiên", nông dân, công nhân, trí thức, đại tư sản, quan lại, con vua, cháu chúa, binh sĩ, lính ta, quan tây cũ, công chức, chính quyền Pháp của trên 50 dân tộc anh em … theo đạo Phật, đạo Thiên Chúa, Cao đài, Hoà Hảo, Hồi giáo… nghĩa là gần như tất cả những người dân yêu nước, chỉ trừ những kẻ phản quốc, Việt gian … chống lại Tổ quốc, dân tộc"[34; tr.83-84], vấn đề dân tộc đặc thù ở phương Đông để tập hợp lực lượng và đấu tranh cách mạng và khẳng định giá trị bài học về ĐĐK, đấu tranh giai cấp là nhân tố quyết định, đồng hành cùng thắng lợi của đất nước ta trong thời kỳ mới và có giá trị tham khảo tích cực đối với các giả khác. Những nội dung trên đã giúp tác giả hiểu sâu hơn về TTHCM về ĐĐKDT và kế thừa trong quá trình nghiên cứu chương nội dung TTHCM về ĐĐKDT của mình trong quá trình làm luận án.

Đỗ Quang Hưng (2003) với cuốn sách ***"Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc,***

tôn giáo và đại đoàn kết trong cách mạng Việt Nam" [48] đã bàn luận nhiều về cuộc vận động cách mạng ở vùng dân tộc thiểu số, về một số vấn đề đoàn kết các dân tộc ở Tây Bắc trong TTHCM. Các vấn đề liên quan đến tôn giáo trong TTHCM như đoàn kết lương giáo... TTHCM về ĐĐKDT như chiến lược ĐĐKDT trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; bản chất dân tộc và tính nhân văn, chữ "Đồng" trong tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh; về nét tương đồng, điểm quy tụ toàn dân tộc trong tư tưởng đại đoàn kết; vấn đề đoàn kết trong các tổ chức mặt trận; xây dựng MTDTTN. Những nghiên cứu trên đã góp phần làm sâu sắc thêm, phong phú thêm về các công trình nghiên cứu về đại đoàn kết trong TTHCM với nhiều cách tiếp cận khác nhau. Trần Đình Thảo và Ngô Minh Thuận với bài viết ***"Những nguyên tắc trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết tôn giáo"*** đã bàn về TTHCM về những nguyên tắc về xây dựng khối đại đoàn kết tôn giáo cần phải lấy lợi ích của toàn dân tộc và quyền lợi căn bản của con người làm mẫu số chung, lấy điểm giống nhau để khắc chế cái khác biệt; phải tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân trong xây dựng khối đại đoàn kết tôn giáo. Cần nhận diện, phân biệt tổ chức, cá nhân giáo dân chân chính với tổ chức và cá nhân giả danh tôn giáo nhằm ngăn ngừa những phần tử cơ hội, lợi dụng tôn giáo hòng phá hoại sự đoàn kết tôn giáo, nhưng cần có thái độ độ lượng với những người biết cải tà, quy chính; cần có biện pháp và đấu tranh với kẻ giả danh tôn giáo, lợi dụng tôn giáo nhằm phá hoại cách mạng. Phải quán triệt nguyên tắc chân thành, lâu dài, thật thà hữu ái trong đoàn kết tôn giáo. Bài học về đại đoàn kết tôn giáo trong TTHCM có giá trị và ý nghĩa thực tiễn trong công cuộc xây dựng đất nước trong thời kỳ đổi mới. Bài viết giúp tôi tham khảo trong quá trình viết nội dung thực trạng vận dụng TTHCM về ĐĐKDT tại các tỉnh miền núi phía Bắc, nơi đặt ra yêu cầu cần giải quyết tốt mối quan hệ giữa ĐĐKDT và đoàn kết tôn giáo, đặc biệt đối với các đồng bào dân tộc tại các địa phương này.

Nguyễn Bá Linh (2005) với cuốn sách ***"Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội"***[52] đã nghiên cứu về nội dung cốt lõi, xuyên suốt, nhất quán trong TTHCM đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong đó, tác giả cho rằng MTDTTN là nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước "vị trí nổi bật của MTDTTN trong cách mạng Việt Nam là một

sáng tạo của Hồ Chí Minh và Đảng ta, đồng thời là một trường hợp hiếm và quý báu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế" [52; tr.165].

Hoàng Trang (2005) với cuốn sách "***Toàn dân đoàn kết chống Mỹ cứu nước dưới ngọn cờ Tư tưởng Hồ Chí Minh (1954-1975)***"[106] đã đi sâu luận giải và khẳng định tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh là nền tảng tưởng, kim chỉ nam, là cơ sở lý luận của chiến lược đại đoàn kết của Đảng, nhờ có sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc làm cơ sở đánh bại chính sách xâm lược của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1965 và khẳng định sự đúng đắn, linh hoạt của Hồ Chí Minh trong chính sách về ĐĐKDT, tổ chức MTDTTN, xây dựng và phát huy 3 tầng mặt trận làm cơ sở cho sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc. Tư tưởng ĐĐKDT của Hồ Chí Minh linh hoạt, mềm dẻo, thích ứng với những biến đổi kết hợp với sử dụng các phương pháp, hình thức phù hợp như tuyên truyền, giáo dục, vận động phù hợp với từng đối tượng, không gian và thời gian với mục tiêu "Không có gì quý hơn độc lập, tự do!". Cuốn sách giúp tác giả tiếp cận đầy đủ hơn về đại đoàn kết trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước dưới ánh sáng TTHCM góp phần làm sáng tỏ thêm nghiên cứu luận án của mình.

Võ Nguyên Giáp (2006) với cuốn sách ***"Nghiên cứu, học tập và làm theo Tư tưởng Hồ Chí Minh"***[30] khẳng định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQVN) có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ tổ quốc "Đảng cần coi trọng sự đổi mới lãnh đạo của Đảng đối với MTTQ. Đây là yêu cầu mấu chốt để triển khai sự đổi mới của hệ thống mặt trận. Trong mặt trận, ĐCSVN là một tổ chức thành viên, đồng thời là người lãnh đạo"[30; tr.248] và đề xuất một số giải pháp nhằm thực hiện tốt công tác này như cần phải đi vào cơ sở để giúp cơ sở phát triển kinh tế, đặc biệt nâng cao và phát triển kinh tế gia đình ở nông thôn, kinh tế hộ gia đình. Tác giả khẳng định những giá trị TTHCM về ĐĐKDT, đoàn kết quốc tế tạo nên sức mạnh vô địch của chiến tranh nhân dân Việt Nam; tạo thành sức mạnh tổng hợp to lớn đưa cuộc kháng chiến của Việt Nam đến thắng lợi hoàn toàn.

Phạm Công Khái (2007) với bài viết ***"Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong tác phẩm Đường Cách Mệnh"***[50] đã khẳng định những giá trị mang tính thời sự trong tác phẩm này là đoàn kết lại để làm cách mệnh và giúp ta hiểu hơn về tầm quan

trọng của đoàn kết, về mục tiêu, vai trò, về lực lượng lãnh đạo là ĐCSVN, về lực lượng nòng cốt của khối đại đoàn kết, về sự ra đời của MTDTTN. Những chỉ dẫn trong tác phẩm này đã giúp Hồ Chí Minh hoàn thiện và bổ sung phát triển tư tưởng ĐĐKTDT trong quá trình trực tiếp chỉ đạo cách mạng Việt Nam giành thắng lợi trong các cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954 và tiếp tục soi sáng con đường cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Nguyễn Văn Thế (2008) với bài viết ***"Sự thống nhất giữa đấu tranh giai cấp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở Việt Nam trong tư tưởng Hồ Chí Minh"***[103] đã phân tích về mối quan hệ giữa các giai tầng trong xã hội và chủ động kết hợp đấu tranh giai cấp với xây dựng khối ĐĐKDT xuyên suốt quá trình cách mạng và giá trị TTHCM về sự thống nhất giữa đấu tranh giai cấp và ĐĐKDT trong tình hình hiện nay. Trong tình hình mới đặt ra vấn đề mới, những thách thức, khó khăn mới về đấu tranh giai cấp và đoàn kết dân tộc vì vậy, cần thấy rõ đặc điểm, tình hình để bảo vệ chế độ, xây dựng khối ĐĐKDT trong tình hình mới, coi "đấu tranh giai cấp là phương tiện để đạt mục đích giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người"[103; tr.12].

Đoàn Văn Núi (2008) với bài viết ***"Đoàn kết xã hội – động lực phát triển của xã hội"***[83] đã khẳng định đoàn kết là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam, luôn được các thế hệ giữ gìn và phát huy sức mạnh ĐĐKDT để chiến thắng địch họa và thiên tai. TTHCM về ĐĐKDT là chiến lược cách mạng lâu dài, nhất quán có ý nghĩa sống còn, quyết định sự thành bại của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Cần phải có chính sách đúng đắn và công tác mặt trận được quan tâm đúng mức và tiếp tục phát huy tinh thần ĐĐKDT trong tình hình mới cần nhận diện đúng thời cơ, thách thức, thuận lợi, khó khăn tình hình trong nước và thế giới đề ra nhiệm vụ và thực hiện các giải pháp nhằm góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, tập hợp và phát huy được sức mạnh ĐĐKDT – động lực phát triển của xã hội.

Phan Văn Ba (2008) với luận án tiến sĩ ***"Vấn đề giáo dục truyền thống đoàn kết dân tộc cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay"***[2] luận giải nội dung của giáo dục

truyền thống đoàn kết cho thế hệ trẻ Việt Nam trên cơ sở đánh giá thực trạng giáo dục truyền thống đoàn kết cho thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì đổi mới và đề xuất những giải pháp trong việc giữ gìn, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc đối với thế hệ trẻ thời kì đổi mới đất nước đến nay. Những nội dung của luận án giúp cho tác giả kế thừa và hiểu sâu sắc thêm về giáo dục truyền thống đoàn kết cho thế hệ trẻ, đặc biệt là thanh niên, sinh viên hiện đang sinh sống tại khu vực miền núi phía Bắc trong việc vận dụng TTHCM về ĐĐKDT trong giai đoạn hiện nay; phát huy vai trò chủ thể của thanh niên, tổ chức Đoàn TNCSHCM tại các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay.

Trương Thị Thông (2009) với bài viết ***"Một số bài học kinh nghiệm trong công tác dân vận của Đảng"***[104] đã bàn về những kinh nghiệm quý báu trong công tác dân vận của Đảng trong hơn 8 thập kỷ đã góp phần làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam trên tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và sức mạnh nhân dân. Bài viết đã nêu ra một số bài học kinh nghiệm trong công tác dân vận của Đảng trong sự nghiệp cách mạng cũng như trong thời kỳ đổi mới hiện nay dưới giác độ Lịch sử Đảng. Bài viết góp phần cung cấp cơ sở tham khảo quan trọng cho việc nghiên cứu, luận giải và đề xuất các giải pháp về công tác dân vận trong xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong bối cảnh hiện nay.

Phạm Ngọc Anh (2009) với bài viết ***"Tư tưởng Đại đoàn kết Hồ Chí Minh"*** đã khái quát nhiều luận điểm có tính chân lý về tư tưởng ĐĐKDT của Hồ Chí Minh về vai trò, nội dung, nguyên tắc, phương pháp, biện pháp giáo dục, tập hợp tổ chức lực lượng cách mạng. Những tư tưởng đó góp phần làm nên thắng lợi cho cách mạng Việt Nam. Bài báo đã làm rõ, bổ sung thêm vào quá trình nghiên cứu TTHCM về ĐĐKDT, đặt ra cho chúng ta nhiệm vụ tiếp tục nghiên cứu, trung thành, kiên định đi theo ngọn cờ đại đoàn kết theo TTHCM trong giai đoạn mới.

Phạm Văn Hoà (2015) với bài viết ***"Hồ Chí Minh với công tác tôn giáo và tăng cường khối ĐĐKDT"***[43] đã bàn về các nội dung cơ bản như tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo TTHCM. Tôn trọng và đảm bảo các quyền

tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân là nền tảng xuất phát trong công tác tôn giáo; đề cao sự tương đồng, khắc phục dần sự khác biệt giữa các tôn giáo để phát huy khối ĐĐKDT và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bài báo tập trung luận giải mối quan hệ dân tộc và tôn giáo; giải phóng dân tộc với giải phóng tôn giáo và đặt ra các vấn đề tiếp tục vận dụng sáng tạo TTHCM về vấn đề này trong tình hình mới.

Lê Thị Hà (2016) với luận án tiến sĩ ***"Nguyên tắc, phương pháp đại đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh"***[32] đã đi sâu phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn; hệ thống hoá nội dung TTHCM về nguyên tắc, phương pháp đại đoàn kết; làm rõ giá trị lý luận và thực tiễn của vấn đề này trong giai đoạn hiện nay. Tuy luận án chưa đi sâu phân tích toàn diện TTHCM về ĐĐKDT nhưng những kết quả nghiên cứu của tác giả là tài liệu tham khảo quan trọng giúp tôi hiểu sâu sắc thêm về nguyên tắc, phương pháp đại đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh một cách hệ thống và kế thừa kết quả nghiên cứu.

Trần Hậu (2016) với cuốn sách ***"MTDTTN Việt Nam Quá khứ và hiện tại"*** [37] tập trung làm rõ các vấn đề lịch sử và truyền thống của MTDTTN và vai trò, bài học của Mặt trận Việt Minh, MTDTTN trong cách mạng giải phóng dân tộc. Ngày nay, Mặt trận cần phải đưa ra cương lĩnh thật sự vững chắc, rộng rãi, thiết thực để đoàn kết toàn thể nhân dân và để lại nhiều kinh nghiệm trong xây dựng tổ chức mặt trận xứng đáng với niềm tin của nhân dân. Tác giả tập trung khái quát những nội dung kinh nghiệm trong lịch sử; nhấn mạnh việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với MTDTTN trong thời kỳ thống nhất và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Làm rõ nội dung TTHCM về MTDTTN, MTTQ VN về việc thực hành dân chủ, xây dựng khối đoàn kết và đồng thuận xã hội; Mối quan hệ giữa mặt trận với các tổ chức thành viên; hiệp thương dân chủ là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của mặt trận. Vai trò giám sát của mặt trận và cùng với quân đội nhân dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc – đây là nội dung tác giả kế thừa trong quá trình nghiên cứu luận án của mình, đặc biệt nội dung vai trò của MTTQ VN cùng quân đội nhân dân bảo vệ Tổ quốc tại các tỉnh biên giới phía Bắc trong xây dựng khối đại đoàn kết và xây dựng, bảo vệ biên giới quốc gia hiện nay.

Trần Thị Minh Tuyết (2016) với bài viết ***"Đoàn kết thống nhất trong Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh"***[113] đã tập trung nghiên cứu các quan điểm của Hồ Chí Minh về đoàn kết thống nhất trong Đảng như tầm quan trọng của sự đoàn kết trong Đảng, biểu hiện ra là sự thấu hiểu, trung thành với chủ nghĩa Mác – Lênin, nội dung cơ bản của đoàn kết thống nhất trong Đảng thể hiện ở nhiều phương diện khác nhau như phương diện tổ chức giữ vững nghiêm kỷ luật Đảng; phải có sự thống nhất về tư tưởng – chính trị. Để thực hiện tốt công tác này cần thực hiện các biện pháp như tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng chính trị làm cho các Đảng viên tự ý thức về công tác đoàn kết nhất trí trong Đảng. Thực hành dân chủ rộng rãi; thực hiện tốt công tác tự phê và phê bình để thật thà đoàn kết hơn nữa. Phải có tình đồng chí yêu thương lẫn nhau; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và giải quyết triệt để hiện tượng mất đoàn kết. Chú trọng đến vai trò trung tâm đoàn kết của người lãnh đạo cấp uỷ. Tác giả đặt ra những nhiệm vụ yêu cầu mới trong công tác củng cố đoàn kết thống nhất trong Đảng, nguyên nhân và đề ra một số giải pháp góp phần củng cố đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

Văn Tạo (2016) với bài viết ***"Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết qua di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh"***[95] nội dung cơ bản về TTHCM về đoàn kết trong tác phẩm Di chúc là lời căn dặn, nhắc nhở của Bác về đoàn kết và đó là truyền thống cực kì quý báu của Đảng và nhân dân ta. Theo tác giả, TTHCM về đoàn kết trong tác phẩm Di chúc xuất phát từ chân lý lịch sử đó là đoàn kết vì sự nghiệp yêu nước và cách mạng; xuất phát từ truyền thống đoàn kết của dân tộc từ thuở lập nước đến nay; Đoàn kết bắt nguồn từ truyền thống đoàn kết giai cấp. Đoàn kết gắn liền với đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Trước hết là đoàn kết trong Đảng là vấn đề cốt lõi, Đảng đoàn kết, tổ chức nhân dân và lãnh đạo tốt khối đại đoàn kết toàn dân thì đoàn kết trong Đảng sẽ được nhân lên gấp bội. Ngoài ra, tác phẩm còn đề cập đến phương châm, biện pháp, hiệu quả nhằm góp phần xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết.

Nguyễn Xuân Thắng (2016) với bài viết ***"Hồ Chí Minh – Hành trình lịch sử sáng tạo với sự ra đời Mặt trận Việt Minh"***[101], đã khái quát quá trình hình thành

TTHCM qua hoạt động thực tiễn và sự tìm tòi, nghiên cứu, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, phát triển sáng tạo góp phần làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác – Lênin trong giải phóng dân tộc ở một nước thuộc địa, xây dựng chế độ dân chủ mới, độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, nhất là xây dựng MTTDTN trong đó Mặt trận Việt Minh là một hình thức tồn tại cụ thể. Đoàn kết dân tộc được nâng lên một tầm cao mới, "là sự tìm tòi lý luận đạt tầm nguyên lý và triết thuyết hành động"[101; tr.7].

Mai Đức Ngọc (2017) với bài viết ***"Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết trong Đảng***"[81] đã tiếp cận dưới góc độ Chính trị học tập trung phân tích nội dung TTHCM về đoàn kết trong Đảng vai trò, ý nghĩa, yêu cầu, nguyên tắc đoàn kết trong Đảng đối với sự thắng lợi của cách mạng. Ý nghĩa của TTHCM về đoàn kết trong Đảng đối với công tác xây dựng Đảng ở nước ta hiện nay, ngăn chặn các biểu hiện suy thoái trong Đảng và đề xuất các giải pháp nhằm xây dựng Đảng trong tình hình mới.

Nhiều tác giả (2019) với cuốn sách ***"Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn trọng nhân dân, phát huy dân chủ và chăm lo đời sống của nhân dân"***[79] là tập hợp những lời dạy, những bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tôn trọng nhân dân, hết lòng hết sức chăm lo đời sống của nhân dân; phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Trong cuốn sách ***Ho Chi Minh's Heritage in VietNam and Abroad***, Institute of Asian and African studies Lomonosov Moscow State University, Faculty of Political Science VNU-University of Social Sciences and Humanities. (2020), Moscow University Press, nhóm tác giả Tran Thi Dieu, Nguyen Cao Son, Nguyen Manh Cuong với bài viết ***"Ho Chi Minh's great national unity concept: content and value***"[125; pp.163-177] đã khái quát hóa một cách có hệ thống cấu phần của tư tưởng đại đoàn kết (bản chất, vai trò, nhiệm vụ, lực lượng, nguyên tắc, phương pháp, giá trị). Làm rõ mối liên hệ giữa đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, xem đây là quan hệ biện chứng, trong đó đoàn kết quốc tế tăng cường cho đoàn kết dân tộc. Gắn tư tưởng với chính sách: cho thấy tính kế thừa – phát triển của đường lối Đảng (ĐH IX–XII) từ nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Đưa ra hệ tiêu chí chuẩn tắc (lấy dân làm

gốc; hài hòa lợi ích; khoan dung khác biệt; Đảng lãnh đạo, Mặt trận làm hình thức tổ chức), có giá trị như khung tham chiếu cho phân tích chính sách.

Cũng trong cuốn sách trên, có bài viết: ***"Ho Chi Minh with the formation and development of Vietnam national unity front"***[125; pp.178-188] của nhóm tác giả Tran Thi Quang Hoa, Vu Hong Huy, Le Trung Kien, Nguyen Nghi đã lý giải vai trò tư tưởng và thực hành lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong việc hình thành, phát triển Mặt trận Dân tộc Thống nhất (từ liên minh chống đế quốc, Mặt trận Dân chủ, Việt Minh, Liên Việt đến Mặt trận Tổ quốc). Bài viết đã góp phần hệ thống hóa mạch phát triển tư tưởng – tổ chức của mặt trận từ quá trình hình thành đến thực hiện thực tế từ Việt Minh/Liên Việt đến Mặt trận Tổ quốc. Nhấn mạnh hai chức năng của Mặt trận: huy động và đại diện – trung gian giữa Nhà nước và xã hội.

Thêm vào đó, nhóm tác giả Nguyen Thu Hong, Dinh Tien Hieu, Pham Quoc Thanh (2020) với bài viết ***Ho Chi Minh's journey to China to find the way for national salvation, liberation and development***,[125; pp: 340-354] đã bàn về quá trình Hồ Chí Minh hoạt động ở nước ngoài và vai trò, công lao của Hồ Chí Minh trong việc tập hợp, giáo dục thanh niên Việt Nam yêu nước để trở về nước gây dựng phong trào cách mạng trong nước, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin, chủ nghĩa yêu nước, truyền thống đoàn kết cho các thanh niên yêu nước và sự thành công của Hồ Chí Minh thể hiện thông qua các thế hệ thanh niên đầu tiên của Đảng đã trở thành những người học trò xuất sắc như Cố Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng… góp phần quan trọng vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.

Lê Mậu Hãn (2020) với cuốn sách ***"Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh"***[33] ghi nhận công lao và sự đúng đắn, sự tài tình của Hồ Chí Minh trong việc hoàn thiện đường lối chính trị cho sự ra đời của MTDTTN, sự thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, xác định đúng đối tượng cần đánh đổ, thành lập Quốc hội, Chính phủ liên hiệp. Phân tích động lực, mục tiêu đại đoàn kết, đại thành công của cách mạng Việt Nam từ thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đến sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc.

Cuốn sách ***The Communist Party of Vietnam: Empowering National Progress***,

Institute of China and Contemporary Asia of the Russian Academy of Sciences (ICCA RAS), Faculty of Political Science VNU-University of Social Sciences and Humanities. (2022), *Moscow University Press*[126] đã hệ thống hóa và phân tích vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) trong quá trình đổi mới và phát triển của đất nước từ sau 1986 đến những năm gần đây. Một số các nội dung chính trong cuốn sách: Đảng là lực lượng lãnh đạo đề ra mọi chủ trương lớn — chính trị, kinh tế, xã hội, ngoại giao và được cụ thể hóa qua hệ thống nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội. Tư tưởng đổi mới linh hoạt: ĐCSVN đã điều chỉnh tư duy quản lý và chính sách để thích ứng với tốc độ biến đổi kinh tế mở cửa, hội nhập mà vẫn giữ mục tiêu định hướng XHCN. Kết hợp "sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại" tức là dựa vào truyền thống, bản sắc, nguồn lực nội lực, tinh thần đoàn kết dân tộc, trong khi tận dụng các kết nối quốc tế, hợp tác, công nghệ, tri thức. Đa chiều hóa khối lực lượng xã hội: không chỉ dựa vào giai cấp công – nông mà mở rộng sang trí thức, doanh nghiệp tư nhân, cộng đồng tôn giáo, dân tộc thiểu số, thanh niên để xây dựng "nền tảng xã hội rộng lớn". Thiết chế thực hiện: đặc biệt nhấn mạnh MTTQ và tổ chức đoàn thể ở cấp cơ sở là "cầu nối" giữa Đảng, nhà nước và nhân dân trong tuyên truyền, giám sát, vận động, thực hiện quyền làm chủ… Đổi mới phương thức lãnh đạo: tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình, giám sát nội bộ, ngoài bộ máy để ngăn ngừa tham nhũng và suy thoái nội bộ. Với những nội dung nổi bật và các điểm nhấn: Phân tích giữa ổn định chính trị và nhu cầu đổi mới được xử lý như thế nào trong quá trình lãnh đạo của Đảng. Vai trò của trí thức không chỉ là "cộng sự" mà là lực lượng quan trọng để làm cầu nối giữa nhà nước, xã hội, giữa truyền thống và hiện đại. Chính sách về dân tộc, tôn giáo, với luận giải rằng việc duy trì bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng tín ngưỡng là nhân tố thiết yếu để bảo đảm ổn định xã hội và củng cố lòng tin nhà nước. Hệ thống chính trị ở cơ sở, đặc biệt Mặt trận và tổ chức chính trị – xã hội cấp cơ sở, được xem là nơi "hiện thực hóa" các chủ trương đại đoàn kết và phát huy dân chủ. Phân tích mối quan hệ giữa chính sách đối ngoại, hội nhập quốc tế và tham vọng quốc gia: làm sao Việt Nam vừa giữ bản sắc, độc lập chủ quyền, vừa không tụt hậu trong xu hướng toàn cầu hóa.

Tích hợp lý luận và thực tiễn từ góc nhìn trong nước và quốc tế, giúp tôi hiểu sâu hơn về sự "đặc thù Việt Nam" trong mô hình Đảng lãnh đạo. Cung cấp những luận điểm để cải thiện và đánh giá chính sách "đại đoàn kết dân tộc" trong giai đoạn mới hữu ích cho các nghiên cứu về địa phương, dân tộc thiểu số, tôn giáo. Nhấn mạnh không chỉ đường lối mà cả thiết chế và cơ chế thực thi (Mặt trận, giám sát, phản hồi), một khía cạnh quan trọng nhưng thường ít được bàn ở các công trình khác.

Lại Quốc Khánh (2023) với bài viết ***"Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT trong sự nghiệp củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam hiện nay"***[51] cho rằng TTĐĐK của Hồ Chí Minh đã trở thành giá trị văn hoá - chính trị quý báu trong thời đại mới của nước ta. Việc tiếp tục nghiên cứu, vận dụng một cách sáng tạo TTHCM nhằm mục tiêu "khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh ĐĐKDT với sức mạnh thời đại"[51; tr.35] là vấn đề đang đặt ra hiện nay. Bài viết tập trung phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về tầm quan trọng của đại đoàn kết là gốc của cách mạng, là phương thức tập hợp lực lượng; là chiến lược hàng đầu của Đảng. Về đối tượng ĐĐKDT, Hồ Chí Minh đã nhận diện cộng đồng toàn dân tộc ở nhiều lát cắt phong phú, đa dạng, toàn diện, khoa học. Về nguyên tắc ĐĐKDT là cầu đồng, tồn dị làm điểm chung, tôn trọng cái khác biệt vì mục tiêu chung của dân tộc. ĐĐKDT theo TTHCM hướng tới cộng đồng gắn bó, thống nhất. Qua đó, khẳng định TTHCM về ĐĐKDT là quy luật chi phối sự tồn tại và phát triển của quốc gia – dân tộc Việt Nam; mở rộng tối đa khối ĐĐKDT; tiếp tục quán triệt nguyên tắc cầu đồng, tồn dị trong bối cảnh xã hội có sự phân hoá, phân tầng mạnh mẽ trong giai đoạn hiện nay; xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, xây dựng MTTQVN.

Tô Lâm (2025) với bài viết ***"Sức mạnh của đoàn kết"*** đã khẳng định giá trị và sức mạnh của đoàn kết, là yêu cầu đòi hỏi tất yếu của công cuộc đổi mới. Đoàn kết là nhân tố quyết định đến sự thành công của công cuộc đổi mới trong đó cải cách mạnh mẽ tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; sắp xếp lại đơn vị hành chính các cấp và triển khai vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp với mục tiêu tinh giản bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, quản trị nhà nước, đồng thời thực

hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ hơn cho địa phương; tổ chức lại không gian cho phát triển bền vững, để chính quyền gần dân, sát dân, vì dân, phục vụ nhân dân được tốt hơn. Tuy nhiên, để thực hiện thành công sự nghiệp cách mạng của dân tộc đòi hỏi cần phải phát huy cao độ sức mạnh đoàn kết của cả hệ thống chính trị, từ sự gương mẫu của cán bộ đảng viên, của cán bộ viên chức, sự thấu hiểu của nhân dân theo tinh thần *"trên dưới đồng lòng, dọc ngang thông suốt",* đấu tranh chống lại những tư tưởng bè phái, cục bộ, địa phương và sự xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch gây chia rẽ giữa Đảng, chính quyền với nhân dân. Với những giải pháp tác giả chỉ ra như những chỉ dẫn làm căn cứ quan trọng trong quá trình thực hiện và triển khai tinh gọn, vận hành mô hình chính quyền 2 cấp hiện nay "để hoàn thành nhiệm vụ đó, không có *"vũ khí"* nào lợi hại và hiệu quả hơn sự đồng tâm nhất trí của cả hệ thống chính trị và sự ủng hộ của toàn dân"[130]. Giữ gìn đoàn kết chính là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu – là điều kiện tiên quyết để mọi công việc cải cách khác diễn ra thuận lợi.

1.1.2. Nghiên cứu liên quan đến vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

Phùng Hữu Phú và cộng sự (1994) với công trình **"*Chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh*"**[90], đã tiếp cận và phân tích một cách có hệ thống, sâu sắc và khoa học chiến lược đại đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Công trình làm rõ giá trị lý luận và thực tiễn của chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh xuyên suốt từ quá trình hình thành tư tưởng, vai trò của đại đoàn kết trong cách mạng giải phóng dân tộc đến sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó, các tác giả đã luận giải tương đối toàn diện các khái niệm, phạm trù cơ bản của chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh; phân tích nội dung, nguyên tắc và phương pháp thực hiện đại đoàn kết; đồng thời chỉ ra những vấn đề kế thừa và phát triển chiến lược đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Những luận điểm và cách tiếp cận của công trình là cơ sở tham khảo quan trọng, gợi mở hướng nghiên cứu cho việc tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nói chung và trong thực tiễn các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng.

Trần Quang Nhiếp (2004) trong cuốn ***"Tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc"***[76], công trình tập trung làm rõ công tác tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, khẳng định đại đoàn kết dân tộc là động lực to lớn và bền vững của cách mạng Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả phân tích các quan điểm chỉ đạo, nội dung, giá trị cốt lõi và những yếu tố cấu thành sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, đồng thời đánh giá thực trạng công tác tuyên truyền tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong thực tiễn cách mạng Việt Nam, đặc biệt ở các vùng có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn. Công trình nhấn mạnh sức mạnh đoàn kết toàn dân là sự thống nhất giữa lợi ích và nghĩa vụ của cá nhân với cộng đồng, giữa các thế hệ và các bộ phận xã hội "Sức mạnh đoàn kết toàn dân là sức mạnh về vật chất và tinh thần của các tầng lớp, các thế hệ nhân dân được nhận thức và tổ chức lại trên cơ sở giác ngộ sâu sắc về sự thống nhất giữa quyền lợi và nghĩa vụ của cá nhân với cộng đồng; giữa bộ phận với đoàn thể; giữa quá khứ với hiện tại và tương lai" [76; tr.89]. Những luận điểm của công trình là cơ sở tham khảo quan trọng cho việc kế thừa và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong nghiên cứu của luận án.

Nguyễn Đức Ngọc (2007) với cuốn sách ***"Tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT và sự vận dụng của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay"***[80] tập trung phân tích cơ sở hình thành TTHCM về ĐĐKDT và sự vận dụng trong cách mạng Việt Nam. Những vấn đề cơ bản của TTHCM về đoàn kết dân tộc, quá trình vận dụng, phát triển tư tưởng đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam đặc biệt là trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH) đất nước để thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã đề ra. Những nội dung trên là cơ sở tham khảo quan trọng cho việc nghiên cứu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn hiện nay và đề xuất các giải pháp trong luận án.

Bùi Đình Phong (2007) với cuốn sách ***"Vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới"***[86] nhấn mạnh ĐĐKDT và tăng cường MTDTTN tại Đại hội VII đến Đại hội X của Đảng về mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Tác giả cho rằng

Đảng đang trở về với TTHCM "Rõ ràng là mọi vấn đề về ĐĐKDT và tăng cường MTDTTN mà Đảng ta nêu ra đều xuất phát từ tưởng lớn của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết"[86; tr.52]. Chiến lược nhằm thực hiện ĐĐKDT ở tầm cao mới và chiều sâu mới, tạo ra động lực mạnh mẽ trong sự phát triển của lịch sử dân tộc ta nhằm mục tiêu giữ vững mục tiêu độc lập, thống nhất chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ; sớm thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tiến lên xây dựng đất nước dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. "Xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự nghiệp hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ thế giới"[86; tr.53].

Nguyễn Huy Oánh (2007) với bài viết ***"Hồ Chí Minh với sự nghiệp phát triển kinh tế miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số"***[85] đã đi sâu phân tích sự quan tâm đặc biệt của Hồ Chí Minh đối với đồng bào các dân tộc thiểu số về mọi mặt của đời sống xã hội như kinh tế, văn hoá, giáo dục, đoàn kết các dân tộc. Sự quan tâm của Hồ Chí Minh xuất phát từ lòng yêu nước, thương dân; xuất phát tư tưởng ĐĐKDT; xuất phát từ yêu cầu giữ gìn an ninh, chính trị của đất nước; xuất phát từ sự đòi hỏi của sự phát triển kinh tế của vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Các quan điểm của Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế miền núi và chăm lo đời sống bà con dân tộc thiểu số nhằm nâng cao đời sống của đồng bào.

Phạm Văn Đức (2008) với bài viết ***"Vai trò và cơ sở của đoàn kết xã hội ở Việt Nam hiện nay"***[28] khái quát TTHCM, quan điểm của ĐCSVN về đoàn kết xã hội, cho rằng đoàn kết xã hội có vai trò động lực chủ yếu của đoàn kết xã hội trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cần sớm phát hiện mâu thuẫn và giải quyết mâu thuẫn trong xã hội mới giải quyết vấn đề sự đoàn kết và đồng thuận xã hội. Cơ sở của đoàn kết xã hội là giải quyết hài hoà các lợi ích "Đoàn kết xã hội là sự thống nhất của xã hội, là sự đồng thuận xã hội hay là sự thống nhất xã hội trong sự khác biệt" [28; tr.49]. Vì vậy, cần kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân với lợi ích xã hội tạo động lực cho sự phát triển theo nguyên tắc các bên cùng có lợi. Nguyên tắc này áp dụng trong việc thực hiện chính sách đối nội và đối ngoại của nước ta hiện nay.

Phạm Ngọc Anh (2009) với bài viết ***"Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận Dân tộc Thống nhất"***[1] nhấn mạnh vai trò của ĐĐK có ý nghĩa

chiến lược, quyết định sự thành công của cách mạng, là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, của dân tộc. Tác giả đã làm rõ nội dung của ĐĐKDT, khái niệm ĐĐKDT; MTDTTN; nguyên tắc hoạt động của MTDTTN. Bên cạnh đó, các bài viết khác tập trung vào việc khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc gồm nhiều tố chất: Dân tộc, nhân loại và thời đại hợp thành. Là vũ khí có sức mạnh làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam – coi đây là những yếu tố, sự khác biệt về cách thức tiếp cận, tập hợp lực lượng với các vị lãnh tụ dân tộc ở Châu Á như Xucácnô ở Inđônêxia, Găng - đi, Nê ru ở Ấn Độ. Tác giả Trần Minh Trưởng tiếp cận dưới góc độ tính dân tộc và tính nhân văn là hai yếu tố căn bản trong tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh. Tác giả Nguyễn Viết Vượng khẳng định một trong những nhân tố đảm bảo thắng lợi của cách mạng Việt Nam là tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc của Hồ Chí Minh - người khởi xướng, đã có công xây dựng và quy tụ và là linh hồn của khối ĐĐKDT. Tư tưởng đoàn kết được thấm sâu vào Cương lĩnh của ĐCSVN, thấm sâu vào tâm khảm và hành động của nhân dân để trở thành sức mạnh hiện thực trong thắng lợi của nhân dân ta. Tác giả đã đề cập đến một số nhược điểm trong tổ chức và hoạt động của MTDTTN cần được củng cố và hoàn thiện.

Nguyễn Thị Thanh (2009) bài viết ***"Xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X"*** [98] đi sâu phân tích kết quả, hạn chế trong triển khai và thực hiện xây dựng nhà nước nhà nước pháp quyền XHCN. Về mặt hạn chế như lúng túng trong công tác xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN; cải cách hành chính, tư pháp đạt được còn hạn chế; kết quả công tác phòng chống tham nhũng đạt được thấp, chưa đáp ứng với yêu cầu đề ra; nhiều nội dung trong chính sách về ĐĐKDT chưa được thực hiện đầy đủ. Công tác dân vận, phương thức hoạt động của MTTQ và các đoàn thể chính trị chưa có nhiều đổi mới. Tác giả đưa ra một số các giải pháp góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân cần tiếp tục được bổ sung và hoàn thiện trong tình hình mới.

Trần Hậu (2009) với bài viết ***"Góp phần tìm hiểu về phản biện xã hội"*** [38] đã làm rõ khái niệm, nội hàm, của phản biện xã hội trên 2 phương diện ưu điểm và

hạn chế, đưa ra các căn cứ để phân biệt phản biện khoa học và phản biện của người dân. Phân biệt sự khác nhau giữa phản biện xã hội với phản kháng xã hội là ở động cơ và phương thức tiến hành vì vậy, cần tỉnh táo và phát hiện sớm việc các thế lực thù địch lợi dụng phản biện xã hội để phản kháng xã hội. Việc cần thiết để đảm bảo quyền dân chủ để thực hiện phản biện xã hội là luôn giữ vững kỷ cương mới tạo nên sự đoàn kết, đồng thuận xã hội. Phản biện xã hội là hoạt động tiến bộ của dân chủ trong quá trình đổi mới ở Việt Nam và đó là trách nhiệm của MTTQVN – tổ chức duy nhất thực hiện phản biện xã hội.

Cao Thu Hằng (2015) với bài viết ***"Tăng cường đồng thuận xã hội ở Việt Nam hiện nay"***[35] khẳng định tầm quan trọng và phân tích những thành tựu của đồng thuận xã hội đối với sự phát triển của đất nước. Tác giả đề xuất giải pháp tăng cường sự đồng thuận xã hội ở nước ta hiện nay: phải giải quyết hài hoà các lợi ích, phát huy dân chủ XHCN và tăng cường đối thoại xã hội. Tuy không đề cập nhiều đến nội dung TTHCM về ĐĐKDT những tác giả của bài báo đã kế thừa TTHCM về nguyên tắc của ĐĐKDT và trên cơ sở những quan điểm của Đảng ta về sự đồng thuận xã hội.

Nguyễn Đình Hoà (2015) với bài viết ***"Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam"***[42] đã làm rõ nội dung TTHCM về đại đoàn kết dân tộc và các nguyên tắc cơ bản để xây dựng khối ĐĐKDT; sự vận dụng, phát triển một cách sáng tạo của ĐCSVN về ĐĐKDT trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Một là, đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng, là phương thức quy tụ, tập hợp sức mạnh tổng hợp của dân tộc hướng đến mục tiêu chung của dân tộc là xây dựng đất nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Hai là, nền tảng vững chắc của khối ĐĐKDT là liên minh công, nông, trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Ba là, thực hiện đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở những điểm chung, tương đồng của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

Nguyễn Văn Quang và các cộng sự (2016) với cuốn sách ***"Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc"***[93] đã tập trung vào nội dung: Cơ sở hình thành, nội

dung và vận dụng TTHCM về ĐĐKDT trong tình hình mới. Tập trung vào việc tổ chức, học tập, tuyên truyền TTHCM về ĐĐKDT đến từng đối tượng gồm Đảng, chính quyền các cấp, học sinh, sinh viên, công chức, lực lượng vũ trang một cách xuyên suốt, trong mọi giai đoạn, coi đó là chiến lược "một khâu quan trọng của quy trình vận dụng TTHCM về ĐĐKDT"[93; tr.87] nhằm phát huy những mặt tích cực, kịp thời phát hiện, ngăn chặn hạn chế, các mặt tiêu cực trong quá trình vận dụng TTHCM về ĐĐKDT. Đặc biệt nhấn mạnh việc giáo dục tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc là một nội dung nằm trong chương trình học phần TTHCM được giảng dạy trong các trường đại học, cao đẳng trên cả nước. Đối với các đồng bào dân tộc, giáo dân, các giới cần tuyên truyền cho họ về tư tưởng ĐĐKDT trong TTHCM thông qua các tổ chức, đoàn thể, chính quyền, tổ chức đảng. Tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu, bổ sung, phát triển TTHCM về ĐĐKDT, chủ động nghiên cứu làm sáng tỏ, nội dung, giá trị TTHCM về ĐĐKDT và dựa trên các quan điểm cơ bản: Dĩ bất biến, ứng vạn biến, nêu cao tinh thần tự tôn dân tộc… bổ sung và phát triển các quan điểm về xây dựng đoàn kết trong Đảng, nhà nước và đạo đức công dân của Hồ Chí Minh. Chăm lo đời sống của nhân dân và mở rộng phát huy dân chủ là vấn đề quyết định cho sự phát triển của đất nước trong tình hình mới, đặc biệt chú trọng phát triển kinh tế, văn hoá – xã hội. Đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hành động phá hoại khối ĐĐKDT của các thế lực thù địch trong tình hình mới tập trung trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hoá – xã hội, quốc phòng bảo vệ Tổ quốc. Những đóng góp mới của nhóm tác giả đã giúp tôi kế thừa nội dung vận dụng TTHCM về ĐĐKDT tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong thời kỳ mới.

Nguyễn Hữu Đồng (2016) với bài viết ***"Tư tưởng Hồ Chí Minh về ý Đảng – Lòng dân và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân hiện nay"***[25] đã làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa ý Đảng và lòng dân trong mối quan hệ biện chứng của quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập; mặt thống nhất là sự đồng thuận, đồng tình, đồng lòng của nhân dân; mặt đấu tranh là sự giải quyết những tồn tại, mâu thuẫn giữa Nhà nước với nhân dân trong việc ban hành và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Muốn tồn tại và phát triển thì ý Đảng

phải phù hợp với lòng dân trên cơ sở kế thừa TTHCM lấy dân làm gốc do đó, phải xây dựng niềm tin của nhân dân đối với Đảng là cơ sở, là nhiệm vụ hàng đầu, là nội lực để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc góp phần làm nên thắng lợi của công cuộc xây dựng đất nước. Tác giả đã đưa ra một số giải pháp đảm bảo sự đoàn kết, thống nhất giữa ý Đảng – lòng dân trong giai đoạn hiện nay.

Nguyễn Hồng Chuyên (2019) với cuốn ***"Học tập và làm theo những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân"***[12], phân tích nội dung cơ bản của việc học tập và làm theo những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng khối ĐĐKDT, xây dựng MTTQ và các đoàn thể nhân dân, đi sâu luận giải và cụ thể hoá từng chủ thể gồm MTTQ, tổ chức Công đoàn, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, HCCB, TNCS HCM, cán bộ đoàn viên, hội viên của Mặt trận trong việc học tập và làm theo tư tưởng đoàn kết Hồ Chí Minh. Từ đó, đề ra nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả học tập và làm theo lời dạy của Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng MTTQ và các đoàn thể nhân dân hiện nay. Cuốn sách giúp tác giả hiểu rõ hơn và kế thừa những nội dung phát huy vai trò của các chủ thể trong việc xây dựng khối đại đoàn kết hiện nay theo TTHCM.

Nguyen Van Dao (2020) với bài viết "***Ho Chi Minh's thought on Great National Unity and its Significance to the Current Policy of National Unity of the Communist Party of Vietnam***"[124] đã hệ thống hóa tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh và lý giải ý nghĩa đối với đường lối đoàn kết hiện nay của ĐCSVN. Tác giả nhấn mạnh: đại đoàn kết là chiến lược nhất quán, sống còn của cách mạng; lực lượng của khối đại đoàn kết là toàn dân, với liên minh công – nông – trí làm nền tảng; Mặt trận Dân tộc Thống nhất/MTTQ là hình thức tổ chức tập hợp rộng rãi dưới sự lãnh đạo của Đảng; quán triệt quan điểm "lấy dân làm gốc" để phát huy sức mạnh của "thế trận lòng dân" trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bài viết liên hệ triển khai đường lối trong thời kỳ đổi mới và trong ứng phó COVID-19, đồng thời khẳng định đại đoàn kết phải đi đôi với dân chủ XHCN, tôn trọng khác biệt không trái lợi ích chung và hài hòa lợi ích cá nhân – tập thể – xã hội. Nguyên tắc vận dụng hiện nay: Kiên định "lấy dân làm gốc", xây dựng thế trận lòng dân gắn với quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Phát triển KT-XH là trung tâm; chăm lo vùng khó khăn, dân tộc thiểu số; kết hợp phát triển với quốc phòng, an ninh. Thực hành dân chủ ở cơ sở (Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng). Củng cố MTTQ và các tổ chức đoàn thể; phát động phong trào thi đua yêu nước, tương trợ cộng đồng.

Hàm ý chính sách: Muốn khối đoàn kết bền vững phải tôn trọng lợi ích chính đáng của nhân dân, xử lý hiệu quả tham nhũng, suy thoái, bảo đảm công bằng xã hội, tăng cường đối thoại – đồng thuận. Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông – trí dưới sự lãnh đạo của Đảng là nguồn sức mạnh quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

Nguyễn Bá Quang (2020) với cuốn sách ***"Học tập và làm theo phong cách "Dân vận khéo" Hồ Chí Minh"***[91] đã bàn về "Dân vận khéo" theo TTHCM lý luận và thực tiễn. Làm rõ khái niệm "Dân vận khéo", phương thức, phong cách, hoạt động, những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh về dân vận khéo, tác giả đã đưa ra một số tiêu chí mô hình, điển hình và các tiêu chí đánh giá về "Dân vận khéo" ở một số địa phương như Thanh Hoá, Hà Nam, Yên Bái…. Tác giả đã làm rõ một số phương pháp và đề xuất nhằm hiện thực hoá tư tưởng "Dân vận khéo" của Chủ tịch Hồ Chí Minh và tập trung phân tích các tình huống về phong cách dân vận thông qua các trường hợp cụ thể. Cuốn sách là nguồn tư liệu giúp tôi bổ sung thêm nội dung nghiên cứu về lý luận trong quá trình làm luận án.

Nguyễn Linh Khiếu (2020) với đề tài ***"An ninh phi truyền thống ở vùng dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay: Thực trạng và giải pháp"***, Mã số 12.17/16-20 đã được triển khai trong khuôn khổ chương trình KHCN cấp quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 và cung cấp khối tư liệu quan trọng phục vụ hoạch định chính sách dân tộc trong bối cảnh mới. Về lý luận: Làm rõ các khái niệm: an ninh, an ninh truyền thống, an ninh phi truyền thống, vùng DTTS, phát triển bền vững vùng DTTS. Chỉ ra sự chồng lấn và chuyển hóa giữa ANPTT và an ninh truyền thống. Xây dựng khung lý thuyết nhận diện tác động của ANPTT lên kinh tế – xã hội vùng DTTS. Về thực tiễn, công trình khảo sát sâu các nhóm ANPTT: an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh chính trị, an ninh văn hóa – xã hội, an ninh môi trường – năng lượng, an ninh

tộc người. Kết quả cho thấy ANPTT đang tác động mạnh mẽ đến đời sống đồng bào, nhiều thách thức mang tính kéo dài, đa chiều, và liên kết chặt chẽ với nhau. Về dự báo và giải pháp: Tài liệu dự báo xu hướng gia tăng tác động ANPTT do: biến đổi khí hậu, bất bình đẳng phát triển, di cư và đô thị hóa, tội phạm xuyên biên giới, tác động của truyền thông số. Đề xuất hệ thống giải pháp gồm: Quan điểm chỉ đạo mang tính chiến lược, phương hướng ứng phó, hệ thống giải pháp trước mắt và lâu dài, yêu cầu hoàn thiện thể chế – chính sách về ANPTT vùng DTTS. Đối với nghiên cứu về đại đoàn kết dân tộc, phát triển bền vững vùng DTTS hay giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh, công trình này cung cấp: Nền tảng lý luận về ANPTT – một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới khối đại đoàn kết và phát triển vùng DTTS. Bức tranh toàn diện về thực trạng KT-XH vùng DTTS, phù hợp để tích hợp vào chương tổng quan hoặc chương thực trạng. Nguồn dữ liệu minh chứng cho phân tích thách thức phát triển và yêu cầu đổi mới chính sách dân tộc. Khung tiếp cận liên ngành giúp luận án xây dựng logic phân tích về các nguy cơ, thách thức và động lực phát triển vùng DTTS trong giai đoạn mới.

Trần Hậu (2022) với cuốn ***"Đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận Dân tộc Thống nhất, một số vấn đề Lý luận và thực tiễn"*** [36] đã bổ sung thêm cơ sở lý luận và thực tiễn về ĐĐKDT và MTDTTN trong thời kỳ mới – hoà bình, thống nhất, xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, xây dựng nhà nước pháp quyền, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Tác giả làm rõ nội dung về lý luận nghiên cứu về đại đoàn kết như đồng thuận xã hội, TTHCM về ĐĐKDT là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho xây dựng ĐĐKDT, bài học về ĐĐKDT được trình bày trong Cương lĩnh của Đảng. Những nghiên cứu trên làm tiền đề, cơ sở quan trọng trong nghiên cứu của tác giả về xây dựng và củng cố khối ĐĐKDT ở Việt Nam hiện nay, cụ thể như quan điểm về mục tiêu, phương hướng, giải pháp và vai trò về động lực của sự phát triển.

Trần Thị Minh Tuyết và cộng sự (2022) với cuốn sách ***"Giá trị và sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay"*** đã nhấn mạnh

giá trị TTHCM về đại đoàn kết là một vấn đề rất lớn trong TTHCM "Hồ Chí Minh đã nâng truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam thành chiến lược cách mạng" [112; tr.63] và chính sách dân tộc, nhất quán, "Hồ Chí Minh đã bổ sung vào lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề đại đoàn kết"[112; tr.64] đó là đại đoàn kết toàn dân tộc không phân biệt giai cấp, tầng lớp; có sự kết hợp hài hoà giữa tính giai cấp và tính dân tộc và đề ra hệ thống biện pháp để xây dựng khối đoàn kết toàn dân tộc, phải có lòng khoan dung, độ lượng với con người; xây dựng MTDTTN để tập hợp sức mạnh của dân tộc và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Đảng và Mặt trận và tiếp cận tính điều kiện trong quyền lãnh đạo của Đảng, trong khi các nhà kinh điển Mác xít lại nhấn mạnh tính tất yếu là yếu tố Hồ Chí Minh đã phát triển thêm. Những công trình nghiên cứu trên đã cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng, giúp nghiên cứu sinh có cách tiếp cận toàn diện và sâu sắc hơn đối với vấn đề vận dụng và giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, đồng thời là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích trong quá trình hoàn thiện luận án.

Trần Hậu với bài viết ***"Xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất theo tư tưởng Hồ Chí Minh"*** khẳng định sự khéo léo của Hồ Chí Minh trong giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp trong từng giai đoạn cách mạng. Tác giả đưa ra những bài học, những vấn đề bất cập, bức xúc trong công tác mặt trận hiện nay. Trong bài ***"Liên minh công - nông và MTDTTN – Một số vấn đề nhận thức và lịch sử"*** của Phùng Hữu Phú đã đề cập đến mối quan hệ biện chứng giữa liên minh công - nông và MTDTTN, vai trò của liên minh này trong mỗi thời kỳ, giai đoạn cách mạng và bài học hiện nay cần phát huy liên minh công – nông – trí thức đi đôi với việc phát huy vai trò của khối đoàn kết toàn dân, vai trò của MTTQ coi đó là chiến lược lâu dài. Ngoài ra, các bài viết của các nhà khoa học nghiên cứu về Hồ Chí Minh học về ĐĐKDT như: Sự ra đời của Mặt trận Việt Minh của Nguyễn Trọng Phúc, Mặt trận Việt Minh - kinh nghiệm quý báu để phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong cách mạng Việt Nam của Hoàng Trang. Bài viết ***"Kinh nghiệm Việt Minh nhìn từ phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á"*** của Vũ Dương Ninh bàn về vai trò lãnh đạo của Đảng trong mặt trận… đều khẳng định vai trò, tầm nhìn của Hồ Chí Minh trong việc

thành lập Mặt trận Việt Minh. Với những nội dung được đề cập trong cuốn sách này đã giúp cho tác giả kế thừa và hiểu sâu sắc hơn về nội dung TTHCM về ĐĐKDT, là tài liệu tham khảo hữu ích trong quá trình thực hiện luận án của mình.

Nguyễn Xuân Trung (2022) với cuốn sách ***"Giải quyết vấn đề dân tộc – tôn giáo ở Việt Nam hiện nay nhằm phát huy sức mạnh ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh"*** [110] đã đề cập đến TTHCM về giải quyết vấn đề dân tộc – tôn giáo nhằm phát huy sức mạnh ĐĐKDT, làm rõ các khái niệm dân tộc, tôn giáo; mối quan hệ biện chứng giữa dân tộc và tôn giáo và nội dung, giá trị lý luận, thực tiễn của TTHCM về vấn đề này. Vận dụng TTHCM vào giải quyết vấn đề dân tộc – tôn giáo và đề xuất các giải pháp nhằm phát huy sức mạnh ĐĐKDT ở Việt Nam hiện nay.

Đới Văn Tặng (2023) với cuốn sách ***"Mối quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện giám sát và phản biện xã hội - thực trạng, giải pháp"*** [97] đã tập trung luận giải vấn đề: Thứ nhất, những vấn đề lý luận về mối quan hệ giữa MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội. Nhóm tác giả đã đưa ra các khái niệm: MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, chức năng, nhiệm vụ, hệ thống tổ chức, nguyên tắc hoạt động; khái niệm giám sát, phản biện xã hội của MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội; khái niệm nội dung của mối quan hệ giữa MTTQVN với các tổ chức chính trị - xã hội. Thứ hai, phân tích thực trạng, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm được rút ra trong quá trình thực hiện, về mối quan hệ giữa MTTQVN với các tổ chức chính trị - xã hội. Thứ ba, đề xuất phương hướng, giải pháp đẩy mạnh mối quan hệ giữa MTTQVN với các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện xã hội. Nội dung của cuốn sách là tài liệu tham khảo hữu ích cho tôi để nghiên cứu nội dung nâng cao vai trò của nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội; MTTQ tại các địa phương trong công tác nâng cao chất lượng giám sát và phản biện xã hội trong tình hình mới.

Bùi Thanh Tuấn (2023) với bài viết về ***"Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc"*** [111] đã đi sâu phân tích tầm quan trọng của việc phát huy sức mạnh ĐĐKDT trong việc thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Tác giả

đã đi sâu phân tích một số nội dung về đại đoàn kết trong TTHCM, các quan điểm của Đảng ta về đại đoàn kết để thực hiện mục tiêu phát triển đất nước phồn vinh, tiến lên xây dựng đất nước theo con đường XHCN. Tác giả khẳng định cần nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của sức mạnh ĐĐKDT; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là tất yếu trước yêu cầu mới của đất nước. Tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm phát huy sức mạnh ĐĐKDT nhằm thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng.

Trinh Van Quyet (2024) với bài viết ***"Application of Ho Chi Minh's thought on "taking the people as the root" in building the "people's hearts and minds posture" consolidating national defense, and firmly protecting socialist Vietnam in new period***"[127] đã làm rõ quan điển của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về "lấy dân làm gốc" và "thế trận lòng dân" nền tảng và cơ sở để hình thành nghệ thuật chiến tranh nhân dân toàn diện, độc đáo và sáng tạo, góp phần trọng yếu vào việc phát huy tổng hợp sức mạnh toàn dân tộc để đánh bại mọi kẻ thù xâm lược và thể hiện đường lối, quan điểm đúng đắn, hướng về nhân dân; thắp dậy, quy tụ và phát huy sức mạnh của từng yếu tố để tạo nên "thế trận lòng dân", trở thành một trong những bí quyết của thắng lợi cách mạng Việt Nam. Tác giả cũng chỉ ra những hạn chế trong đó có nguyên nhân chủ quan là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa đôi khi, ở một số nơi, chưa được phát huy đầy đủ. Những hạn chế này gây bức xúc trong một bộ phận nhân dân, ảnh hưởng tiêu cực đến đồng thuận xã hội và làm suy yếu sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tác giả chỉ ra yêu cầu cấp bách là quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo tư tưởng "lấy dân làm gốc" của Hồ Chí Minh trong xây dựng, phát huy "thế trận lòng dân" và củng cố quốc phòng, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, tác giả nhấn mạnh các giải pháp như quán triệt, nâng cao nhận thức và vận dụng sáng tạo tư tưởng "lấy dân làm gốc" của Chủ tịch Hồ Chí Minh để xây dựng "thế trận lòng dân" vững chắc ở từng địa phương và trên phạm vi cả nước. Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức, cán bộ; đề ra đường lối cách mạng, quân sự, quốc phòng đúng đắn. Đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; không ngừng

nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, làm nòng cốt cho toàn dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Đào Thị Hoàn (2025) với bài viết ***"Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh nội sinh đưa đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên mới"***[143] đã khái quát nội dung TTHCM về đại đoàn kết dân tộc, phân tích những bối cảnh mới, yêu cầu mới trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Tác giả đã đưa ra 4 quan điểm, 07 nhóm giải pháp nhằm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và nhóm giải pháp cụ thể theo Nghị quyết số 43-NQ/TW tiếp tục xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Bài viết là những gợi ý quan trọng trong quá trình nghiên cứu về sự vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

1.1.3. Nghiên cứu về sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh miền núi hiện nay

Nguyễn Hữu Dũng – Lê Mậu Nhiệm (2002) với cuốn sách ***"Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với xây dựng khối đại đoàn kết trong tình hình mới"***[14] đã tập trung vào nghiên cứu cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn và nội dung về phát huy vai trò của MTTQVN trong xây dựng khối ĐĐKDT trong tình hình mới. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn góp phần làm sáng tỏ nội dung vai trò cụ thể của MTTQVN trong việc xây dựng khối ĐĐKDT như tham gia xây dựng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phát huy tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, lấy mục tiêu xây dựng đất nước làm tương đồng để tập hợp xây dựng khối ĐĐKDT; tuyên truyền, tập hợp đoàn kết nhân dân thông qua các cuộc vận động và phong trào thi đua yêu nước; tập hợp phản ánh các ý kiến, kiến nghị, nguyện vọng của nhân dân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; phát huy vai trò của các cá nhân tiêu biểu trong các giai - tầng xã hội, các dân tộc, tôn giáo người Việt Nam sinh sống tại nước ngoài. Thêm vào đó, các tác giả tập trung đánh giá ưu điểm,

hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong việc phát huy vai trò của MTTQVN đối với xây dựng khối ĐĐK toàn dân tộc. Qua đó, đề xuất một số kinh nghiệm được rút ra từ thực trạng phát huy vai trò của MTTQVN với việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời gian qua.

Mặc dù chưa đề cập trực tiếp và có hệ thống đến việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, cuốn sách vẫn cung cấp những luận cứ quan trọng làm rõ vai trò của MTTQVN trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới, qua đó hỗ trợ tác giả trong quá trình nghiên cứu.

Học viện Chính trị Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2004) với cuốn sách ***"Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết với vấn đề phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong thời kì mới"***[45] là tập hợp các bài viết của các nhà khoa học gồm các bài viết về vấn đề chung về TTHCM về ĐĐK với nhiều cách tiếp cận, ở nhiều khía cạnh khác nhau. Đáng chú ý có các bài viết liên quan đến nội dung của luận án như: Vận dụng TTHCM về vấn đề dân tộc và miền núi vào việc thực hiện chính sách dân tộc hiện nay nhấn mạnh ĐĐKDT là để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; vấn đề dân tộc và miền núi thực sự có vị trí chiến lược quan trọng về an ninh quốc phòng, về kinh tế, môi trường. Dân tộc và miền núi có bản sắc văn hoá dân tộc riêng. Tác giả chỉ ra những mặt tích cực, hạn chế của vấn đề này và đề xuất các giải pháp nhằm phát huy sức mạnh ĐĐKDT hiện nay. Ngoài ra, một số bài viết về chính sách dân tộc, phương pháp tuyên truyền, vận động thực hiện đoàn kết đồng bào các dân tộc thiểu số nói chung và Tây Nguyên nói riêng. Tuy nhiên, các bài viết này chủ yếu mới dừng lại ở việc tiếp cận nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc ở bình diện khái quát, chưa gắn với việc khảo sát, điều tra thực tiễn quá trình vận dụng. Dù vậy, đây vẫn là nguồn tư liệu tham khảo có giá trị, góp phần hỗ trợ tác giả trong quá trình nghiên cứu.

Một số bài viết liên quan đến vấn đề đoàn kết tôn giáo như: phát huy giá trị đạo đức tôn giáo, tìm hiểu phương pháp đoàn kết tôn giáo; vấn đề tôn giáo và Bác Hồ với tôn giáo… Cuốn sách là công trình nghiên cứu công phu của tập thể các tác giả, là tài liệu tham khảo cho tôi trong quá trình nghiên cứu chương lý luận và thực trạng

về vấn đề vận dụng TTHCM trong xây dựng khối ĐĐKDT tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong thời kỳ mới.

Lê Ngọc Thắng (2005) với cuốn sách ***"Hồ Chí Minh với vấn đề đoàn kết các dân tộc"***[102] đã phân tích, làm rõ nội dung TTHCM về đoàn kết các dân tộc; khái niệm ĐĐKDT thể hiện ở hai nội dung: "Đoàn kết dân tộc trên phạm vi quốc tế (nation); Đoàn kết các thành phần tộc người trong quốc gia có nhiều tộc người (ethnic)"[102; tr.72-73]; tác giả tập trung đi sâu phân tích ĐĐKDT vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc; đoàn kết dân tộc để xây dựng và phát triển đất nước. Tác giả đi sâu phân tích sự đoàn kết của các dân tộc, đồng bào các dân tộc thiểu số, vai trò của họ trong cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Phân tích nội dung vận dụng TTHCM về đoàn kết các dân tộc trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước như: Cần nâng cao nhận thức, quan điểm về vấn đề dân tộc và công tác dân tộc; nâng cao chất lượng hoạch định và thực hiện chính sách dân tộc; phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống của đồng bào các dân tộc; đào tạo hiệu quả cán bộ người dân tộc thiểu số; thực hiện việc quy hoạch, đào tạo nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số và miền núi; nâng cao vai trò của MTTQVN và các đoàn thể nhân dân, thực hiện quy chế dân chủ trong thực hiện chính sách dân tộc; tăng cường hợp tác hữu nghị với các quốc gia láng giềng. Cuốn sách là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị, trong đó tác giả tiếp cận và phân tích vấn đề đoàn kết các dân tộc một cách hệ thống, rõ ràng và mạch lạc, đồng thời đề xuất những giải pháp có cơ sở lý luận và thực tiễn đối với vấn đề này.

Văn Thị Thanh Mai (2009) với bài viết ***"Hồ Chí Minh với vấn đề đoàn kết đồng bào các dân tộc thiểu số"***[53] đã đi sâu phân tích vai trò của Hồ Chí Minh trong việc quy tụ, tập hợp sức mạnh đoàn kết các dân tộc thiểu số trong quá trình tham gia cách mạng chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ hòng đập tan âm mưu chia rẽ đồng bào dân tộc thiểu số với dân tộc đa số qua việc nghiên cứu tìm hiểu các bài nói, bài viết Hồ Chí Minh. Vai trò, đóng góp to lớn của đồng bào, dân tộc thiểu số trong cuộc kháng chiến, giải phóng dân tộc nhiều nơi đã trở thành cái nôi của cách mạng như Cao Bằng, Thái Nguyên…Tác giả đã phân tích cơ sở cho đoàn kết các dân tộc thiểu

số đoàn kết chặt chẽ trên cơ sở bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ lẫn nhau, xoá bỏ thành kiến, mặc cảm, xây dựng các chính sách phù hợp để giúp đỡ đồng bào; thực hiện đào tạo nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khuyến khích đồng bào tự vươn lên phát triển kinh tế… thực hiện đại đoàn kết các dân tộc là cơ sở chiến thắng mọi khó khăn, gian khổ và xây dựng đất nước Việt Nam thống nhất, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trần Thanh Pôn (2010) với cuốn sách ***"Học tập tấm gương đạo đức và tư tưởng Hồ Chí Minh về chính sách đoàn kết dân tộc"***[88] đã đề cập đến nội dung cội nguồn chính sách đại đoàn kết trong TTHCM; những ngày đầu về nước hoạt động cách mạng, sự tập hợp các nhân sĩ, trí thức, các dân tộc các đảng phái để xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; đồng tâm hiệp lực đoàn kết để đưa cuộc kháng chiến chống Pháp, đoàn kết trong thời kỳ đất nước bị chia cắt làm 2 miền và thực hiện tinh thần đoàn kết để thống nhất nước nhà. Đồng thời nhấn mạnh nội dung đồng bào các dân tộc Khmer Nam Bộ và nhân dân kính yêu Bác Hồ. Phần cuối của cuốn sách tác giả đề cập đến việc học tập tấm gương đạo đức và TTHCM về chính sách ĐĐKDT. Cuốn sách bước đầu phân tích chính sách đại đoàn kết trong TTHCM.

Trần Thị Mỹ Hường (2012) với luận án tiến sĩ ***"Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thực hiện chính sách dân tộc ở một số tỉnh Tây Bắc từ năm 1996 đến năm 2006"***[49] tiếp cận dưới góc độ chuyên ngành Lịch sử Đảng đã tập trung làm rõ nội dung, phương thức lãnh đạo trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng ở một số tỉnh Tây Bắc từ năm 1996 đến năm 2006. Sự chủ động, sáng tạo của các tỉnh ở Tây Bắc trong quá trình vận dụng chính sách dân tộc vào từng địa phương cụ thể nhằm góp phần đánh bại âm mưu của các thế lực thù địch, xây dựng vững chắc khối ĐĐKDT.

Nguyễn Đình Minh (2016) với cuốn ***"Đoàn kết dân tộc ở Việt Nam"***[74] đã đề cập đến các giá trị truyền thống đoàn kết dân tộc qua việc đi sâu phân cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, thực tiễn của đường lối, chính sách đoàn kết dân tộc của ĐCSVN, TTHCM. Quan điểm, phương hướng và một số bài học kinh nghiệm trong xây dựng khối ĐĐKDT trong quá trình cách mạng Việt Nam. Tác giả đi sâu phân

tích vai trò và giải pháp của quân đội nhân dân góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Cuốn sách này giúp tôi tiếp cận đầy đủ hơn về ĐĐK các dân tộc trong đó có đoàn kết các dân tộc thiểu số nói chung và các dân tộc thiểu số ở miền Bắc nói riêng.

Dương Văn Mạnh (2017), với luận án tiến sĩ ***"Vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Bắc hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh (Qua thực tế ở Sơn La)"*** đã tập trung phân tích cơ sở hình thành và nội dung chính TTHCM về đại đoàn kết các dân tộc; thực chất của việc vận dụng TTHCM trong xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Bắc hiện nay. Luận án đã phân tích thực trạng và những vấn đề đặt ra trong xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Bắc hiện nay theo TTHCM (qua thực tế ở Sơn La). Nêu quan điểm và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Bắc hiện nay theo TTHCM, cụ thể tại tỉnh Sơn La. Luận án là tài liệu tham khảo hữu ích đối với tôi trong quá trình nghiên cứu kế thừa cách thức tiếp cận và một số nội dung trong quá trình làm luận án của mình để luận giải vấn đề vận dụng TTHCM để xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh khác thuộc Tây Bắc.

Vũ Thiên Bình (2020) với cuốn sách ***"Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"***[8] đã tập hợp các bài viết TTHCM về ĐĐKDT: làm rõ nội dung giá trị TTHCM về ĐĐKDT; về liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức Việt Nam; về phát triển đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; đoàn kết tôn giáo, ứng xử của Hồ Chí Minh với tôn giáo…Với nội dung củng cố vững chắc, phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT theo TTHCM trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN nhiều bài viết tập trung luận giải các vấn đề phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT theo TTHCM trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong điều kiện hiện nay, sự phát triển của đất nước, hạnh phúc của nhân dân và một số giải pháp nhằm tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới. Sự vận dụng TTHCM trong việc tăng cường khối ĐĐKDT, đoàn kết quốc tế hiện nay. Khẳng định giá trị TTHCM về ĐĐKDT góp phần làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong các cuộc kháng

chiến, truyền thống đoàn kết tiếp tục được mở rộng và phát huy. Củng cố khối ĐĐKDT như kinh tế ổn định và tăng trưởng, vai trò của MTTQ ngày càng được tăng cường nhằm góp phần tăng cường sự đồng thuận xã hội, giám sát và phản biện xã hội, chủ quyền quốc gia giữ vững, vị thế và uy tín của Việt Nam được tăng cường. Tác giả cũng chỉ ra những mặt hạn chế của công tác mặt trận như về nội dung và phương thức vận động, tập hợp khối ĐĐKDT còn hạn chế. Đáng chú ý có bài viết của Phan Văn Giang về tư duy mới về ĐĐKDT, xây dựng "thế trận lòng dân" vững chắc theo Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, tác giả nhấn mạnh tư duy mới của Đảng về ĐĐKDT là phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân gắn với việc tăng cường các tiềm lực trên mọi phương diện của đời sống xã hội và mối quan hệ biện chứng giữa đại đoàn kết toàn dân tộc việc hiện thực hoá các tiềm lực này trên cơ sở phát huy sức mạnh của toàn thể dân tộc.

Phạm Văn Hoà và cộng sự (2020) với cuốn sách ***"Xây dựng tình đoàn kết giữa Việt Nam với các nước láng giềng theo tư tưởng Hồ Chí Minh***"[44] tập trung luận giải về TTHCM với việc xây dựng và phát triển tạo quan hệ với các nước láng giềng, sự vận dụng và phát triển TTHCM vào xây dựng tình đoàn kết giữa Việt Nam với các nước láng giềng (Lào, Campuchia, Trung Quốc) trong thời kỳ đổi mới và phân tích các vấn đề đặt ra và kiến nghị nhằm củng cố và phát triển quan hệ Việt Nam với các nước láng giềng. Một trong những nội dung đáng chú ý là vai trò của các nước láng giềng Trung Quốc và Lào; xây dựng và phát triển quan hệ Việt Nam – Trung Quốc, Việt Nam - Lào được Hồ Chí Minh xây dựng tình đoàn kết, sự giúp đỡ của các nước láng giềng và những nhà cách mạng tiền bối hoạt động, xây dựng căn cứ, địa bàn gây dựng các tổ chức cách mạng, huấn luyện cán bộ. Vấn đề đoàn kết giữa Việt Nam - Trung Quốc; Việt Nam - Lào trong các lĩnh vực như chính trị - đối ngoại; về vấn đề biên giới, lãnh thổ giữa 2 nước; về quan hệ hợp tác kinh tế; về hợp tác an ninh – quốc phòng. Các tỉnh biên giới là địa bàn chiến lược có vị trí quan trọng trong việc tăng cường và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc tại các

tỉnh miền núi biên giới phía Bắc theo TTHCM trong giai đoạn hiện nay – một nội dung cơ bản trong luận án của tôi.

Nguyễn Thị Kim Hoa, Mai Linh và Nguyễn Thị Vĩnh Hà (2021) với cuốn sách ***"Tác động của phân tầng xã hội đến ổn định và phát triển vùng dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay"***[41] đã nghiên cứu về vấn đề sau: Thứ nhất, tập trung luận giải về cơ sở lý luận và thực tiễn tác động của sự phân tầng xã hội đến ổn định và phát triển vùng dân tộc thiểu số từ năm 1986 đến nay. Thứ hai, phân tích thực trạng phân tầng xã hội và những tác động của phân tầng xã hội ở vùng dân tộc thiểu số từ năm 1986 đến nay. Thứ ba, đề xuất các giải pháp ứng phó các tác động của phân tầng xã hội đến ổn định và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Những con số thống kê và cách tiếp cận về từ góc nhìn xã hội học về vấn đề này giúp tác giả có hiểu biết về thực trạng của việc phân tầng xã hội và những tác động của nó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại miền núi phía Bắc trong giai đoạn hiện nay. Số liệu thống kê và khảo sát của luận án chủ yếu được thu thập tại một số tỉnh miền núi phía Bắc như Hòa Bình, Sơn La và Quảng Ninh; các địa phương còn lại trong khu vực cần được tiếp tục bổ sung và nghiên cứu trong những nghiên cứu tiếp theo.

Nguyễn Phú Trọng (2023) với cuốn sách ***"Phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc"*** [107] thể hiện sự quan tâm, tâm huyết, tư duy nhất quán của người đứng đầu Đảng ta về vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc, về vận dụng truyền thống ĐĐKDT trong thời kì mới. Khẳng định ĐĐKDT là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong mọi thời kì. Thứ nhất, tác giả tập trung luận giải vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc là sức mạnh nội sinh, là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thứ hai, tập trung các nội dung phát huy vai trò nòng cốt chính trị của MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội phát triển của đất nước. Thứ ba, phát huy vai trò của các tầng lớp nhân dân, các địa phương; đóng góp nhiều hơn nữa cho

công cuộc đổi mới đất nước. Cuốn sách chứa đựng những nội dung đặc sắc, giúp cho tác giả có cách tiếp cận mới về những chính sách, giải pháp, nội dung mới về vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc, là tài liệu tham khảo hữu ích cho tác giả trong quá trình làm luận án.

Lã Trọng Đại (2024) với luận án tiến sĩ ***"Tác động của phân hoá giàu - nghèo đến xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam hiện nay"***[15] đã đi sâu phân tích lý luận và thực tiễn của vấn đề phân hoá giàu – nghèo đến xây dựng khối ĐĐKTDT ở nước ta hiện nay. Những tác động tích cực và tiêu cực của phân hoá giàu – nghèo đến vấn đề ĐĐKTDT và phân tích những bất cập cần phải giải quyết trước vấn đề phân hoá giàu nghèo ở nước ta hiện nay. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất hệ thống giải pháp nhằm phát huy tác động tích cực; hạn chế những tác động tiêu cực của phân hoá giàu – nghèo đến xây dựng khối ĐĐKTDT ở nước ta hiện nay. Qua việc nghiên cứu luận án này đã giúp cho tác giả có cách tiếp cận đầy đủ hơn vấn đề xây dựng khối ĐĐKTDT tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới giải quyết. Vì vậy, tài liệu này rất hữu ích cho tác giả có thể kế thừa một số nội dung nghiên cứu của luận án để hoàn thiện vấn đề nghiên cứu của mình.

1.2. Kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố và những vấn đề đặt ra đối với luận án

1.2.1. Những kết quả đạt được của các công trình nghiên cứu

Nghiên cứu về truyền thống đoàn kết, tư tưởng đại đoàn kết nói chung; TTHCM về ĐĐKDT và sự vận dụng ở nước ta hiện nay là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong giai đoạn hiện nay nhằm góp phần củng cố, bổ sung và phát triển lý luận của Hồ Chí Minh về ĐĐKDT phù hợp với tình hình, điều kiện, bối cảnh mới của đất nước hiện nay. Vì vậy, đây là một chủ đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, thu hút sự quan tâm nghiên cứu của các nhà khoa học, đồng thời được các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp chú trọng chỉ đạo, tiếp tục được tìm hiểu, nghiên cứu, luận giải và tiếp cận một cách hệ thống, đa chiều dưới nhiều góc độ khác nhau.

Việc nghiên cứu, tổng hợp các các công trình liên quan đến hướng nghiên cứu của luận án là việc làm hết sức quan trọng giúp cho cho tác giả hệ thống những

công trình nghiên cứu đã công bố của các nhà khoa học một cách chi tiết, cụ thể, tìm ra khoảng trống cần tiếp tục bổ sung, nghiên cứu đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn về sự vận dụng, phát triển TTHCM về ĐĐKDT nói chung và xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng.

1.2.1.1. Những kết quả đạt được trong các công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

Qua việc tổng quan các tài liệu đã công bố, hầu hết các tác giả đều khẳng định ý nghĩa, giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh, quyết định thành công của các mạng Việt Nam trong cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội, thời kì đổi mới và trong cả hôm nay và mai sau. Các công trình nghiên cứu đã làm sáng tỏ những khía cạnh sau:

Một là, các công trình nghiên cứu đã làm sáng tỏ và thống nhất về nguồn gốc hình thành TTHCM về ĐĐKDT đó là: Chủ nghĩa yêu nước là cội nguồn sức mạnh của dân tộc Việt Nam; kế thừa và phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn cuộc đấu tranh cách mạng ở Việt Nam là cơ sở quyết định hình thành và phát triển tư tưởng ĐĐKDT của Hồ Chí Minh; Người đã nâng tầm, kế thừa, bổ sung và phát triển tư tưởng đoàn kết dân tộc lên tầm cao mới trên cơ sở kế thừa, tiếp thu giá trị truyền thống đoàn kết của dân tộc trong bối cảnh đất nước bị xâm lăng.

Hai là, các công trình nghiên cứu làm rõ các khái niệm về ĐĐKDT theo TTHCM, vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc và các khái niệm khác có liên quan như dân tộc, đoàn kết, MTDTTN, dân, dân chủ, dân vận, nhân dân, giám sát và phản biện xã hội, đoàn kết xã hội; mối quan hệ giữa đoàn kết dân tộc với đoàn kết tôn giáo; Mặt trận Dân tộc Thống nhất.

Ba là, các công trình nghiên cứu đã hệ thống, phân tích và làm rõ những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về ĐĐKDT như: Vị trí, vai trò, nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức và tập hợp lực lượng của ĐĐKDT; khẳng định đại đoàn kết là chiến lược nhất quán, lâu dài, là nhân tố quan trọng quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong cách mạng giải phóng dân tộc, cách mạng dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. ĐĐKDT là mục tiêu là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng,

của dân tộc. Hồ Chí Minh là hiện thân của tấm gương ĐĐKDT; Các công trình đi sâu, phân tích, luận giải về phương pháp, nguyên tắc đại đoàn kết toàn dân tộc. Cách thức tập hợp lực lượng vô cùng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh đó là MTDTTN là tổ chức tập hợp lực lượng đông đảo nhân dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, giai cấp, tôn giáo, giàu nghèo, quý tiện. Dù cho tên gọi và nhiệm vụ ở mỗi thời kì khác nhau xong đều có mục đích chung là vì sự phát triển của dân tộc, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Nguyên tắc của hoạt động và xây dựng của MTDTTN là phải xây dựng trên nền tảng khối liên minh công – nông – trí thức, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và trên cơ sở vì quyền lợi, lợi ích tối cao của dân tộc và nhân dân; phải dựa trên nguyên tắc hiệp thương dân chủ đảm bảo đoàn kết ngày càng rộng rãi và bền vững; phải thật sự chân thành, lâu dài, chặt chẽ, thân ái và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trên tinh thần thần quốc tế trong sáng, tôn trọng và ủng hộ lẫn nhau, không can thiệp vào nội bộ của nhau. Bàn về công tác dân vận, các tác giả khẳng định công tác dân vận là công tác có ý nghĩa quan trọng trong việc tập hợp đoàn kết dân tộc, góp phần quan trọng trong thành công của chiến lược đại đoàn kết dân tộc.

Bốn là, các công trình nghiên cứu khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tập hợp và đưa ra các chiến lược tập hợp đại đoàn kết toàn dân tộc góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong mọi giai đoạn. ĐCSVN vừa là thành viên của MTDTTN, vừa là lực lượng lãnh đạo. Đoàn kết trong Đảng là vấn đề cốt lõi, là nhân tố quyết định đến thắng lợi của cách mạng. Tư tưởng ĐĐKDT của Hồ Chí Minh trở thành chiến lược lâu dài; quyết định sự thắng lợi của cách mạng từ cách mạng giải phóng dân tộc đến thời kì đổi mới đất nước hiện nay. Khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng ta trong công cuộc vận động, tập hợp quần chúng, đoàn kết nhân dân trong cách mạng giải phóng dân tộc đến thực hiện khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Năm là, các công trình nghiên cứu đều khẳng định ý nghĩa, giá trị lý luận, giá trị thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội, thời kì đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại

hóa đất nước.

1.2.1.2. Những kết quả đạt được trong các công trình nghiên cứu về vận dụng tư tưởng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

Trong quá trình tổng quan về những công trình nghiên cứu về sự vận dụng TTHCM về ĐĐKDT trong giai đoạn hiện nay, các công trình nghiên cứu đã chỉ ra các nội dung sau:

Một là, các công trình đã chỉ ra tầm quan trọng, tính tất yếu khách quan của quá trình tiếp tục nghiên cứu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT trong tình hình mới của đất nước, đại đoàn kết toàn dân tộc là yếu tố quyết định sự thành công của công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay.

Hai là, các công trình nghiên cứu đã đề cập đến nội dung tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT trong giai đoạn hiện nay ở từng địa phương như Sơn La hay khu vực cụ thể, ở khu vực khác nhau như Đồng bằng Sông Cửu Long, Tây Bắc, Tây Nguyên…

Ba là, từ việc nghiên cứu nội dung về tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, các tác giả đã đề xuất các nội dung, giải pháp nhằm tăng cường, củng cố khối ĐĐKDT nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Bốn là, các công trình nghiên cứu về vận dụng TTHCM dưới giác độ lịch sử Đảng, Triết học, CNXHKH là chủ yếu; bên cạnh đó có một số ít công trình nghiên cứu về sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT dưới góc độ chính trị học và Hồ Chí Minh học…

Năm là, một số công trình nghiên cứu về tiếp tục vận dụng TTHCM trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, phân tích những bối cảnh mới, tình hình mới trong thực hiện chuyển đổi số, đổi mới, sáng tạo, cải cách, tính gọn, sắp xếp bộ máy nhà nước, vận hành chính quyền 2 cấp ở Việt Nam hiện nay.

Bên cạnh đó có những nghiên cứu chỉ ra vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc thực hiện ĐĐKDT theo từng giai đoạn cụ thể.

1.2.2. Những khoảng trống trong nghiên cứu và những vấn đề đặt ra đối với luận án

Qua tổng quan các tài liệu liên quan đến các chủ đề đại đoàn kết và vận dụng TTHCM về ĐĐKDT đã có rất nhiều các công trình, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, các nhà lãnh đạo Đảng và nhà nước quan tâm, đề cập đến với cái nhìn đa chiều, nội dung phong phú, có giá trị khoa học, giá trị vận dụng và thực tiễn cao. Tuy nhiên, tác giả chưa thấy công trình nào nghiên cứu chi tiết sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT trong xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới một cách có hệ thống, toàn diện và đầy đủ. Vì vậy, luận án sẽ tiếp tục làm rõ các nội dung sau:

Một là, luận án tập trung làm rõ khái niệm có liên quan đến nội dung nghiên cứu như khái niệm đoàn kết, khái niệm dân tộc; ĐĐKDT theo TTHCM; Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh; vận dụng TTHCM về ĐĐKDT trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Mặc dù có nhiều công trình đã bàn về vấn đề này, tuy nhiên cần tiếp cận các khái niệm này dưới góc độ chuyên ngành Hồ Chí Minh học, thuộc ngành Chính trị học.

Hai là, tiếp tục nghiên cứu, làm rõ nội dung TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc theo cách tiếp cận chuyên ngành Hồ Chí Minh học. Luận án tập trung làm rõ giá trị vận dụng, ý nghĩa lý luận và ý nghĩa giá trị thực tiễn của TTHCM trong giai đoạn hiện nay theo cách tiếp cận mới. Mặc dù có nhiều công trình nghiên cứu về giá trị TTHCM về ĐĐKDT, tuy nhiên, nhiều học giả đã đi sâu, phân tích làm rõ giá trị TTHCM về ĐĐKDT theo một hệ thống hoàn chỉnh, đầy đủ, khoa học giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra hiện nay. Điều đó có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng khung lý thuyết cho việc nghiên cứu sự vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới. Chỉ rõ những giá trị, ý nghĩa của những nội dung nào có giá trị vận dụng trong tình hình mới.

Ba là, luận án tập trung nghiên cứu, bổ sung và làm rõ cơ sở thực tiễn, bối cảnh mới của đất nước và thời đại, cùng những điều kiện kinh tế – xã hội đặc thù của các tỉnh miền núi phía Bắc, qua đó góp phần bảo đảm việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí

Minh về đại đoàn kết dân tộc được triển khai một cách phù hợp, sát thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển hiện nay và giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra đối với đất nước và địa phương.

Từ kỷ nguyên độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội (1930–1975) đến kỷ nguyên thống nhất đất nước, đổi mới và phát triển (1975–2025) và hiện nay là kỷ nguyên vươn mình của dân tộc khởi đầu từ Đại hội lần thứ XIV của Đảng, đất nước ta đã và đang chứng kiến nhiều chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện.

Những chuyển biến đó thể hiện rõ qua việc đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; cải cách sâu rộng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; sắp xếp lại đơn vị hành chính các cấp và triển khai vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và quản trị nhà nước.

Đồng thời, quá trình này gắn với việc thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ hơn cho địa phương; tổ chức lại không gian phát triển theo hướng bền vững, bảo đảm chính quyền gần dân, sát dân, vì dân, phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn; phân định rõ thẩm quyền và trao quyền chủ động lớn hơn cho chính quyền địa phương nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo và phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

Trong bối cảnh đó, việc phân tích các yếu tố tác động đến khối đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh giáp biên giới, miền núi phía Bắc – nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống – có ý nghĩa quan trọng, nhằm nghiên cứu và vận dụng có hiệu quả tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, gắn với ổn định chính trị – xã hội và phát triển toàn diện đời sống của đồng bào và nhân dân các địa phương này.

Bốn là, luận án nghiên cứu, đánh giá thực trạng vận dụng tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh trong việc xây dựng khối ĐĐKDT tại các tỉnh miền núi phía Bắc, tại các tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang nay là tỉnh Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng, Quảng Ninh trong thời kỳ mới (giai đoạn từ năm 2010 đến 2025). Từ đó chỉ ra những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân của việc vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh này. Luận án phân tích, luận giải một số vấn đề đặt ra cần phải giải quyết từ thực trạng vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc đối với các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới. Đây là cơ sở quan trọng là căn cứ để nghiên cứu sinh

có thể xây dựng các yêu cầu, quan điểm và giải pháp tiếp tục vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc sát với thực tiễn tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

Năm là, luận án đi sâu làm rõ tình hình mới đối với việc tiếp tục vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc và nghiên cứu những quan điểm, đề xuất giải pháp nhằm tiếp tục vận dụng có hiệu quả TTHCM về ĐĐKDT trong tình hình mới tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Tiểu kết chương 1

Các công trình khoa học đã công bố về TTHCM về đại đoàn kết dân tộc tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, tạo nên nền tảng tri thức phong phú và đa chiều. Những nghiên cứu này góp phần làm rõ nội dung cốt lõi của tư tưởng đại đoàn kết dân tộc và quá trình vận dụng TTHCM tại một số vùng, địa phương cụ thể.

Quá trình khảo cứu cho thấy hệ tri thức hiện có vẫn tồn tại những khoảng trống nhất định, nổi bật là sự thiếu vắng các công trình nghiên cứu chuyên sâu tiếp cận từ góc độ Chính trị học và Hồ Chí Minh học về việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới. Cho đến nay, chưa có nhiều nghiên cứu phân tích một cách hệ thống, toàn diện và xuyên suốt từ lý luận đến thực tiễn nhằm soi chiếu đầy đủ quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong bối cảnh mới. Mặc dù đã xuất hiện nhiều công trình đề cập đến tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, song phần lớn mới dừng lại ở việc tiếp cận từng khía cạnh riêng lẻ, chưa xây dựng được một cấu trúc lý luận có tính chỉnh thể, logic và chiều sâu cần thiết để hình thành một khung phân tích thống nhất về vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới. Đáng chú ý, các nghiên cứu trực tiếp gắn với chủ đề vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc, đặc biệt từ năm 2010 đến nay, còn tương đối hạn chế, dẫn đến những khó khăn nhất định trong việc đánh giá một cách toàn diện thực tiễn vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, cũng như trong quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện các chính sách về đại đoàn kết dân tộc và giải quyết các vấn đề dân tộc tại khu vực này. Đồng thời, việc đề xuất các quan điểm và giải pháp về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc chưa thực sự sâu sắc và nhất quán. Qua thực hiện tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài không chỉ giúp nghiên cứu sinh tham khảo, kế thừa những kết quả các công trình trước đó mà còn giúp nghiên cứu sinh làm rõ cách tiếp cận của các công trình liên quan, là cơ sở để nghiên cứu sinh định hướng nội dung, cách tiếp cận mới phù hợp với nội dung nghiên cứu.

CHƯƠNG 2
LÝ LUẬN VỀ VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

2.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới

2.1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

Trên con đường tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc Hồ Chí Minh đã nghiên cứu, vận dụng, tiếp thu, bổ sung và phát triển những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử; liên minh công – nông – trí thức; thành lập chính đảng - bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp vô sản đó là Đảng Cộng sản để lãnh đạo phong trào của quần chúng; vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân với khẩu hiệu "Vô sản toàn thế giới đoàn kết"[10; tr.646]. Sau đó được V.I. Lênin bổ sung "Vô sản tất cả các nước, các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại".

Khái niệm đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Đại đoàn kết là một vấn đề quan trọng, xuyên suốt trong TTHCM. Vì vậy, trong Hồ Chí Minh toàn tập nội dung về đại đoàn kết dân tộc được nhắc đến nhiều nhất chiếm khoảng 40% tổng số bài nói, bài viết. Cụm từ "đoàn kết" được xuất hiện trong Hồ Chí Minh toàn tập khoảng trên 1.600 tài liệu với các tần suất khác nhau và sử dụng nhiều thuật ngữ khác nhau để nói về nội hàm của khái niệm đại đoàn kết như chữ "*đồng*" "*đồng tâm hiệp lực*", "*đồng sức, đồng lòng*" để thể hiện nội hàm của khái niệm "*đoàn kết*". "*Đoàn kết*" và "*đồng*" để chỉ cùng nhau thể hiện sự nhất trí cao, cùng đồng cam cộng khổ, sự quyết tâm để giải phóng dân tộc, thực hiện đồng lòng, đồng sức, đồng tình, đồng minh thì dù việc khó đến mấy cũng làm được, dù địch mạnh đến mấy cũng giành thắng lợi.

"Dân ta chỉ cốt chữ đồng là nên"
Dân ta nên nhớ chữ đồng
Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh! [59; tr.266]

Hay trong bài "Mười chính sách của Việt Minh" có câu:

"Khuyên ai nên nhớ chữ đồng,

Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh" [59; tr.243].

Hồ Chí Minh đề cập đến đoàn kết với nội hàm rộng như tính tất yếu phải đoàn kết, đối tượng đoàn kết, đoàn kết lương giáo; đoàn kết dân tộc đa số với thiểu số, đoàn kết quân dân; đoàn kết quân dân với quân dân; đoàn kết Đảng dân; Đảng với chính phủ với nhân dân; đoàn kết công nhân với nông dân và trí thức; đoàn kết đồng bào miền xuôi – miền ngược… có khi Người viết "Đoàn kết là sức kháng chiến"[61; tr.64]; "Cái sức mạnh vô địch mà ta có thể thắng quân địch giành độc lập thống nhất là sự đoàn kết"[61; tr.74]; "Đoàn kết là một lực lượng vô cùng mạnh mẽ…Trong thì đoàn kết toàn thể nhân dân yêu nước, tức là công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc và những thân sĩ kháng chiến là 99 phần trăm toàn dân ta. Đó là một sức mạnh vô địch[64; tr.272].

Ngoài ra, khái niệm *"đoàn kết"* được nhiều nhà nghiên cứu tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau. Theo Từ điển Tiếng Việt "Đoàn kết nghĩa là kết thành một khối thống nhất cùng hoạt động vì một mục đích chung"[89; tr.429]. Khái niệm "đoàn kết" dưới góc độ ngôn ngữ học được đa số các nhà nghiên cứu ở các cuốn từ điển Tiếng Việt khác cùng có quan điểm chung theo cách tiếp cận về đoàn kết như trên. Theo Từ điển Chính trị vắn tắt "Đoàn kết là tập hợp nhiều người thành một khối vững chắc, cùng một lòng một dạ nhất trí với nhau; sự ủng hộ các phong trào, các tổ chức hoặc các cá nhân trên cơ sở quan điểm và lợi ích gần nhau hoặc thống nhất... sự phối hợp hoạt động và hành động"[77; tr.128]. Dương Văn Mạnh đưa ra khái niệm về đoàn kết theo TTHCM như sau: "Đoàn kết là sự liên minh chặt chẽ trong một khối thống nhất của nhiều người có chung một ý chí, lý tưởng, cùng đồng tâm hiệp lực để tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn nhằm thực hiện mục đích chung: Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh"[55; tr.43].

Như vậy, từ những quan niệm trên, có thể đưa ra khái niệm đoàn kết như sau: *Đoàn kết là sự kết thành một khối thống nhất của toàn dân đồng tâm, hiệp lực để tạo thành sức mạnh tổng hợp quyết định sự thành công vì lợi ích chung của một dân tộc.*

Khái niệm đoàn kết dân tộc

Đoàn kết dân tộc *là sự gắn bó chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động của các cộng đồng dân cư trong một quốc gia – bao gồm các dân tộc, tôn giáo, giai tầng xã hội, vùng miền – trên cơ sở những lợi ích cơ bản, lâu dài và giá trị chung của quốc gia – dân tộc. Đó là quá trình kết nối, huy động và phát huy sức mạnh của mọi thành viên trong cộng đồng dân tộc nhằm đạt tới mục tiêu độc lập, phát triển bền vững và ổn định xã hội.*

Đoàn kết dân tộc là một chiến lược mang tính chiến lược, được hình thành từ yêu cầu của lịch sử và được tổ chức, dẫn dắt bởi lực lượng chính trị tiên phong – Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong điều kiện hiện nay, đoàn kết dân tộc thể hiện ở việc tôn trọng sự đa dạng, bảo đảm bình đẳng giữa các dân tộc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và kết hợp hài hòa lợi ích giữa quốc gia, cộng đồng và cá nhân.

Khái niệm đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh sử dụng nhiều thuật ngữ khác nhau để nói về nội hàm khái niệm "đại đoàn kết dân tộc" như "toàn dân ta đoàn kết một lòng", "toàn dân ta phải .. luôn đoàn kết chặt chẽ", "đại đoàn kết toàn thể nhân dân", "đoàn kết nhân dân" … Để hiểu sâu sắc về khái niệm "*đại đoàn kết toàn dân tộc*" theo TTHCM trước hết cần làm rõ khái niệm "*dân*", "*nhân dân*" trong tư tưởng Hồ Chí Minh để lý giải được vấn đề sâu xa, cốt lõi trong TTHCM về đại đoàn kết dân tộc, những luận điểm về Dân gắn liền với những luận điểm về đại đoàn kết dân tộc theo TTHCM "có nhà nghiên cứu đã cho rằng: Nếu đúc kết TTHCM vào một chữ, thì đó là chữ DÂN. Tư tưởng về dân là cái cốt lõi xuyên suốt, là nền tảng bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. Dân và đại đoàn kết là một cặp khái niệm có quan hệ mật thiết với nhau, cái này làm tiền đề cho cái kia, quan hệ với nhau như một thể thống nhất, nhưng lại có nội hàm riêng"[36; tr.64]. Hồ Chí Minh nhiều lần sử dụng thuật ngữ "*dân*", "*nhân dân*" "*đồng bào*" trong các bài nói, bài viết của mình và có nội hàm rất rộng, theo nhiều cách tiếp cận nhưng đều dùng chỉ chủ thể của khối đại đoàn kết dân tộc.

Thứ nhất, Người sử dụng khái niệm này để chỉ mỗi con người Việt Nam cụ thể như "mỗi con dân nước Việt", "mỗi con Rồng cháu Tiên". Theo cách tiếp cận này của Hồ Chí Minh thì dân là một khái niệm cụ thể, là những con người sống, làm việc, có tâm lý, tình cảm, là con Lạc, Cháu Hồng cùng chung tổ tiên, dòng dõi, chung Tổ quốc và cùng có lòng yêu nước.

Thứ hai, Người sử dụng thuật ngữ "dân" "nhân dân" "đồng bào" chỉ tập hợp đông đảo quần chúng, không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, "già, trẻ, gái, trai, giàu nghèo, quý tiện". Theo cách hiểu này, thì dân trong TTHCM hoàn toàn bình đẳng, được tôn trọng như nhau, không phân biệt đẳng cấp và được tiếp cận ở biên độ rộng lớn.

Thứ ba, Người sử dụng khái niệm "nhân dân" để phân biệt sự khác nhau giữa "nhân dân" với "quốc dân". Người cho rằng "Nhân dân là bốn giai cấp công, nông, tiểu tư sản, tư sản dân tộc và những phần tử khác yêu nước. Đó là nền tảng của quốc dân"[64; tr.264]. Còn quốc dân "những bọn phản động chưa đến nỗi bị xử tử vẫn là quốc dân. Nhưng chúng không được ở trong địa vị nhân dân, không được hưởng quyền lợi như nhân dân. Chúng không có quyền tuyển cử, ứng cử; không có quyền tổ chức tuyên truyền, v.v… Song chúng cần phải làm tròn nghĩa vụ, như phục tùng trật tự, tuân theo pháp luật của nhân dân"[64; tr.264]. Theo cách tiếp cận này, Hồ Chí Minh nêu ra sự khác biệt về mặt quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân khác với quốc dân. Đây là cơ sở để Hồ Chí Minh xác định đúng đắn đối tượng cần đoàn kết trong từng thời kì cách mạng.

Như vậy, khái niệm "dân", "nhân dân", "đồng bào", "quần chúng" theo TTHCM là những từ đồng nghĩa, đều dùng để chỉ con dân nước Việt, tuỳ từng hoàn cảnh được Hồ Chí Minh sử dụng trong bài nói, bài viết. Theo Hồ Chí Minh, dân luôn gắn với dân tộc, gắn với đất nước nên vận mệnh của nhân dân gắn liền với vận mệnh của đất nước; vận mệnh của đất nước gắn liền với vận mệnh của nhân dân. Nhân dân Việt Nam có truyền thống yêu nước, truyền thống cố kết cộng đồng, đoàn kết muôn người như một để xây dựng và phát triển đất nước.

Cụm từ "đại đoàn kết" "đại đoàn kết toàn dân tộc", "đại đoàn kết toàn dân", "đại đoàn kết của toàn dân" "toàn dân đoàn kết" được Hồ Chí Minh sử dụng nhiều trong Hồ Chí Minh toàn tập, được sử dụng với tần suất tăng lên từ năm 1946 khi nước ta vừa xây dựng chính quyền non trẻ đến năm 1969. Theo Phạm Hồng Chương "cụm từ "*đại đoàn kết*" chỉ được Hồ Chí Minh gắn với một đối tượng: đó là *Toàn dân* và Hồ Chí Minh chỉ dùng *Đại đoàn kết toàn dân*. Nhưng do tần số xuất hiện của *đoàn kết toàn dân, đoàn kết nhân dân* là lớn nhất" và "theo cách sử dụng của Hồ Chí Minh có thể coi khái niệm *toàn dân* được hiểu như là *toàn thể nhân dân, toàn thể dân tộc Việt Nam*"[45; tr.71-72]. Theo thống kê các tài liệu cho thấy sự thống nhất của Hồ Chí Minh về nội hàm khái niệm đại đoàn kết toàn dân và đoàn kết toàn dân là một – đó là sự đoàn kết nhất trí, đồng sức, đồng lòng của toàn dân làm nên sức mạnh đi đến thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Qua việc khảo cứu, Hồ Chí Minh đã đưa ra định nghĩa về "đại đoàn kết" tại bài *"Nói chuyện tại Hội nghị Đại biểu mặt trận Liên – Việt toàn quốc"* ngày 10 tháng 01 năm 1955.

> "Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động khác"[65; tr.244].

Trong định nghĩa này Hồ Chí Minh đã nêu nội hàm khái niệm đại đoàn kết – *chỉ ra đối tượng cần đoàn kết là đại đa số nhân dân.* Các đối tượng cụ thể có vai trò là các giai cấp nền tảng của đoàn kết là các giai cấp cơ bản nhất của xã hội là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Thêm vào đó, còn mở rộng đối tượng trong khối đại đoàn kết dân tộc "ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ"[65; tr.244].

Ngoài ra, Hồ Chí Minh xác định rõ hơn về nội hàm đại đoàn kết đó là *đoàn kết rộng rãi và lâu dài, đoàn kết chặt chẽ đồng thời phải củng cố vì mục tiêu chung của dân tộc đó là hoà bình, thống nhất, độc lập và dân chủ.* "Đoàn kết rộng rãi và lâu dài

… Đoàn kết rộng rãi, chặt chẽ, đồng thời phải củng cố" vì "nền có vững thì nhà mới chắc chắn. Gốc có vững thì cây mới tốt tươi" và "bất kì ai mà thật thà tán thành hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ", "ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; Ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà"[65; tr.244]. "Người có tiền giúp tiền, người có sức giúp sức – thế là đại đoàn kết"[61; tr.641]. Như vậy, đoàn kết theo cách tiếp cận này *đoàn kết các thành phần, giai cấp rộng rãi, chặt chẽ vì mục tiêu chung để giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước.*

Thêm vào đó, Hồ Chí Minh tiếp cận về đại đoàn kết là *một chính sách dân tộc, được thực hiện lâu dài, nhất quán chứ không phải là một thủ đoạn chính trị, một sách lược nhất thời*. "Đoàn kết là một chính sách dân tộc, không phải là một thủ đoạn chính trị", Người nhắc nhở, trong khi thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc cần tránh hai khuynh hướng sai lầm là cô độc hẹp hòi; hai là đoàn kết vô nguyên tắc và muốn đoàn kết thắng lợi thì cần có điều kiện: Nhân dân thì hăng hái; quân đội phải hùng mạnh, Chính phủ và Quốc hội phải sáng suốt; Đảng phải mạnh, Mặt trận Dân tộc Thống nhất và được sự ủng hộ của bạn bè thế giới.

Qua việc nghiên cứu TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc, có thể tiếp cận trên 2 phương diện:

Đoàn kết dân tộc trên phạm vi quốc tế (nation). Tất cả các dân tộc, các quốc gia dân tộc trên thế giới. Trên phương diện này, đoàn kết các quốc gia, các dân tộc yêu chuộng hoà bình thực hiện 5 nguyên tắc trong ứng xử quốc tế.

Đoàn kết các thành phần dân tộc trong quốc gia có nhiều tộc người (ethnic). Đoàn kết các dân tộc trong một quốc gia, không phân biệt giai cấp, địa vị, giới tính… vì một mục tiêu chung của dân tộc – dân tộc Việt Nam, "Nước Việt Nam thành lập đã hơn hai nghìn năm. Việt Nam là một dân tộc có chung một lịch sử, một thứ tiếng, một nền kinh tế và văn hoá. Dân tộc Việt Nam đã cùng nhau đoàn kết nhất trí trong lao động xây dựng và trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm"[67; tr.268].

Dù cách tiếp cận nào đại đoàn kết dân tộc trong TTHCM là nhằm mục tiêu chung đó là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, xây dựng

đất nước hoà bình, dân chủ và giàu mạnh và gắn đại đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế. Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, tác giả đi sâu phân tích theo 02 cách tiếp cận trên và đi sâu phân tích sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

Nghiên cứu về TTHCM về đại đoàn kết dân tộc đã có nhiều nhà khoa học đưa ra nhiều định nghĩa TTHCM về "đại đoàn kết dân tộc" ở nhiều khía cạnh khác nhau, nhiều công trình khác nhau, nhiều góc nhìn khác nhau chuyên ngành dân tộc học, triết học, lịch sử, chính trị học.

Nguyễn Văn Quang và các cộng sự đã đưa ra khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc là "một bộ phận trong tư tưởng Hồ Chí Minh; là tư tưởng chiến lược tập hợp, tổ chức xây dựng và phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa; là kết quả của quá trình vận dụng, phát triển lý luận Mác – Lênin, sự kết tinh văn hoá dân tộc và nhân loại vào điều kiện cụ thể, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam"[93; tr.11].

Phùng Hữu Phú đưa ra định nghĩa "Chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh là một hệ thống những luận điểm, nguyên tắc, phương pháp và biện pháp giáo dục, tổ chức, hướng dẫn hành động của các lực lượng cách mạng nhằm phát huy đến mức cao nhất sức mạnh của dân tộc, sức mạnh quốc tế trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Nói một cách khác đó là chiến lược xây dựng, củng cố, mở rộng, tăng cường lực lượng cách mạng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xã hội và con người"[90; tr.132-133].

Huỳnh Thanh Quang cho rằng "Đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược thực hiện đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, đồng bào ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài, đồng bào các dân tộc và các tôn giáo, giai cấp trên cơ sở liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ tri thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhằm thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội

công bằng, dân chủ, văn minh". Đoàn kết là làm cho các lực lượng giai cấp, tôn giáo… kết thành một khối, thống nhất ý chí, không mâu thuẫn [92; tr.38]. Ngoài ra tác giả đưa ra định nghĩa "Củng cố khối đại đoàn kết dân tộc là hệ thống các giải pháp nhằm đoàn kết các giai cấp, các dân tộc, các tôn giáo, đoàn kết người Việt Nam ở nước ngoài thành một khối, thống nhất ý chí, không mâu thuẫn, thường xuyên bảo đảm cho khối đại đoàn kết bền vững, chắc chắn dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam hướng tới thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"[92; tr.38].

Lê Thị Hà làm rõ khái niệm nguyên tắc đoàn kết, phương pháp đại đoàn kết Hồ Chí Minh: "Nguyên tắc đại đoàn kết Hồ Chí Minh là những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh làm cơ sở cho việc tập hợp, liên minh các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, quốc gia trong đấu tranh chung vì độc lập, tự do của dân tộc và sự tiến bộ của nhân loại"[32; tr.36]. "Phương pháp đại đoàn kết Hồ Chí Minh là những biện pháp, cách thức giáo dục, vận động để tập hợp người dân vào một khối trong cuộc đấu tranh chung, tranh thủ sự ủng hộ của các tổ chức, cá nhân tiến bộ trong và ngoài nước tạo ra sức mạnh tổng hợp để thực hiện mục tiêu đã đề ra"[32; tr.42].

Mặc dù cách tiếp cận dưới góc độ chuyên ngành khác nhau về TTHCM về đại đoàn kết dân tộc, tuy nhiên các tác giả đều có sự thống nhất nội hàm khái niệm TTHCM về đại đoàn kết dân tộc theo các nội dung sau:

Một là, tiếp cận tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh là chiến lược tập hợp lực lượng vào một khối trong cuộc đấu tranh chung.

Hai là, tiếp cận tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh có nguồn gốc từ chủ nghĩa Mác – Lênin, truyền thống đoàn kết của dân tộc, tiếp thu văn hoá phương Đông, phương Tây.

Ba là, cùng thống nhất mục tiêu, mục đích của khối đại đoàn kết là vì lợi ích của quốc gia, dân tộc.

Theo quan điểm của Đảng ta, trong văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Khoá IX đưa ra định nghĩa về "Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo

của Đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"[22; tr.13].

Từ việc nghiên cứu, tìm hiểu trong các bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh cũng như kế thừa kết quả của các công trình nghiên cứu của nhiều tác giả có thể đưa ra khái niệm TTHCM về đại đoàn kết dân tộc:

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc là hệ thống các quan điểm của Hồ Chí Minh về nguyên tắc, phương pháp, cách thức tổ chức, tập hợp sức mạnh toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc, hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội; là kết quả của sự vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, kế thừa, tiếp thu truyền thống đoàn kết dân tộc, tinh hoa văn hoá nhân loại.

2.1.2. Khái niệm vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc

Khái niệm Vận dụng

Theo từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ, NXB Từ điển Bách khoa năm 2020, Vận dụng nghĩa là "đem tri thức lý luận dùng vào thực tiễn" [54; tr.1413].

Khái niệm vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

Trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên trì, kế thừa và vận dụng một cách sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. Trên nền tảng đó, Đảng xác định đại đoàn kết toàn dân tộc không chỉ là một yêu cầu mang tính nguyên tắc, mà còn là đường lối chiến lược có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cách mạng qua từng thời kỳ phát triển. Tinh thần đoàn kết được xem là nguồn lực nội sinh quan trọng, đòi hỏi phải được bồi đắp, củng cố liên tục và chuyển hóa thành sức mạnh thực tiễn phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong các văn kiện Đại hội, Đảng luôn nhấn mạnh rằng đoàn kết là yếu tố bảo đảm cho mọi thành công, vì vậy phải có giải pháp đúng đắn, phù hợp và kịp thời để duy trì, mở rộng và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đảng đã thể chế hóa và cụ thể hóa tư tưởng đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh thông qua nhiều nghị

quyết, chỉ thị và kết luận phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Có thể kể đến một số văn kiện quan trọng như: Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, nhấn mạnh nhiệm vụ phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu phát triển bền vững; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/1/2008 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X, về xây dựng giai cấp công nhân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X, về nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Những nghị quyết này thể hiện rõ quan điểm của Đảng trong việc phát huy vai trò, quyền lợi và trách nhiệm của các giai cấp và tầng lớp nhân dân, qua đó tạo sự đồng thuận rộng rãi và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới.

Qua nghiên cứu, có thể đưa ra khái niệm *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc là quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân (chủ thể) kế thừa, phát triển, cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết toàn dân tộc thành đường lối, chính sách và hoạt động thực tiễn phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn cách mạng, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

Khái niệm vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc

Quá trình vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc là quá trình các chủ thể vận dụng sáng tạo, phù hợp với tình hình, đặc điểm lịch sử cụ thể của mỗi địa phương nhằm hiện thực hoá TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo thành sức mạnh tổng hợp, động lực quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, đồng thời giữ gìn, củng cố an ninh, quốc phòng tại các tỉnh miền núi phía Bắc của nước ta.

Hiện thực hoá, bổ sung và phát triển những lý luận của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc là hoạt động thực tiễn có tổ chức, mang tính chính trị - xã hội sâu sắc, toàn diện nên đòi hỏi phải có sự đồng lòng của cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương và được thấm nhuần trong tâm

khảm của mỗi người dân, được cụ thể hoá trong chính sách, đề án, nhiệm vụ nhằm nâng cao khối đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc, rút ngắn khoảng cách về sự chênh lệch về thu nhập, trình độ phát triển của các dân tộc miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

Từ sự phân tích trên khái niệm: *Vận dụng TTHCM về ĐĐKDT tại các tỉnh miền núi phía Bắc là quá trình các chủ thể tiếp thu và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc phù hợp với tình hình mới nhằm củng cố khối đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội, giữ vững quốc phòng – an ninh và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh trong thời kỳ đổi mới và hội nhập hiện nay.*

Sự vận dụng này, đòi hỏi bám sát với tình hình thực tiễn của địa phương, không rập khuôn, máy móc, có sự phát triển, bổ sung, làm phong phú thêm lý luận về đại đoàn kết toàn dân tộc theo TTHCM trong tình hình mới.

Khái niệm Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

Qua nghiên cứu, có thể đưa ra khái niệm: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới là quá trình chủ động, sáng tạo và có tổ chức của các chủ thể trong hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân ở các tỉnh miền núi phía Bắc nhằm quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện một cách linh hoạt những quan điểm, nguyên tắc, nội dung và phương pháp của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc vào thực tiễn nhằm xây dựng, củng cố và phát triển khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn, trên cơ sở lợi ích tối cao của quốc gia – dân tộc, phù hợp với đặc điểm lịch sử, văn hóa, kinh tế – xã hội của vùng và đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, qua đó phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân trong phát triển bền vững, giữ vững ổn định chính trị – xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Với cách tiếp cận trên, khái niệm "Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới" bao gồm những phương diện cơ bản sau:

Thứ nhất, đây là một quá trình có chủ thể xác định, trong đó hệ thống chính trị giữ vai trò nòng cốt, Đảng bộ các tỉnh giữ vai trò lãnh đạo, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại các tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội giữ vai trò then chốt; còn nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc là chủ thể trung tâm và là mục tiêu của sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc. Điều này thể hiện rõ quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh về vai trò quyết định của nhân dân trong xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ hai, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc là quá trình chủ động, sáng tạo và có tổ chức, không mang tính sao chép máy móc, mà là sự quán triệt và cụ thể hóa linh hoạt dựa trên quan điểm, nguyên tắc, nội dung và phương pháp đoàn kết của Người phù hợp với điều kiện lịch sử – xã hội cụ thể của các tỉnh miền núi phía Bắc trong bối cảnh mới.

Thứ ba, nội dung vận dụng bao quát hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, trong đó đại đoàn kết được xác định là chiến lược lâu dài của cách mạng; được xây dựng trên cơ sở lợi ích tối cao của quốc gia – dân tộc; thực hiện theo nguyên tắc tôn trọng sự đa dạng, khoan dung, hài hòa lợi ích giữa các giai tầng, dân tộc, tôn giáo và cộng đồng xã hội.

Thứ tư, mục tiêu trực tiếp của quá trình vận dụng là xây dựng, củng cố và phát triển khối đại đoàn kết dân tộc vững chắc tại các tỉnh miền núi phía Bắc, gắn chặt đoàn kết với phát triển bền vững, giữ vững ổn định chính trị – xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng chiến lược.

Thứ năm, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc được đặt trong không gian và điều kiện đặc thù của các tỉnh miền núi phía Bắc, bảo đảm sự phù hợp với đặc điểm lịch sử, văn hóa, kinh tế – xã hội của vùng, đồng thời đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, qua đó phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.2. Giá trị vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

Tác giả tiếp cận giá trị lý luận và thực tiễn TTHCM về đại đoàn kết dân tộc trong quá khứ và hiện tại dưới góc độ Hồ Chí Minh học với các nội dung: Tầm quan trọng của đại đoàn kết dân tộc; lực lượng trong khối đại đoàn kết dân tộc; nguyên tắc, phương pháp; hình thức tổ chức khối đại đoàn kết toàn dân tộc của Hồ Chí Minh trong cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Từ đó, rút ra các giá trị vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

2.2.1. Giá trị vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí, tầm quan trọng của đại đoàn kết dân tộc

Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược lâu dài, xuyên suốt. Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt quyết định mọi thành công.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, tìm đường cứu nước Hồ Chí Minh đã rút ra bài học từ các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới và nguyên nhân thắng lợi của các cuộc cách mạng đấu tranh của nhân dân các dân tộc dân chủ trên thế giới là do nhân dân các nước đã đoàn kết để đánh đổ kẻ thù xâm lược.

Rút ra bài học từ truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, Hồ Chí Minh khẳng định một trong những truyền thống góp phần làm nên mọi thắng lợi của nước ta là nhờ truyền thống đoàn kết. Trong thực tế, Người đã không vận dụng một cách máy móc, rập khuôn hay bê nguyên xi những tư tưởng về đoàn kết ở các quốc gia hay một tư tưởng của một chính trị gia nào để áp dụng cho cách mạng Việt Nam mà xây dựng một chiến lược về đại đoàn kết dân tộc hoàn toàn đáp ứng với yêu cầu của thực tiễn đất nước để đánh bại âm mưu chia rẽ dân tộc để cai trị, đánh bại chính sách ngu dân tàn độc của kẻ thù, đánh bại lũ tay sai, bù nhìn, phản động. Từ những nhận định đó, Hồ Chí Minh đúc kết một chân lý: đại đoàn kết toàn dân tộc là tất yếu khách quan, là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, cơ bản, nhất quán và xuyên suốt tiến trình cách mạng từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa "lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái

lại, lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn. Vậy nay ta phải biết đoàn kết, đoàn kết mau, đoàn kết chắc chắn thêm lên…"[59; tr.256].

Theo Hồ Chí Minh chiến lược đại đoàn kết là chính sách nhất quán, lâu dài nhưng không rập khuôn, máy móc trong khi tổ chức đoàn kết các lực lượng. Vì vậy, tuỳ thuộc vào bối cảnh thực tiễn, hoàn cảnh lịch sử cụ thể, mỗi giai đoạn cách mạng, trước yêu cầu của mỗi giai đoạn cách mạng có thể thay đổi chính sách và phương pháp cho phù hợp. Mẫu số chung của đại đoàn kết vì lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân không bao giờ thay đổi nên đại đoàn kết dân tộc là một trong những nhân tố quyết định sự thắng lợi, thành công của cách mạng.

Đoàn kết làm nên sức mạnh; là then chốt của thành công, để đi đến thắng lợi cuối cùng "Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta. Đoàn kết chặt chẽ, thì chúng ta nhất định có thể khắc phục mọi khó khăn, phát triển mọi thuận lợi"[65; tr.145]. "Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi"[65; tr.177]; "Đại đoàn kết là nền tảng của đại thắng lợi"[69; tr.156] "Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi"[70; tr.27] "Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công"[70; tr.186], "Bây giờ còn một điểm rất quan trọng, cũng là điểm mẹ. Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu tốt: Đó là đoàn kết"[66; tr.589]; để rồi, Người đã đúc kết đại đoàn kết dân tộc trở thành chân lý trong công cuộc vừa kháng chiến, vừa kiến quốc ở nước ta.

"Đoàn kết đoàn kết, đại đoàn kết
Thành công, thành công, đại thành công"[69; tr.120]

"Đại đoàn kết là sức mạnh vô địch của nhân dân ta trong công cuộc xây dựng thắng lợi CNXH ở miền Bắc và trong sự nghiệp đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà"[69; tr.524].

Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng. Đại đoàn kết dân tộc nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc luôn được Hồ Chí Minh xác định là mục tiêu của cách mạng Việt Nam thực hiện trong giai đoạn vừa kháng chiến, vừa kiến quốc. Mục tiêu tổng quát nhất, quan

trọng nhất thực hiện đại đoàn kết là vì lợi ích tối cao của dân tộc, của Tổ quốc "toàn dân ta đoàn kết đấu tranh thì chúng ta sẽ nhất định xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh" [69; tr.39]. Mục tiêu cụ thể, thứ nhất là đại đoàn kết để giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Người viết "Trước Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến, thì nhiệm vụ tuyên huấn là làm sao cho đồng bào các dân tộc hiểu được mấy việc. Một là đoàn kết, Hai là làm cách mạng hay kháng chiến để đòi độc lập" và "một là đoàn kết. Hai là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ba là đấu tranh để thống nhất nước nhà" [67; tr.130]; Thứ hai, đại đoàn kết dân tộc để giữ gìn hoà bình, xây dựng và phát triển đất nước đi lên CNXH. Người khẳng định "Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể trong 8 chữ là: ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC" [63; tr.49].

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của mọi giai đoạn cách mạng Việt Nam, được quán triệt trong mọi giai đoạn cách mạng, nhiệm vụ này được quán triệt toàn diện trong mọi tất cả mọi lĩnh vực, từ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng đến hoạt động thực tiễn, đến tất cả mọi tầng lớp nhân dân. Mỗi một giai đoạn cách mạng, căn cứ vào tình hình thực tiễn của đất nước mà nhiệm vụ đại đoàn kết dân tộc sẽ điều chỉnh về phương pháp, hình thức tập hợp quần chúng nhân dân cho phù hợp. Để hoàn thành nhiệm vụ đòi hỏi phải nỗ lực của nhân dân vì đó là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng và là đòi hỏi khách quan của quần chúng nhân dân giải phóng mình khỏi áp bức, đô hộ và nô dịch. Bởi theo Hồ Chí Minh đại đoàn kết không phải là ý muốn chủ quan của người lãnh đạo, hay của một nhóm người, nếu xuất phát từ ý muốn chủ quan của lực lượng lãnh đạo thì đoàn kết dân tộc sẽ bị biến dạng thành "thủ đoạn chính trị". Để tập hợp được quần chúng nhân dân đi theo cách mạng Người cho rằng đại đoàn kết dân tộc phải xuất phát từ nhu cầu khách quan của quần chúng nhân dân, nhu cầu đại đoàn kết là tất yếu để giải phóng con người khỏi áp bức, bất công, khổ đau và trách nhiệm của ĐCSVN là thức tỉnh nhân dân, tập hợp, tổ chức, hướng dẫn họ tạo thành sức mạnh, động lực của khối đại đoàn kết dân tộc.

Trong cách mạng giải phóng dân tộc, đại đoàn kết được xác định toàn thể dân tộc ta đồng sức, đồng lòng quyết tâm để giành bằng được độc lập, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đại đoàn kết để thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển đất nước ở miền Bắc – là hậu phương vững chắc cho tiền tuyến miền Nam. Miền Nam quyết tâm để giải phóng và thực hiện hoà bình, thống nhất đất nước. Vì vậy, Người đúc kết "Đại đoàn kết là nguyên nhân đồng thời là kết quả của sự nghiệp cách mạng"[60; tr.217].

Qua các bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc có thể khái quát về mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là: Đại đoàn kết toàn dân, đấu tranh giữ vững hòa bình, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Hồ Chí Minh đã đánh giá đúng về tầm quan trọng của chính sách đại đoàn kết dân tộc, tính tất yếu của đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh thực tiễn của đất nước để đối phó với chính sách thâm độc và tàn bạo của kẻ thù như chia để trị, chính sách ngu dân của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ âm mưu chia cắt đất nước lâu dài, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ. Nhận định chính xác của Hồ Chí Minh về vị trí, tầm quan trọng của đại đoàn kết dân tộc đã phá huỷ hoàn toàn mọi âm mưu của kẻ thù, dù kẻ thù đó mạnh đến mức nào – trở thành chiến lược đối phó và làm thất bại mọi âm mưu của kẻ thù.

Từ truyền thống đoàn kết của dân tộc, Hồ Chí Minh đã nâng tầm truyền thống đoàn kết của dân tộc ta thành một chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, chặt chẽ, lâu dài. Hồ Chí Minh xác định chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc không phải làm một thủ đoạn chính trị nghĩa là bất cứ giai đoạn nào, thời kì nào cần phải đoàn kết trên mọi mặt, lâu dài. Điều này khác hẳn về chất so với những cuộc cách mạng trong lịch sử trước đó khi giai cấp cầm quyền sử dụng nó để lợi dụng quần chúng nhân dân như một thủ đoạn chính trị.

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh không chỉ kế thừa, phát triển truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam mà còn bổ sung và phát triển một cách sáng tạo chiến lược đại đoàn kết dân tộc trong bối cảnh lịch sử cụ thể - một dân tộc thuộc địa, nửa phong kiến. Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh là một trong những yếu tố quan trọng nhất góp phần đưa đến thắng lợi của cách mạng Việt Nam từ thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến thắng lợi của Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng, xây dựng CNXH; giải phóng miền Nam thống nhất đất nước 30/4/1975. Trước bối cảnh lịch sử hết sức khó khăn, chưa có tiền lệ, đương đầu với nhiều kẻ thù hùng mạnh, tuy nhiên Người đã kêu gọi đoàn kết toàn dân tộc trong Mặt trận Dân tộc Thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam để đánh bại kẻ thù xâm lược.

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh đã góp phần nâng tầm truyền thống đoàn kết dân tộc ở nước ta lên một tầm cao mới đó là bổ sung cơ sở, đối tượng, lý luận, phương pháp, tổ chức chặt chẽ… trở thành đường lối chiến lược đại đoàn kết dân tộc hoàn bị nhất trong lịch sử dựng nước và giữ nước, đáp ứng với yêu cầu thực tiễn của đất nước, dân tộc và thời đại. Ngoài ra, Hồ Chí Minh đã vận dụng và bổ sung, làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác – Lênin về cách giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp; mối quan hệ giữa dân tộc này với dân tộc khác; đoàn kết, liên minh giai cấp công nhân – nông dân – trí thức, coi đây là gốc của khối đại đoàn kết dân tộc. Liên minh giai cấp trong bối cảnh các giai cấp cực khổ, bị áp bức nô dịch. Những giá trị đó, làm cơ sở lý luận quan trọng cho việc tiếp tục nghiên cứu, vận dụng một cách sáng tạo những tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh hiện nay.

Đoàn kết dân tộc để đạt mục tiêu rõ ràng đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện dân chủ để giải phóng dân tộc; đoàn kết để kiến thiết đất nước; xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, dân chủ, giàu mạnh. Có thể nói đây là điểm khác biệt nhất so với các thế hệ cha ông trong lịch sử của dân tộc Việt Nam – đó là đại đoàn kết dân tộc để xây dựng một xã hội hội mới – XHCN, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa - phát triển cao hơn về chất so với các hình thái kinh tế - xã hội trước

đó, phù hợp với xu thế tất yếu của lịch sử loài người, với nguyện vọng của nhân dân. Mọi thắng lợi của cách mạng là để phục vụ nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động.

2.2.2. Giá trị vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc

Một là, Hồ Chí Minh đã dành nhiều tâm huyết và thời gian để nghiên cứu, khảo cứu các cuộc cách mạng trong và ngoài nước, đặc biệt là kinh nghiệm tổ chức, tập hợp và phát huy sức mạnh của các lực lượng cách mạng, từ đó hình thành những luận điểm sâu sắc về vấn đề đại đoàn kết dân tộc. Kết hợp nghiên cứu lý luận và những trải nghiệm thực tiễn về tập hợp lực lượng để tham gia cách mạng, từ những bài học "nước lấy dân làm gốc", "chở thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân" của ông cha ta. Trong quá trình hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã tiếp thu lý luận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; liên minh công - nông - trí để từ chủ nghĩa Mác – Lênin và đi đến khẳng định: "Muốn đánh đuổi bọn thực dân Pháp, muốn giành lại được tự do, độc lập của dân tộc mình thì cần phải tổ chức một chính đảng của giai cấp công nhân, phải tập hợp lực lượng yêu nước thành một mặt trận chống đế quốc, phải dựa vào lực lượng đông đảo nhất và nghèo khổ nhất là nông dân và phải đoàn kết chặt chẽ với vô sản thế giới"[69; tr.381].

Hai là, xác định đúng chủ thể - lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc là toàn thể dân tộc Việt Nam.

Trước bối cảnh thực tiễn của đất nước, Hồ Chí Minh cho rằng muốn thắng được kẻ thù có sức mạnh quân sự hiện đại, tướng lĩnh được đào tạo bài bản, xảo quyệt, thực thi các chính sách tàn bạo, thâm hiểm, tàn độc cần phải có sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Người đã phân tích điểm mạnh, điểm yếu của ta và địch. Kẻ địch đông, có trang thiết bị vũ khí tối tân nhưng chúng xa cách về địa lý. Ta tuy người ít, kinh tế còn khó khăn, nhưng nhân dân ta lại đoàn kết, yêu nước, nhất trí, đồng sức, đồng lòng, đồng tâm hiệp lực. Kế thừa kinh nghiệm và bài học từ ông cha ta về xác định lực lượng tham gia cách mạng đó là dựa vào dân, *cách mạng muốn đi đến thắng lợi phải dựa vào sức mạnh, sự đồng tâm, hiệp lực của toàn thể nhân dân*. Đoàn kết

toàn dân cần phải đoàn kết thật sự, chân thành, đoàn kết quân, dân, chính, Đảng tạo nên sức mạnh để chiến thắng kẻ thù xâm lược.

Mỗi đối tượng khác nhau Hồ Chí Minh có cách thức để xây dựng đoàn kết lực lượng khác nhau tuy nhiên đều có sự thống nhất chung trên nền tảng đại đoàn kết toàn dân tộc. Lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc theo TTHCM vừa mang tính tổng quát lại vừa mang tính cụ thể. Trong quá trình thực hiện chiến lược đại đoàn kết, tập hợp lực lượng Hồ Chí Minh đã không bỏ sót một ai. Người có sức giúp sức, người có tiền giúp tiền, tuỳ theo độ tuổi, đức độ, tài năng và sự cống hiến của mỗi người, không phân biệt giàu nghèo, đảng phái, giai cấp, dân tộc, nghề nghiệp… Bất kì người Việt Nam nào thật thà, tán thành một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh; bất kì ai hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân thì đoàn kết với họ. Kể cả những người đã mắc sai lầm, khuyết điểm tuy nhiên đã hối cải và thành tâm sửa chữa thì đoàn kết với họ.

Ba là, đại đoàn kết toàn dân theo Hồ Chí Minh được xây dựng trên nền tảng của sự đoàn kết công – nông – trí thức do Đảng Cộng sản lãnh đạo, công – nông là gốc của cách mạng.

Trước hết là đoàn kết giai cấp công nhân: Tiếp thu và phát triển học thuyết Mác – Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử Hồ Chí Minh cho rằng đoàn kết giai cấp công nhân không chỉ dừng lại ở việc "tỏ tình đoàn kết với những anh em cùng giai cấp ở đấy bằng lời nói, mà còn phải giác ngộ họ, giáo dục họ về ý thức tổ chức và về phương pháp tổ chức"[58; tr.123]. Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời từ công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, là giai cấp tiên phong, lãnh đạo phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, cùng với giai cấp nông dân là gốc của cách mệnh. Liên minh công – nông – trí có mạnh thì Mặt trận Dân tộc Thống nhất và khối đại đoàn kết dân tộc với mạnh. Bác ví như nền có vững, nhà mới chắc chắn; gốc có tốt thì cây mới tốt tươi. Hồ Chí Minh đã phân tích và nhận định đúng về địa vị của từng giai cấp, về nhân dân lao động đó là có truyền thống đoàn kết, yêu nước, thương nòi, hơn thế nhân dân Việt Nam chịu nhiều đau thương, kiên cường, bất khuất trong công cuộc chống giặc ngoại xâm từ đế

chế phương Bắc đến các đế chế phương Đông, phương Tây, thực dân cũ, mới. Vì vậy, sức mạnh đoàn kết toàn dân mà trước hết là sức mạnh đoàn kết của nhân dân lao động gồm công nhân – nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác, trong đó giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo. Hồ Chí Minh đã phân tích và lý giải vì sao giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo bởi thứ nhất, do địa vị kinh tế xã hội của họ là những người không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động để sống, họ lao động trong công nghiệp và nông nghiệp. Thứ hai, giai cấp công nhân Việt Nam có đặc tính cách mạng như kiên quyết, triệt để, có tinh thần tập thể, có tổ chức, kỷ luật cao. Tuy số lượng giai cấp công nhân ở Việt Nam chiếm số lượng ít là giai cấp tiên tiến nhất trong sức sản xuất, có sứ mệnh đánh đổ chế độ tư bản và đế quốc, để xây dựng xã hội mới. Đặc biệt, Người nhấn mạnh, giai cấp công nhân là giai cấp thấm nhuần tư tưởng cách mạng nhất – tức là thấm nhuần chủ nghĩa Mác – Lênin và tinh thần đấu tranh của GCCN có ảnh hưởng và giáo dục các tầng lớp nhân dân lao động khác. Vì vậy, giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng "về mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và hành động"[64; tr.256]. Do đó, Hồ Chí Minh khẳng định "Công nhân là giai cấp lãnh đạo góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tạo cơ sở cho việc đấu tranh thống nhất nước nhà"[69; tr.287]; "Giai cấp công nhân vừa là chủ lại vừa là giai cấp lãnh đạo"[69; tr.62].

Trong suốt công cuộc giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước, giai cấp công nhân Việt Nam đã làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình để hoàn thành nhiệm vụ Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó. Biết bao nhiêu xương máu của GCCN đã đổ xuống cho nền độc lập của dân tộc trong thời kì đấu tranh giải phóng miền Bắc, giải phóng dân tộc. Sau giải phóng miền Bắc, giai cấp công nhân lại đoàn kết với các tầng lớp nhân dân để xây dựng và phát triển kinh tế ở các nhà máy xí nghiệp nhằm đảm bảo duy trì sự ổn định và phát triển của đời sống nhân dân vừa tham gia kháng chiến. Để đạt được các thành tích đó, giai cấp công nhân Việt Nam không ngừng củng cố và xây dựng khối đại đoàn kết trong giai cấp công nhân lớn mạnh về số lượng và chất lượng như giai cấp công nhân quốc phòng, giai cấp công nhân công nghiệp… giai cấp công nhân miền Bắc với giai cấp công nhân Miền Nam; đoàn kết giữa nhà máy

này với nhà máy khác. Hồ Chí Minh coi sự đoàn kết trong giai cấp công nhân là sức mạnh vô địch "ta kháng chiến thắng lợi, cũng nhờ đoàn kết. Ta xây dựng hoà bình thắng lợi, cũng nhờ đoàn kết. Ta đoàn kết nội bộ giai cấp công nhân, đồng thời củng cố liên minh của công nhân và nông dân là hai giai cấp lớn nhất, mạnh nhất"[66; tr.480]. Ngoài ra, muốn thực hiện nhiệm vụ của lịch sử thì giai cấp công nhân phải đoàn kết nội bộ; đoàn kết với bà con xung quanh; Công nhân và nông dân đoàn kết xây dựng. Đối với công nhân là đảng viên, đoàn viên cần gương mẫu, làm gương, xung phong trong việc thực hiện nhiệm vụ.

Thứ hai, đoàn kết giai cấp nông dân Việt Nam. Là một nước nông nghiệp nên giai cấp nông dân chiếm đại đa số. Hồ Chí Minh đánh giá cao sự đóng góp và vai trò của giai cấp nông dân Việt Nam. Cùng với giai cấp công dân, giai cấp nông dân ở Việt Nam là giai cấp đông đảo nhất nhưng nghèo khổ nhất, bị áp bức bóc lột nặng nề nhất nên họ có tinh thần cách mạng triệt để nhất. Từ việc phân tích, thấu hiểu sự cực khổ của giai cấp nông dân Việt Nam, Hồ Chí Minh cho rằng cần đoàn kết giai cấp nông dân với giai cấp công nhân để giải phóng dân tộc. Giai cấp nông dân đã đoàn kết để xoá bỏ ách thống trị của thực dân Pháp. Năm 1954, miền Bắc được giải phóng, giai cấp nông dân đã được giải phóng, trở thành người chủ trong xây dựng nước nhà; thực hiện xoá bỏ ruộng đất của địa chủ phong kiến mà nông dân thực sự đã trở thành người chủ ở nông thôn tại miền Bắc nước ta. Nông dân ở miền Nam dưới chế độ Mỹ, nguỵ cực khổ, bị giết hại dã man, chúng dùng biện pháp tàn độc hòng chia rẽ nhân dân ta trong đó có giai cấp nông dân. Để thực hiện đoàn kết, Hồ Chí Minh đã phân chia GCND thành bần nông và trung nông là đội quân chủ chốt, đội quân chủ lực của kháng chiến và cách mạng dân chủ mới và là đồng minh chắc chắn nhất của giai cấp công nhân. Đồng thời, giai cấp công nhân gồm những lực lượng đông đảo trong sản xuất nông nghiệp – một trong hai chân của nền kinh tế, duy trì đảm bảo về an ninh lương thực cho công cuộc kháng chiến, xây dựng đất nước trong thời kì mới. Trong công cuộc kháng chiến giai cấp nông dân là giai cấp có đóng góp nhiều nhất, hy sinh nhiều nhất. Tuy nhiên, Người cũng chỉ ra những hạn chế của GCND là "có tính thủ cựu, rời rạc, tư hữu nên giai cấp công nhân phải đoàn kết với GCND, giúp họ tổ chức,

lãnh đạo họ thì họ là một lực lượng rất to lớn, vững chắc. Thế là công nông liên minh"[64; tr.258].

Mặc dù giai cấp công nông bị áp bức bóc lột nặng nề nhất nhưng họ vẫn giữ vững tinh thần giai cấp, tinh thần dân tộc, giữ vững chí khí quật cường bất khuất, luôn đặt lợi ích của đất nước lên trên hết. Công nông đoàn kết, liên minh lại với nhau vì họ là những giai cấp đông đảo nhất, họ đóng góp nhiều nhất, hy sinh nhiều nhất, thành tích lớn nhất và kiên quyết nhất trong đấu tranh cách mạng. Vì vậy, Hồ Chí Minh khẳng định "Giai cấp công nông là lực lượng chủ chốt nhất để giữ gìn Tổ quốc, xây dựng nước nhà. Vì vậy công nông liên minh là nền tảng tự nhiên của MTDTTN"[64; tr.263]. Ngoài ra, Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh vai trò của nông dân trong sản xuất, trong sản xuất nông nghiệp là chủ tập thể, chủ nhà nước phải "đoàn kết chặt chẽ để tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của mình"[69; tr.210], nội bộ hợp tác xã có nơi đoàn kết tốt, có nơi đoàn kết chưa tốt, tập trung tăng gia sản xuất lương thực, hoa màu, chế biến hoa màu, chăn nuôi. "Nông thôn giàu có giúp cho công nghiệp phát triển. Công nghiệp phát triển lại thúc đẩy nông nghiệp mạnh hơn nữa. Công nghiệp, nông nghiệp phát triển thì dân giàu, nước mạnh"[69; tr.212].

Thứ ba, đoàn kết tầng lớp trí thức. Hồ Chí Minh đã đánh giá cao vai trò của tầng lớp trí thức đối với cách mạng "cố nhiên, Đảng và Chính phủ rất quý trọng tri thức"[64; tr.174] hay "Đảng, Chính phủ và nhân dân ta rất yêu quý tri thức"[64; tr.297] những tri thức gắn liền lý luận với thực hành, "chịu khó, chịu khổ, kháng chiến hết lòng hết sức phục vụ nhân dân" thật lòng, thật dạ với nhân dân, phụng sự kháng chiến, yêu quý tri thức đoàn kết thành một khối với nhân dân, những tri thức của nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, cương quyết không coi trọng trí thức "đội lốt trí thức theo giặc, có tội với nhân dân" và kịch liệt phản đối bọn phản động cố tình chia rẽ gây mất đoàn kết giữa trí thức với các tầng lớp nhân dân lao động, sử dụng các luận điệu, chiêu trò hòng phá hoại sự đoàn kết giữa trí thức với đất nước, hòng đưa trí thức ra ngoài xã hội, ngoài giai cấp, ngoài dân tộc. Chúng rêu rao, tuyên truyền Đảng "khinh trí thức" và nhồi sọ vào tầng lớp trí thức văn hoá thực dân, nộ lệ cho rằng "vạn ban

giai hạ phẩm" (muôn tầng lớp đều thấp kém), "duy hữu độc thư cao"(chỉ có người đọc sách là cao hơn hết)[64; tr.175] hoặc thực dân phong kiến đã sử dụng chiêu trò thâm độc đó là mua chuộc tri thức bằng cách dành một tí ti về vật chất, chúng làm cho một số trí thức xa dời nhân dân, mơ màng, quên đi nỗi nhục mất nước, không phân biệt được đúng sai, bạn, thù. Hồ Chí Minh cho rằng trí thức cần phải cải tạo tư tưởng, giữ vững lập trường, làm sao trí thức phải thật sự gần gũi, đoàn kết với công – nông tạo thành khối đoàn kết công – nông – trí.

Theo Hồ Chí Minh để tập hợp sức mạnh đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước cần thực hiện liên minh công – nông – trí thức. Trước cách mạng: Liên minh công – nông – trí thức nhằm đoàn kết để đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi áp bức, bóc lột. Sau Cách mạng Tháng Tám: Nhiệm vụ là đoàn kết giai cấp công - nông - trí để xây dựng CNXH ở miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Thứ tư, đoàn kết với các tầng lớp nhân dân lao động khác để thực hiện đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước.

Ngoài đoàn kết liên minh công – nông – trí thức, Hồ Chí Minh cho rằng lực lượng tham gia để giải phóng dân tộc bao gồm các giai cấp cần đoàn kết vì mục tiêu chung đó là giai cấp tư sản và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Giai cấp này được Hồ Chí Minh phân chia thành giai cấp tiểu tư sản, tư sản dân tộc; Hồ Chí Minh phân tích sự khác biệt giữa giai cấp tư sản ở Việt Nam khác về bản chất so với giai cấp tư sản ở các nước tư bản chủ nghĩa, khác biệt về địa lý, lịch sử, văn hoá với giai cấp tư sản ở Liên Xô, Trung Quốc đó là "có xu hướng chống đế quốc, có xu hướng yêu nước"[66; tr.391] và vì họ "bị Tây, Nhật áp bức, khinh miệt, họ căm tức tư sản Nhật, Pháp"[66; tr.391] nên cần phải thuyết phục khéo, lãnh đạo khéo họ có thể theo hướng xã hội chủ nghĩa như giai cấp tư sản ở Trung Quốc. Hồ Chí Minh phân biệt rạch ròi giữa tư sản dân tộc và tư sản mại bản để đề ra những đối sách cho phù hợp. Giai cấp tiểu tư sản gồm "các nhà trí thức, các nhà công nghệ và thương nghiệp nhỏ, thủ công nghệ, những người làm nghề tự do như thầy thuốc, luật sư…), công chức"[64; tr.258]. Những lớp tiểu tư sản khác như những nhà công nghệ nhỏ, những người làm nghề tự

do. Tất cả họ đều bị đế quốc áp bức, bóc lột nên họ bị thất nghiệp, kinh tế bấp bênh, phá sản. Ưu điểm của giai cấp này có học thức, dễ có cảm giác chính trị, dễ tiếp thu sự giáo dục cách mạng và đi cùng với công nông, tuy nhiên hạn chế của họ là lý luận không đi đôi với thực hành, xem khinh lao động, tư tưởng mơ hồ, lập trường không vững, khi hành động thì hay lung lay. Nên số đông họ ủng hộ kháng chiến, cách mạng và là bạn đồng minh quan trọng của giai cấp công nhân. Nhược điểm của họ là tự tư, tự lợi, rời rạc, kém kiên quyết nên GCCN muốn đoàn kết họ thì giúp họ phát triển ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, cần khôn khéo lãnh đạo họ để họ quyết tâm phụng sự nhân dân, cải tạo tư tưởng cùng với công - nông kết thành một khối thì mới trở nên tác dụng to lớn trong công cuộc kháng chiến, cách mạng.

Hồ Chí Minh cho rằng giai cấp tư sản dân tộc là giai cấp cũng có kẻ thù chung là đế quốc và phong kiến. Tuy nhiên, họ có 2 mặt một là họ sợ giai cấp bóc lột nổi lên vì họ là giai cấp bóc lột; mặt khác về kinh tế họ dính líu đến địa chủ phong kiến nên do dự, vừa muốn cách mạng lại vừa muốn thoả hiệp. Bởi vậy, giai cấp công nhân vừa đoàn kết lại vừa đấu tranh với họ để bảo vệ quyền lợi của giai cấp công nhân "có như vậy giai cấp tư sản dân tộc mới phát triển được tác dụng cách mạng của họ, vừa phát triển kinh tế của họ"[64; tr.259].

Hồ Chí Minh tổng kết về các giai cấp, mặc dù có những đặc điểm khác nhau nhưng các giai cấp, tầng lớp đều có lợi ích chung, mục đích chung nên cần đoàn kết lại thành MTDTTN mạnh mẽ dưới sự lãnh đạo của GCCN và chính đảng (ĐCS) sẽ quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Hồ Chí Minh cho rằng, trong cách mạng dân chủ nhân dân các giai cấp gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tiểu tư sản và tư sản dân tộc là động lực của cách mạng, cần đoàn kết và tổ chức thành MTDTTN dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân vì mục đích chung, vì lợi ích chung nhằm chống đế quốc, phong kiến, kiến quốc, phát triển kinh tế, đưa cách mạng đến thắng lợi, kiến quốc đến thành công.

Thứ năm, Hồ Chí Minh xác định đoàn kết trong Đảng, Nhà nước, trong đó đoàn kết trong Đảng giữ vai trò then chốt.

Hồ Chí Minh là người sáng lập và xây dựng Đảng ta. Từ khi thành lập Đảng đến nay, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta giành thắng lợi trong 2 cuộc kháng chiến và trong thời kì đổi mới đó là do sự nhất trí đoàn kết trong Đảng – đây là vấn đề cốt lõi trong chiến lược đại đoàn kết của Hồ Chí Minh. Đảng là đội tiền phong của giai cấp công nhân, đồng thời cũng là đội tiền phong của dân tộc. Đảng lãnh đạo Mặt trận Dân tộc Thống nhất, lãnh đạo Nhà nước. Đảng hoạt động vì lợi ích của dân tộc, quyền lợi của nhân dân. Đảng phải dựa vào dân, vì dân mà đấu tranh. Vì vậy, Hồ Chí Minh "Đảng ta là Đảng cách mạng. Ngoài lợi ích của nhân dân, Đảng không có lợi ích gì khác. Vì vậy mà Đảng được dân tin, dân phục, dân yêu. Ngày nay, nhiệm vụ của Đảng ta là lãnh đạo quần chúng đánh thắng tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng đời sống ấm no sung sướng cho nhân dân. Như thế là xây dựng chủ nghĩa xã hội"[69; tr.447]. Đảng tổ chức tập hợp thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc trong công cuộc kháng chiến, cứu nước và xây dựng đất nước trong điều kiện đất nước chìm đắm trong cảnh nộ lệ, nhân dân lầm than, khổ tận cam lai nên "có Đảng tiên phong, có Mặt trận Dân tộc Thống nhất, đoàn kết và lãnh đạo toàn dân, kiên quyết đấu tranh cho độc lập, tự do, làm cho Cách mạng Tháng Tám thắng lợi"[66; tr.85].

Đoàn kết nhất trí trong Đảng được hiểu là sự thống nhất, đoàn kết từ chủ trương, đường lối, chính sách đến hoạt động thực tiễn. Đoàn kết nhất trí là sức mạnh của Đảng. Để giữ gìn sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng cần thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên tự phê bình và phê bình nhằm không ngừng tiến bộ được coi là "phương thuốc tốt nhất" chữa trị mọi căn bệnh như quan liêu, hách dịch, cửa quyền. Phải có tình đồng chí yêu thương lẫn nhau, thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư, vừa là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Người nhắc nhở việc giữ gìn đoàn kết trong Đảng đặc biệt quan trọng, giữ vai trò quyết định như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Đoàn kết trong Đảng được Hồ Chí Minh viết cho từng đối tượng cụ thể, trong đó thể hiện quan hệ đoàn kết trong chi bộ, đoàn kết giữa đảng viên với đảng viên, giữa chi bộ này với chi bộ khác, đoàn kết giữa Đảng với Chính phủ, với MTDTTN, với Công đoàn, với nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết của nhân dân quyết định

mọi sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam. *Đoàn kết trong chi bộ:* Chi bộ là nơi quy tụ sự đoàn kết của các đảng viên, là nơi giáo dục, bồi dưỡng đảng viên. Tầm quan trọng của chi bộ được Hồ Chí Minh khẳng định "Chi bộ là gốc rễ của Đảng ở trong quần chúng. Chi bộ tốt thì mọi chính sách của Đảng đều được thi hành tốt, mọi công việc đều không ngừng tiến bộ. Trái lại, chi bộ kém thì công việc không trôi chảy"[70; tr.193]. Mỗi đảng viên trong chi bộ cần nhận thức rõ nhiệm vụ trách nhiệm của mình, đoàn kết với nhân dân để hoàn thành nhiệm vụ được Đảng giao phó. Để thực hiện đoàn kết mỗi đảng viên phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu, đi đầu trong mọi phong trào, hướng dẫn, tập hợp nhân dân thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, ra sức học tập, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, nắm vững và thực hiện các nguyên tắc của Đảng "một là, nguyên tắc đoàn kết nội bộ. Hai là, nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách"[69; tr.253], giữ bí mật, tuyệt đối trung thành với Đảng. Chi bộ phải tăng cường đoàn kết hơn nữa việc đoàn kết nông thôn, làm cho nhân dân phấn khởi, hăng hái tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm. *Đoàn kết trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cấp uỷ*: Đối với cấp uỷ phải tiên phong, gương mẫu, lãnh đạo phải đi đúng hướng của quần chúng, có biện pháp cụ thể, thiết thực trong tổ chức và chỉ đạo thực hiện nhằm giải quyết các vấn đề của thực tiễn đặt ra một cách linh hoạt, chủ động sáng tạo mà vẫn giữ được các nguyên tắc của Đảng. Lãnh đạo của cấp uỷ Đảng cần phải "các cấp Đảng bộ phải thấy hết khả năng của địa phương; nhận rõ trách nhiệm với đời sống nhân dân"[69; tr.260]. Đoàn kết trong cấp uỷ quyết định đến chất lượng trong việc thực hiện nhiệm vụ đã đề ra. *Đoàn kết các đảng viên:* Theo Hồ Chí Minh đoàn kết giữa các đảng viên nhằm giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó. Muốn đoàn kết, mỗi đảng viên cần phải chú trọng công tác tự phê bình, phê bình chân thành, thật thà tức là giúp nhau cùng tiến bộ, đó là đoàn kết. Chống lại những biểu hiện đoàn kết xuôi chiều, lợi dụng đoàn kết để dìm nhau như vậy không những không đoàn kết mà còn gây nguy hại cho Đảng. *Đoàn kết giữa Đảng, Đảng viên với nhân dân.* Đây được coi là mối quan hệ máu thịt, quyết định sự tồn vong của chế độ, của sự tồn tại của Đảng, sự phát triển của đất nước. Vì mối quan hệ này thật sự được chú trọng, đoàn kết thật sự thì

mọi khó khăn đều được giải quyết. Nhận định này đã được chứng minh trong thực tiễn qua các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ của dân tộc ta. Các cấp uỷ đảng lãnh đạo tốt, đồng bào và cán bộ đoàn kết nhất trí và phấn khởi thi đua, thì nhất định chúng ta sẽ hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch mà Đảng và Chính phủ giao cho"[69; tr.261].

Đoàn kết trong Nhà nước, Quốc hội Việt Nam: Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, là nhà nước dân chủ nên mọi lợi ích đều hướng đến lợi ích của nhân dân. Nhà nước có trách nhiệm đoàn kết, tập hợp nhân dân để bảo vệ và xây dựng nhà nước. Nhà nước thực hiện tốt chức năng của mình là duy trì, chăm lo, nâng cao đời sống của nhân dân. Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh vai trò của Chính phủ, Quốc hội trong tập hợp, vận động đại đoàn kết toàn dân thống nhất nước nhà, cải cách ruộng đất, phát triển kinh tế, tài chính, văn hoá, xã hội, quốc phòng, dân tộc, ngoại giao, ngân sách nhà nước. Muốn thực hiện được nhiệm vụ đó "toàn dân phải đoàn kết chặt chẽ, củng cố hơn nữa"[66; tr.499]; Để thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, đường lối chính sách của Chính phủ, Quốc hội cần kêu gọi toàn thể nhân dân "hãy ra sức đoàn kết"[66; tr.502] và nguyên nhân của sự thành công là do đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ đúng đắn và do "toàn dân đã đoàn kết phấn đấu để thực hiện đường lối, chính sách" [66; tr.502] trên tinh thần phát huy những ưu điểm, quyết tâm sửa chữa các khuyết điểm, sai lầm. "Quốc hội ta luôn phát huy truyền thống đoàn kết nhất trí của toàn dân ta, trong mọi công tác kháng chiến cũng như kiến quốc đều nhất trí với nhận định của Đảng và Chính phủ"[67; tr.384].

Đoàn kết trong các tổ chức chính trị - xã hội, mỗi tổ chức phát huy vai trò của mình trong công cuộc giải phóng dân tộc và phát triển đất nước.

Đoàn kết trong Hội Phụ nữ: Hồ Chí Minh là người đặc biệt quan tâm đến phụ nữ, khẳng định phụ nữ là một lực lượng mạnh mẽ đấu tranh cho công cuộc giữ gìn hoà bình và giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước. Phụ nữ Việt Nam có truyền thống đấu tranh anh dũng, cần cù, tích cực tham gia kháng chiến, giải phóng dân tộc. Người đặc biệt chú ý đến vấn đề đoàn kết, bình đẳng nam nữ "Đảng và Chính phủ ta luôn

chú ý nâng cao địa vị của phụ nữ, Hiến pháp định rõ "nam nữ bình đẳng" và luật lấy vợ, lấy chồng, v.v., đều nhằm mục đích ấy"[68; tr.507]. Người luôn đặt vấn đề giải phóng phụ nữ vì giải phóng phụ nữ thì mới giải phóng được một nửa xã hội; quan tâm giúp đỡ phụ nữ, xoá bỏ tư tưởng trọng nam, khinh nữ, thói đánh vợ, ép con. Hồ Chí Minh cho rằng, ghi nhận những công lao của chị em phụ nữ trong cách mạng và kháng chiến, tinh thần dũng cảm, hy sinh và để xoá bỏ những hủ tục, đảm bảo quyền lợi của phụ nữ thì các chị em cần tự bản thân mình đấu tranh cho quyền lợi của mình. Trong cách mạng giải phóng dân tộc, chị em phụ nữ chịu nhiều thiệt thòi, nhiều phụ nữ bị bọn thực dân Pháp hãm hiếp, giết hại, chịu cực khổ nhưng phụ nữ Việt Nam phát huy truyền thống dũng cảm của Bà Trưng, Bà Triệu luôn nâng cao tinh thần yêu nước, đoàn kết vừa chăm lo cho gia đình, vừa tham gia kháng chiến, tham gia sản xuất, học tập nâng cao trình độ văn hoá. Các chị em phụ nữ cả nước, trong đó có chị em dân tộc thiểu số gan góc, dũng cảm, vượt qua mọi khó khăn "còn gạt cả mê tín để bảo vệ cách mạng và cán bộ hoạt động thời cách mạng"[68; tr.510] như giúp đỡ thương binh, đi dân công, lái xe, đi tải đạn dược, lương thực, làm đường… Trong công cuộc kiến thiết chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh để hoà bình thống nhất đất nước, Người cho rằng phụ nữ cần phải đoàn kết chặt chẽ "chị em các dân tộc, lao động chân tay, lao động trí óc, phụ nữ miền Nam và miền Bắc; phụ nữ các phe ta với phụ nữ trên thế giới"[69; tr.58] vì mục đích chung là đấu tranh cho hoà bình thế giới và chủ nghĩa xã hội. Ngoài ra, Người còn nhấn mạnh đến trách nhiệm của phụ nữ là làm chủ đất nước, thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm để xây dựng nước nhà. Muốn làm chủ, phụ nữ cần xoá bỏ mặc cảm như tâm lý tự ti, ỷ lại mà phải có ý chí tự cường, tự lập, không ngừng nâng cao trình độ học vấn, văn hoá, thực hiện luật hôn nhân và gia đình, thực hiện quyền tự do hôn nhân, phá bỏ các hủ tục trong hôn nhân. Theo Người, phụ nữ muốn làm chủ thì phụ nữ cần phải xác định rõ "địa vị làm chủ và nhiệm vụ của người làm chủ nước nhà; phải có quyết tâm mới, đạo đức mới, tác phong mới để làm trọn nghĩa vụ mới của mình là góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà"[69; tr.60-61]. Hồ Chí Minh đã phê bình, nhắc nhở tỷ lệ phụ nữ tham gia quản lý nhà nước và xã hội

còn ít, tham gia quản lý trong các nhà máy, xí nghiệp. Người luôn động viên chị em phụ nữ không ngừng nâng cao trình độ, chịu khó học hỏi, đặc biệt đảm bảo tỉ lệ nam nữ trong cán bộ lãnh đạo, thành phần dân tộc; nâng cao địa vị của phụ nữ; Phát huy tác dụng của phụ nữ trong gia đình vì "gia đình là hạt nhân của xã hội. Mọi gia đình phải đoàn kết cộng lại thành xã hội đoàn kết"[69; tr.524]. Phụ nữ nước ta phải cố gắng để theo kịp chị em các nước bạn, góp phần nhiều hơn nữa trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Công đoàn: Tổ chức công đoàn có nhiệm vụ tuyên truyền đường lối chính sách chung của Đảng và phải giáo dục cho công nhân đạo đức vô sản, đạo đức cách mạng; giải thích cho công nhân rõ tình hình trong nước và thế giới; phải lãnh đạo, hướng dẫn công nhân. "Muốn tổ chức và phát triển lực lượng xây dựng to lớn của giai cấp công nhân thì cần có công đoàn mạnh và cán bộ công đoàn tốt"[69; tr.432]. Tổ chức công đoàn muốn đoàn kết các lực lượng thì công đoàn phải được thành lập ở các cơ quan như nhà máy, công trường, hầm mỏ, nông trường, trường học, nhà thương… Công đoàn cần phải làm tốt các phong trào thi đua, yêu nước, tổ chức đều đặn hội nghị cán bộ viên chức để lắng nghe ý kiến của nhân dân, viên chức, anh em; khéo tổ chức thi đua tập thể, cải thiện và chăm lo đời sống cho cán bộ, viên chức. Khắc phục các khuyết điểm – là nguyên nhân gây mất đoàn kết như không tổ chức hội nghị công nhân viên chức; chạy theo năng suất không chú ý đến chất lượng; nội bộ kém đoàn kết dẫn đến sản xuất không tiến bộ; thiếu sự quan tâm đến đời sống của cán bộ. Hồ Chí Minh đưa ra các biện pháp nhiệm vụ của công đoàn: tăng cường ý thức làm chủ tập thể; cần kiệm; thi đua yêu nước; củng cố khối liên minh công – nông. Chống các tệ như tham ô, lãng phí, quan liêu. Cố gắng học tập, cố gắng vươn lên không ngừng tiến bộ. Chủ động xây dựng quan hệ đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau giữa các tổ chức, các ngành nghề, nhất là giữa công đoàn, giám đốc và Đoàn Thanh niên. Chống lại tư tưởng trông chờ, ỷ lại, cục bộ; đoàn kết giữa lao động trí óc và lao động chân tay; làm tốt công tác bảo hộ lao động. Thật sự chăm lo đến đời sống của công nhân, viên chức; cải tiến lối làm việc, đi sâu, đi sát vào cơ sở…

Đoàn kết nông hội (Hội Nông dân): Đoàn kết trong nông hội nhằm tăng gia sản xuất, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, xây dựng Hợp tác xã, tổ đổi công. Hồ Chí Minh

chỉ ra những ưu điểm của nông hội chăm chỉ, đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng "Họ tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Họ không sợ khó sợ khổ, khéo tổ chức, họ đoàn kết chặt chẽ, họ quyết tâm phấn đấu để tiến lên"[69; tr.3]. Người nhắc nhở cần khéo tổ chức và tập hợp họ để giúp nông hội ngày càng phát triển. Cần phải khắc phục hạn chế như năng suất lao động thấp, chưa phát huy được vai trò của mỗi thành viên nhằm nâng cao năng suất lao động.

Đoàn kết các cụ phụ lão: Hồ Chí Minh rất kính trọng phụ lão, trong cuộc kháng chiến, kiến quốc các cụ phụ lão giữ vai trò là tấm gương dạy bảo con cháu, tuỳ theo sức của mình mà tham gia kháng chiến, tham gia bình dân học vụ, tăng gia sản xuất, tham gia trồng cây, gây rừng theo tinh thần

"Tuổi già nhưng chí không già

Góp phần xây dựng nước nhà phồn vinh"[69; tr.338].

Hồ Chí Minh đã có nhiều bài nói, bài viết động viên, biểu dương, cảm ơn các cụ phụ lão đã phát huy truyền thống đoàn kết, yêu nước để góp phần xây dựng đất nước, tham gia kháng chiến, bảo vệ thành quả cách mạng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá cao vai trò và trách nhiệm của các phụ lão đối với đất nước. Người kêu gọi đoàn kết các bậc phụ lão để giúp nước, giáo dục con cháu các truyền thống tốt đẹp của dân tộc, làm gương cho các con cháu noi theo bằng tất cả những điều tốt đẹp mà các cụ đã tích luỹ được như lòng yêu nước nồng nàn, vốn kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng dẫu rằng các Cụ "tóc đã bạc, mắt đã hoa, tay run, chân mỏi, nhưng một lời nói của phụ lão có ảnh hưởng đến hưng bang, một hành động của phụ lão có ảnh hưởng đến giết giặc... Đối với gia đình, đối với Tổ quốc, phụ lão có trọng trách là bậc tôn trưởng, đối với làng xóm, đối với bà con, phụ lão có sự tín nhiệm lớn lao. Phụ lão hô, nhân dân hưởng ứng; phụ lão làm, nhân dân làm theo. Hô điều nên hô, làm việc nên làm. Người có của xuất của, người có sức dốc sức, góp gió thành bão, tụ hơi thành mây. Đồng bào cả nước đang ngẩng cao đầu mà trông chờ các bậc phụ lão"[59; tr.233]. Trong kháng chiến, nghe theo lời kêu gọi của chủ tịch Hồ Chí Minh các cụ phụ lão đã trở thành những chiến sĩ già tay chống gậy, tay cầm

dao giết giặc. Trong kiến quốc, các cụ tiên phong trong các phong trào học tập, động viên con cháu tham gia sản xuất, lên đường nhập ngũ thi đua lập công, cứu nước.

Đoàn kết thanh niên, sinh viên: Trong rất nhiều bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh dành tình cảm đặc biệt cho thanh niên, sinh viên, dành sự quan tâm đến thanh niên và đặc biệt giáo dục thanh niên đoàn kết; xung phong trên mọi mặt trận như chính trị, khoa học, kinh tế, đi đầu trong các phong trào học tập, rèn luyện, học tập để xứng đáng là người chủ tương lai của nước nhà theo tinh thần "Đâu cần thanh niên có, đâu khó thanh niên làm"[69; tr.70]. "Thanh niên phải xung phong "để xứng đáng là cánh tay đắc lực của Đảng"[69; tr.106]. Người nhắc nhở thanh niên, sinh viên cần đoàn kết trong môi trường giáo dục, đoàn kết toàn diện như: Thầy giáo với thầy giáo; thầy giáo với học trò; giữa nhà trường với thầy giáo; thầy giáo học trò với đồng bào địa phương; đoàn kết giữa thanh niên với nhau; đoàn kết giữa thanh niên miền Bắc với thanh niên miền Nam; đoàn kết với đồng bào địa phương, phải tuỳ theo khả năng mà giúp đỡ những việc có thể giúp đỡ được ví dụ như thu hoạch mùa màng, chống hạn. Ngoài ra, thanh niên cần chú ý việc tôn trọng kỷ luật của nhà trường; phải bàn bạc dân chủ; chú ý nghề phụ; học tập phải thiết thực; thanh niên vừa học tập vừa lao động; nâng cao cảnh giác chống lại các âm mưu chống phá, phá hoại của các thế lực thù địch, do vậy phải đoàn kết nội bộ thì kẻ địch không thể làm gì được. Trong thời kì kháng chiến chống Pháp các thanh niên Việt Nam đã đoàn kết để thực hiện các nhiệm vụ với nhiều vai trò khác nhau như chiến sĩ trong quân đội để đánh giặc gồm quân chủ lực, bộ đội địa phương, du kích; đi dân quân, tham gia vận động quần chúng để thực hiện các chính sách của Đảng như chính sách "Bình dân học vụ"; "chính sách cải cách ruộng đất", các cuộc vận động giúp đỡ học sinh, thiếu nhi, thanh niên xung phong, sống trong đất nước bị đô hộ, thanh niên cũng bị áp bức bóc lột nặng nề nên họ có chí khí cách mạng.

Như vậy, thanh niên, sinh viên ta có được những đóng góp to lớn như vậy là nhờ đoàn kết, "đoàn kết là sức mạnh. Có tài năng mà không đoàn kết thì cũng không thành công"[66; tr.383] vì cho dù địch mạnh mà ta đoàn kết thì sẽ thành công. Người nhắc nhở cần chú ý đến vấn đề phát triển Đảng trong sinh viên nhưng cần chú trọng

đến chất lượng. Cần tăng cường số đảng viên và sinh viên nhưng "khi phát triển phải chọn lọc hết sức cẩn thận, không được kết nạp bừa"[69; tr.447]. Ngoài ra, thanh niên, sinh viên cần đoàn kết dưới sự lãnh đạo của các chi đoàn để thực hiện các công tác xây dựng đời sống mới, thực hiện Luật Hôn nhân và gia đình, chống tảo hôn, thi hành các chính sách của nhà nước, xung phong đi đầu trên các mặt trận kinh tế, chính trị, kinh tế, khoa học, kỹ thuật nhằm góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội. "Phụ nữ và thanh niên gánh vác chính trong việc xây dựng đời sống mới và thực hiện đúng đắn Luật Hôn nhân và gia đình"[69; tr.83]; "Chi đoàn thanh niên giúp chi bộ thi hành các chính sách của Đảng và nhà nước"[69; tr.282]. "Thời đại này là thời đại vẻ vang của thanh niên, mà thanh niên phải là những đội xung phong trên các mặt trận chính trị, kinh tế, khoa học, kỹ thuật"[69; tr.188]; "Mục đích học là để làm kinh tế, chính trị, văn hoá đều tiến bộ, các dân tộc đều phải đoàn kết với nhau. Học để làm gì nữa? Học để xây dựng chủ nghĩa xã hội" .. Chủ nghĩa xã hội là gì? … Là đoàn kết. Muốn đi đến CNXH phải làm gì? Phải học tập, lao động và đoàn kết [69; tr.270]. Nhờ có Đảng, Chính phủ quan tâm, lại trải qua những năm kháng chiến được cọ sát với thực tế nên thanh niên luôn hăng hái, Người cho rằng muốn phát huy được những thế mạnh của thanh niên góp phần xứng đáng vào công cuộc củng cố miền Bắc, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh thì đoàn thanh niên cần có kế hoạch thiết thực để tập hợp, huấn luyện toàn thể thanh niên với khẩu hiệu "Đoàn kết quần chúng, vượt qua mọi khó khăn, ra sức học hành, tiến bộ mãi" [66; tr.153].

Đoàn kết thiếu niên, nhi đồng: Hồ Chí Minh nhấn mạnh thiếu niên và nhi đồng xây dựng đoàn kết trong môi trường giáo dục, đoàn kết trong nhà trường, đoàn kết giữa các học sinh với nhau cùng thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện, giúp đỡ gia đình, tùy theo lứa tuổi làm các công việc phù hợp, đã có nhiều tấm gương thiếu niên gan dạ, dũng cảm, hy sinh cho đất nước, dân tộc từ khi tuổi đời còn rất trẻ. Thiếu niên, nhi đồng là đối tượng được Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm với tình yêu thương vô bờ, cảm nhận sự thiệt thòi của thiếu niên, nhi đồng khi đất nước có chiến tranh, các em không được đi học, mà tham gia kháng chiến, giữ bí mật. Khi đất nước giành

độc lập, thiếu niên và nhi đồng được học hành. Người căn dặn thiếu niên và nhi đồng phải thực hiện 5 tốt, trong đó việc đầu tiên là đoàn kết tốt, "Đoàn kết tốt, học tập tốt, lao động tốt, kỷ luật tốt, vệ sinh tốt" [69; tr.83]. Mỗi dịp Tết Trung thu, năm học mới, Tết Nguyên đán, Hồ Chí Minh lại viết các nội dung căn dặn các cháu thiếu nhi cần đoàn kết, ngoan ngoãn, vui vẻ, mạnh khoẻ, chăm chỉ học, siêng làm việc để giúp đỡ cho gia đình, tuỳ theo lứa tuổi mà làm các công việc cho phù hợp "tuổi nhỏ làm việc nhỏ, tuỳ theo sức của mình". Ở trường phải kính trọng các thầy, cô giáo.

Đoàn kết trong lực lượng quân đội nhân dân: Quân đội ta từ nhân dân mà ra, chiến đấu hy sinh vì nhân dân nên bộ đội cần đoàn kết với nhau; đoàn kết với nhân dân, gắn bó, giúp đỡ nhân dân theo tinh thần "Ba cùng", "Đoàn kết và giúp đỡ nhân dân, nhất là đoàn kết, học hỏi, giúp đỡ và thi đua với công nhân và nông dân" [69; tr.157]. Khi có chiến tranh bộ đội đoàn kết để đánh giặc, giải phóng dân tộc. Khi hoà bình, bộ đội đoàn kết, gương mẫu, làm đầu tầu trong phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; giữ kỷ luật; nâng cao tinh thần cảnh giác; giữ bí mật quân sự, bí mật quốc gia. "Phải đoàn kết. Quân đội ta đã đoàn kết, phải đoàn kết hơn nữa. Đoàn kết nội bộ, toàn dân đoàn kết, các chiến sĩ miền Nam và miền Bắc phải đoàn kết chặt chẽ, không chia Nam Bắc, cán bộ và chiến sĩ đoàn kết, quân và dân đoàn kết" [66; tr.629]. Đoàn kết để thực hiện 2 nhiệm vụ vẻ vang của Đảng và Chính phủ giao đó là "1. Xây dựng quân đội ngày càng hùng mạnh và sẵn sàng chiến đấu. 2. Thiết thực tham gia lao động sản xuất để góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội" [67; tr.378].

Như vậy, *Hồ Chí Minh đã nhận thức đúng vị trí, vai trò của việc xây dựng lực lượng trong khối đại đoàn kết dân tộc*. Từ việc phân tích từng đặc điểm của giai cấp, tầng lớp Hồ Chí Minh đã thành công trong việc quy tụ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, không bỏ sót bất cứ một giai cấp, tầng lớp nào từ quân, dân, Chính, Đảng, liên minh giai cấp công nhân – nông dân – trí thức, từ cụ già đến các cháu thanh, thiếu niên, các chị em phụ nữ, các tổ chức đoàn thể nhằm thực hiện một mục đích, một nhiệm vụ chung của Tổ quốc, của dân tộc Việt Nam. Chính nhờ sức mạnh *đại đoàn kết toàn dân tộc là nguyên nhân, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.*

Đóng góp có ý nghĩa to lớn về mặt lý luận vì lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt Nam tập hợp nhiều thành phần giai cấp, tầng lớp đông đảo, hùng hậu nhất trong lịch sử. Điều đó thể hiện sức mạnh triệu người như một, đồng sức, đồng lòng tạo thành một lực lượng khổng lồ đè bẹp mọi quân thù – được coi là *một cống hiến xuất sắc của Hồ Chí Minh về tập hợp lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc.* Tập hợp lực lượng trong khối đại đoàn kết dân tộc có biên độ rộng rãi nhất, hễ ai là người Việt Nam yêu nước thì đoàn kết lại, tạo thành một lực lượng to lớn. Khéo léo và tài tình của Hồ Chí Minh trong *tập hợp lực lượng là sự kết hợp, hoà quyện giữa tính giai cấp và tính dân tộc vì lợi ích chung của dân tộc*, không có sự phân biệt giai cấp, tôn giáo, đảng phái, nghề nghiệp, dân tộc, tuổi tác, giới tính – điều này hiếm thấy ở các cuộc cách mạng trước đó trong lịch sử của dân tộc, sự sáng tạo, làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc, vấn đề giai cấp tại một nước thuộc địa, phụ thuộc dưới chế độ thực dân, đế quốc đô hộ, xâm lược. Hồ Chí Minh đã làm cho mọi người dân Việt Nam đều nhận thấy trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn đoàn kết và đoàn kết để thực hiện nhiệm vụ và hoàn thành nhiệm vụ của dân tộc giao phó. Hồ Chí Minh khéo léo động viên nhân dân, phân công mỗi giai cấp, tầng lớp đều thực hiện những nhiệm vụ rất cụ thể từ các cụ phụ lão, thanh niên, thiếu niên, nhi đồng đến bộ đội, công an, công nhân, nông dân, trí thức, quân nhân đến đoàn kết giữa quân, dân, Chính, Đảng; đoàn kết giáo dân, đoàn kết tôn giáo.

Đoàn kết trong Đảng, cụ thể là đoàn kết trong chi bộ, đoàn kết giữa đảng với nhân dân, giữa đảng viên với nhân dân được coi là quan trọng nhất vì có sự thống nhất, đoàn kết trong Đảng mới thực hiện được nhiệm vụ cách mạng nặng nề, đòi hỏi yêu cầu về tiêu chuẩn, đạo đức của người đảng viên luôn đặt lợi ích của quốc gia, của dân tộc lên hàng đầu, lên lợi ích cá nhân. Lợi ích của Đảng và lợi ích của nhân dân là một. TTHCM về đoàn kết trong Đảng đặt nền móng cho đoàn kết trong Đảng, cho lý luận cho ĐCSVN hiện nay tiếp tục vận dụng, bổ sung, xây dựng khối đại đoàn kết trong Đảng với nhân dân trong giai đoạn hiện nay.

Đoàn kết trong Chính phủ, Quốc hội, các cơ quan với nhân dân dân. Hồ Chí Minh đặt nền móng cho đoàn kết quân, dân, Chính, Đảng trong thời kì mới. Muốn

đoàn kết lâu dài đòi hỏi mỗi cơ quan, mỗi ban ngành đều phải hết lòng vì lợi ích của nhân dân, xây dựng nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, chăm lo đến đời sống lợi ích vật chất và tinh thần cho nhân dân, mang lại hạnh phúc cho nhân dân. Khắc phục những căn bệnh, những khuyết tật hạn chế của cán bộ công chức như tham ô, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, hách dịch cửa quyền… đó là những yếu tố làm mất niềm tin của nhân dân, gây nguy hại cho khối đại đoàn kết giữa nhà nước với nhân dân.

Đoàn kết giai cấp: Công – nông – trí là nền tảng, là gốc của đại đoàn kết dân tộc. Ngoài ra, Hồ Chí Minh còn phân chia các giai cấp địa chủ thành trung, tiểu địa chủ; giai cấp tư sản phân chia thành giai cấp tư sản dân tộc, giai cấp tư sản mại bản, đi sâu phân tích từng giai cấp để chắt chiu những điểm tương đồng dù là nhỏ bé nhất của các giai – tầng trong xã hội thực hiện sự đoàn kết với họ. Vì vậy, trong cuộc kháng chiến của dân tộc, hiếm có quốc gia nào giai cấp tư sản lại đoàn kết với các tầng lớp, giai cấp công – nông – trí để thực hiện nhiệm vụ chung, mục tiêu chung là giải phóng dân tộc, mang lại hạnh phúc cho nhân dân và khi cách mạng thắng lợi quyền lợi của các giai cấp, tầng lớp đều được đảm bảo, đều có lợi ích như nhau. Những nhận định chính xác của Hồ Chí Minh về đoàn kết giai cấp là cơ sở nền tảng góp phần tạo nên thành công của cách mạng nước ta trong sản xuất và giải phóng dân tộc nhờ sự phân tích cặn kẽ, thấu hiểu, tường tận về đặc điểm, địa vị của từng giai cấp trong xã hội Việt Nam.

Đoàn kết tôn giáo: Hồ Chí Minh luôn chủ trương đoàn kết lương giáo, đoàn kết các tôn giáo, tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào vì mục đích hướng về Tổ Quốc, hướng về dân tộc. Người luôn tìm những điểm tương đồng giữa tôn giáo và dân tộc để phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc. Người kiên quyết đấu tranh chống lại sự đàn áp tôn giáo, lợi dụng tôn giáo vì mục đích chính trị, chia rẽ dân tộc, phá hoại sự đoàn kết dân tộc. Người lên án sự giả dối của các linh mục đội lốt bọn phản động, chính sách phản động, lợi dụng tôn giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm, chính quyền bù nhìn Sài Gòn đã lợi dụng đồng bào công giáo, tuyên truyền các nội dung trái với lời dạy của đức Chúa. Người kiên quyết chống lại âm mưu chia rẽ đất

nước của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ hòng biến nước ta thành nước thuộc địa kiểu mới của chúng. Người kêu gọi đồng bào lương giáo đoàn kết nhằm xây dựng đời sống hoà thuận, ấm no và xây dựng đất nước. Hồ Chí Minh là người đặt nên móng cho đoàn kết tôn giáo ở Việt Nam, giải quyết vấn đề tôn giáo trên cơ sở tôn trọng quyền tự do tôn giáo của nhân dân, gắn vấn đề tôn giáo với vấn đề dân tộc, làm cho tôn giáo đồng hành cùng dân tộc, cùng mục tiêu sống "tốt đời, đẹp đạo". Tôn giáo là vấn đề xã hội phức tạp, nếu không có nhìn nhận, đánh giá, cư xử đúng mực sẽ gây tác hại khôn lường, gây tổn thất lớn cho sự ổn định và phát triển của đất nước, cho cách mạng cũng như gây ra những rạn nứt trong khối đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết tôn giáo là vấn đề được Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm trong bối cảnh các thế lực thù địch đã không từ mọi thủ đoạn để lợi dụng tôn giáo nhằm chia rẽ các đồng bào giáo dân với Tổ quốc, với dân tộc. Chúng dùng nhiều chiêu trò thâm hiểm để dụ dỗ đồng bào giáo dân di cư vào miền Nam, nhất là thời kì bọn Mỹ - Diệm. Chúng tàn sát, áp bức đồng bào giáo dân một cách dã man; chúng lợi dụng đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng biên cương của Tổ quốc chống lại cách mạng. Hồ Chí Minh đã kêu gọi, thuyết phục, cảm hoá, đoàn kết và chủ trương tự do tín ngưỡng tôn giáo, đoàn kết vì lợi ích của quốc gia, dân tộc "tôn giáo đồng hành cùng dân tộc". Giải quyết đúng đắn, thành công vấn đề đoàn kết tôn giáo trong điều kiện cụ thể của nước ta (trong cách mạng giải phóng dân tộc), theo TTHCM là cơ sở lý luận quan trọng để Đảng, Nhà nước ta tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và vận dụng vấn đề đoàn kết tôn giáo trong việc giải quyết các vấn đề đoàn kết tôn giáo trong tình hình mới của đất nước, đặc biệt là vấn đề giải quyết các vấn đề đoàn kết tôn giáo tại các tỉnh miền núi phía Bắc với những diễn biến phức tạp hiện nay.

Đoàn kết các dân tộc thiểu số, đoàn kết đồng bào dân tộc vùng cao: Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến đoàn kết các đồng bào dân tộc rẻo cao vì nơi đây không chỉ là căn cứ địa cách mạng mà còn là phên dậu của Tổ quốc "đồng bào lại cần cù, siêng năng", đoàn kết thương yêu, giúp đỡ nhau. Dưới chế độ thực dân, phong kiến, đồng bào rẻo cao rất cực khổ, bị thực dân, phong kiến bóc lột, đàn áp. Trung ương và Chính phủ giao cho cán bộ từ

tỉnh đến xã phải ra sức giúp đỡ hơn nữa đồng bào rẻo cao về mọi mặt. "Đồng bào các dân tộc phải đoàn kết chặt chẽ, thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau như anh em trong một nhà"[69; tr.83]. Thời kì hoà bình đồng bào rẻo cao phát huy tinh thần đoàn kết, ra sức học tập, phát triển kinh tế để tiến kịp miền xuôi, xoá bỏ những tàn tích, hủ tục lạc hậu, bảo vệ biên cương của Tổ Quốc.

Trong khi tập hợp đoàn kết giai cấp, đoàn kết giữa chính quyền với nhân dân; đoàn kết lương giáo, đoàn kết các dân tộc, đặc biệt là đoàn kết các dân tộc thiểu số là một nội dung quan trọng trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Hồ Chí Minh. Tiếp tục phát huy truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam sống xen kẽ, thuận hoà, tương trợ lẫn nhau, Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào các dân tộc thiểu số đoàn kết cùng xây dựng đời sống, đoàn kết để giữ gìn biên giới, lãnh thổ, đặc biệt là lãnh thổ giáp biên với các nước láng giềng; đoàn kết để cùng phát triển kinh tế; đoàn kết với nhân dân các dân tộc thiểu số với nhân dân các nước láng giềng. Đây là cơ sở nền móng cho đối ngoại nhân dân tại các tỉnh giáp biên, là cơ sở tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong thời kì mới.

Như vậy, Hồ Chí Minh đã lấy mẫu số chung của tất cả các giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam là đại đoàn kết dân tộc (đại đoàn kết toàn dân) vì lợi ích chung. Đặt lợi ích tối cao của quốc gia, của dân tộc lên trên hết. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong thời kì mới, là cơ sở lý luận để các nhà nghiên cứu tiếp tục nghiên cứu sự biến đổi, sự phân tầng giai cấp, đánh giá đúng vai trò của từng giai cấp, tầng lớp, đoàn kết tôn giáo, đoàn kết các dân tộc thiểu số trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện nhiệm vụ xây dựng đất nước trong thời kì đổi mới, CNH, HĐH đất nước, xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc.

2.2.3. Giá trị vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc, phương pháp trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

2.2.3.1. Nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Một là, đại đoàn kết trên cơ sở đảm bảo lợi ích tối cao của của dân tộc, quyền lợi của Đảng, của nhân dân lên trên hết, cao hơn hết.

Nguyên tắc bất di bất dịch trong tập hợp đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh dựa trên lợi ích của dân tộc, của nhân dân trên hết, cao nhất – đó là độc lập dân tộc, tự do, hạnh phúc của nhân dân nhằm mục tiêu "xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới"[71; tr.614]. Lợi ích của đất nước được thực hiện, lợi ích của giai cấp, của cá nhân mới được thực hiện. Từ hành động, lời nói của Hồ Chí Minh trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người đều vì dân, vì nước, vì quyền lợi của dân tộc. Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở mỗi cá nhân, mỗi giai cấp, mỗi tầng lớp, đồng bào các dân tộc hoàn thành nhiệm vụ của mình, làm tròn nhiệm vụ được giao, làm bất cứ việc gì đặt lợi ích của dân tộc, của đất nước và của nhân dân lên đầu tiên theo tinh thần việc gì có lợi cho nhân dân thì dù nhỏ mấy cũng làm, việc gì có hại cho nhân dân dù nhỏ mấy cũng phải hết sức tránh. Để đoàn kết lâu dài cần phải kiên quyết sửa chữa những thói hư, tật xấu, những căn bệnh gây mất đoàn kết, tổn hại đến lợi ích của đất nước và của nhân dân. Người lên án mạnh mẽ chủ nghĩa cá nhân coi đây là nhân tố đối lập với chủ nghĩa tập thể, bệnh công thần, óc địa vị "nó đẻ ra nhiều cái xấu như xích mích, kèn cựa giữa cán bộ và đảng viên, không ai phục ai, không giúp đỡ nhau, không cộng tác với nhau. Bệnh cá nhân còn dẫn đến tệ bảo thủ, quan liêu, tham ô, lãng phí, sợ khó, sự khổ, thấy khó khăn đâm ra tiêu cực, bi quan"[70; tr.187], là ngọn nguồn của nhiều, tư lợi, các căn bệnh như quan liêu, tham ô, lãng phí, gây nguy hại cho khối đại đoàn kết dân tộc, trái với lợi ích của nhân dân.

Đoàn kết nhất trí vì quyền lợi của Tổ Quốc, vì hạnh phúc của nhân dân, nâng cao trách nhiệm của mỗi cá nhân, mỗi cán bộ đảng viên, mỗi con người Việt Nam là sức mạnh, là then chốt của thành công "đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công. Đảng ta là một đảng cách mạng theo chủ nghĩa Mác – Lênin. Tất cả các đảng viên phải đặt quyền lợi của Đảng, của giai cấp và của nhân dân lên trên hết, cao hơn hết"[70; tr.186] và "cần phải nhất trí về tư tưởng, về hành động, về tình cảm. Đồng thời do nhất trí về tình hình và nhiệm vụ, nâng cao tinh thần trước Đảng và trước nhân dân mà tăng cường đoàn kết – đó là điều chính"[70; tr.187]. Như vậy, với việc

xây dựng, tập hợp đại đoàn kết dân tộc vì mục đích giải phóng dân tộc, mang lại hoà bình, độc lập, tự do, hạnh phúc cho nhân dân, lấy lợi ích của nhân dân lên trên hết thì dù việc khó khăn đến đâu cũng giải quyết được, dù gian khổ đến đâu đều vượt qua "làm đúng ý nguyện của dân thì ắt thành. Làm trái ý nguyện của dân thì ắt bại"[66; tr.63].

Hai là, đại đoàn kết dân tộc trong Mặt trận Dân tộc Thống nhất dựa trên nguyên tắc liên minh công – nông – trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đây là nguyên tắc cốt lõi trong chiến lược đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh, thể hiện tính Đảng sâu sắc. Nó chứng tỏ tập hợp lực lượng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh khác về bản chất so với cách thức tập hợp lực lượng của cách mạng tư sản, phong kiến, cũng như các thế hệ cha anh đi trước. Tập hợp lực lượng đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh mang tính nguyên tắc, đoàn kết có tổ chức chặt chẽ, có kỷ luật, đoàn kết rộng rãi, không bỏ sót bất kì lực lượng nào. Người khẳng định lực lượng trong khối đoàn kết dân tộc là công nông, liên minh công - nông là nền tảng của Mặt trận Dân tộc Thống nhất. Sở dĩ lấy công nông làm nền tảng xuất phát từ sự phân tích đặc điểm cơ cấu xã hội giai cấp của Việt Nam – một nước nông nghiệp lạc hậu, bị thực dân Pháp đô hộ giai cấp công nhân và nông dân là hai giai cấp bị áp bức bóc lột nặng nề nhất, là những người sản xuất trong hai lĩnh vực cơ bản nhất là công nghiệp và nông nghiệp nên chí khí cách mạng của các giai cấp này bền gan hơn các giai cấp, tầng lớp khác. Ngoài ra, một bộ phận nhân dân có vai trò quan trọng trong xây dựng xã hội đó là tầng lớp trí thức, cho nên cần phải đoàn kết với tầng lớp trí thức. Ngoài ra, Hồ Chí Minh còn phân tích điểm mạnh, điểm hạn chế của từng giai cấp để quy tụ thêm các giai cấp tư sản dân tộc, thanh niên, phụ nữ, chức sắc, tín đồ tôn giáo, kiều bào ở nước ngoài đồng sức, đồng lòng hướng về Tổ quốc.

Quán triệt quan điểm cách mạng là sự nghiệp của dân chúng, chứ không phải là việc của một hay hai người nên từ rất sớm Hồ Chí Minh đã thức tỉnh nhân dân phải đoàn kết đứng lên làm cách mạng. Thực dân Pháp và đế quốc Mỹ sử dụng biện pháp

nham hiểm, thâm độc, lợi dụng tôn giáo, văn hoá đồi truỵ để mê hoặc, nô dịch nhân dân, lấy sức mạnh về quân sự, vũ khí để đàn áp nhân dân nên muốn chiến thắng được kẻ thù cần phải thức tỉnh nhân dân, sau đó giác ngộ nhân dân rồi phải tổ chức, đoàn kết và lãnh đạo nhân dân để chiến thắng kẻ thù, mà tổ chức có thể đảm đương được việc nặng nề nhưng vẻ vang đó chính là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng phải lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm "cốt", để bên trong thì vận động và tổ chức nhân dân, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản mọi nơi. Như vậy, Đảng là cái "cốt" trong tập hợp sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam, đồng thời Đảng CSVN là tổ chức đại diện cho lợi ích của giai cấp, của nhân dân và của dân tộc Việt Nam.

Đoàn kết dân tộc theo Hồ Chí Minh phải được tổ chức chặt chẽ, có kỷ luật nên đoàn kết dân tộc phải được tập hợp thành một tổ chức nhằm quy tụ sức mạnh của cả dân tộc Việt Nam không phân biệt giai cấp, tầng lớp, giàu nghèo, quý tiện, đảng phái đó là Mặt trận Dân tộc Thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là điều kiện đảm bảo vững chắc nhất cho củng cố sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo, vạch ra đường lối, chủ trương đúng đắn, tổ chức tập hợp đông đảo quần chúng nhằm thực hiện giải phóng dân tộc, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, mối quan hệ giữa Đảng với MTDTTN là mối quan hệ gắn bó, khăng khít và quan hệ chặt chẽ với nhau. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là lực lượng lãnh đạo; mặt trận cung cấp lực lượng hùng hậu cho Đảng. Vì vậy, thiếu một trong hai lực lượng thì cách mạng không thể thành công.

Ba là, tin vào dân, dựa vào nhân dân, tôn trọng nhân dân

Tin vào nhân dân, dựa vào nhân dân là nguyên tắc quan trọng, chi phối toàn bộ quá trình phát triển và tồn tại của đất nước, là bài học được đúc kết qua các thời kì lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Chủ trương tập hợp đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh tuyệt đối tin tưởng vào nhân dân, dựa vào nhân dân thì khó khăn nào cũng có thể giải quyết được, vượt qua được. Tư tưởng lấy dân làm gốc, dân là

nền tảng, là lực lượng chính của của khối đại đoàn kết dân tộc. Dân là nguồn sức mạnh vô địch quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Là người lãnh đạo yêu dân, tin dân, dựa vào nhân dân nên Hồ Chí Minh nhận thấy nhân dân chính là lực lượng có tinh thần yêu nước, sáng tạo. Tin vào nhân dân, dựa vào nhân dân là phương châm hành động để tập hợp sức mạnh vô địch trong nhân dân quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Bốn là, thực hành dân chủ thật sự, tự phê bình, phê bình, đoàn kết chặt chẽ, lâu dài, chân thành, đoàn kết trên tinh thần "cầu đồng tồn dị", tự nguyện.

Tôn trọng nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nhân dân là người chủ của đất nước của xã hội, là chủ thể của khối đại đoàn kết dân tộc. Vì vậy, nhân dân có trách nhiệm trong việc thực hành dân chủ và phát huy trách nhiệm của mình với tư cách là người chủ. Hồ Chí Minh nhấn mạnh "Dân chủ là dân là chủ, dân làm chủ". Vì vậy, đoàn kết thực sự là phải để nhân dân nói lên tiếng nói của mình để góp sức của mình tham gia xây dựng và bảo vệ đất nước. Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh "muốn thật sự đoàn kết thì phải có dân chủ thật sự trong Đảng"[70; tr.186]. Dân chủ là mọi người được bàn bạc, được phát biểu ý kiến của mình, gạt bỏ những định kiến, những thành kiến, tìm những điểm tương đồng, đi đến cái chung. Trong mỗi con người, mỗi giai cấp đều có lợi ích riêng và lợi ích chung, có sự khác biệt về trình độ, nhận thức, mắc phải những sai lầm, khuyết điểm. Hồ Chí Minh không những chỉ ra mà còn đưa ra các biện pháp để giải quyết vấn đề về dân chủ đó là tự phê bình và phê bình. Tự phê bình và phê bình được coi là thang thuốc bổ chữa lành mọi vết thương, mọi sự hiểu lầm, làm cho sự thống nhất đoàn kết được tăng cường, làm cho thói hư, tật xấu, những hạn chế mất dần, cùng sửa chữa cái sai, để càng ngày càng tiến bộ. Tự phê bình và phê bình phải trên tinh thần thật thà, chân thành, dân chủ, nghiêm chỉnh và đây là công tác được tiến hành thường xuyên như rửa mặt hàng ngày. "Phải thường xuyên nghiêm chỉnh phê bình và thật thà tự phê bình để giúp nhau sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm, để cùng nhau tiến bộ. Là cách mạng có đúng, có sai. Cố nhiên đúng phải là chính, sai là phụ. Có sai thì chúng ta giúp nhau kiên quyết cùng sửa chữa và cùng nhau hăng hái tiến lên" "giữa đảng viên và cán bộ với nhau, phải

kiên quyết bỏ hết thành kiến. Thành kiến là một thói xấu, có hại"[70; tr.186]. Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh tránh lợi dụng việc phê bình để dìm người giỏi, để hạ bệ và không mang ý nghĩa nhân văn, tích cực, phê bình việc chứ không phải phê bình người.

Việc quy tụ sức mạnh đại đoàn kết theo Hồ Chí Minh có biên độ rất rộng, gồm các đảng phái, tôn giáo, các giai cấp, tầng lớp… những ai yêu nước, vì lợi ích của dân tộc thì đoàn kết với họ nên bên cạnh những điểm tương đồng còn có những điểm khác biệt vì vậy muốn đoàn kết lâu dài, chặt chẽ cần phải bàn bạc, hiệp thương dân chủ để đi đến thống nhất. Hồ Chí Minh đã khéo léo giải quyết những yếu tố, những mặt khác biệt, cục bộ để đi đến cái chung, cái thống nhất trên cơ sở "cầu đồng tồn dị" tức là lấy cái chung để hạn chế cái riêng. Mặt khác, Hồ Chí Minh nhấn mạnh đoàn kết cần phải tránh tình trạng đoàn kết xuôi chiều, phải có tấm lòng nhân ái, khoan dung, độ lượng giữa người với người cho nên để vừa đảm bảo đoàn kết lâu dài, vừa tránh hiện tượng đoàn kết xuôi chiều, bè phái thì biện pháp đoàn kết phải gắn với đấu tranh, đấu tranh để tăng cường đoàn kết. Đối với những người trước đây đã phạm sai lầm nhưng đã biết cải tà, quy chính thì độ lượng để đoàn kết với họ.

> *Tôi khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón ngắn, ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này thế này hay thế khác đều dòng dõi tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hoá họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc sẽ vẻ vang*[60; tr.280-281]. *"Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội, mọi người cần đoàn kết thực sự và giúp nhau cùng tiến bộ. Đoàn kết thực sự nghĩa là mục đích phải nhất trí và lập trường cũng phải nhất trí. Đoàn kết thực sự nghĩa là vừa đoàn kết, vừa đấu tranh, học những cái tốt của nhau, phê bình những cái sai của nhau và phê bình trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân. Nói tóm lại muốn tiến lên CHXH thì cần đoàn kết lâu dài, đoàn kết thực sự và cùng nhau tiến bộ"*[67; tr.362].

Năm là, đại đoàn kết dân tộc dựa trên liên minh công - nông và các tầng lớp nhân dân lao động khác dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Mặt trận Dân tộc giải phóng.

Đây là cơ sở cho nguyên tắc về đại đoàn kết dân tộc rộng rãi, chặt chẽ, lâu bền, có tổ chức chặt chẽ trong MTDTTN và dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN. Đây là nguyên tắc cốt lõi trong chiến lược tập hợp lực lượng, đại đoàn kết dân tộc theo TTHCM, hoàn toàn khác về chất so với cách tập hợp đoàn kết của các nhà yêu nước trước đó vì đoàn kết ở đây là đoàn kết các giai cấp, tầng lớp trên cơ sở lý luận khoa học, không phải đoàn kết theo kiểu vô chính phủ hay xoá nhoà, coi nhẹ giai cấp hay sự tự phát của quần chúng nhân dân. Người xác định lực lượng chính của đại đoàn kết toàn dân tộc đó là liên minh giai cấp công nhân và giai cấp nông dân vì những giai cấp này là giai cấp trực tiếp tham gia sản xuất, phát triển xã hội, đại diện cho hai lĩnh vực cơ bản nhất của xã hội đó là công nghiệp và nông nghiệp nhưng họ lại bị áp bức, bóc lột nặng nề nhất, cực khổ nhất nên tinh thần đấu tranh của họ mạnh mẽ nhất, bền bỉ nhất, chí khí nhất. Trong khi khẳng định giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo, thực hiện liên minh giai cấp công – nông thì cần đoàn kết với các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội đó là tầng lớp trí thức.

Đoàn kết liên minh công – nông – trí thức trong tổ chức là MTDTTN, tuỳ theo từng thời kì mà tên gọi khác nhau nhưng có thể thấy rằng đây là sự kết hợp giữa giai cấp và dân tộc. MTDTTN là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của cả dân tộc, bao gồm nhiều giai cấp, tầng lớp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo khác nhau cùng chung một mục đích giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước. MTDTTN đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự lãnh đạo này là tất yếu, vừa mang tính nguyên tắc để đảm bảo MTDTTN được thực hiện trên thực tế. Đảng vạch ra đường lối, chính sách đúng đắn, tổ chức vận động dân chúng, đoàn kết trong MTTDTN, ngoài liên lạc với giai cấp vô sản trên thế giới. Mối quan hệ giữa Đảng và MTDTTN là mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó MTDTTN cung cấp lực lượng cho Đảng; Đảng đề ra đường lối đúng đắn cho MTDTTN. Đảng vừa là lực lượng lãnh đạo, vừa là một thành viên của MTDTTN.

2.2.3.2. Phương pháp tập hợp lực lượng

Hồ Chí Minh đã sử dụng phương pháp tập hợp lực lượng rất uyển chuyển, linh hoạt, sáng tạo phù hợp với sự thay đổi của thực tiễn, mỗi giai đoạn cách mạng, mỗi đối tượng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Phương pháp mà Hồ Chí Minh đã sử dụng trong tập hợp lực lượng, củng cố khối đại đoàn kết đó là khéo tuyên truyền, khéo vận động quần chúng nhân dân; phương pháp nêu gương về thực hiện đại đoàn kết dân tộc. Những phương pháp đó đã góp phần quan trọng làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam, thể hiện ở việc vận dụng linh hoạt và hiệu quả công tác vận động quần chúng, tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục nhân dân; đồng thời kết hợp chặt chẽ phương pháp nêu gương với cách ứng xử chân thành, giàu tính nhân văn, qua đó cảm hóa, khơi dậy tinh thần tự giác, tự nguyện và ý thức trách nhiệm của nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng.

Một là, khéo tuyên truyền, khéo vận động, giáo dục, thuyết phục nhân dân

Để quy tụ sức mạnh của nhân dân thực hiện giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước, theo Hồ Chí Minh cần phải có phương pháp vận động "dân vận khéo" để nhân dân hiểu các chính sách, ý nghĩa, mục đích của chính sách đoàn kết dân tộc, khéo léo vận động mọi tầng lớp nhân dân đóng góp sức người, sức của tuỳ theo khả năng và phù hợp với lứa tuổi của mình. Thuyết phục nhân dân để dân tin, dân yêu, dân ủng hộ và cùng đoàn kết để hoàn thành nhiệm vụ nặng nề. Phương pháp này được sử dụng khéo léo thì dù khó khăn đến mấy sẽ giải quyết được. Hồ Chí Minh lưu ý, trong khi tuyên truyền thì phải cụ thể, thiết thực, phù hợp với từng đối tượng, hiểu kỹ về đối tượng mình tuyên truyền để lựa chọn nội dung cho phù hợp mới mang lại hiệu quả cao. Luôn phải đặt ra các câu hỏi "tuyên truyền cái gì? Tuyên truyền cho ai? Tuyên truyền để làm gì? Tuyên truyền cách nào"[70; tr.159]. Đặc biệt, đối với cán bộ miền núi khi tuyên truyền tại vùng cao, có nhiều đồng bào các dân tộc thiểu số cần phải hiểu biết về phong tục, tập quán, trình độ văn hoá của mỗi dân tộc để tuyên truyền linh hoạt, phù hợp, sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu, cụ thể hoá nội dung tuyên truyền cho nhân dân hiểu được đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Hình thức tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân được Hồ Chí Minh sử dụng rất đa dạng, phong phú như qua các tác phẩm, bài nói, bài viết, lời kêu gọi, tuy nhiên Bác hay sử dụng thơ, vần để kêu gọi đồng bào đoàn kết. Thơ đọc vần nhân dân dễ nhớ, dễ truyền nhau học thuộc, lan toả nhanh trong nhân dân. Có thể khẳng định rằng, hình thức tuyên truyền của Hồ Chí Minh mang lại hiệu quả cao, thiết thực trong khi trình độ dân trí nhân dân thời kì đó thấp vẫn có thể hiểu được các nội dung tuyên truyền.

Tuyên truyền về đoàn kết phải xuất phát từ nhiệt tình cách mạng, tình yêu thương chân thành, từ tinh thần hết lòng vì nhân dân, tìm ra cái đúng, cái hay trong công tác tuyên truyền về đại đoàn kết dân tộc.

Phương pháp tuyên truyền đa dạng, linh hoạt, ngắn gọn, dễ hiểu, thiết thực, gần gũi phù hợp với từng đối tượng, hoàn cảnh, trình độ nhận thức của từng đối tượng, truyền thống văn hoá, phong tục tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số để họ tin và làm theo "Cố nhiên, dân chúng không nhất luận như nhau. Trong dân chúng, có nhiều tầng lớp khác nhau, trình độ khác nhau, ý kiến khác nhau. Có lớp tiền tiến, có lớp chừng chừng, có lớp lạc hậu''[61; tr.336]. Tuyên truyền phải làm sao dễ hiểu với trình độ dân trí thấp như ở Việt Nam, nhân dân hiểu được lợi ích của đại đoàn kết "nói sao để người ta hiểu được, hiểu để làm. Vì thế, tuyên truyền phải thiết thực. Không phải tuyên truyền để mà tuyên truyền"[70; tr.159]. Không cần phải nói "tràng giang đại hải". Mà nói ngắn gọn, nói những vấn đề thiết thực, chắc chắn sẽ làm được, để cho mọi người hiểu rõ và quyết tâm làm bằng được. Cố nhiên không phải làm một ngày, một buổi mà phải làm từng bước, làm bước nào chắc chắn bước ấy"[70; tr.169].

Tuyên truyền về đại đoàn kết phải kết hợp với các cuộc vận động mới mang lại hiệu quả cao, thiết thực.

Nhiệm vụ của người tuyên huấn là tuyên truyền cho người dân hiểu mỗi thời kì, mỗi giai đoạn khác nhau, mỗi nhiệm vụ khác nhau cần tuyên truyền các nội dung khác nhau, phù hợp với tình hình thực tiễn của đất nước "Trước Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến, thì nhiệm vụ tuyên huấn là làm cho đồng bào các dân tộc hiểu được mấy việc: Một là đoàn kết. Hai là làm cách mạng để đòi độc lập"[70 tr.161].

Trong thời kì cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân thì cần tuyên truyền nhiệm vụ đặt ra "Một là đoàn kết. Hai là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ba là đấu tranh thống nhất nước nhà"[70; tr.161]. Tuyên truyền làm sao phải mang lại lợi ích cho nhân dân; tránh những thiệt hại cho nhân dân, cụ thể phải động viên nhân dân nâng cao đời sống của nhân dân cần phải tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, tổ chức thành hợp tác xã. Muốn công tác tuyên truyền hiệu quả cần phải có cán bộ tốt, chi bộ tốt, chi đoàn tốt, đặc biệt đối với nhân dân miền núi cần phải tuyên truyền đoàn kết để thực hiện tốt công tác đảm bảo về an ninh, quốc phòng, trật tự trị an, chống tảo hôn, vệ sinh kém, mê tín, dị đoan, chưa biết tiết kiệm… đồng bào miền núi đoàn kết giúp đỡ đồng bào miền xuôi lên giúp đồng bào miền núi phát triển kinh tế nên cần đoàn kết, yêu thương giúp đỡ lẫn nhau.

Khi tuyên truyền về đại đoàn kết dân tộc cần phát hiện sớm những biểu hiện mất đoàn kết để phòng ngừa và ngăn chặn kịp thời các căn bệnh kém đoàn kết, cần phát hiện ra sớm và chữa bệnh kịp thời như các biểu hiện: bệnh công thần, chủ nghĩa cá nhân gây ra suy bì, ghen tị, kỷ luật không nghiêm minh; mê tín dị đoan; tham ô, hủ hoá; lãng phí, thiếu gương mẫu trong công tác kỷ luật lao động lỏng lẻo, bệnh chủ quan, bệnh công thần không chịu khó lắng nghe ý kiến của nhân dân, bệnh công thần làm người ta thoái bộ, sinh ra quan liêu và phải khắc phục các bệnh hẹp hòi, tự ti dân tộc, tư tưởng dân tộc lớn. Người mắc bệnh dân tộc lớn dễ mắc bệnh kiêu ngạo. Tuy nhiên, người mắc các bệnh tự ti thì cho rằng mình không làm được nên không cố gắng để làm. Đối với cán bộ tuyên truyền đại đoàn kết dân tộc tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải học thêm tiếng của dân tộc nơi cán bộ tuyên truyền để gây được cảm tình, tình cảm thân thiết, gắn bó. Muốn làm tốt công tác tuyên truyền phải gắn với công tác kiểm tra.

Hai là, sử dụng phương pháp nêu gương, lấy tấm lòng chân thành để đối xử, cảm hoá, khơi dậy tinh thần tự giác, tự nguyện

Hồ Chí Minh không chỉ là người khởi xướng và lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà còn là hiện thân tiêu biểu của tư tưởng đại đoàn kết. Thông qua tấm gương đạo đức, phong cách khiêm nhường, chân thành và nguyên tắc lời nói

đi đôi với hành động, Người đã cảm hóa, tập hợp và phát huy sức mạnh của các tầng lớp nhân dân. Nhờ đó, nhân dân tự giác huy động và cống hiến cả tinh thần lẫn vật chất cho sự nghiệp cách mạng, tạo nên sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước.

Phương pháp nêu gương yêu cầu các cán bộ phải gương mẫu, chấp hành tốt quy định, phấn đấu hết mình cho sự nghiệp cách mạng "cán bộ, đảng viên, đoàn viên phải miệng nói, tay làm, phải xung phong gương mẫu"[70; tr.168].

Trước hết là đối với người lãnh đạo, đảng viên, cán bộ khi nói về đoàn kết phải là tấm gương thì nhân dân mới noi theo, mới kêu gọi nhân dân đoàn kết, phải xuất phát từ tình yêu thương nhân dân, yêu thương đồng bào, lấy tấm gương của mình để cảm hoá đồng bào. Trong quá trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh không ít lần dùng tấm lòng chân thành và tinh thần nhiệt tình cách mạng để cảm hoá, kêu gọi các tầng lớp nhân dân đoàn kết cùng đấu tranh và sản xuất để chống giặc ngoại xâm, giặc lụt, thói quen truyền thống lạc hậu, chủ nghĩa cá nhân. Người khẳng định, chỉ cần nhân dân đoàn kết, nhân dân quyết tâm giành độc lập cho dân tộc thì Người nguyện dâng hiến cả cuộc đời cùng nhân dân quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ, giải phóng dân tộc.

Đoàn kết để chiến thắng mọi kẻ địch, kẻ địch phải đánh đổ rất cụ thể, rõ ràng. Hồ Chí Minh đã phân ra là 3 loại kẻ địch đó là chủ nghĩa tư bản và bọn đế quốc – đây là kẻ thù nguy hiểm nhất, phải tập trung sức lực, vật lực để đánh thắng kẻ địch này vì là kẻ địch chung của cả dân tộc. Thứ hai là thói quen và truyền thống lạc hậu cũng là kẻ địch to nhưng nó không hiện hữu như kẻ thù đế quốc và thực dân mà nó ngấm ngầm và gây nguy hại cho cách mạng vì vậy muốn thắng được kẻ địch này cần phải cải tạo nó hết sức cẩn thận, lâu dài chứ không thể xoá bỏ ngay hay trấn áp ngay được; kẻ thù thứ 3 là chủ nghĩa cá nhân và tư tưởng tiểu tư sản đây là kẻ địch mà Hồ Chí Minh gọi là bạn đồng minh với 2 kẻ địch kia, là giặc nội xâm, giặc trong lòng, nó ẩn nấp trong trong mỗi con người và chờ thời cơ để ngóc đầu dậy. Vậy nên cách mạng muốn thành công cần loại bỏ 3 kẻ địch bằng cách đấu tranh, không cho nó cơ hội để ngóc đầu dậy, cần phải đẩy mạnh công tác tự phê bình và phê bình,

anh dũng đấu tranh, đồng tâm, hiệp lực, đoàn kết chặt chẽ hơn nữa, đoàn kết thật sự trên lập trường thân ái, vì nước, vì dân.

Theo Hồ Chí Minh phải lấy lòng thân ái mà cảm hoá những người đã từng lầm đường, lạc lối, như nguỵ binh, Việt gian trước đây đi theo giặc để họ hiểu rằng quay về với Tổ quốc, với nhân dân sẽ được nhân dân tha thứ. Kêu gọi nhân dân các nước yêu chuộng hoà bình để ủng hộ cách mạng Việt Nam, kêu gọi binh lính Mỹ không hy sinh vô ích vì chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân. Thêm vào đó, cách mạng cần sự ủng hộ của tầng lớp trí thức. Hồ Chí Minh đã cảm hoá nhiều tri thức về nước giúp sức cho cách mạng, cảm hoá thành công rất nhiều đối tượng khác nhau để tập hợp sức mạnh của toàn dân trong công cuộc chống 3 thứ giặc, chiến thắng 3 thứ giặc nguy hiểm, để họ tự nguyện đoàn kết với Đảng, Chính phủ và nhân dân giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cùng xây dựng đất nước.

Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết dựa trên nguyên tắc và phương pháp mới phát huy được sức mạnh tổng hợp của nhân dân. Các nguyên tắc về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo TTHCM góp phần tăng cường sự chặt chẽ trong đoàn kết toàn dân tộc. Những nguyên tắc về đại đoàn kết toàn dân tộc đặt nền móng cho xây dựng nền dân chủ XHCN, xây dựng nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân dân vừa là chủ thể trực tiếp xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, vừa là chủ thể thụ hưởng những thành quả do khối đại đoàn kết mang lại. Lợi ích của nhân dân, của quốc gia, của dân tộc được đặt lên hàng đầu khi toàn dân đoàn kết để thắng đế quốc, phong kiến giành độc lập dân tộc thì dân sẽ được thụ hưởng lợi ích về kinh tế và mọi mặt của đời sống xã hội. Vì vậy, nhân dân đã đoàn kết phải đoàn kết hơn nữa vì lợi ích chung của dân tộc. Xuất phát từ nguyên tắc bất di bất dịch đó của Hồ Chí Minh đã tạo nên sức mạnh khổng lồ không vũ khí hiện đại nào có thể chiến thắng được lực lượng đoàn kết của dân tộc Việt Nam. Từ nguyên tắc này làm cơ sở cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức đến các giai cấp, tầng lớp trong xã hội đều phải quán triệt nguyên tắc đoàn kết đặt lợi ích của Tổ quốc, lợi ích của dân tộc, của nhân dân lên trên hết, trước hết.

Nguyên tắc về đại đoàn kết dân tộc góp phần hoàn thiện, mở rộng nhất nền dân chủ XHCN; đặt nhân dân ở vị trí trung tâm nhất của xã hội, tiếp tục góp phần phát triển quan điểm *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"*.

Hồ Chí Minh đánh giá đúng về vai trò, sức mạnh, tài năng, trí tuệ của nhân dân, tin vào nhân dân, nhờ vào nhân dân có thể giải quyết được mọi việc, dù việc khó khăn nhất. Bên cạnh việc khẳng định quan điểm "thân dân", Hồ Chí Minh đồng thời phê phán những biểu hiện đi ngược lại quan điểm đó như "lên mặt làm quan cách mạng", "đứng trên nhân dân", "đứng ngoài nhân dân"; đây là những biểu hiện làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, phá vỡ khối đại đoàn kết và làm hỏng việc.

Quan điểm đặc sắc nhất của Hồ Chí Minh về nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là thuyết phục nhân dân, làm cho nhân dân hoàn toàn "tự nguyện" đứng trong các tổ chức trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tự nguyện tham gia cách mạng, tự nguyện liên kết, đoàn kết, đồng sức, đồng lòng với các giai cấp khác trong xã hội, kể các giai cấp tư sản. Điều này cho thấy đặc thù của xã hội Việt Nam về sự đoàn kết giữa dân tộc và giai cấp; không tuyệt đối hoá dân tộc theo khuynh hướng dân tộc hẹp hòi và không tuyệt đối hay điều hoà lợi ích của giai cấp. Đặt lợi ích của dân tộc lên trên lợi ích của giai cấp – nét đặc sắc này chỉ có ở Việt Nam mà không thấy có ở các nước tư bản chủ nghĩa. Quan điểm đoàn kết rộng rãi các giai cấp, tầng lớp, không bỏ sót bất kì đối tượng nào miễn là ít nhiều có tinh thần đoàn kết, tinh thần yêu nước, do đó, Hồ Chí Minh đã xây dựng được lực lượng hùng hậu nhất trong lịch sử trên tinh thần lấy "cái chung" để hạn chế cái riêng, trên tinh thần "cầu đồng, tồn dị" rất linh hoạt, nhân văn, sáng tạo, mang lại hiệu quả thiết thực. Những quan điểm này của Hồ Chí Minh là cơ sở lý luận quan trọng để Đảng ta vận dụng sáng tạo vào điều kiện thực tiễn của Việt Nam hiện nay trong việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp, sự biến đổi về giai cấp, giải quyết đúng đắn quan hệ về lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp tạo nên sự "tự nguyện", "đoàn kết thật thà", chân

tình, tạo sự đồng thuận cao trong toàn thể nhân dân Việt Nam thực hiện các mục tiêu chung của dân tộc hiện nay.

2.2.4. Giá trị vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc

Trong quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã tìm kiếm mô hình phù hợp để quy tụ sức mạnh của nhân dân vào một tổ chức. Mỗi giai cấp, thành phần, tầng lớp có các tổ chức phù hợp như hội hay nông hội … Trên cơ sở đó, để quy tụ rộng rãi các lực lượng xã hội trong một khối thống nhất, Hồ Chí Minh đã sáng lập và lãnh đạo xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất – tổ chức liên minh chính trị rộng rãi và chặt chẽ nhất, giữ vai trò nòng cốt trong việc phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Theo Hồ Chí Minh việc quy tụ đại đoàn kết dân tộc không chỉ dừng lại ở quan niệm, lý thuyết hay lời kêu gọi nhân dân đoàn kết mà phải biến thành hành động thực tế, thành sức mạnh vật chất, thành lực lượng vật chất là nơi quy tụ sức mạnh về tinh thần và vật chất tạo thành sức mạnh tổng hợp đó là MTDTTN. Đây là hình thức sáng tạo nhất của Hồ Chí Minh để tập hợp đông đảo nhân dân vào một tổ chức liên minh chính trị - xã hội rộng lớn nhất của nhân dân Việt Nam, nơi quy tụ, tập hợp đông đảo các thành phần, không phân biệt giới tính, thành phần dân tộc, tôn giáo, đảng phái, giai cấp, kiều bào ta ở nước ngoài. Mỗi giai đoạn cách mạng khác nhau, tên gọi và nhiệm vụ cụ thể có thể khác nhau nhưng đều có mục tiêu chung là đoàn kết để đấu tranh để giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Các tên gọi của MTDTTN đã qua như Hội phản đế Đồng minh năm (1930), Mặt trận Dân chủ (1936), Mặt trận nhân dân phản đế (1939), Mặt trận Việt Minh (1941), Mặt trận Liên Việt (1946), Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (1960), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1955, 1976). MTDTTN đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình đối với đất nước và dân tộc, đã đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng cùng làm nên những kỳ tích trong lịch sử của dân tộc như thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, mở ra một thời kỳ mới trong sự phát triển của đất nước; thắng lợi của chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 đã giải phóng hoàn toàn miền Bắc, xây dựng miền Bắc theo con đường

XHCN, là hậu phương vững chắc cho tiền tuyến miền Nam giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; đại thắng mùa xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước và tiếp tục sự nghiệp xây dựng đất nước, CNH, HĐH đất nước, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, MTDTTN vừa là nơi quy tụ sức mạnh đoàn kết của cả dân tộc Việt Nam, vừa có nguyên tắc tổ chức, hoạt động chặt chẽ; nhiệm vụ mỗi thời kì linh hoạt nhằm đạt được mục tiêu chung của dân tộc Việt Nam, đáp ứng trước đòi hỏi của thực tiễn của đất nước và hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình đối với dân tộc.

MTDTTN ra đời là kết quả của nghiên cứu, tìm tòi của Hồ Chí Minh trong quá trình tập hợp lực lượng đại đoàn kết dân tộc vì muốn đoàn kết, quy tụ sức mạnh của toàn dân tộc cần tổ chức và giúp đỡ quần chúng nhân dân thành lập các tổ chức. MTTDTN - Hình thức tổ chức phù hợp, đáp ứng với đòi hỏi của thực tiễn, đó là quy tụ sức mạnh tổng hợp của nhân dân, đa dạng các thành phần, giai cấp trong xã hội thể hiện đoàn kết dân tộc vừa rộng rãi về phạm vi, vừa thống nhất về hành động trong một tổ chức nhờ đó mà sức mạnh của dân tộc được tăng lên gấp bội. Nhà nghiên cứu Trần Hậu có nhận xét "TTHCM về đại đoàn kết dân tộc toát lên một tư duy hành động, chứ không phải là khẩu hiệu động viên, kêu gọi. Đoàn kết để hành động và hành động có tổ chức là một nội dung cốt lõi trong TTHCM về ĐĐKDT. Đại đoàn kết bằng hình thức tổ chức chứng tỏ sự đoàn kết đạt đến trình độ phát triển cao và chặt chẽ, tập hợp các lực lượng có thể tập hợp được trong các tổ chức để tiến hành các hoạt động theo chương trình đại đoàn kết toàn dân tộc"[36; tr.85].

Hình thức xây dựng MTDTTN rất độc đáo của Hồ Chí Minh là tổ chức hoạt động trên mục đích, tôn chỉ đó là vì lợi ích của nhân dân, vì sự tồn vong của dân tộc, đồng thời tổ chức đó phải thật sự là tổ chức đại diện cho ý chí, nguyện vọng và lợi ích chính đáng của nhân dân. Nhờ có sự lãnh đạo đúng đắn của MTDTTN, chính sách linh hoạt, phù hợp với thực tiễn, trước những đòi hỏi khách quan của lịch sử, đã làm nên thành công của cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng XHCN nhằm mục đích "xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh"[71; tr.624].

Trước bối cảnh hiện thực của đất nước, qua việc tìm hiểu, Hồ Chí Minh khát khao tìm thấy được hình thức, cách thức, phương pháp để tập hợp quần chúng nhân dân, quy tụ sức mạnh của nhân dân vào tổ chức để đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước. Hồ Chí Minh đã có chiến lược hoàn hảo về tư tưởng đại đoàn kết dân tộc quyết định sự thành công của cách mạng Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và trong thời kì quá độ xây dựng CNXH ở miền Bắc. Những giá trị về tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh có ý nghĩa lý luận và thực tiễn vô cùng to lớn, là kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam trên con đường xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc mang giá trị lý luận, giá trị thực tiễn to lớn đối với cách mạng Việt Nam trong suốt thời kì cách mạng giải phóng dân tộc, cách mạng XHCN và tiếp tục soi sáng con đường cách mạng nước ta trong thời kì đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước. TTHCM về đại đoàn kết dân tộc không chỉ mang tính lịch sử, mang tính thời đại mà còn mang tính thời sự sâu sắc, là cơ sở để Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương tiếp tục nghiên cứu, vận dụng một cách sáng tạo trong thời kì mới góp phần bổ sung, phát triển và nâng tầm giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới hiện nay. Qua đó, bổ sung thêm những yếu tố, đặc điểm lịch sử dân tộc và thời đại; những vấn đề mới phát sinh trong xã hội cần được nghiên cứu nghiêm túc, toàn diện về những giá trị lý luận về đại đoàn kết dân tộc trong TTHCM để góp phần làm phong phú thêm giá trị thực tiễn TTHCM về ĐĐKDT trong tình hình mới.

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh đã thành công – là một trong những nhân tố góp phần quyết định đến thắng lợi của cách mạng Việt Nam, làm thất bại mọi âm mưu chia rẽ dân tộc, âm mưu biến Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của kẻ thù. Đại đoàn kết toàn dân tộc trở thành sức mạnh nội sinh làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong suốt tiến trình cách mạng. Vì vậy, tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc được Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh là động lực quan trọng để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng đất nước trong tình hình mới.

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh làm cơ sở cho việc tiếp tục xây dựng một xã hội đồng thuận, dân chủ, nhằm mục tiêu xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên CNXH, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới với sự biến đổi về cơ cấu, xã hội giai cấp, tạo tiền đề cho tiếp tục củng cố và phát huy đại đoàn kết dân tộc trong Đảng, Nhà nước, Quốc hội, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc Hồ Chí Minh đã góp phần hoàn thiện và củng cố tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam – một bộ phận quan trọng cấu thành hệ thống chính trị của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngoài ra, các tổ chức chính trị - xã hội do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập có vai trò to lớn trong việc đổi mới, hoàn thiện, không ngừng tăng cường hiệu lực, hiệu quả của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới nói chung, các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng.

2.3. Những yếu tố tác động đến khối đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc

2.3.1. Các yếu tố khách quan

2.3.1.1. Điều kiện tự nhiên, địa lý và đặc điểm dân cư

Các tỉnh miền núi phía Bắc gồm Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang cũ nay là tỉnh Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng là nơi sinh sống của trên 40 dân tộc sinh sống, tổng diện tích 60.672,2 km2, dân số là 5.893.100 người, có biên giới giáp Trung Quốc, riêng tỉnh Điện Biên giáp Lào, tổng số chiều dài 1.449,566 km, đường biên giới trên đất liền là 1.065,652 km, đường biên giới nước là 383,914 km *(Xem phụ lục 1 và phụ lục 2)*. Hồ Chí Minh viết "Miền núi chiếm 2 phần 3 tổng số diện tích nước ta, và có hơn 3.000 cây số biên giới"[69; tr.458].

Các tỉnh miền núi phía Bắc là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế - văn hóa, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; cửa ngõ phía Tây và phía Bắc của quốc gia, là vùng có nhiều tiềm năng, lợi thế cho phát triển bền vững với nhiều loại tài nguyên, khoáng sản quý, hiếm như Apatit (Lào Cai) khoảng 2,1–2,5 tỷ tấn quặng, đất hiếm (Lai Châu, Lào Cai) và diện tích rừng rộng lớn, đa dạng sinh học,

cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ và nhiều di sản văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số để phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái. Với điều kiện tự nhiên của các tỉnh miền núi Phía Bắc chủ yếu là vùng núi trung bình và núi cao có thể khai thác du lịch tại các khu du lịch Sa Pa (Lào Cai), Mẫu Sơn (Lạng Sơn), Cao Nguyên đá Đồng Văn, Hoàng Su Phì (Hà Giang), Thác Bản Giốc (Cao Bằng) và phát triển các môn thể thao leo núi… "Miền núi có một vị trí quan trọng. Tình hình miền núi cũng phức tạp, đó cũng là tự nhiên; bởi vì miền núi gồm nhiều vùng khác nhau. Có vùng cao, có vùng vừa, có vùng thấp"[68; tr.179].

Như vậy, với địa hình hiểm trở, chia cắt mạnh, dân cư phân bố không đồng đều, phần lớn ở vùng cao, giao thông đi lại khó khăn làm hạn chế giao lưu kinh tế - văn hóa – xã hội, gây trở ngại cho công tác tuyên truyền, vận động chính trị và tổ chức phong trào quần chúng. Tuy nhiên, chính đặc điểm cư trú xen kẽ và sự đa dạng văn hóa lại là nền tảng của tinh thần cố kết cộng đồng, thể hiện rõ qua các phong trào do MTTQ các tỉnh triển khai hiệu quả.

2.3.1.2. Trình độ phát triển kinh tế – xã hội

Các tỉnh miền núi phía Bắc có tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng là điều kiện cho sự phát triển KT - XH đặc biệt là du lịch "Miền núi có tài nguyên rất phong phú, có nhiều khả năng để mở mang nông nghiệp và công nghiệp. Những đặc điểm đó nói rõ rằng miền núi có một địa vị cực kì quan trọng về kinh tế, chính trị và quốc phòng của cả nước ta"[69; tr.458]. Sau gần 40 năm đổi mới, nhân dân các tỉnh miền núi đã đạt được nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân được cải thiện, tuy nhiên miền núi phía Bắc vẫn là vùng khó khăn nhất cả nước như địa hình chủ yếu vùng núi cao, địa hình hiểm trở gây khó khăn cho việc thông thương, đi lại của nhân dân, khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên chưa hợp lý nên một số địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề từ hậu quả của thiên tai, biến đổi khí hậu như tỉnh Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao, theo Quyết định số 217/QĐ-BLĐTBXH, ngày 04/02/2025 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Quyết định công bố kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2024 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, cả nước tỷ lệ % hộ nghèo đa chiều

là 4,06%, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo là 1.258.997, tỷ lệ hộ nghèo 1,93% trong đó hộ nghèo 599.608 hộ, tỷ lệ hộ cận nghèo 2,13%, hộ cận nghèo 659.389 hộ. Tại các tỉnh miền núi phía Bắc có tỷ lệ hộ nghèo xếp theo so sánh mức độ nghèo (từ cao đến thấp) giữa các tỉnh, thành phố theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 theo chuẩn nghèo đa chiều 2022 - 2025 trên phạm vi toàn quốc như sau: *1. Hà Giang* tỷ lệ nghèo đa chiều: 36,35%, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo: 69.740. *2. Cao Bằng:* tỷ lệ nghèo đa chiều: 35,29%, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo 45.762 hộ; 3. *Điện Biên* tỷ lệ nghèo đa chiều 33,24%, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo 47.361 hộ, *4. Lai Châu* có tỷ lệ nghèo đa chiều 28,79%, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo 31.014 hộ; *6. Lào Cai* có tỷ lệ hộ nghèo 21,18%, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo 38.469 hộ; *13. Lạng Sơn* có tỷ lệ hộ nghèo 11,36%, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo 23.363 hộ. Tỉnh Quảng Ninh có nhiều đặc điểm tương đồng với các tỉnh miền núi phía Bắc. Địa hình của tỉnh phần lớn là đồi núi, cùng với sự phân bố của nhiều dân tộc thiểu số sinh sống ở các khu vực vùng cao. Bên cạnh đó, Quảng Ninh cũng có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đặc biệt là khoáng sản và rừng, tương tự như các tỉnh miền núi trong khu vực Đông Bắc như Cao Bằng và Lạng Sơn. Những đặc điểm này tạo nên nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, kinh tế – xã hội giữa Quảng Ninh và các tỉnh miền núi phía Bắc, tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo rất thấp *.61. Quảng Ninh* tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất 0,01%, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo 25 hộ.

Thu nhập bình quân đầu người thấp, chất lượng nguồn nhân lực thấp, KT - XH phát triển chậm hơn so với cả nước. Thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2024 thấp nhất là Trung du và miền núi phía Bắc chỉ gần 3,8 triệu đồng [153]. Theo Cục thống kê: "Thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2024 theo giá hiện hành đạt 5,4 triệu đồng, tăng 9,1% so với năm 2023, cao hơn tốc độ tăng thu nhập của năm 2023 so với năm 2022 (6,2%). Thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2024 ở khu vực thành thị đạt 6,9 triệu đồng (tăng 10,1% so với năm 2023), gấp hơn 1,5 lần khu vực nông thôn đạt 4,5 triệu đồng, tăng 8,0% so với năm 2023. Trong năm 2024, Đông Nam Bộ là vùng có thu nhập bình quân 1 người 1 tháng cao nhất ở mức gần 7,1 triệu

đồng. Vùng có thu nhập bình quân 1 người 1 tháng thấp nhất là Trung du và miền núi phía Bắc chỉ gần 3,8 triệu đồng" [153].

Những khó khăn về điều kiện sống, cơ hội học tập và việc làm của một bộ phận đồng bào DTTS là nguyên nhân tạo nên những tâm lý mặc cảm dân tộc ảnh hưởng trực tiếp đến niềm tin chính trị và tinh thần đoàn kết. Ngược lại, ở các địa phương có bước phát triển mạnh về du lịch cộng đồng như Sa Pa (Lào Cai), Hà Giang, đoàn kết dân tộc lại thể hiện rõ hơn thông qua sự hợp tác giữa các nhóm dân tộc trong phát triển kinh tế và quảng bá văn hóa bản địa.

2.3.1.3. Bối cảnh hội nhập quốc tế và tác động xã hội mới

Toàn cầu hóa, truyền thông mạng, tác động của cuộc cách mạng công nghệ 4.0, dòng di cư và các hoạt động kinh tế biên mậu khiến các giá trị xã hội và lối sống truyền thống có nhiều biến đổi. Một bộ phận thanh niên dân tộc thiểu số chịu ảnh hưởng từ văn hóa thị trường, giảm sút ý thức cộng đồng, ít tham gia sinh hoạt đoàn thể. Tuy nhiên, quá trình hội nhập cũng mang lại cơ hội tiếp cận tri thức, công nghệ, mô hình sản xuất mới, giúp đồng bào nâng cao nhận thức, tiếp thu chính sách của Đảng, Nhà nước nhanh hơn – qua đó góp phần củng cố khối đại đoàn kết trên nền tảng mới.

2.3.2. Các yếu tố chủ quan

2.3.2.1. Sự lãnh đạo của Đảng bộ các tỉnh và hiệu quả quản lý của Nhà nước và vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội

Đây là yếu tố có tính quyết định trong sự phát triển tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới vì nơi nào cấp ủy đảng và chính quyền thực hiện tốt công tác dân vận, tôn trọng phong tục tập quán, lắng nghe ý kiến nhân dân, nơi đó niềm tin chính trị và tinh thần đoàn kết được củng cố rõ rệt. Đặc biệt là thực hiện sáp nhập chính quyền, bỏ cấp trung gian, chi bộ cấp xã mới, chính quyền cấp xã vận hành và lãnh đạo phải thực hiện gần dân, sát dân, nêu cao tinh thần cán bộ là gốc của mọi công việc nên cán bộ, đảng viên người dân tộc thiểu số đang giữ các vị trí chủ chốt ở cơ sở, góp phần "nội sinh hóa" công tác dân vận và tuyên truyền chính sách đoàn kết trong cộng đồng. Các tỉnh thực hiện tốt phương châm *"Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân*

giám sát, dân thụ hưởng" trong xây dựng nông thôn mới, qua đó hình thành sự đồng thuận cao giữa Đảng – chính quyền – nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, v.v.) là cầu nối trực tiếp giữa Đảng và nhân dân, thực hiện giám sát và phản biện xã hội, thực hiện có hiệu quả các phong trào do cấp trên phát động, quy tụ sự đoàn kết đồng bào dân tộc tại địa phương, tổ chức hàng nghìn hội nghị tiếp xúc, đối thoại nhân dân, qua đó tăng cường sự đồng thuận chính trị – xã hội, phòng ngừa các yếu tố chia rẽ, tiền ẩn nguy cơ mất đoàn kết từ xa, từ sớm.

2.3.2.2. Trình độ dân trí, nhận thức chính trị của người dân, tinh thần, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên, trí thức, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số.

Tỷ lệ người biết chữ trong đồng bào dân tộc thiểu số đã đạt hơn 90% tính đến năm 2024, trình độ dân trí ngày càng được nâng cao, giáo dục đào tạo được ưu tiên là nhân tố quan trọng trong việc nâng cao dân trí và là điều kiện tăng cường nhận thức chính trị và lòng tự hào dân tộc, trở thành nhân tố mới trong phong trào đoàn kết, khởi nghiệp địa phương. Tuy nhiên, trình độ dân trí chưa đồng đều, đặc biệt ở vùng sâu vùng xa, nơi dân cư thưa thớt ảnh hưởng đến công tác triển khai và tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số biên chế khối cơ quan hành chính cấp cơ sở là nguồn lực đặc biệt quan trọng – những "hạt nhân nòng cốt" giúp cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về *"đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân"*, đồng thời củng cố niềm tin và truyền cảm hứng đoàn kết trong cộng đồng.

2.3.2.3. Văn hoá – truyền thống

Các tỉnh miền núi phía Bắc là nơi tập trung sinh sống của gần 40 dân tộc anh em (*xem phụ lục 1*). Các tỉnh có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống chiếm trên 50% gồm: Cao Bằng chiếm 92,7%, Hà Giang chiếm 88,5%, Lai Châu chiếm 84,5%, Lạng Sơn chiếm 84,3%, Điện Biên chiếm 84,2%, Lào Cai chiếm 66,3%. Mỗi dân tộc có bản sắc văn hoá riêng tạo nên sự đa dạng, phong phú về văn hoá của các dân tộc thiểu số; mỗi dân tộc có phong tục, tập quán khác nhau, sống xen kẽ với nhau và có truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc như truyền thống đoàn kết, dũng cảm, cần

cù, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau và cùng đoàn kết để đấu tranh chống giặc ngoại xâm, cùng phát triển KT - XH. Vùng núi phía Bắc có địa hình hiểm trở, giàu tiềm năng tự nhiên, thuận lợi cho xây dựng căn cứ địa cách mạng. Khu vực này giáp Trung Quốc và Lào, dễ dàng liên lạc với phong trào cộng sản quốc tế, tạo thế "tiến khả dĩ công, thoát khả dĩ thủ". Vì vậy, trong kháng chiến, Hồ Chí Minh lựa chọn các tỉnh miền núi phía Bắc làm căn cứ địa của Việt Minh – nơi hình thành nhiều tổ chức quan trọng của Đảng và Nhà nước. "Trong cách mạng giải phóng dân tộc, các nước láng giềng bên cạnh sự giúp đỡ, hợp tác còn là nơi để bản thân Hồ Chí Minh và những nhà cách mạng tiền bối hoạt động, xây dựng căn cứ, địa bàn, gây dựng các tổ chức cách mạng, huấn luyện cán bộ"[44; tr.14]. Nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc, cùng với cả nước, đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam, khẳng định và làm giàu thêm truyền thống đoàn kết trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Tiếp nối truyền thống đó, đồng bào các tỉnh miền núi tiếp tục phát huy "phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân"[24, tr.165] nhằm xây dựng một nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Trong thời hoà bình góp phần quan trọng vào sự ổn định, giữ gìn và bảo vệ lãnh thổ của dân tộc, đặc biệt là giữ gìn biên giới giáp danh với Trung Quốc, Lào. Hồ Chí Minh đã nhận định "có gần 40 dân tộc, phong tục, tập quán khác nhau; nhưng có một điểm chung giữa các dân tộc, đó là ai cũng mong muốn được sung sướng hơn ta bây giờ. Ta nắm được điểm chung đó thì có thể giải quyết tương đối thuận lợi những công tác ở miền núi"[68; tr.179] và "đồng bào miền núi có truyền thống cần cù và dũng cảm. Trong thời kì cách mạng và kháng chiến, đồng bào miền núi có nhiều công trạng vẻ vang và oanh liệt. Ngày nay, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh để thực hiện hoà bình thống nhất Tổ quốc, đồng bào miền núi đang cố gắng góp phần xứng đáng của mình"[69; tr.458]. Bên cạnh đó, một số đồng bào dân tộc thiểu số còn có chữ viết và tiếng nói riêng "Đồng bào Thái, Tày, Nùng và Mèo đã có chữ của mình"[69; tr.459]. Đây là một điều kiện thuận lợi cho sự ổn định trong phát triển KT-XH, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới của quốc gia đồng thời là sức mạnh nội sinh – sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân tộc của các dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi cho phát triển KT-XH, các tỉnh miền núi phía Bắc vẫn đối diện nhiều hạn chế: trình độ nhận thức không đồng đều; nhiều địa phương thuộc nhóm nghèo nhất cả nước; tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, liên kết thấp; tỷ lệ sản phẩm chế biến từ nông – lâm sản còn hạn chế; hiệu quả lồng ghép các chương trình giảm nghèo chưa cao; huy động nguồn lực cộng đồng chưa tương xứng với tiềm năng, dẫn đến đời sống của một bộ phận đồng bào còn khó khăn *(xem phụ lục 03)*. Một số hủ tục lạc hậu như tảo hôn, rượu chè, mê tín dị đoan vẫn tồn tại ở một số vùng. Lợi dụng những yếu kém đó, các thế lực thù địch đã tuyên truyền, kích động, nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, đặc biệt tại cộng đồng người Mông ở Điện Biên, Lai Châu, Hà Giang – khu vực có vị trí địa lý hiểm yếu, đặc thù về lịch sử, tâm lý và nhạy cảm về vấn đề dân tộc.

Các yếu tố tác động đến khối đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh miền núi phía Bắc là sự tổng hòa giữa điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội (yếu tố khách quan) và sự lãnh đạo, tổ chức, văn hoá, con người (yếu tố chủ quan). Trong đó, sự lãnh đạo của Đảng, vai trò của MTTQ, đội ngũ cán bộ và niềm tin của nhân dân là nhân tố quyết định, bảo đảm tính ổn định, bền vững và khả năng phát triển nội sinh của khối đại đoàn kết dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế và đổi mới hiện nay.

Tiểu kết chương 2

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho dân tộc ta tài sản vô giá đó là hệ thống tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc, có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn. Thực tiễn thắng lợi của cách mạng Việt Nam đã khẳng định tính đúng đắn, tính khoa học và sức sống bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc – một trong những trụ cột của tư tưởng cách mạng Việt Nam hiện đại. Qua kết quả nghiên cứu làm sáng tỏ các khái niệm TTHCM về đại đoàn kết, sự vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Trên cơ sở nghiên cứu về nội dung giá trị TTHCM về đại đoàn kết dân tộc, luận án đã phân tích, tiếp cận các giá trị vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc, trong đó khẳng định sự đúng đắn, khoa học, sáng tạo trong cách tổ chức, tập hợp lực lượng tạo thành sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong kháng chiến và xây dựng đất nước. Liên minh công – nông – trí thức đoàn kết với nhân dân cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là tuyệt đối đúng đắn. Khẳng định vai trò của MTDTTN và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc quy tụ sức mạnh đại đoàn kết của dân tộc trong tổ chức chặt chẽ, bài bản góp phần to lớn trong cách mạng giải phóng dân tộc. Phương thức hiệp thương dân chủ, thực hiện quy chế dân chủ là phương thức đúng đắn để đảm bảo sức mạnh đoàn kết được thực hiện trên tinh thần dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng, mọi quyền bính đều thuộc về nhân dân. Khẳng định về cách thức, phương pháp vận động, thuyết phục nhân dân phù hợp với từng đối tượng trên tinh thần vì lợi ích chung của dân tộc, của quốc gia trên hết, trước hết, vì lợi ích và hạnh phúc của nhân dân, trên tinh thần tự nguyện, tự giác, cầu đồng tồn dị; tự phê bình và phê bình, giúp đỡ lẫn nhau, chân thành, thân ái. Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh là cơ sở lý luận để Đảng ta, Nhà nước và chính quyền địa phương tiếp tục nghiên cứu, vận dụng sáng tạo, bổ sung những vấn đề cấp bách đặt ra cần giải quyết mà ở thời kì Hồ Chí Minh chưa đặt ra hoặc đã đặt ra nhưng chưa cấp bách. Hồ Chí Minh cho rằng ở mỗi thời kì khác nhau nhiệm vụ của đất nước cũng khác nhau nên chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc ở mỗi thời kì cần phải thực hiện các nhiệm vụ khác nhau, đổi mới nội dung, phương

thức hoạt động, ngày một hoàn thiện hơn. Trong cách mạng giải phóng dân tộc đại đoàn kết dân tộc để đánh thắng giặc ngoại xâm, giải phóng dân tộc. Trong giai đoạn hiện nay, bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, kỷ nguyên số nên cần đoàn kết để xây dựng đất nước, phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện đổi mới toàn diện đất nước, CNH, HĐH, nâng cao đời sống của nhân dân, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện chuyển đổi số, thực hiện tinh gọn bộ máy nhà nước, tăng cường hoạt động hiệu lực, hiệu quả, xây dựng chính quyền sát dân, gần dân, vì nhân dân. Cần đoàn kết để nâng cao cảnh giác, chủ động, đối phó với những âm mưu diễn biến hoà bình, chiến tranh phi truyền thống từ các thế lực thù địch trong và ngoài nước, sự xâm lăng văn hoá, âm mưu chia rẽ, mất đoàn kết. Những giá trị đại đoàn kết dân tộc trong TTHCM vẫn mang ý nghĩa to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước nói chung, trong xây dựng và phát triển các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ 4.0 thay đổi nhanh chóng vừa là tiền đề, điều kiện cho sự phát triển nhưng không ít thách thức khó khăn đặt ra cho nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc cần phải giải quyết. Đại đoàn kết toàn dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc theo TTHCM là nhân tố quyết định sự thành công trong sự nghiệp xây dựng và phát triển mọi mặt, đổi mới, hoàn thiện và phát huy vai trò của chính quyền 2 cấp, xây dựng phát triển kinh tế xanh, thực hiện chuyển đổi số, đồng bộ, toàn diện, thực hiện quan hệ ngoại giao với Trung Quốc và Lào; đảm an ninh, quốc phòng.

CHƯƠNG 3
THỰC TRẠNG VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC GIAI ĐOẠN 2010-2025 VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc của Đảng bộ tỉnh, chính quyền và nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc

3.1.1. Nhận thức và hành động của Đảng bộ tỉnh, chính quyền địa phương và nhân dân về vị trí, tầm quan trọng về đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh tại các tỉnh miền núi phía Bắc

Kết quả nghiên cứu cho thấy, *chính quyền và nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc đã nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề đại đoàn kết toàn dân là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định sự thành công trong quá trình phát triển KT - XH.* Thực tiễn tại các địa phương cho thấy, đoàn kết được xác định là nguyên tắc hàng đầu trong phương châm của các Đại hội Đảng bộ tỉnh và được quán triệt xuyên suốt trong các văn kiện của Đảng qua nhiều nhiệm kỳ. Các cấp ủy và chính quyền cụ thể hóa quan điểm đó thông qua lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền và triển khai chủ trương, chính sách, pháp luật bằng nghị quyết, chuyên đề, kế hoạch, chương trình hành động, đề án và quy định phù hợp với đặc thù của từng tỉnh. Tỉnh Lào Cai nhiệm kì 2025-2030 đã ban hành 15 đề án trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội nhằm cụ thể hóa chính sách đại đoàn kết dân tộc góp phần phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng.

Việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với dân chủ, đổi mới và phát triển đã huy động được các nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao dân trí, giảm nghèo, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế, qua đó cải thiện đời sống nhân dân đồng thời bảo đảm an ninh, quốc phòng, ổn định chính trị – xã hội, nhất là tại khu vực biên giới của Tổ quốc. Điều đó được minh chứng trong các nghị quyết

cuả các tỉnh: *Tỉnh Hà Giang:* NQ Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XV nhiệm kì 2010-2015; NQ Đảng bộ tỉnh Hà Giang 2015-2020; NQ số 07-NQ/ĐH, ngày 17/10/2020 của Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XVII, nhiệm kì 2020-2025. *Tỉnh Lai Châu:* Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ tỉnh (nhiệm kỳ 2010 - 2015), Nghị quyết Đại hội XIII Đảng bộ tỉnh (nhiệm kỳ 2015 – 2010; Nghị quyết Đại hội XIV Đảng bộ tỉnh (nhiệm kỳ 2020 - 2025); *Tỉnh Điện Biên:* NQ Đảng bộ tỉnh Điện Biên lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010-2015; NQ Đảng bộ tỉnh Điện Biên lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2015-2020; NQ Đảng bộ tỉnh Điện Biên lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2010-2015. *Tỉnh Lào Cai:* NQ Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XIV nhiệm kì 2010-2015; NQ Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XV 2015-2020; NQ Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI nhiệm kì 2020-2025. *Tỉnh Cao Bằng:* NQ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng khóa XVII. *Tỉnh Lạng Sơn:* NQ Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XV nhiệm kì 2010-2015; NQ Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVI, nhiệm kì 2015-2020; NQ số 01-NQ/ĐH, ngày 27/9/2020 của Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVII, nhiệm kì 2020-2025 với phương châm *"Đoàn kết - đổi mới - dân chủ - kỷ cương - phát triển" và phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc; đẩy mạnh công cuộc đổi mới; tập trung phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh".*

Đại đoàn kết toàn dân tộc là sức mạnh nội sinh, có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển KT - XH; đảm bảo an ninh, quốc phòng tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Đại đoàn kết toàn dân tộc được coi là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ trong suốt quá trình phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Trong thời kì mới, truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc trở thành động lực quan trọng, sức mạnh nội sinh quyết định đến sự phát triển KT - XH tại các tỉnh miền núi phía Bắc góp phần ổn định tình hình, đảm bảo an ninh, quốc phòng. Nền tảng là đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo, giữa nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc với nhân dân Trung Quốc và nhân dân các nước trên thế giới. Nhờ đó, các tỉnh miền núi phía Bắc đã tập trung phát triển KT - XH góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) tăng lên từ năm 2011 đến năm 2024, theo số liệu tác giả thống kê từ

năm 2010 đến 2024, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) tại các tỉnh miền núi phía Bắc năm 2024 tăng lên so với năm 2011, tổng GRDP tăng lên như tỉnh Lào Cai, Lạng Sơn…[134]*(xem phụ lục 3)*, tập trung phát triển các khu kinh tế, du lịch, đô thị; thực hiện liên kết vùng; liên kết phát triển du lịch 2 vùng Tây Bắc và Đông Bắc; mở rộng và phát triển kinh tế cửa khẩu trở thành cầu nối, trung chuyển xuất nhập khẩu hàng hoá với 19 cửa khẩu kết nối các tỉnh miền núi phía Bắc, Việt Nam và Trung Quốc; hợp tác với các tuyến tỉnh hành lang kinh tế Côn Minh – Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh và với các tỉnh trong cả nước gắn với phát triển công nghiệp – nông nghiệp và dịch vụ.

ĐĐKDT là vấn đề có ý nghĩa then chốt trong việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

Là địa bàn sinh sống của nhiều dân tộc đã tạo nên sự đa dạng, phong phú về bản sắc văn hoá. Mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế, giao lưu văn hoá, đối ngoại nhân dân giữa nhân dân các tỉnh miền núi giáp biên giới Trung Quốc, Lào được thúc đẩy góp phần phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc miền núi phía Bắc. Phát huy thế mạnh về du lịch, với nhiều danh lam, thắng cảnh nổi tiếng ở Lào Cai, Điện Biên, Cao Bằng, Hà Giang - du lịch từng bước trở thành ngành kinh tế "mũi nhọn" với các hình thức đa dạng, nhiều dự án, sản phẩm du lịch quy mô chất lượng như du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng; hợp tác và phát triển du lịch trong và ngoài nước, khai thác các tuyến du lịch giữa Việt Nam và Trung Quốc, khai thác thế mạnh du lịch của các di tích lịch sử văn hoá, các danh lam thắng cảnh, các sản phẩm du lịch bản sắc riêng của nhân dân các tỉnh được khai thác vừa góp phần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc, từ đó nhân dân các tỉnh đoàn kết trong giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc đồng thời góp phần tạo thêm nhiều cơ hội việc làm, tăng nguồn thu nhập cho nhân dân. Theo thống kê của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (BVHTTDL, 2024) và các báo cáo của Sở VHTTDL các tỉnh, đến năm 2025, Lào Cai có 56 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia; Hà Giang 446

di sản phi vật thể được kiểm kê, trong đó khoảng 30–32 di sản phi vật thể cấp quốc gia; Điện Biên 22 di sản phi vật thể cấp quốc gia, v.v… [139],[133].

Đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm thực hiện nhiệm vụ và mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia góp phần thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Trong nhiệm kỳ 2025–2030, các tỉnh miền núi phía Bắc triển khai nhiều nhóm đề án lớn, gồm quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021–2030, đề án chuyển đổi số đến 2030 và các đề án trọng tâm phục vụ khâu đột phá của Đại hội Đảng bộ tỉnh. Điểm chung là định hướng phát triển tăng trưởng xanh, chuyển đổi số, phát triển bền vững gắn với nâng cao đời sống nhân dân.

Các tỉnh đã cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và Nhà nước, nhất là Nghị quyết số 57-NQ/TW (22/12/2024) về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, thông qua việc ban hành nghị quyết, cơ chế, chính sách, kế hoạch, chương trình hành động phù hợp với điều kiện từng địa phương. Trọng tâm là xây dựng nền tảng số, hạ tầng và dữ liệu số; bảo đảm an toàn thông tin; phát triển đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và nâng cao nhận thức, năng lực của người dân và doanh nghiệp.

Các tỉnh tập trung phát triển ba trụ cột: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, đồng thời hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số nhằm tạo chuyển biến trong quản trị, sản xuất và đời sống. Một số địa phương đạt kết quả nổi bật: Quảng Ninh nhiều năm dẫn đầu cả nước về DTI và đứng đầu về dịch vụ công trực tuyến; Lạng Sơn bốn năm liên tiếp trong nhóm Top 10 DTI; Lào Cai vươn lên thứ hạng 14/63; Điện Biên và Hà Giang tăng nhanh thứ bậc; trong khi Lai Châu và Cao Bằng đang củng cố nền tảng, thứ hạng còn khiêm tốn. Năm 2022, Báo cáo kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số (DTI) các tỉnh, thành phố, bộ, ngành cho thấy, so với các tỉnh cùng ở miền Bắc thì tỉnh Quảng Ninh đứng thứ 3 toàn quốc (chỉ sau thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh), tăng 4 bậc so với năm 2021. Tỉnh cũng giữ vững vị trí thứ 3 về chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công

nghệ thông tin (ICT Index) năm 2022, đứng thứ 1 toàn quốc về cung cấp dịch vụ công trực tuyến (đánh giá trên Cổng dịch vụ công quốc gia). Năm 2023, kết quả cải cách hành chính các tỉnh, thành phố cho thấy, Quảng Ninh đứng thứ 2 trong chỉ số thành phần về chính quyền số [154], năm 2022, Báo cáo kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số (DTI) các tỉnh, thành phố, bộ, ngành cho thấy, tỉnh Quảng Ninh đứng thứ 3 toàn quốc (chỉ sau thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh), tăng 4 bậc so với năm 2021. Tỉnh cũng giữ vững vị trí thứ 3 về chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (ICT Index) năm 2022, đứng thứ 1 toàn quốc về cung cấp dịch vụ công trực tuyến (đánh giá trên Cổng dịch vụ công quốc gia). Năm 2023, kết quả cải cách hành chính các tỉnh, thành phố cho thấy, Quảng Ninh đứng thứ 2 trong chỉ số thành phần về chính quyền số [155]. Theo DTI 2023 tỉnh Lạng Sơn tăng 02 bậc, xếp vị trí thứ 04/63 tỉnh, thành phố với giá trị 0,7601 (tăng 11% so với năm 2022). Đây là năm thứ 3 liên tiếp, Lạng Sơn nằm trong nhóm 06 tỉnh, thành phố dẫn đầu về chuyển đổi số (năm 2021 xếp hạng 05/63, năm 2022 xếp hạng 06/63). Kết quả đánh giá DTI 2023 cho thấy, tỉnh Lạng Sơn xếp hạng 1 về nhận thức số và xếp hạng cao ở các chỉ số chính khác như: Hạng 5 chỉ số nhân lực số, hạng 4 chỉ số hoạt động chính quyền số, hạng 7 chỉ số hoạt động xã hội số, hạng 8 chỉ số hoạt động kinh tế số. Lạng Sơn cũng tiếp tục duy trì thứ hạng cao về xếp hạng 03 trụ cột, trong đó xếp hạng 4 trụ cột chính quyền số, hạng 7 trụ cột kinh tế số, hạng 5 trụ cột xã hội số [155].

Thực tiễn cho thấy, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là điều kiện tất yếu bảo đảm quá trình chuyển đổi số quốc gia tại các tỉnh miền núi phía Bắc đạt hiệu quả trong giai đoạn hiện nay.

ĐĐKDT là đòi hỏi khách quan trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới, đặc biệt trong xây dựng chính quyền 2 cấp.

Các tỉnh miền núi phía Bắc đều có đường biên giới với Trung Quốc nên có điều kiện thuận lợi cho giao thương, hợp tác, tăng cường hữu nghị giữa nhân dân vùng biên Việt Nam – Trung Quốc, Lào và các quốc gia khác. Tuy nhiên, đặc điểm

địa chính trị này cũng tiềm ẩn nhiều thách thức, như an ninh phi truyền thống, diễn biến phức tạp trên Biển Đông và khu vực biên giới, tranh chấp chủ quyền, buôn lậu và các hoạt động vi phạm pháp luật.

Bên cạnh nguy cơ mất ổn định, vùng núi phía Bắc còn đối diện nguy cơ tụt hậu về kinh tế, thu nhập bình quân còn thấp, trình độ dân trí chưa đồng đều, công tác giảm nghèo bền vững đòi hỏi nhiều nguồn lực. Trong bối cảnh đó, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trở thành yêu cầu khách quan, gắn kết đồng thuận xã hội với phát triển kinh tế – xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, đồng thời củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biên giới, biển đảo, sẵn sàng ứng phó mọi âm mưu bạo loạn, lật đổ và "diễn biến hòa bình". Đây là nhu cầu cấp thiết đối với các tỉnh miền núi phía Bắc trong giai đoạn hiện nay.

Kết quả khảo sát (*được nêu trong bảng 3.1*) cho thấy phần lớn cán bộ miền núi phía Bắc có mức độ hiểu biết TTHCM về đại đoàn kết dân tộc ở mức khá rõ và rất rõ, chiếm tỷ lệ chủ đạo trong tất cả các nội dung. Tỷ lệ "biết khá rõ" luôn dao động từ 50% đến hơn 54%, thể hiện sự phổ biến và bền vững của kiến thức nền tảng này trong nhận thức của đội ngũ cán bộ. Mức "biết rất rõ" cũng giữ vai trò quan trọng khi dao động quanh mức 18% đến 23%, phản ánh có một bộ phận không nhỏ cán bộ đạt đến sự thông hiểu sâu sắc và có khả năng vận dụng kiến thức đó trong thực tiễn. Đáng chú ý, nội dung về vai trò và vị trí của đại đoàn kết dân tộc đối với cách mạng Việt Nam cũng như ý nghĩa của việc vận dụng trong tình hình mới đạt tỷ lệ hiểu biết rất rõ cao nhất, cho thấy sự gắn kết giữa lý luận với thực tiễn đã thúc đẩy nhận thức ở mức sâu hơn. Các nội dung khác như khái niệm, hình thức tổ chức, phương pháp, nguyên tắc hay lực lượng của khối đại đoàn kết cũng được hiểu biết khá đồng đều, phản ánh tính toàn diện trong tiếp cận của cán bộ, dù mức độ sâu sắc có sự phân hóa nhẹ tùy theo yêu cầu lý luận hay thực hành của từng nội dung. Nhìn chung, phổ hiểu biết tập trung nhiều ở hai nhóm "biết khá rõ" và "biết rất rõ", điều này thể hiện sự đồng đều trong nhận thức và nền tảng chính trị tư tưởng vững chắc của đội ngũ cán bộ miền núi phía Bắc. Bên cạnh đó, vẫn tồn tại một bộ phận nhỏ có mức hiểu biết

trung bình về các nội dung TTHCM về đại đoàn kết dân tộc, song tỷ lệ này không chiếm ưu thế. Những con số về trung bình và độ lệch chuẩn cho thấy sự chênh lệch trong mức độ thấu hiểu không quá lớn, góp phần khẳng định sự hiểu biết về vai trò, vị trí tầm quan trọng của đại đoàn kết dân tộc theo TTHCM của cán bộ tại miền núi phía Bắc. Toàn bộ kết quả phản ánh một thực trạng trong đó cán bộ miền núi phía Bắc không chỉ tiếp cận TTHCM một cách rộng rãi mà còn có sự thẩm thấu ở mức độ khá sâu, đặc biệt ở những phương diện gắn trực tiếp với nhiệm vụ chính trị, xã hội và thực tiễn công tác hiện nay.

Bảng: 3.1 Mức độ hiểu biết Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc của cán bộ khu vực miền núi phía Bắc

Nội dung	Mức độ hiểu biết (%)					Trung bình	Độ lệch chuẩn
	Hoàn toàn không biết	Biết rất ít	Trung bình	Biết khá rõ	Biết rất rõ		
Hiểu biết về khái niệm và nội dung cốt lõi về đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh	0,5	0,7	26,2	54,5	18,2	3,89	,7113
Hiểu biết về vai trò và vị trí của đại đoàn kết dân tộc đối với cách mạng Việt Nam	0,3	0,3	22,9	53,6	22,8	3,98	,7086
Hiểu biết về hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc theo tưởng Hồ Chí Minh	0,5	1,2	26,0	53,4	18,8	3,88	,7289
Hiểu biết về phương pháp, nguyên tắc cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc	0,5	1,5	29,1	51,0	17,8	3,84	,7434
Hiểu biết về lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh	0,5	0,9	24,5	52,4	21,7	3,94	,7349
Hiểu biết về ý nghĩa của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc	0,5	1,4	24,8	50,0	23,3	3,94	,7614

Kết quả khảo sát về mức độ hiểu biết TTHCM của người dân miền núi phía Bắc *(được nêu trong bảng 3.2)* cho thấy phổ nhận thức tập trung chủ yếu ở hai mức "biết khá rõ" và "biết rất rõ". Tỷ lệ biết khá rõ thường dao động từ một phần ba đến hơn 40% tùy nội dung, phản ánh một nền tảng kiến thức khá chắc chắn trong cộng đồng. Đây là biểu hiện của sự thẩm thấu tương đối vững về các khía cạnh cốt lõi, từ khái niệm, vai trò, lực lượng cho đến phương pháp, nguyên tắc. Cùng với đó, nhóm

biết rất rõ cũng xuất hiện đều đặn trong tất cả các nội dung, tuy không vượt trội về tỷ lệ nhưng giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành một lớp dân cư có sự thấu hiểu sâu sắc. Đặc biệt, ở nội dung liên quan đến ý nghĩa của việc vận dụng TTHCM trong tình hình mới, gần bốn mươi phần trăm số người dân tự đánh giá ở mức biết rất rõ, vượt trội so với các nội dung khác. Điều này phản ánh xu hướng gắn kết giữa lý luận và bối cảnh thực tiễn, khi những giá trị tư tưởng được cảm nhận trực tiếp thông qua trải nghiệm xã hội hiện nay. So với các nội dung mang tính khái niệm, tổ chức hay nguyên tắc, vốn có tỷ lệ biết rất rõ thấp hơn, sự nổi bật ở nội dung "ý nghĩa vận dụng" cho thấy tính thực tiễn là kênh quan trọng giúp người dân tiếp cận và nội tâm hóa tri thức chính trị. Một bộ phận nhỏ người dân vẫn ở mức hiểu biết trung bình, song không chiếm ưu thế trong bức tranh chung. Các giá trị trung bình từ 3,5 đến 3,6 cho thấy mức độ hiểu biết phổ biến ở mức khá, và độ lệch chuẩn dao động xấp xỉ 0,9 phản ánh sự phân hóa nhất định nhưng không quá lớn trong cộng đồng.

Bảng: 3.2 Mức độ hiểu biết Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc của người dân

Nội dung	**Mức độ hiểu biết (%)**					**Trung bình**	**Độ lệch chuẩn**
	Hoàn toàn không biết	Biết rất ít	Trung bình	Biết khá rõ	Biết rất rõ		
Hiểu biết về khái niệm và nội dung cốt lõi về đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh	1,7	5,6	40,4	36,6	15,8	3,59	,876
Hiểu biết về vai trò và vị trí của đại đoàn kết dân tộc đối với cách mạng Việt Nam	1,4	5,2	36,9	37,3	19,2	3,68	,888
Hiểu biết về hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc theo tưởng Hồ Chí Minh	2,0	6,5	42,0	33,2	16,2	3,55	,908

Hiểu biết về phương pháp, nguyên tắc cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc	2,0	7,2	41,5	33,7	15,6	3,54	,907
Hiểu biết về lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh	1,8	6,4	39,8	35,2	16,8	3,59	,902
Hiểu biết về ý nghĩa của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc	2,3	0,7	18,5	40,8	37,7	4,11	,887

Biểu đồ 3.3 So sánh mức độ hiểu biết tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc của nhóm người dân và cán bộ (điểm trung bình/5)

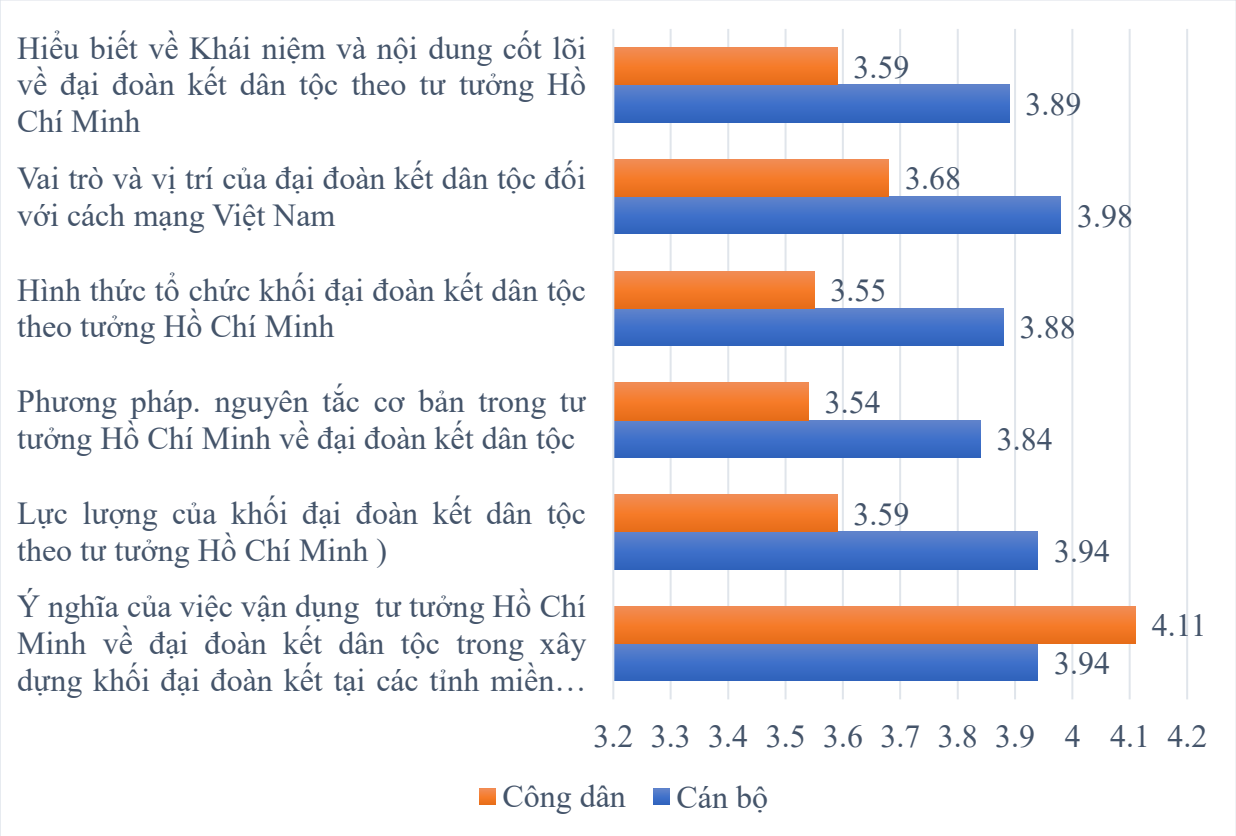

*p<0,05

Khi so sánh mức độ hiểu biết TTHCM về đại đoàn kết dân tộc giữa nhóm người dân và cán bộ *(xem biểu đồ 3.3)*, có thể nhận thấy sự khác biệt về độ sâu nhận thức được thể hiện qua điểm trung bình. Ở hầu hết các nội dung, cán bộ đạt mức điểm cao hơn công dân, phản ánh sự khác biệt về tiếp cận tri thức chính trị – tư tưởng. Điều này thể hiện rõ nhất trong những nội dung liên quan đến vai trò, vị trí và lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc, nơi cán bộ đạt điểm trung bình gần mức "biết khá rõ" đến "biết rất rõ", trong khi công dân thường dừng lại ở ngưỡng "trung bình khá". Điều đáng chú ý là cả hai nhóm đều đạt điểm cao nhất khi đánh giá về ý nghĩa vận dụng TTHCM trong tình hình mới. Tỷ lệ biết khá rõ và biết rất rõ chiếm ưu thế, phản ánh việc vận dụng tư tưởng này không chỉ là vấn đề lý luận mà còn mang tính hiện thực trong đời sống chính trị – xã hội. Người dân cũng có sự đồng thuận mạnh mẽ khi đánh giá giá trị thực tiễn của tư tưởng, dù mức độ sâu sắc chưa bằng cán bộ, cho thấy nhận thức ở cộng đồng không dừng lại ở tầng khái niệm mà đã gắn chặt với vận dụng TTHCM vào tình hình hiện nay. Khoảng cách điểm trung bình có ý nghĩa thống kê ($p<0,05$) nhấn mạnh sự khác biệt giữa hai nhóm, đồng thời phản ánh tính phân tầng trong tiếp nhận tri thức chính trị trong xã hội đương đại.

3.1.2. Nhận thức và hành động của Đảng bộ tỉnh, chính quyền và nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc về lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Một là, chủ thể của khối ĐĐKDT tại các tỉnh miền núi phía Bắc là nhân dân các dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc (*xem phụ lục 1*).

Nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc là cộng đồng đa dạng về thành phần xã hội, dân tộc và tôn giáo, sống đan xen, gắn bó, tạo nền tảng cho đoàn kết và phát triển. Họ vừa là những chủ thể cụ thể của đời sống kinh tế – xã hội, vừa đại diện cho sức mạnh tổng hợp của toàn dân. Với mẫu số chung là phát triển kinh tế – xã hội, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, giữ vững an ninh biên giới và đẩy mạnh đối ngoại nhân dân với Trung Quốc và Lào, các giai cấp và tầng lớp xã hội như công nhân, nông dân, doanh nhân, thanh niên, cựu chiến binh, phụ nữ, học sinh, sinh viên, người uy tín và đồng bào các dân tộc thiểu số đã tạo thành khối thống nhất không phân biệt giới tính, dân tộc hay tôn giáo.

Quan hệ đoàn kết được thiết lập toàn diện, từ đoàn kết giữa nhân dân với nhau đến đoàn kết giữa nhân dân với chính quyền và các tổ chức chính trị – xã hội, trở thành cơ sở quan trọng để thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh hiện nay. Bên cạnh đó, quá trình chuyển đổi số, ứng dụng khoa học – công nghệ vào sản xuất và đời sống tác động mạnh mẽ tới các giai cấp, tầng lớp, làm xuất hiện sự phân hoá giàu nghèo và những biến đổi trong cấu trúc xã hội, đặt ra yêu cầu mới đối với việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Hai là, thực hiện liên minh công – nông – trí thức và các tầng lớp nhân dân lao động đoàn kết xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội tại các tỉnh miền núi phía Bắc dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ các cấp. Trong đó, liên minh công – nông làm nền tảng.

Vận dụng sáng tạo những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và TTHCM trong việc thực hiện liên minh GCCN, GCND và tầng lớp trí thức, trong đó GCCN là giai cấp lãnh đạo và là nòng cốt của khối ĐĐKDT, dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN "Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo"[23. tr.158]. Tại các tỉnh miền núi phía Bắc đa số là GCND chiếm từ 40% dân số đến gần 70% dân số, GCCN chiếm từ 20% đến 30% dân số của cả tỉnh.

Đoàn kết giai cấp công nhân (GCCN)

Giai cấp công nhân, xuất thân từ giai cấp nông dân, giữ vai trò quan trọng trong liên minh công – nông – trí, cùng tham gia phát triển công nghiệp, nông nghiệp và kinh tế – xã hội tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Lực lượng này không ngừng tăng về số lượng, nâng cao về chất lượng, phát huy truyền thống đoàn kết và bản lĩnh chính trị. Trong những năm gần đây, liên minh công – nông – trí đã thúc đẩy phát triển du lịch gắn với tăng trưởng xanh, kinh tế biên mậu, xóa đói giảm nghèo và nâng cao đời sống nhân dân. Giai cấp công nhân giữ vai trò nòng cốt trong các phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", "Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc", "Lao động giỏi, lao động sáng tạo*". Hiện nay, cơ cấu giai cấp công nhân có sự chuyển dịch theo hướng hiện đại, phù hợp với yêu cầu phát triển. Đội ngũ này chủ

động học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, tiếp cận công nghệ mới, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế.

Đoàn kết giai cấp nông dân (GCND)

Tại các tỉnh miền núi phía Bắc, giai cấp nông dân giữ vị trí trung tâm trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Với vai trò là chủ thể phát triển nông nghiệp tiên tiến và nông thôn kiểu mẫu, vị thế của giai cấp nông dân ngày càng được khẳng định. Trình độ của nông dân không ngừng nâng cao, thể hiện qua sự xuất hiện của nhiều mô hình kinh tế sáng tạo, đặc biệt là du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc ở Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Điện Biên… mô hình này đã góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân. Trường hợp điển hình là Tẩn Thị Shu – người sáng lập Sa Pa O'Chau, được Forbes Việt Nam vinh danh trong "30 Under 30". Sa Pa O'Chau phát triển du lịch gắn với đào tạo hướng dẫn viên bản địa, bảo tồn văn hóa dân tộc và gây quỹ hỗ trợ người nghèo. Mỗi năm, dự án giúp hơn 100 trẻ em đi học và tạo sinh kế, góp phần nâng cao thu nhập, xóa bỏ tự ti và thúc đẩy hội nhập xã hội. Tại Hà Giang, đến năm 2022 có 35 làng văn hóa du lịch cộng đồng, trong đó 15 làng tiêu biểu. Nhiều chương trình bảo tồn văn hóa được triển khai đồng bộ, như bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, phục dựng các lễ hội truyền thống và bảo tồn di sản dân tộc Bố Y. Các lễ hội đặc trưng như nhảy lửa (Pà Thẻn), Bàn Vương, cấp sắc (Dao), Gầu tào (Mông), Lồng Tồng (Tày) được duy trì hằng năm, trở thành nguồn lực văn hóa quan trọng cho phát triển du lịch, kinh tế và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở các tỉnh miền núi phía Bắc. Phong trào thi đua *"Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xoá đói, giảm nghèo và làm giàu*" đã trở thành động lực quan trọng lan tỏa tinh thần đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau trong cộng đồng nông dân các tỉnh miền núi phía Bắc. Phong trào này gắn với mô hình liên kết "6 nhà" *(Nhà nước – Doanh nghiệp – Nông dân – Khoa học – Ngân hàng – Báo chí)*, góp phần nâng cao năng suất, bảo đảm đầu ra và gia tăng giá trị sản phẩm.

Giai cấp nông dân đồng thời phát huy lợi thế địa phương thông qua chương trình "*Mỗi xã, phường một sản phẩm*" (OCOP), tổ chức hàng trăm hội chợ thương

mại nhằm quảng bá và tiêu thụ sản phẩm nông sản, dược liệu, hàng hoá địa phương. Các ngành nghề truyền thống được bảo tồn và phát triển như gốm Nùng ở Lạng Sơn; làm gạch ngói, nung vôi của người Tày, Nùng ở Cao Bằng – Lạng Sơn; nghề rèn của người Nùng, Mông tại Cao Bằng, Lào Cai; cùng với trồng và chế biến dược liệu ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai. Những hoạt động này không chỉ tạo sinh kế bền vững, tăng thu nhập mà còn góp phần gìn giữ bản sắc văn hoá và củng cố khối đoàn kết cộng đồng.

Đoàn kết tầng lớp trí thức

Mặc dù chiếm tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu xã hội, đội ngũ trí thức tại các tỉnh miền núi phía Bắc giữ vai trò quan trọng trong lãnh đạo, quản lý nhà nước và tham gia trực tiếp vào xây dựng, phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương. Với trình độ chuyên môn được đào tạo bài bản và phẩm chất đạo đức tốt, lực lượng trí thức có xu hướng gia tăng về số lượng và chất lượng, song vẫn thiếu hụt so với các trung tâm lớn như Hà Nội, Thái Nguyên, Bắc Ninh.

Tuy nhiên, trí thức miền núi đã có những đóng góp thiết thực trong phát triển kinh tế, giáo dục và đào tạo, đặc biệt tại các tỉnh miền núi phía Bắc thông qua hệ thống cơ sở giáo dục – đào tạo. Các đơn vị như Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai, Hà Giang, Điện Biên và các trường cao đẳng, trường nghề tại địa phương đã góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng, tạo cơ hội học tập cho con em dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Tính đến 15.10.2025 tại phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai hiện có tổng số 2.998 sinh viên đang theo học các hệ cao đẳng, đại học, trong đó, cao đẳng 06 lớp với tổng 278 (06 nam, 272 nữ); đại học có 77 lớp, tổng 2.720 (nam 601, nữ 2119)[146]. Tại phân hiệu ĐHTN tại tỉnh Hà Giang với quy mô đào tạo, bồi dưỡng hiện tại của phân hiệu đạt trên 2.300 sinh viên. Năm học 2023 - 2024, phân hiệu ĐHTN tại tỉnh Hà Giang có hơn 800 học viên, sinh viên nhập học, trong đó, 363 tân sinh viên ngành Sư phạm, 121 sinh viên ngành ngoài Sư phạm và hơn 300 học viên các lớp liên thông, thạc sĩ [138]. Trong đó, tại tỉnh Quảng Ninh cũng góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh miền núi phía Bắc như Trường Đại học Hạ Long có quy mô đào tạo trên 7.000 sinh viên với

28 ngành học, trong đó có 3 ngành trình độ thạc sĩ [129]. Để đạt được thành tựu trên nhờ có sự liên minh GCCN, GCND và tầng lớp trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh và sự đồng thuận của nhân dân trên tinh thần tự nguyện, tự giác vì lợi ích chung của bản thân các giai cấp, tầng lớp đã tạo thành sức mạnh góp phần xây dựng và phát triển kinh tế tại các địa phương.

Tầng lớp thanh, thiếu niên, nhi đồng: Dưới sự giáo dục của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thanh niên các tỉnh miền núi phía Bắc đã trở thành lực lượng xung kích trên các lĩnh vực tình nguyện, tuyên truyền, phát triển kinh tế – xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Các phong trào *"Xung kích, tình nguyện phát triển kinh tế – xã hội và bảo vệ Tổ quốc", "Đồng hành với thanh niên trong lập thân, lập nghiệp"* đã phát huy tinh thần đoàn kết, yêu nước, trách nhiệm cộng đồng của thế hệ trẻ.

Thanh niên tích cực học tập, nâng cao trình độ, tuyên truyền pháp luật, chống tảo hôn, giữ gìn vệ sinh môi trường và hỗ trợ nhân dân trong đời sống hằng ngày. Nhiều cá nhân tiêu biểu được khen thưởng, như Ma Seo Chứ (xã Cốc Lầu, Bắc Hà, Lào Cai) đã vận động 115 người dân di dời an toàn trong trận lũ Yagy; Mùa A Thi, Trưởng bản Háng Pu Xi (Điện Biên), được tặng Huân chương Lao động hạng Nhất vì hành động dũng cảm cứu người và tài sản trong lũ quét, đưa hơn 90 người dân đến nơi an toàn. Cùng với đó, thiếu niên tích cực rèn luyện theo "5 điều Bác Hồ dạy", đoàn kết trong học tập, giúp đỡ bạn bè và gia đình, góp phần xây dựng môi trường giáo dục tích cực, lan tỏa giá trị văn hoá tốt đẹp trong cộng đồng.

Phụ nữ: Phụ nữ các tỉnh miền núi phát huy tinh truyền thống đoàn kết, phẩm chất kiên cường, bất khuất, trung hậu, đảm đang luôn yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong học tập, nâng cao trình độ học vấn, chăm lo nuôi dạy con cái, xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển kinh tế. Hội Phụ nữ các tỉnh đã phát động nhiều phong trào "*Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc*", "*Phụ nữ làm kinh tế giỏi*" đã thu hút nhiều chị em tham gia, hưởng ứng tích cực, tổ chức thành tổ hợp tác chị em giúp đỡ nhau như làng thổ cẩm, hợp tác xã thổ cẩm của chị em dân tộc Mông tại Sa Pa, Lào Cai gắn với xúc tiến quảng bá văn hoá du lịch như Festival "*thổ cẩm Lào Cai – Sắc màu văn hoá*".

Đội ngũ doanh nhân: Với chủ trương phát triển kinh tế tư nhân của Đảng ta hiện nay, đội ngũ doanh nhân đóng vai trò quan trọng góp phần phát triển kinh tế -xã hội tại địa phương. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng ngày nay, đội ngũ doanh nhân tại các tỉnh miền núi phía Bắc đang phụ trách các doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, có mặt trong hầu hết các thành phần kinh tế, không ngừng lớn mạnh về số lượng và chất lượng, lĩnh vực. Là lực lượng tiên phong, năng động, phát huy nội lực, khai thác các tiềm năng, lợi thế của từng địa phương để đầu tư sản xuất, kinh doanh, phát triển mô hình sản xuất, góp phần tạo ra nhiều sản phẩm mới, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động tại địa phương, đóng vai trò quan trọng trong phát triển KT - XH của tỉnh (được nêu trong bảng 3.3a).

Bảng: 3.3a Tổng hợp số doanh nghiệp tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong năm 2023-2024 (Nguồn: tác giả thống kê)

Tỉnh	Tổng số doanh nghiệp tính đến 10/2024	Tổng số vốn
Hà Giang	Năm 2023 có 3.784, trong đó có 655 công ty cổ phần, 1.290 công ty TNHH 1 thành viên, 1.694 công ty TNHH 2 thành viên, 86 doanh nghiệp tư nhân và 1.148 đơn vị trực thuộc.	36.500 nghìn tỷ, đóng góp trên 60% ngân sách và hàng nghìn việc làm.
Lào Cai	Năm 2023 có 7.175, trong đó ước đạt trên 3.800 doanh nghiệp và đạt 53% tổng số doanh nghiệp đã đăng kí.	94.925 tỷ đồng.
Điện Biên	Năm 2023 có 2.122 doanh nghiệp, trong đó có 411 tổ hợp tác xã và 310 hợp tác xã.	Năm 2024 tổng số vốn đăng ký 32.178 tỷ đồng.
Cao Bằng	Năm 2024 có 1.838 doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp đang hoạt động là 1.340 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 18.742 tỷ đồng; có 434 hợp tác xã, trong đó số hợp tác xã đang hoạt động là 311 hợp tác xã chiếm tỷ lệ 71,7%	22.027 tỷ đồng.
Lai Châu	Năm 2024: Có 2.100 doanh nghiệp, đóng góp trên 74% ngân sách.	Doanh nghiệp và khu vực tư nhân đóng góp 1.208 tỷ đồng, tạo việc làm cho 21.375 lao động thu nhập bình quân 6 triệu đồng/người/tháng.
Lạng Sơn	Tính đến 2024 có 4.700 doanh nghiệp, 763 chi nhánh, văn phòng đại diện. 511 hợp tác xã với tổng số vốn khoảng 1.162,1 tỷ đồng.	55.350 tỷ đồng.

Cựu chiến binh (CCB): Cựu chiến binh là lực lượng có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần đoàn kết, phát huy bản chất truyền thống*"Bộ đội Cụ Hồ"*, gương mẫu trên mọi lĩnh vực, tích cực tham gia và bảo vệ Đảng, chính quyền và nhân

dân; giúp đỡ đồng đội, là lực lượng tin cậy của Đảng, tích cực giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc cho các thế hệ trẻ; đoàn kết, giúp đỡ nhau trong cuộc sống hàng ngày và phát triển kinh tế, đóng góp một phần cho sự phát triển kinh tế của các tỉnh miền núi phía Bắc. Tại các tỉnh này, Hội Cựu chiến binh đã phát động các phong trào *"Cựu chiến binh gương mẫu"*, "*Cựu chiến binh giúp nhau giảm nghèo, làm kinh tế giỏi"*, *"Thắp sáng đường quê"* góp phần tăng cường tình đoàn kết, tình đồng chí, đồng đội.

Các lực lượng vũ trang nhân dân (Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và Dân quân tự vệ). Các lực lượng vũ trang tại các tỉnh miền núi biên giới phía Bắc đã thực hiện hiệu quả mối quan hệ đoàn kết quân – dân trên cơ sở quan điểm "từ nhân dân mà ra", góp phần bảo vệ tính mạng, tài sản và sự bình yên của nhân dân. Trong thời bình, lực lượng quân đội tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong bảo vệ chủ quyền vùng trời, vùng biển, hải đảo và đất liền tại khu vực giáp biên với Trung Quốc và Lào, đồng thời tham gia phát triển kinh tế – xã hội. Với phương châm gần dân, hiểu dân, dựa vào dân, mối quan hệ quân – dân trở thành nhân tố quan trọng củng cố quốc phòng, an ninh và ổn định vùng biên giới như Hồ Chí Minh dạy "Đoàn kết và giúp đỡ nhân dân, nhất là đoàn kết, học hỏi, giúp đỡ và thi đua với công nhân và nông dân"[69; tr.157].

Người cao tuổi: Với phương châm *"Sống vui, sống khoẻ, sống có ích"*, tiếp tục phát huy trí tuệ và phẩm chất, kinh nghiệm, phát huy truyền thống đoàn kết trong đấu tranh và hoà bình theo lời Bác Hồ dạy

"Tuổi già nhưng chí không già
Góp phần xây dựng nước nhà phồn vinh"[69; tr.338].

Người cao tuổi như các già làng, trưởng bản, tổ trưởng dân phố luôn gương mẫu đi đầu trong việc tuyền truyền đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, là linh hồn cho sự đoàn kết tại các khu vực dân cư. Gương mẫu, hưởng ứng, giáo dục con, cháu thực hiện tốt đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước; giáo dục truyền thống đoàn kết, truyền thống tốt đẹp của dân tộc; hướng dẫn các thế hệ trẻ giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; là trụ cột tinh thần của gia đình, dòng họ trong giáo dục truyền thống đạo lý của dân tộc, góp phần quan

trọng trong việc tạo nên sự đồng thuận xã hội và xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư.

Đồng bào các dân tộc thiểu số, người uy tín: Phát huy vai trò của người có uy tín tại các tỉnh nhằm thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc là ***"điểm tựa của mọi điểm tựa khác"***. Là lực lượng nòng cốt đi đầu, gương mẫu tiên phong trong các phong trào phát triển KT - XH; giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, xây dựng đời sống văn hoá nơi dân cư; giữ gìn an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội vùng dân tộc thiểu số "*Quần chúng tham gia đội tự quản đường biên, giữ cột mốc, giữ gìn an ninh, trật tự thôn, bản khu vực biên giới*", tổ chức tốt phong trào kết nghĩa cụm dân cư hai bên biên giới Việt – Trung. Qua đó, ngăn chặn tội phạm, buôn lậu, ngăn chặn người xuất cảnh trái phép… góp phần đảm bảo cuộc sống bình yên cho nhân dân và góp phần xây dựng địa phương ngày càng phát triển. Vận động nhân dân chấp hành và thực hiện các chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các quy định của địa phương, khu dân cư tại các địa phương.

Thực hiện lời dạy của Bác, các dân tộc thiểu số luôn phải đoàn kết hơn nữa để nâng cao trình độ dân trí, học tập để tiến kịp miền xuôi; loại bỏ những phong tục, tập quán lạc hậu, tệ tảo hôn, mê tín dị đoan trong ma chay, cưới hỏi, xoá bỏ tập tục du canh, du cư. Phát huy truyền thống đoàn kết, yêu thương giúp đỡ lẫn nhau, xây dựng nông thôn mới, xây dựng bản làng văn minh, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, có nhiều đóng góp quan trọng trong sự nghiệp xây dựng đoàn kết dân tộc.

Các chức sắc, tín đồ tôn giáo: Các chức sắc, tín đồ tôn giáo chiếm 10% dân số khoảng 12.5 triệu người. Phát huy truyền thống đoàn kết, tôn giáo đồng hành với dân tộc, các chức sắc, tín đồ tôn giáo tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, thực hiện phương châm sống "tốt đời, đẹp đạo"; đoàn kết lương giáo, đoàn kết các tôn giáo, tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào vì mục đích hướng về Tổ quốc, hướng về dân tộc, luôn tìm những điểm tương đồng giữa tôn giáo và dân tộc để phát huy sức mạnh ĐĐKDT. Kiên quyết đấu tranh chống lại sự đàn áp tôn giáo, lợi dụng tôn giáo vì mục đích chính trị, chia rẽ dân tộc, phá hoại sự đoàn kết dân tộc.

MTTQ Việt Nam (MTTQVN) tại các tỉnh miền núi phía Bắc: MTTQ VN tại các tỉnh đã hoàn thành các công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc khích lệ, động viên phát huy tinh thần sáng tạo và tự quản của nhân dân, triển khai các cuộc vận động thi đua, yêu nước; phát huy dân chủ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng và chính quyền vững mạnh; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại nhân dân, tăng cường hữu nghị và hợp tác quốc tế. Đổi mới, nâng cao năng lực hoạt động của MTTQ Việt Nam đáp ứng với yêu cầu mới.

Đoàn kết với nhân dân các nước giáp biên giới: Tiếp nối truyền thống đoàn kết hữu nghị Việt Nam – Trung Quốc và Việt Nam – Lào được Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh gây dựng trong lịch sử. Các tỉnh miền núi phía Bắc thực hiện chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa đối ngoại nhân dân, gắn với ba trụ cột ngoại giao: chính trị, kinh tế và văn hóa. Phát huy lợi thế địa kinh tế của khu vực giáp biên với Trung Quốc và Lào. Phối hợp với tỉnh Quảng Ninh bảo vệ đường biên giới trên bộ và trên biển, công tác đối ngoại nhân dân giữa các tỉnh của Việt Nam và Trung Quốc được phối hợp chặt chẽ với ngoại giao Đảng và ngoại giao Nhà nước nhằm bảo vệ chủ quyền, xây dựng đường biên giới hòa bình, hợp tác và phát triển.

Phong trào *"Xây dựng đường biên hòa bình – chủ quyền toàn vẹn – nhân dân ấm no, hạnh phúc"* được triển khai song song với hoạt động sản xuất, quản lý mốc giới và hỗ trợ đồng bào khu vực biên giới. Quan hệ đối ngoại nhân dân với các nước láng giềng được tăng cường trên tinh thần đoàn kết, tôn trọng lẫn nhau, phối hợp giải quyết các vấn đề chung về an ninh, chủ quyền và phát triển.

Nhân dân các tỉnh đã tuyên truyền thực hiện các hiệp ước, hiệp định và quy chế khu vực biên giới, phối hợp với Bộ đội Biên phòng bảo vệ đường biên, mốc giới, ngăn chặn hoạt động vi phạm chủ quyền, đồng thời tổ chức giao lưu văn hóa, duy trì kết nghĩa cụm dân cư hai bên biên giới nhân dịp lễ, Tết. Hoạt động hợp tác giữa các doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, giáo dục, du lịch và dịch vụ qua hệ

thống cửa khẩu được thúc đẩy, góp phần phát triển kinh tế và nâng cao đời sống nhân dân vùng biên.

Bảng: 3.3b Đánh giá của nhân dân về thực trạng vận dụng về lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Nội dung	**Mức độ hiểu biết (%)**					**Trung bình**	**Độ lệch chuẩn**
	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý		
Khối đoàn kết dân tộc bao gồm mọi giai cấp, tầng lớp, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giai cấp,	2,1	0,8	14,0	43,4	39,7	4,18	,851
Đồng bào dân tộc thiểu số là bộ phận quan trọng, không thể thiếu trong khối đại đoàn kết dân tộc	1,7	0,4	12,3	44,9	40,6	4,22	,807
Liên minh công nông - trí thức là nền tảng, là gốc của khối đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng	1,9	0,7	14,3	43,4	39,7	4,18	,838

Kết quả khảo sát phản ánh sự đồng thuận cao trong quần chúng nhân dân miền núi phía Bắc (*xem tại bảng 3.3*) đối với việc vận dụng TTHCM về lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc, qua đó cho thấy nền tảng chính trị – xã hội vững chắc đang hiện hữu trong cộng đồng. Các mức đánh giá tập trung chủ yếu vào nhóm "đồng ý" và "hoàn toàn đồng ý", phản ánh xu thế nhận thức chiếm ưu thế là hiểu biết khá rõ và rõ ràng. Bộ phận trung lập hay không đồng ý chỉ xuất hiện với tỷ lệ nhỏ, không tạo ra sự phân tán có ý nghĩa chính trị trong toàn bộ bức tranh.

Trong ba nội dung được khảo sát, điểm trung bình đều đạt trên ngưỡng 4,1, thể hiện sự thống nhất tư tưởng trong nhân dân về tính bao trùm của khối đại đoàn kết. Việc khẳng định rằng "khối đoàn kết dân tộc bao gồm mọi giai cấp, tầng lớp, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giai cấp" không chỉ phản ánh sự tiếp nhận lý luận Hồ Chí Minh ở chiều rộng mà còn khẳng định tính chính danh của chiến lược đoàn kết toàn dân trong đời sống chính trị hiện nay. Đây là sự đồng thuận có ý nghĩa khi

nó củng cố tính toàn dân của khối đại đoàn kết, bảo đảm cơ sở xã hội rộng rãi cho sự ổn định chính trị.

Đáng chú ý, nội dung về vai trò không thể thiếu của đồng bào dân tộc thiểu số nhận được sự tán thành cao nhất. Điều này khẳng định không chỉ vị trí chính trị của đồng bào miền núi trong chiến lược đoàn kết dân tộc, mà còn phản ánh ý thức tự thân của cộng đồng về trách nhiệm và quyền lợi trong cấu trúc quốc gia – dân tộc. Đây là yếu tố quan trọng trong việc duy trì sự gắn kết chính trị – xã hội ở vùng biên cương chiến lược.

Bên cạnh đó, liên minh công – nông – trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng tiếp tục được thừa nhận rộng rãi, thể hiện sức sống bền vững của một nền tảng chính trị – xã hội đã được xác lập từ truyền thống cách mạng. Như vậy, sự đồng thuận ở cả ba nội dung vừa cho thấy tính toàn diện của khối đại đoàn kết, vừa thể hiện sự ổn định và chiều sâu trong nhận thức chính trị của nhân dân miền núi phía Bắc hiện nay.

Bảng: 3.4 Đánh giá của cán bộ về lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc theo Tư tưởng Hồ Chí Minh

Nội dung	**Mức độ hiểu biết (%)**					**Trung bình**	**Độ lệch chuẩn**
	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý		
Khối đoàn kết dân tộc bao gồm mọi giai cấp, tầng lớp, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giai cấp,	0,3	0,2	3,9	58,7	36,8	4,31	,5886
Đồng bào dân tộc thiểu số là bộ phận quan trọng, không thể thiếu trong khối đại đoàn kết dân tộc,	0,3	0,3	4,8	57,2	37,3	4,31	,6094
Liên minh công – nông - trí thức là nền tảng, là gốc của khối đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng	0,3	0,3	5,3	56,0	38,0	4,31	,6183
Người có uy tín, già làng, trưởng bản giữ vai trò then chốt trong vận động nhân dân,	0,3	0,3	5,1	59,2	34,9	4,28	,6057
Thanh niên, phụ nữ, trí thức, doanh nhân là lực lượng quan trọng cần phát huy	0,3	0,2	5,8	58,4	35,3	4,28	,6086

Đảng viên, cán bộ phải nêu gương trong xây dựng đoàn kết	0,3	0,0	4,8	53,8	41,1	4,35	,6049

Kết quả khảo sát cho thấy cán bộ miền núi phía Bắc (*xem bảng 3.4*) có mức độ đồng thuận rất cao về lực lượng trong khối đại đoàn kết dân tộc theo TTHCM. Hầu hết các nội dung đều tập trung ở nhóm "đồng ý" và "hoàn toàn đồng ý", điểm trung bình dao động quanh 4,3. Nổi bật nhất là nhận thức về vai trò nêu gương của đảng viên, cán bộ đạt điểm cao nhất, phản ánh niềm tin mạnh mẽ vào vai trò lãnh đạo chính trị. Các nội dung về khối đoàn kết bao trùm mọi giai cấp, sự gắn bó của đồng bào dân tộc thiểu số, và nền tảng công – nông – trí thức đều được đánh giá đồng đều, cho thấy ý thức sâu sắc về tính toàn diện và bình đẳng. Các nội dung liên quan đến vai trò cụ thể của những lực lượng xã hội khác như "người có uy tín, già làng, trưởng bản" hay "thanh niên, phụ nữ, trí thức, doanh nhân" cũng đạt mức đồng thuận cao, dù điểm trung bình có phần thấp hơn. Điều này phản ánh sự phân tầng trong nhận thức: cán bộ đánh giá cao vai trò lãnh đạo chính trị và nền tảng truyền thống, song đồng thời cũng thừa nhận tầm quan trọng của các nhóm xã hội khác trong cấu trúc đoàn kết.

Khi so sánh với đánh giá của công dân, sự khác biệt nổi bật là cán bộ có mức độ đồng thuận cao và ổn định hơn, đặc biệt ở những nội dung gắn trực tiếp với vai trò lãnh đạo chính trị, trong khi công dân nhấn mạnh nhiều hơn đến khía cạnh cộng đồng và sự tham gia của các lực lượng xã hội đa dạng. Điều này phản ánh sự khác biệt trong vị thế xã hội và mức độ tiếp cận tri thức chính trị của hai nhóm.

3.1.3. Nhận thức và hành động của Đảng bộ tỉnh, chính quyền và nhân dân về nguyên tắc, phương pháp đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

3.1.3.1. Nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc

Đại đoàn kết nhân dân các dân tộc các tỉnh miền núi phía Bắc dựa trên cơ sở đảm bảo lợi ích tối cao của dân tộc, đất nước, của địa phương và đảm bảo quyền lợi tối đa của nhân dân.

Hồ Chí Minh cho rằng đồng mục đích vì "mục đích có đồng, chí mới đồng;

chí có đồng, tâm mới đồng; tâm đã đồng thì còn phải biết cách làm thì mới chóng" [58; tr.282]. Như vậy, nguyên tắc trong xây dựng khối ĐĐKDT là vấn đề cấp thiết, đúng đắn của ta. Đây là nguyên tắc bất di bất dịch trong việc vận dụng TTHCM về tập hợp lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc. Nguyên tắc này đã được chứng minh trong thực tiễn đấu tranh chống giặc ngoại xâm của nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng, cả nước nói chung. Chỉ có thể đảm bảo lợi ích tối cao của dân tộc là điều kiện để đảm bảo lợi ích của nhân dân. Lợi ích của dân tộc và lợi ích của nhân dân có mối quan hệ biện chứng với nhau. Đại đoàn kết toàn dân tộc luôn đặt lợi ích của dân tộc lên đầu để xây dựng đất nước ngày càng phát triển, dân chủ, văn minh "được sánh vai với các cường quốc năm châu" như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc ý thức sâu sắc về đại đoàn kết các dân tộc đều vì một mục đích là phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân các dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Thêm vào đó, các cấp chính quyền, đoàn thể tại các tỉnh đã vận dụng sáng tạo những nguyên tắc ĐĐKDT của Hồ Chí Minh và ĐCSVN đã đề ra những biện pháp, nguyên tắc, khéo léo kết hợp giữa lợi ích quốc gia dân tộc và lợi ích của nhân dân trong các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, chương trình hành động. Những kết quả đạt được về phát triển kinh tế – xã hội, ổn định chính trị và bảo đảm an ninh, an toàn lãnh thổ, biên giới, hải đảo là minh chứng quan trọng cho việc quán triệt và thực hiện hiệu quả nguyên tắc đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay.

Như vậy, các tỉnh miền núi phía Bắc đã thực hiện nguyên tắc mục tiêu giữ vững độc lập dân tộc, thống nhất của Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là điểm tương đồng – một nguyên tắc bất di bất dịch trong thời kì mới.

Đại đoàn kết toàn dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc được xây dựng trên nguyên tắc liên minh rộng rãi các tầng lớp nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân – nông dân – trí thức làm nền tảng, đặt dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Sự phát triển kinh tế – xã hội trong giai đoạn mới đã làm xuất hiện những biến đổi trong quan hệ giai cấp tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Dưới sự lãnh đạo của các

cấp ủy Đảng, nguyên tắc đại đoàn kết toàn dân tộc được quán triệt và triển khai hiệu quả, huy động mọi nguồn lực, khai thác hợp lý tiềm năng của từng vùng, miền, bảo đảm không bỏ sót bất kỳ lực lượng nào trong quá trình phát triển và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới, biển đảo. Liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức – chiếm trên 70% dân số và là lực lượng lớn, mạnh nhất – trở thành nền tảng của khối đại đoàn kết. Sức mạnh tổng hợp của nhân dân được phát huy dựa trên liên minh này, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tạo động lực quyết định đối với phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội tại địa phương. Việc nhận thức rõ vai trò của từng giai cấp, tầng lớp là điều kiện quan trọng để phát huy thế mạnh và phân công hợp lý trong phát triển kinh tế – xã hội.

Từ năm 2010 đến nay, các cấp ủy Đảng và chính quyền đã tập hợp rộng rãi lực lượng công nhân, nông dân, trí thức, thanh niên, cựu chiến binh, phụ nữ, doanh nhân, người có uy tín và các tầng lớp lao động khác, cơ bản hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội. Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được thể hiện rõ qua việc giải quyết các vấn đề trọng yếu như xóa đói giảm nghèo, phát triển nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, du lịch gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, tạo việc làm và tăng thu nhập cho nhân dân. Dưới sự chỉ đạo của cấp ủy, các cơ quan, ban ngành phối hợp chặt chẽ với MTTQVN triển khai hiệu quả công tác đoàn kết toàn dân tộc, trong đó liên minh công – nông – trí thức là nền tảng. MTTQVN là bộ phận quan trọng của hệ thống chính trị, giữ vai trò tập hợp và phát huy sức mạnh đại đoàn kết vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", góp phần thu hẹp khoảng cách vùng miền, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, miền núi.

Thực tiễn đã khẳng định sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng bộ các cấp, kiên định nguyên tắc đoàn kết, thống nhất trong hành động, mở rộng dân chủ, tự phê bình và phê bình, đề ra đường lối đúng đắn, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

Đại đoàn kết toàn dân tộc dựa trên nguyên tắc tin vào nhân dân, dựa vào nhân dân, tôn trọng nhân dân

Việc vận dụng và quán triệt nhất quán TTHCM về đại đoàn kết dân tộc, với nguyên tắc "tin dân, dựa vào dân, tôn trọng nhân dân, mọi lợi ích vì nhân dân", đã được các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương tại các tỉnh miền núi phía Bắc triển khai hiệu quả. Từ sau đổi mới, đời sống và chất lượng cuộc sống của nhân dân không ngừng cải thiện, ổn định và phát triển. Các chủ trương, nghị quyết và chương trình hành động đều hướng tới mục tiêu nâng cao đời sống nhân dân, coi nhân dân là trung tâm và là nhân tố quyết định thắng lợi trong xây dựng và phát triển các tỉnh miền núi phía Bắc trong giai đoạn hiện nay.

Đại đoàn kết toàn dân tộc phải chú trọng thực hành dân chủ thật sự, tự phê bình, phê bình, đoàn kết chặt chẽ, lâu dài, chân thành, đoàn kết trên tinh thần "cầu đồng tồn dị", tự nguyện.

Phát huy dân chủ là nhân tố quan trọng trong thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc nên Đảng bộ các cấp, chính quyền đã cụ thể hoá, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tạo môi trường dân chủ, thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân trên mọi phương diện, mọi mặt của đời sống xã hội trên tinh thần "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân nhằm giữ vững bản chất chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đảm bảo lợi ích của nhân dân là biện pháp tích cực nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới. Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng như các dự thảo Văn kiện Đại hội các cấp; sáp nhập tỉnh, thực hiện chính quyền 2 cấp; xây dựng chính quyền, tham gia đối thoại với người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, và các tổ chức đoàn thể. Nhân dân được nói lên ý kiến, tâm tư, nguyện vọng, những bức xúc như vấn đề đền bù, giải phóng mặt bằng, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế, chính sách đất đai, môi trường… thông qua các cuộc họp tiếp xúc cử tri tại các kì họp với đại biểu Quốc hội tại các địa phương. Các ý kiến chính đáng của nhân dân đã được các cấp uỷ Đảng, chính quyền và các cơ quan ban ngành có liên quan giải quyết kịp thời tạo sự đồng thuận trong nhân dân.

Thực hiện giám sát và phản biện xã hội trên nhiều lĩnh vực như việc thực hiện chính sách của nhà nước về phát triển kinh tế – xã hội tại địa phương. Tham gia đóng

góp ý kiến đối với các dự thảo văn bản pháp luật, văn bản QPPL của các cơ quan Quốc hội và bộ, ban ngành. Tham gia bầu cử Đại biểu quốc hội và Đại biểu HĐND các cấp; tham gia ban thanh tra nhân dân; thực hiện các quyền khiếu nại, tố cáo và các quyền, nghĩa vụ công dân theo quy định của pháp luật.

Thực hiện đoàn kết, tích cực trong các hoạt động giao lưu, đối ngoại nhân dân với nhân dân các nước láng giềng. Thực hiện trên nguyên tắc tự phê bình và phê bình trên tinh thần xây dựng, tìm ra những hạn chế, khuyết điểm cùng tiến bộ. Nguyên tắc này được quán triệt trong toàn bộ hệ thống các cơ quan nhà nước đến các hoạt động của nhân dân, điều đó giúp cho các mặt tốt, tích cực của nhân dân nảy nở như hoa mùa xuân; mặt hạn chế được khắc phục, sửa đổi để phát triển và hoàn thiện từ cán bộ, cán bộ chủ chốt đến nhân dân tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Đại đoàn kết toàn dân tại các tỉnh miền núi phía Bắc còn được quán triệt bởi nguyên tắc đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc, chân thành, lâu dài trên tinh thần lấy điểm tương đồng, lấy mục đích chung làm đích hướng đến trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Vì chỉ thực hiện nguyên tắc này đại đoàn kết mới thực sự có chất lượng và đạt hiệu quả, lâu bền. Các tỉnh miền núi phía Bắc với sự đan xen, sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số, chênh lệch về thu nhập, sự khác biệt về văn hoá, chênh lệch về trình độ. Tuy nhiên việc quán triệt nguyên tắc này làm cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc luôn được củng cố và mở rộng biên độ, vì mục tiêu chung của dân tộc, của đất nước, của các tỉnh và phù hợp với nguyện vọng, truyền thống của nhân dân các dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong xu thế hội nhập quốc tế, toàn cầu hoá hiện nay.

3.1.3.2. Phương pháp tập hợp lực lượng

Một là, khéo tuyên truyền, khéo vận động, giáo dục, thuyết phục nhân dân

Vận dụng sáng tạo phương pháp tập hợp lực lượng theo tư tưởng Hồ Chí Minh, các cấp ủy, chính quyền và các tổ chức đoàn thể ở các tỉnh miền núi phía Bắc đã khéo léo tuyên truyền, vận động và thuyết phục nhân dân đoàn kết, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội qua các kỳ đại hội. Nhờ đó, khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố, mở rộng và không ngừng tăng cường.

Mục tiêu của công tác tuyên truyền là làm cho nhân dân nhận thức sâu sắc giá trị truyền thống đoàn kết của dân tộc, từ đó khơi dậy tinh thần gắn kết cộng đồng, hành động vì lợi ích chung của quê hương và đất nước. Nội dung cốt lõi là tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, được truyền tải bằng nhiều hình thức, phù hợp với từng đối tượng và yêu cầu thực tiễn.

MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội tại địa phương đã đổi mới phương thức hoạt động, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, phổ biến về vai trò, ý nghĩa của đại đoàn kết dân tộc; thu hút đông đảo tầng lớp nhân dân tham gia một cách tự giác và hiệu quả. Đồng thời, thực hiện chức năng giám sát xã hội và giám sát của nhân dân trong thi hành pháp luật, thực hiện quy chế dân chủ; kiên quyết đấu tranh bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc lịch sử nhằm chia rẽ khối đoàn kết dân tộc.

Cập nhật chương trình đào tạo, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy các học phần lý luận chính trị, trong đó có học phần TTHCM tại các trường Chính trị của tỉnh và các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn các tỉnh (Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai và tỉnh Hà Giang) cũng như tại các Trường Chính trị tỉnh coi trọng tính thiết thực, hiệu quả, liên hệ, vận dụng với địa phương.

Tổ chức các cuộc thi về chủ tịch Hồ Chí Minh, thực hiện các chuyên đề phù hợp với địa phương như cuộc vận động tiếp tục *"Học tập và làm theo tấm gương, tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh"* được triển khai đồng bộ, sâu rộng. Xây dựng kế hoạch học tập hàng năm với nhiều nội dung và cách làm thiết thực, gắn với tình hình cụ thể của đơn vị, cơ quan như thi kể chuyện, thi tìm hiểu về tấm gương, đạo đức, tác phong, phong cách làm việc của Bác Hồ; Học tập các chuyên đề về sửa đổi lề lối làm việc; về thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Thực hiện lồng ghép, giáo dục truyền thống văn hoá dân tộc qua việc giảng dạy các chuyên đề địa phương tại các trường THCS và THPT trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc, giúp cho người học hiểu được những giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc, từ đó hình thành khát vọng xây dựng địa phương ngày càng giàu đẹp. Qua các cuộc thi nhằm lan toả giá trị TTHCM trong nhân dân, góp phần tạo những chuyển biến quan trọng về nhận thức, về ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lối sống và bước đầu

làm theo trong nhân dân, cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Cần nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác tuyên giáo và MTTQ Việt Nam đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Công tác tuyên truyền phải bảo đảm ngắn gọn, dễ hiểu, dễ tiếp cận và triển khai đa kênh, qua truyền hình, cổng thông tin điện tử của các tỉnh, mạng xã hội, cũng như thông qua già làng, trưởng bản, người có uy tín và đảng viên. Ở vùng sâu, vùng xa còn hạn chế về hạ tầng số, lực lượng tuyên truyền viên là bộ đội biên phòng, giáo viên và người có uy tín tại chỗ được phát huy hiệu quả trong truyền tải các nội dung về truyền thống đoàn kết dân tộc.

Hai là, sử dụng phương pháp nêu gương, lấy tấm lòng chân thành để đối xử, cảm hoá, khơi dậy tinh thần tự giác, tự nguyện.

Cấp uỷ, chính quyền các cấp đã vận dụng nguyên tắc nêu gương, kịp thời khen thưởng điển hình tiên tiến trong sản xuất và các phong trào thi đua khen thưởng già làng, trưởng bản, người uy tín tiêu biểu vùng dân tộc, biên giới và đề xuất nhiều hình thức động viên, tổ chức nhiều hội nghị tuyên dương đối với già làng, trưởng bản tiêu biểu, tiên tiến cấp tỉnh. Nêu gương các đối tượng giáo viên, thanh niên, học sinh, phụ nữ, công nhân, nông dân, doanh nhân… có thành tích nổi bật, cống hiến cho cơ quan, địa phương. Lan toả tấm gương điển hình qua nhiều kênh như truyền hình bằng nhiều thứ tiếng, cả tiếng của đồng bào dân tộc thiểu số; qua mạng xã hội, qua báo chí tại địa phương, qua các cuộc họp tổ dân phố…. Tích cực vận động nhân dân đồng bào dân tộc thiểu số lao động sản xuất, sử dụng hiệu quả nguồn vốn 134, 135, quỹ xoá đói giảm nghèo và sự hỗ trợ từ các cơ quan, doanh nghiệp.

Ban hành các quy chế nhân rộng mô hình, cá nhân có thành tích trong công tác, trong bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hoá dân tộc, xây dựng nông thôn mới, phát triển KT - XH. Vận động nhân dân đoàn kết thực hiện cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư"* trên cơ sở đổi mới nội dung và phương thức hoạt động phù hợp với khu dân cư; với sự đồng hành, vào cuộc của cấp uỷ Đảng, chính quyền và nhân dân đã đạt được sự thành công nhất định và được nhân dân ủng hộ, hưởng ứng.

Phong trào thi đua *"Xã, phường thị trấn tiên tiến"* được phát động nhiều năm do MTTQ chủ trì và thể chế hoá bằng quy chế khen thưởng. Các cuộc vận động *"Vì người nghèo"* được triển khai đồng bộ và được nhân dân ủng hộ góp phần tích cực vào công tác xoá đói, giảm nghèo tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc tham gia nhiều hoạt động từ thiện, nhân đạo với tình thần *"tương thân tương ái"*, chia sẻ với đồng bào miền Trung bị lũ lụt…

Tuyên dương các điển hình tiên tiến trong các hoạt động về phát triển KT - XH, nông dân điển hình, công nhân, phụ nữ, nhân dân có thành tích trong phòng, chống tội phạm, đồng thời có thái độ khoan hồng, khoan dung độ lượng với những người có lỗi lầm trong quá khứ đã biết cải tà quy, chính bằng thái độ chân thành như những tội phạm, mại dâm, buôn lậu để họ xoá bỏ mặc cảm, hoà đồng với xã hội, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Cùng với sự phát triển của xã hội, các thông tin tuyền truyền thông qua truyền hình, báo, đài và từ việc tích cực tuyên truyền từ cán bộ các tỉnh miền núi phía Bắc đã giảm tỉ lệ tảo hôn… Thông qua vận động, tuyên truyền, giải thích cho nhân dân xoá bỏ các hủ tục lạc hậu như tảo hôn, rượu chè, tang ma, cưới hỏi, vận động đồng bào dân tộc cho con đi học, thực hiện các chính sách của nhà nước hỗ trợ cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa.

Như vậy, quán triệt nguyên tắc nêu gương, cảm hoá chân thành, khơi dậy tinh thần tự giác trong nhân dân đã tạo nên những thành công trong công tác thực hiện ĐĐKDT trong nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc, giúp cho những người tích cực càng tích cực thêm, những người từng lầm đường lạc lối được "tái sinh" để xoá bỏ mặc cảm, hoà nhập với cộng đồng trở thành công dân có ích cho xã hội. Đối với những người yếu thế được giúp đỡ để học tự tin, vươn lên thoát nghèo tạo sự đoàn kết trong cộng đồng nhân dân.

Theo kết quả khảo sát cho thấy nhân dân miền núi phía Bắc có mức độ đồng thuận cao về phương pháp và nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh (*được nêu trong bảng 3.5*). Nổi bật là sự đề cao nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng và giúp nhau phát triển giữa các dân tộc, cùng với việc khẳng định

lợi ích tối cao của Tổ quốc và nhân dân như điểm hội tụ chung. Các nguyên tắc khác như đoàn kết lâu dài, đối thoại thuyết phục, giáo dục truyền thống hay nhân rộng điển hình tiên tiến đều được đánh giá tích cực. Điều này phản ánh sự thấm nhuần và ổn định trong nhận thức xã hội, khẳng định tính bền vững của nền tảng đoàn kết trong bối cảnh hiện nay.

Bảng: 3.5 Quan điểm của người dân về phương pháp và nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo Tư tưởng Hồ Chí Minh tại các tỉnh miền núi phía Bắc

Nội dung	**Mức độ hiểu biết (%)**					**Trung bình**	**Độ lệch chuẩn**
	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý		
"Đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, chân thành, thân ái…" là nền tảng	4,5	0,9	12,6	51,5	30,4	4,02	,934
Lợi ích tối cao của Tổ quốc và nhân dân là điểm tương đồng quy tụ khối đại đoàn kết toàn dân tộc,	3,9	1,4	12,8	49,7	32,2	4,05	,925
Bình đẳng, tôn trọng, giúp nhau phát triển giữa các dân tộc	3,6	0,9	11,7	50,8	33,0	4,09	,895
Tuyên truyền, giáo dục truyền thống đoàn kết là then chốt	3,5	1,6	12,7	49,7	32,5	4,06	,911
Đối thoại, thuyết phục để giải quyết mâu thuẫn	3,6	1,5	14,1	49,7	31,1	4,03	,915
Phát hiện và nhân rộng điển hình đoàn kết tiên tiến	3,5	1,4	13,1	50,4	31,5	4,05	,905

Bảng: 3.6 Quan điểm của của cán bộ về phương pháp và nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo Tư tưởng Hồ Chí Minh tại các tỉnh miền núi phía Bắc

Nội dung	**Mức độ hiểu biết (%)**					**Trung bình**	**Độ lệch chuẩn**
	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý		

"Đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, chân thành…" được quán triệt,	0,3	0,0	4,1	63,7	31,8	4,27	,5653
Lợi ích Tổ quốc, nhân dân là điểm hội tụ	0,3	0,2	4,5	59,9	35,1	4,29	,5899
Bình đẳng, tôn trọng, giúp nhau phát triển	0,3	0,0	4,3	58,9	36,5	4,31	,5846
Nêu gương cán bộ, đảng viên tạo niềm tin xã hội	0,3	0,2	4,1	58,4	37,0	4,32	,5915
Đối thoại, thuyết phục giải quyết mâu thuẫn	0,3	0,0	4,6	61,6	33,4	4,28	,5784
Nhân rộng điển hình đoàn kết tiên tiến	0,3	0,2	4,1	59,1	36,3	4,31	,5893

Kết quả khảo sát về quan điểm của cán bộ miền núi phía Bắc (*được nêu trong bảng 3.6*) cho thấy sự đồng thuận rất cao đối với các phương pháp và nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc TTHCM phản ánh nền tảng nhận thức chính trị tương đối vững chắc và ổn định.

Trong các nội dung, nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng và giúp nhau phát triển giữa các dân tộc đạt mức đồng thuận nổi bật, cùng với việc khẳng định lợi ích của Tổ quốc và nhân dân như điểm hội tụ chung. Điều này phản ánh nhận thức sâu sắc về mối quan hệ giữa tính toàn diện của đoàn kết và lợi ích quốc gia – yếu tố tạo nên sức mạnh chung của cộng đồng dân tộc.

Đặc biệt, nội dung "nêu gương cán bộ, đảng viên tạo niềm tin xã hội" nhận được sự đánh giá cao, với tỷ lệ đồng thuận áp đảo và điểm trung bình cao nhất. Đây là biểu hiện cho thấy cán bộ tự ý thức rõ vai trò tiên phong, coi việc nêu gương là phương pháp then chốt để củng cố khối đoàn kết. Cùng với đó, các nguyên tắc gắn với "đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, chân thành" và phương pháp "đối thoại – thuyết phục" trong giải quyết mâu thuẫn cũng được đề cao, phản ánh niềm tin vào sự bền vững và tính nhân văn của đoàn kết dân tộc.

Ngoài ra, nội dung nhân rộng các điển hình đoàn kết tiên tiến cũng được đồng thuận mạnh mẽ, cho thấy xu hướng coi trọng yếu tố thực tiễn và tính lan tỏa trong xã hội. Nhìn chung, dữ liệu cho thấy cán bộ miền núi phía Bắc không chỉ nhận thức rõ về các phương pháp và nguyên tắc cơ bản mà còn khẳng định vai trò gắn kết giữa lý luận chính trị và thực tiễn xã hội trong việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Biểu đồ: 3.7 Đánh giá của cán bộ và người dân về phương pháp và nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh tại các tỉnh miền núi phía Bắc

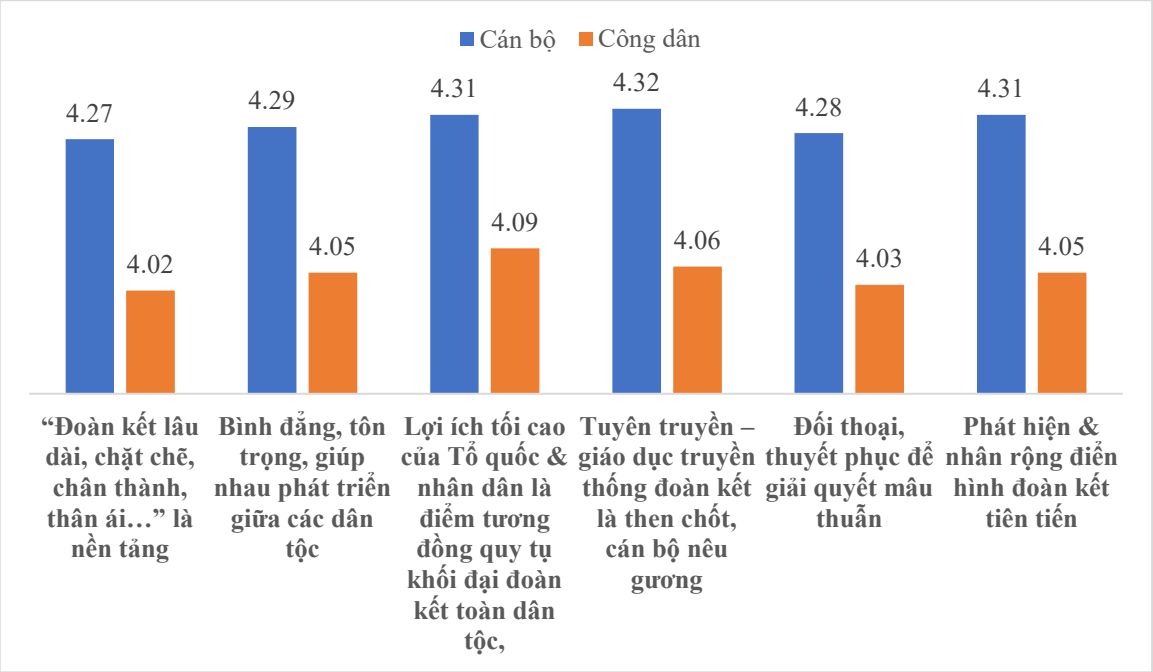

Kết quả khảo sát *(xem biểu đồ 3.7)* thể hiện cả hai nhóm đều có xu hướng đồng thuận cao, tập trung chủ yếu ở mức cao, song cán bộ nhất quán đưa ra mức đánh giá cao hơn công dân ở tất cả các nội dung. Điểm nổi bật là nguyên tắc "bình đẳng, tôn trọng và giúp nhau phát triển" cùng với "lợi ích tối cao của Tổ quốc và nhân dân" được cán bộ đánh giá rất cao, phản ánh nhận thức sâu sắc về tính toàn diện và định hướng chiến lược của đại đoàn kết. Người dân cũng đồng thuận, nhưng mức đánh giá thấp hơn, cho thấy sự khác biệt trong cách tiếp cận: cán bộ thường gắn với lý luận và định hướng chính trị, trong khi công dân nhìn từ trải nghiệm thực tiễn. Nội dung "tuyên truyền – giáo dục truyền thống đoàn kết" và "nêu gương cán bộ, đảng viên" tiếp tục đạt mức đồng thuận cao trong nhóm cán bộ, nhấn mạnh vai trò then chốt của công tác chính trị – tư tưởng. Trong khi đó, người dân có mức đánh giá thấp hơn, phản ánh thực tế khoảng cách giữa chính sách tuyên truyền và mức độ tiếp nhận trong cộng đồng. Đối với "đối thoại, thuyết phục để giải quyết mâu thuẫn" và "nhân rộng điển hình tiên tiến", cán bộ vẫn giữ mức đánh giá cao, còn công dân tuy đồng thuận nhưng tỏ ra thận trọng hơn. Điều này cho thấy nhận thức của cộng đồng về các nguyên

tắc và phương pháp này chưa đồng đều, đặc biệt ở khía cạnh vận dụng trong đời sống thường ngày.

3.1.4. Nhận thức và hành động của Đảng bộ tỉnh, chính quyền địa phương và nhân dân về hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc

Một là, Đảng bộ các tỉnh miền núi Phía Bắc

Tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết toàn dân tộc trong lịch sử các tỉnh miền núi phía Bắc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ các tỉnh miền núi phía Bắc thực hiện sự lãnh đạo toàn diện trên cơ sở bám sát các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam và TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc và chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc. Từ đó, Đảng bộ các tỉnh đã cụ thể hoá đường lối, chính sách của Đảng và vận dụng sáng tạo những quan điểm của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc bằng nghị quyết, chương trình, quyết định, kế hoạch chi tiết cho từng nội dung và chỉ đạo đảng bộ huyện, xã, lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền thực hiện các chủ trương đại đoàn kết toàn dân tộc. Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo nhân dân thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc trong các lĩnh vực: kinh tế, văn hoá, xã hội, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn, an ninh quốc gia, quốc phòng, vùng biển, vùng trời, hải đảo. Củng cố hệ thống chính trị, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh gắn với năng lực lãnh đạo phát triển KT - XH; xây dựng và củng cố chính quyền các cấp hoạt động ngày một hiệu quả; thực hiện đoàn kết trong Đảng, thực hiện dân chủ, kỷ luật, kỷ cương và thực hiện các nguyên tắc sinh hoạt đảng. Đổi mới và không ngừng nâng cao chất lượng sinh hoạt các chi bộ, nâng cao trình độ, năng lực của cán bộ đảng viên, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Từ năm 2010 đến nay, Đảng bộ các cấp và chính quyền các tỉnh miền núi phía Bắc phát huy tinh thần đoàn kết đã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ phát triển KT - XH ở các tỉnh miền núi phía Bắc, trong đó nổi bật nhất là tỉnh Điện Biên, tỉnh Lào Cai…. Đảng bộ các cấp tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo phát triển kinh tế, thực hiện xoá đói, giảm nghèo bền vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; chủ quyền quốc

gia được giữ vững, thực hiện đối ngoại nhân dân; xây dựng biên giới hoà bình, hợp tác và phát triển; an ninh, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo; dần xoá bỏ các hủ tục lạc hậu trong đồng bào dân tộc thiểu số, xây dựng các tỉnh miền núi phía Bắc ngày càng phát triển.

Hai là, MTTQ Việt Nam tại các tỉnh miền núi phía Bắc

MTTQ VN tại các tỉnh miền núi phía Bắc đã chủ động đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động nhằm tập hợp và phát huy sức mạnh ĐĐKDT trong sự nghiệp xây dựng và phát triển của các địa phương.

Trong những năm qua, Tỉnh uỷ các tỉnh đã ra quyết định phê duyệt các đề án về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của MTTQ nhằm tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và phát triển tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của MTTQ VN tại các tỉnh đã được nâng lên về chất lượng thực hiện quan điểm chung giữ vững mục tiêu giữ vững độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, vì dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng, trên nền tảng liên minh GCCN, GCND và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng - là đường lối chiến lược cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, là động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định đảm bảo thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc. Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là tổ chức Đảng các cấp và MTTQ VN là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân có vai trò quan trọng trong sự nghiệp ĐĐKDT. Các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước phải góp phần quan trọng vào việc đảm bảo công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của giai cấp, các tầng lớp nhân dân tại các tỉnh miền núi phía Bắc; gắn với xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, đoàn thể và cả hệ thống chính trị của các tỉnh trong sạch, vững mạnh, góp phần thiết thực vào thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển KT - XH nhanh, bền vững bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh.

Hoạt động của MTTQ đã bám sát, cụ thể hoá chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc. Đảm bảo sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của

cấp uỷ Đảng, phối hợp chặt chẽ giữa MTTQ với chính quyền các cấp với các sở, ban, ngành và cả hệ thống chính trị.

Đổi mới hoạt động của MTTQ đảm bảo củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy, cán bộ làm công tác mặt trận từ tỉnh đến cơ sở, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Qua quá trình thực hiện đổi mới, yếu tố quyết định đến hoạt động của MTTQ là do sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác mặt trận. Từ đó, đã phát huy vai trò nòng cốt của MTTQ trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức vị trí, vai trò của MTTQ trong hệ thống chính trị. Kịp thời khắc phục được những mặt hạn chế, yếu kém và bất cập trong công tác mặt trận. Đề ra nhiệm vụ và giải pháp mới mang tính đột phá trong việc tập hợp của Đảng, các chính sách pháp luật của nhà nước đến với nhân dân. Tiếp nối truyền thống MTDTTN do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, các tỉnh đã vận dụng sáng tạo và đổi mới các nội dung hoạt động như: Đa dạng hoá các hoạt động tập hợp, vận động quần chúng nhân dân, phát huy sức mạnh toàn dân tộc vì "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, văn minh" vừa tổ chức, vừa bằng các phong trào thi đua yêu nước gắn với các cuộc vận động xã hội nhằm đưa chủ trương, chính sách của nhà nước và các chương trình hành động của tỉnh vào cuộc sống. Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ được đào tạo, nắm rõ và có khả năng tuyên truyền, lựa chọn các nội dung phù hợp để truyền tải đến nhân dân nội dung đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước. Sử dụng các hình thức tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng thông qua các mạng xã hội, sử dụng triệt để các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác. Chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng của nhân dân, tạo sự đồng thuận trong xã hội, thực hiện dân chủ gắn với kỷ cương trong xã hội để thu hút, lôi cuốn nhân dân, nhân rộng những sáng kiến trong nhân dân.

Tổ chức các hình thức phù hợp để kịp thời nắm bắt đầy đủ những tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân với cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp ở địa phương. Phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của nhân sĩ, trí thức, người có uy tín trong cộng đồng dân cư, của các dân tộc, chức sắc tôn giáo. Đấu tranh với các

hành vi vi phạm tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tôn giáo gây chia rẽ và phương hại đến lợi ĐĐKDT.

Nâng cao hiệu quả và chất lượng của Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư (ngày thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất 18/11) hàng năm để không ngừng khơi dậy truyền thống đoàn kết, gắn bó nhân dân ở khu dân cư; giữa đảng với nhân dân theo phương châm *"Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và trách nhiệm với nhân dân"* đồng thời nâng cao nhận thức của người dân về vai trò của MTDTTN qua các thời kì cách mạng.

Xuất phát từ nhiệm vụ chính của MTTQ Việt Nam là phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc nên trong các phong trào, các cuộc vận động, MTTQ VN tại các tỉnh đã tập trung vào các nhiệm vụ như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; chăm lo đến mọi mặt của đời sống của nhân dân; phát huy quyền làm chủ của nhân dân; kết hợp hài hoà lợi ích của cá nhân với đất nước, dân tộc, lấy lợi ích quốc gia, dân tộc trên hết, trước hết; vận động nhân dân tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT - XH tại địa phương. Thực hiện chức năng đại diện cho nhân dân gắn với trách nhiệm của nhân dân trong việc tham gia các quyết sách các vấn đề quan trọng của đất nước, gắn với nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội; thực hiện tốt các vấn đề dân chủ ở cơ sở dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng. Phát huy hết khả năng to lớn của mọi giai – tầng trong địa phương; khuyến khích, tạo điều kiện để nhân dân phát huy hết tài – trí – lực để góp phần xây dựng các tỉnh trên tinh thần vì lợi ích của nhân dân, của cộng đồng xã hội và lợi ích của đất nước.

Các phong trào thi đua, các cuộc vận động của MTTQ VN tại các tỉnh đã tập trung vào các nội dung phù hợp với đặc trưng, đặc thù của các tỉnh biên giới, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của từng tỉnh trong xu thế đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế, như tỉnh như Lào Cai, Hà Giang cũng đang đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái, nông nghiệp sạch và bảo vệ rừng nhằm hướng tới mô hình tăng trưởng bền vững.

Nâng cao chất lượng của các cuộc vận động gắn với các nội dung thiết thực

với đời sống nhân dân, tăng cường tính tự quản trong nhân dân như "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư*" gắn với việc thực hiện "*Chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh*", "*Xây dựng xã hội học tập*", "*Nguồn lực của nhân dân để chăm lo cho nhân dân*", xây dựng gia đình văn hoá, gia đình hiếu học, "*khu dân cư sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn*", vận động nhân dân xoá bỏ hủ tục lạc hậu, xây dựng "*Xã nông thôn mới – Phường, thị trấn văn hoá*". Cuộc vận động "*ngày vì người nghèo*" hiệu quả, thiết thực, đồng bộ trên cơ sở phối hợp với các cơ quan ban ngành để xây dựng quỹ và giúp đỡ nhân dân.

Phát huy vai trò của MTTQ VN tại các tỉnh là cơ sở của chính quyền nhân dân; góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; mở rộng các hình thức dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Củng cố, kiện toàn, đổi mới tổ chức hoạt động và tinh giản biên chế, bộ máy MTTQ VN các cấp trong tỉnh đáp ứng với tình hình mới của đất nước. Điều này phù hợp với chính sách của nhà nước trong tình hình mới. Cụ thể, hoàn thiện các cơ cấu tổ chức của MTTQ VN các cấp theo hướng tinh gọn, gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ. Nâng cao chất lượng cán bộ chuyên trách đáp ứng yêu cầu công tác trong tình hình mới.

Triển khai thực hiện các hoạt động giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của MTTQ các tỉnh.

Mở rộng, đổi mới hoạt động đối ngoại nhân dân, phát huy tình đoàn kết, hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc với nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới.

Ba là, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp

Đoàn TNCS HCM đã vận động, tổ chức và đoàn kết thanh niên trong cả nước nói chung, các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng góp phần quan trọng trong việc thực hiện, hoàn thành các nhiệm vụ phát triển KT - XH, đảm bảo toàn vẹn chủ quyền của dân tộc. Đoàn TNCS HCM các cấp đã thể hiện được vai trò là chỗ dựa vững chắc cho thanh niên, với nhiều phong trào hành động cách mạng phù hợp, đã tập hợp đông đảo thanh niên vào tổ chức để giáo dục và rèn luyện thanh niên trở thành lớp thanh

niên ưu tú, xứng đáng là đội dự bị tin cậy của Đảng, một bộ phận thanh niên ưu tú có ý chí phấn đấu trở thành người đảng viên ĐCSVN. Thực hiện và triển khai sâu rộng các phong trào của Đoàn cấp trên phát động và tổ chức các cuộc phát động phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, của đất nước. Đoàn TNCS HCM các cấp đã chủ động, sáng tạo, linh hoạt các phong trào thi đua gắn với trách nhiệm của thanh niên trong bối cảnh hiện nay. Tại một số địa phương có sự chuyển dịch về cơ cấu thanh niên: Cơ cấu thanh niên nông thôn giảm; thanh niên công nhân, khối đô thị, dịch vụ tăng lên. Tỷ lệ thanh niên qua đào tạo tăng lên, cơ cấu lao động trẻ có sự chuyển biến phù hợp với cơ cấu của nền kinh tế; trình độ lý luận chính trị, chuyên môn được nâng lên. Công tác giáo dục truyền thống đoàn kết, yêu nước về lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống được chú trọng hơn, do vậy đa số thanh niên đã ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình đối với đất nước, nhân dân, địa phương và gia đình, từ đó tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường phát triển của đất nước, của tỉnh. Một bộ phận thanh niên phát huy tình đoàn kết, năng động sáng tạo, lan toả kinh nghiệm, ra sức học tập, rèn đức, luyện tài, chủ động nắm bắt và ứng dụng khoa học công nghệ mới, chuyển đổi số vào sản xuất, kinh doanh góp phần xây dựng quê hương. Có khát vọng vươn lên lập thân, lập nghiệp, làm giàu chính đáng, xung kích, tình nguyện vì cộng đồng, có ý thức trở thành đoàn viên, đảng viên ĐCSVN.

Đoàn TNCS HCM các cấp đã thực hiện công tác tuyên truyền, học tập và quán triệt Nghị quyết của TW về ĐĐKDT trong đó có việc tổng kết Nghị quyết số 23-NQ/TW; cụ thể hoá nghị quyết như ban hành chương trình, kế hoạch, chương trình theo năm, quý… thực hiện công tác phối hợp chặt chẽ với chính quyền với cán bộ đoàn các cấp để thực hiện nghị quyết và tiến hành kiểm tra, giám sát các hoạt động thực hiện, triển khai nghị quyết góp phần nâng cao nhận thức của đoàn viên, thanh niên về phát huy sức mạnh ĐĐKDT vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Tập hợp được rộng rãi đoàn viên, thanh niên với các đối tượng như thanh niên nông thôn, thanh niên công nhân, thanh niên là học sinh, sinh viên; thanh niên là đối tượng doanh nhân trẻ, thanh niên tôn giáo với các hoạt động sáng tạo, phù hợp với từng đối tượng nhằm phát huy sức mạnh của tuổi trẻ, thế hệ kế cận

sự nghiệp xây dựng và phát triển các tỉnh miền núi phía Bắc.

Trong công tác xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên các cấp tại các tỉnh miền núi phía Bắc không ngừng lớn mạnh đã không ngừng đổi mới phương thức hoạt động để trở thành hạt nhân từ việc đổi mới cốt lõi nhất từ cán bộ đoàn vì đây là lực lượng quan trọng quyết định đến chất lượng và phong trào đoàn tại địa phương. Chú trọng xây dựng tổ chức cơ sở đoàn đặc biệt là nâng cao chất lượng hoạt động của các chi đoàn, đoàn cơ sở để thu hút, tập hợp đoàn viên, thanh niên trên cơ sở thực hiện các sinh hoạt theo quy định của Điều lệ Đoàn gắn với Nghị quyết về thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động Đoàn trên địa bàn dân cư, tổ chức duy trì sinh hoạt chi đoàn, đánh giá, phân loại các tổ chức đoàn theo quy định. Tổ chức kiện toàn, sáp nhập, giải thể chi đoàn cơ sở tại địa phương theo hướng phù hợp với điều kiện thực tiễn, thành lập mới các chi đoàn, chi đoàn cơ sở trong doanh nghiệp ngoài nhà nước.

Thêm vào đó, Đoàn TNCS HCM các cấp đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trên cơ sở phối hợp giữa ban thường vụ tỉnh đoàn với MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh triển khai theo nội dung, chương trình phê duyệt của ban thường vụ tỉnh uỷ.

Tích cực tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; đổi mới phương thức hoạt động của Đoàn để thanh niên là hạt nhân trong khối ĐĐKDT với phương châm *"Đoàn mạnh, hội rộng*" bằng việc sử dụng các công cụ như zalo, tiktok, instagram, facebook các mạng xã hội trong việc lắng nghe và định hướng tư tưởng cho thanh niên, chuyển đổi mô hình các câu lạc bộ, tổ, đội, nhóm theo sở thích. Chú trọng tổ chức các hoạt động nhằm chăm lo và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đoàn viên, thanh niên. Có phương pháp và cách thức, giải pháp hỗ trợ các thanh niên yếu thế, dân tộc thiểu số, tín đồ tôn giáo; kết nối, phát huy tài năng trẻ trên các lĩnh vực tham gia hoạt động đoàn; sắp xếp, tinh giản biên chế…

Ngoài ra, Đoàn TNCS HCM các cấp đã xung kích, sáng tạo, huy động và tổ chức thanh niên phát triển KT - XH; phát triển phong trào cách mạng, nâng cao vai trò nòng cốt của Đoàn nhằm tổ chức đoàn kết thanh niên, đoàn viên trong xây dựng

và phát triển kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, làm tốt công tác nhân rộng, định hướng lao động, việc làm, nghề nghiệp cho thanh niên, tổ chức các đội thanh niên xung phong trong các công tác định hướng nghề nghiệp, bảo vệ tổ quốc cho thanh niên, quan tâm đến đối tượng thanh niên yếu thế và thanh niên đồng bào dân tộc thiểu số.

Bốn là, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp (HLHPN các cấp)

Hội Liên hiệp Phụ nữ các tỉnh đã thực hiện đoàn kết rộng rãi các chị em phụ nữ trong việc phát huy nòng cốt trong công tác phụ nữ, giúp cho phụ nữ tự tin, chủ động tham gia vào mọi hoạt động của đời sống xã hội. Công tác bình đẳng giới ở khu vực miền núi được quan tâm sâu sắc bởi hầu hết các tỉnh miền núi vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trình độ và đời sống của chị em phụ nữ còn thấp. Trong những năm qua, HLHPN các cấp đã thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, khen thưởng, đổi mới phương thức và hình thức vận động tuyên truyền trong triển khai và thực hiện các nội dung công tác đáp ứng với yêu cầu của thực tiễn. Thực hiện hỗ trợ phụ nữ nâng cao trình độ nhận thức, phát triển kinh tế, xây dựng gia đình hạnh phúc; tham gia giám sát và phản biện xã hội, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc và văn minh; Tuyên truyền cho phụ nữ những nét đẹp, cách ứng xử trong gia đình, cách nuôi dạy con cái; Lên án, phê phán các hành vi bạo lực gia đình và các biện pháp phòng, chống bạo lực gia đình, thực hiện bình đẳng giới đặc biệt là đối với phụ nữ, trẻ em gái. Phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc các con cái; hướng đến chăm lo gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Trao quyền năng cho phụ nữ nhằm nâng cao vị thế cho phụ nữ và thực hiện bình đẳng giới đặc biệt là phụ nữ đồng bào dân tộc thiểu số.

Hưởng ứng và phát động nhiều phong trào thi đua, nhiều mục trên các website giúp cho phụ nữ tiếp cận các thông tin nhanh chóng. HLHPN tỉnh Lạng Sơn có chuyên mục "*Đồng hành cùng phụ nữ Biên Cương*", "*Xuân đoàn kết – Tết biên cương", "Xuân Biên phòng - Ấm lòng dân bản"* có ý nghĩa to lớn, nhân văn trong việc chia sẻ, giúp đỡ về vật chất và tinh thần, xây dựng mô hình xoá đói giảm nghèo cho gia đình phụ nữ mang lại nhiều niềm vui, hạnh phúc cho chị em phụ nữ tại vùng

biên giới, vùng dân tộc thiểu số khó khăn.

Phát động các cuộc thi khởi nghiệp giúp chị em phụ nữ do TW Hội Phụ nữ phát động "*Phụ nữ khởi nghiệp nâng tầm thương hiệu sản phẩm OCOP*" tại các tỉnh trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ứng dụng khoa học, công nghệ để tạo ra ứng dụng, sản phẩm mới, hướng đến các mục tiêu phát triển cộng đồng góp phần tạo nên sự đột phá trong phát triển KT - XH.

Năm là, Liên đoàn Lao động (LĐLĐ) các tỉnh

Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; vận động người lao động nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Tổng LĐLĐ Việt Nam và Đại hội Công đoàn tỉnh; tổ chức phong trào thi đua yêu nước và hoạt động xã hội. Phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát thực hiện pháp luật, chính sách liên quan đến người lao động; tham gia giải quyết tranh chấp lao động, trọng tài lao động, điều tra tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Chỉ đạo và hướng dẫn Công đoàn cấp dưới thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ Công đoàn; phối hợp với Công đoàn ngành Trung ương trong chỉ đạo Công đoàn cơ sở đóng trên địa bàn tỉnh. Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, tư vấn pháp luật; thực hiện quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và chính sách cán bộ theo phân cấp.

Sáu là, Hội Nông dân (HND) các tỉnh miền núi phía Bắc

Nông dân là lực lượng đông đảo, có truyền thống yêu nước và đoàn kết; được tập hợp trong Hội Nông dân (HND) ba cấp tại các tỉnh miền núi phía Bắc. HND đóng vai trò là tổ chức chính trị – xã hội của giai cấp nông dân, do Đảng lãnh đạo và là thành viên của MTTQ Việt Nam, thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục và vận động hội viên thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; phát huy tinh thần đoàn kết, tự lực, sáng tạo để tham gia phát triển kinh tế – xã hội.

HND triển khai hiệu quả các hình thức truyền thông như báo chí, truyền hình, mạng xã hội, sinh hoạt chuyên đề, câu lạc bộ, hội thi… nhằm nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và tạo đồng thuận xã hội. Các phong trào thi đua yêu nước, tiêu biểu

như "*Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi*", "*Nhà nông đua tài*", "*Tìm hiểu, học tập tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh với giai cấp nông dân*", Cuộc thi *"Tìm hiểu Hội nông dân 80 năm xây dựng và trưởng thành"* đã tạo động lực cho nông dân tham gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo và làm giàu chính đáng.

Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, HND các tỉnh đẩy mạnh tư vấn, hỗ trợ mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã; đào tạo nghề; xúc tiến thương mại; ứng dụng khoa học – công nghệ trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị giữa nông dân – HTX – doanh nghiệp. Mô hình "nông dân dạy nông dân" được nhân rộng, góp phần chuyển giao tri thức, kinh nghiệm, vốn và kỹ năng quản lý, nâng cao thu nhập và chất lượng đời sống.

HND chủ động tham gia xây dựng cơ chế, chính sách, giám sát và phản biện xã hội thông qua nhiều hình thức; đóng góp ý kiến vào văn bản quy phạm pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo, bảo vệ quyền lợi chính đáng của nông dân. Việc nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị và kỹ năng vận động quần chúng cho cán bộ Hội được xác định là nhân tố quyết định chất lượng hoạt động, giúp Hội thực sự trở thành nơi quy tụ, tập hợp và đoàn kết nông dân.

Các phong trào thi đua *"Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, giúp nhau giảm nghèo và làm giàu chính đáng", "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam", "Mỗi xã, phường một sản phẩm (OCOP*)" được triển khai sáng tạo, phù hợp với thực tiễn địa phương; nhiều sản phẩm OCOP của nông dân đã khẳng định thương hiệu trên thị trường. HND tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, tổ chức đối thoại giữa người đứng đầu và nhân dân; tiếp nhận và chuyển đơn thư khiếu nại, góp phần củng cố niềm tin của nông dân đối với Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị.

Thông qua những hoạt động đó, vị thế của giai cấp nông dân ngày càng được nâng cao, trở thành chủ thể quan trọng trong xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế – xã hội bền vững và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong giai đoạn hiện nay.

Bảy là, Hội Cựu chiến binh các tỉnh miền núi phía Bắc

Hoạt động tích cực của Hội Cựu chiến binh các tỉnh miền núi phía Bắc được thống kê tại *(xem bảng 3.7a).*

Bảng: 3.7a Thống kê nội dung hoạt động của Hội Cựu chiến binh tại các tỉnh miền núi phía Bắc (Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Nhóm hoạt động	Nội dung hoạt động của Hội Cựu chiến binh
Tuyên truyền, giáo dục chính trị	Quán triệt nghị quyết của Đảng; sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề; tuyên truyền "dân vận khéo"; phổ biến pháp luật; bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ.
Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể	Phối hợp MTTQ, Công an, Quân đội, Biên phòng, Đoàn thanh niên… trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân và hội viên.
Xây dựng tổ chức Hội	Xây dựng chương trình công tác; kế hoạch hằng năm; quy chế hoạt động; phân công nhiệm vụ; kiện toàn, quy hoạch cán bộ; nâng cao hiệu quả hoạt động cấp Hội.
Tham gia phong trào thi đua, vận động xã hội	*"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*", "*Toàn dân xây dựng đời sống văn hoá*", "*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*", "*Cả nước chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau*". "Cổng trường ATGT", "Toàn dân bảo vệ ANTQ", "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam", "Chung tay vì người nghèo"…
Hoạt động an ninh – quốc phòng	Tuyên truyền Luật nghĩa vụ quân sự; vận động thanh niên thực hiện NVQS; tiếp nhận, quản lý, giáo dục người lầm lỗi theo mô hình 3/1; xây dựng "tổ nhân dân tự quản về ANTT".
Hỗ trợ phát triển kinh tế – xã hội	Động viên hội viên phát huy tự lực – tự cường; giúp nhau phát triển kinh tế; phấn đấu giảm nghèo bền vững; tham gia các chương trình KT–XH địa phương.
Trợ giúp pháp lý – giám sát, phản biện xã hội	Tuyên truyền pháp luật, hỗ trợ pháp lý cho hội viên; phối hợp giám sát, kiểm tra; đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.
Đối ngoại nhân dân	Tham gia hoạt động giao lưu, hợp tác, góp phần thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Bảng: 3.7b Đánh giá của nhân dân về thực trạng vận dụng về hình thức tổ chức khối đoàn kết dân tộc

Nội dung	Mức độ hiểu biết (%)					Trung bình	Độ lệch chuẩn
	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý		
Mặt trận Tổ quốc là tổ chức nòng cốt của khối đại đoàn kết dân tộc	1,6	0,9	15,5	46,0	36,1	4,14	,821
Các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc	1,7	0,8	14,7	47,1	35,7	4,14	,816
Hiệp thương dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản, xuyên suốt chủ đạo	1,8	1,0	16,7	46,4	34,1	4,10	,836
Ban công tác Mặt trận thôn/bản hoạt động hiệu quả	1,9	0,8	17,7	47,6	32,1	4,07	,834

Già làng, trưởng bản, người uy tín là hạt nhân gắn kết, có vai trò quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết tại địa phương	1,5	0,6	16,8	47,1	34,0	4,12	,809

Kết quả khảo sát phản ánh sự đồng thuận cao của nhân dân miền núi phía Bắc trong việc đánh giá các hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc theo TTHCM *(xem bảng 3.7b)* đạt mức khá rõ và rõ, trong khi chỉ còn một bộ phận nhỏ lựa chọn trung lập hoặc mức phủ định.

Điểm nổi bật nhất là vai trò nòng cốt của MMTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, được nhân dân đánh giá rất cao, với tỷ lệ đồng thuận vượt trội và điểm trung bình trên 4,1. Điều này phản ánh sự thừa nhận rộng rãi về tính chính danh và vai trò trung tâm của hệ thống chính trị trong việc dẫn dắt và duy trì khối đoàn kết toàn dân. Cùng với đó, nguyên tắc hiệp thương dân chủ được ghi nhận như một cơ chế tổ chức xuyên suốt, thể hiện niềm tin của nhân dân vào các quy trình dân chủ trong việc điều hành và gắn kết cộng đồng.

Một khía cạnh quan trọng khác là sự đánh giá tích cực đối với hoạt động của Ban công tác Mặt trận ở thôn, bản cũng như vai trò của già làng, trưởng bản và người có uy tín. Mức đồng thuận cao trong hai nội dung này phản ánh cách người dân nhận thức rõ vai trò của các thiết chế gần gũi và mang tính truyền thống trong duy trì đoàn kết ở cơ sở. Đây là điểm nhấn xã hội cho thấy sức mạnh đoàn kết không chỉ đến từ hệ thống tổ chức chính trị chính thống, mà còn được nuôi dưỡng bởi các thiết chế văn hóa – cộng đồng.

Tổng thể, dữ liệu phản ánh một cấu trúc tổ chức đa tầng, trong đó sự kết hợp giữa vai trò nòng cốt của Mặt trận, sự vận hành của nguyên tắc dân chủ và sự gắn kết từ các hạt nhân cộng đồng đã định hình nên một nền tảng đoàn kết tương đối vững chắc trong ý thức xã hội của nhân dân miền núi phía Bắc.

Bảng: 3.8 Đánh giá của cán bộ về hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc theo Tư tưởng Hồ Chí Minh

Nội dung	**Mức độ hiểu biết (%)**					**Trung bình**	**Độ lệch chuẩn**
	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý		

Khối đoàn kết dân tộc bao gồm mọi giai cấp, tầng lớp, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giai cấp	0,3	0,2	3,9	58,7	36,8	4,31	,5886
Đồng bào dân tộc thiểu số là bộ phận quan trọng, không thể thiếu trong khối đại đoàn kết dân tộc	0,3	0,3	4,8	57,2	37,3	4,31	,6094
Liên minh công – nông – trí thức là nền tảng, là gốc của khối đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng	0,3	0,3	5,3	56,0	38,0	4,31	,6183
Người có uy tín, già làng, trưởng bản giữ vai trò then chốt trong vận động nhân dân,	0,3	0,3	5,1	59,2	34,9	4,28	,6057
Thanh niên, phụ nữ, trí thức, doanh nhân là lực lượng quan trọng cần phát huy	0,3	0,2	5,8	58,4	35,3	4,28	,6086
Đảng viên, cán bộ phải nêu gương trong xây dựng đoàn kết	0,3	0,0	4,8	53,8	41,1	4,35	,6049

Khảo sát cán bộ miền núi phía Bắc cho thấy mức độ đồng thuận rất cao về hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc theo TTHCM (*được nêu trong bảng 3.8*). Vai trò nòng cốt của MTTQ và các tổ chức chính trị – xã hội được đánh giá cao nhất, phản ánh sự thừa nhận hệ thống chính trị chính thống là trung tâm kết nối và định hướng đoàn kết toàn dân. Nguyên tắc hiệp thương dân chủ cũng được khẳng định, cho thấy sự tin tưởng vào cơ chế tổ chức xuyên suốt. Bên cạnh đó, các thiết chế cơ sở như Ban công tác Mặt trận thôn, bản và vai trò của già làng, trưởng bản, người uy tín cũng được đánh giá tích cực. Điều này cho thấy cán bộ không chỉ coi trọng sự lãnh đạo chính trị từ trên xuống mà còn nhìn nhận sức mạnh kết nối từ cộng đồng. Những dữ liệu này phản ánh một thực tế xã hội quan trọng đó là khối đại đoàn kết dân tộc được xây dựng trên sự kết hợp hài hòa giữa hệ thống chính trị chính thống và các hạt nhân truyền thống ở cơ sở, tạo thành nền tảng bền vững cho sự thống nhất chính trị – xã hội.

Bảng: 3.9 Ảnh hưởng của mức độ hiểu biết Tư tưởng Hồ Chí Minh của cán bộ về đại đoàn kết dân tộc đến hoạt động vận dụng trong thực tiễn.

	Mức độ hiểu biết tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc	Thực trạng vận dụng TTHCM về ĐĐKDT trong xây dựng khối đại đoàn kết	Vị trí và vai trò của ĐĐKDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh	Lực lượng của khối ĐĐKDT	Hình thức tổ chức khối ĐĐKDT	Nguyên tắc & phương pháp ĐĐKDT theo TTHCM
Mức độ hiểu biết tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc	1	.231**	.532**	.505**	.481**	.476**
Thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại trong xây dựng khối đại đoàn kết		1	.361**	.386**	.380**	.349**
Vị trí và vai trò của đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh			1	.863**	.810**	.790**
Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc				1	.853**	.841**
Hình thức tổ chức khối đoàn kết dân tộc					1	.856**
Nguyên tắc & phương pháp đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh						1
**p<0,001						

Ảnh hưởng của mức độ hiểu biết tư tưởng Hồ Chí Minh của cán bộ về đại đoàn kết dân tộc đến hoạt động vận dụng trong thực tiễn (*đã được nêu trong bảng 3.9*) thể hiện rõ qua các mối tương quan thống kê có ý nghĩa ở mức 0,01. Kết quả khảo sát cho thấy, nhận thức về tư tưởng Hồ Chí Minh có mối liên hệ trung bình với thực trạng vận dụng ($r = 0,231$, $p < 0,01$), phản ánh rằng tri thức lý luận là một nền tảng cần thiết để cán bộ có thể chuyển hóa thành hành động, dù mức độ tác động trực tiếp chưa thật sự mạnh. Tuy nhiên, các thành tố cấu thành của tư tưởng đại đoàn kết như "vị trí và vai trò", "lực lượng", "hình thức tổ chức" và "nguyên tắc, phương pháp" lại có mối tương quan rất cao với nhau, dao động từ $r = 0,78$ đến $r = 0,86$ ($p < 0,01$). Đây là minh chứng cho tính chỉnh thể của hệ thống tư tưởng, khi cán bộ nắm vững một khía cạnh thì đồng thời có sự thấu hiểu các khía cạnh khác. Đặc biệt, mối liên hệ giữa "vị trí và vai trò của đại đoàn kết dân tộc" với "lực lượng" ($r = 0,863$, $p < 0,01$) và "hình thức tổ chức" ($r = 0,853$, $p < 0,01$) nổi bật nhất, phản ánh sự nhất quán trong tư duy chính trị: nhận thức đúng về tầm quan trọng chiến lược của đoàn kết sẽ kéo theo khả năng xác định lực lượng nòng cốt và tổ chức phù hợp. Điều này cho thấy cán bộ không tiếp cận TTHCM một cách rời rạc, mà gắn kết nó thành một khung tri thức logic, định hình trực tiếp hành động thực tiễn. Qua nghiên cứu thể hiện mức độ hiểu biết của cán bộ về TTHCM vừa là yếu tố củng cố niềm tin chính trị, vừa là điều kiện tiên quyết để định hướng, thuyết phục và huy động nhân dân tham gia. Như vậy, đoàn kết dân tộc không chỉ là khẩu hiệu tư tưởng, mà trở thành sức mạnh vật chất khi được chuyển hóa qua năng lực vận dụng và sự am hiểu lý luận của đội ngũ cán bộ – những người giữ vai trò then chốt trong việc kết nối lý luận với thực tiễn.

Bảng: 3.10 Ảnh hưởng của mức độ hiểu biết Tư tưởng Hồ Chí Minh của công dân về đại đoàn kết dân tộc đến hoạt động vận dụng trong thực tiễn.

	Mức độ hiểu biết tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT	**Thực trạng vận dụng TTHCM về ĐĐKDT trong xây dựng khối ĐĐKDT**	**Vận dụng về vị trí, vai trò của ĐĐKDT**	**Vận dụng về lực lượng**	**Vận dụng về hình thức tổ chức**	**Vận dụng về nguyên tắc & phương pháp**

Mức độ hiểu biết tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐKDT	1	.556**	.502**	.480**	.495**	.301**
Thực trạng vận dụng TTHCM về ĐĐKDT trong xây dựng khối ĐĐKDT		1	.888**	.850**	.850**	.489**
Vận dụng về vị trí, vai trò của ĐĐKDT			1	.899**	.865**	.480**
Vận dụng về lực lượng				1	.911**	.500**
Vận dụng về hình thức tổ chức					1	.503**
Vận dụng về nguyên tắc & phương pháp						1

**p<0,001

(*Xem bảng 3.10*) cho thấy mức độ hiểu biết TTHCM của người dân về đại đoàn kết dân tộc có ảnh hưởng đáng kể đến việc vận dụng trong thực tiễn, với các hệ số tương quan đều có ý nghĩa thống kê ở mức p < 0,001. Trước hết, mức độ hiểu biết chung của người dân có mối tương quan trung bình với thực trạng vận dụng (r = 0,556), đồng thời cũng gắn kết với các khía cạnh cụ thể như vị trí, vai trò (r = 0,502), lực lượng (r = 0,480), hình thức tổ chức (r = 0,495), và nguyên tắc – phương pháp (r = 0,301). Điều này cho thấy tri thức tư tưởng của người dân, dù không phải yếu tố duy nhất, vẫn đóng vai trò nền tảng để họ tham gia và thực hiện các nội dung đoàn kết trong thực tế cộng đồng. Bảng số liệu khẳng định một nguyên tắc có tính nền tảng trong đời sống chính trị – xã hội: khi công dân có nhận thức đúng về TTHCM về đại đoàn kết dân tộc, họ sẽ có xu hướng hành động đúng trong thực tiễn. Hệ số tương quan giữa mức độ hiểu biết và thực trạng vận dụng (r = 0,556, p < 0,001) phản ánh rõ rằng tri thức tư tưởng không dừng lại ở phạm vi nhận thức cá nhân, mà còn định hình hành vi xã hội. Nói cách khác, người dân không chỉ "biết" mà còn "làm", và mức độ "biết đúng" sẽ quyết định chất lượng của "làm đúng".

Đi sâu hơn, nhóm biến phản ánh hoạt động vận dụng lại có sự gắn kết rất chặt chẽ với nhau. Mối liên hệ cao nhất xuất hiện giữa vận dụng về lực lượng và vận dụng

về hình thức tổ chức (r = 0,911), cũng như giữa vị trí, vai trò và lực lượng (r = 0,899). Các giá trị tương quan mạnh này phản ánh tính hệ thống của nhận thức xã hội: khi người dân hiểu rõ vai trò của đoàn kết, họ cũng đồng thời định hình được ai là lực lượng tham gia và hình thức tổ chức nào phù hợp. Các mối tương quan giữa "thực trạng vận dụng" với từng nội dung cụ thể cũng đạt mức rất cao (từ r = 0,850 đến r = 0,888), khẳng định sự thống nhất trong cách người dân nhìn nhận và thực hiện đoàn kết ở cơ sở. Các mối tương quan cao giữa vận dụng về vị trí, vai trò, lực lượng và hình thức tổ chức (r dao động từ 0,850 đến 0,911) cho thấy sự hiểu biết đúng sẽ dẫn đến hành vi mang tính hệ thống. Khi công dân nhận thức được đoàn kết là chiến lược sống còn, họ không chỉ tham gia phong trào một cách tự phát, mà còn ý thức rõ lực lượng nào cần tập hợp, tổ chức nào giữ vai trò hạt nhân, và phương thức nào phù hợp với thực tiễn cộng đồng. Điều này minh chứng rằng nhận thức đúng đắn không chỉ tạo ra sự đồng thuận, mà còn thúc đẩy sự phối hợp và hành động tập thể có định hướng.

Trong bối cảnh miền núi phía Bắc còn nhiều khó khăn về kinh tế – xã hội và chịu tác động từ những yếu tố phức tạp của đời sống hiện đại, việc công dân có tri thức đúng về TTHCM sẽ là "lá chắn" trước những biểu hiện lệch lạc và chia rẽ. Nhận thức đúng giúp họ lựa chọn hành vi phù hợp, góp phần duy trì sự ổn định chính trị, củng cố niềm tin vào Đảng và Nhà nước, đồng thời tạo sức mạnh vật chất để hiện thực hóa khối đại đoàn kết. Như vậy, dữ liệu không chỉ phản ánh một mối quan hệ thống kê, mà còn là bằng chứng cho tính tất yếu của việc gắn tri thức tư tưởng với hành động xã hội, nơi công dân trở thành chủ thể tích cực của đoàn kết dân tộc.

Kết quả nghiên cứu từ hai nhóm cán bộ và người dân về ảnh hưởng của mức độ hiểu biết TTHCM đối với hoạt động vận dụng trong thực tiễn, có thể nhận thấy những điểm tương đồng và khác biệt có ý nghĩa chính trị – xã hội rõ rệt.

Ở nhóm cán bộ, mức độ hiểu biết TTHCM có mối tương quan trung bình với thực trạng vận dụng ($r \approx 0,231$, $p < 0,01$), nhưng giữa các nội dung cụ thể như vai trò, lực lượng, hình thức tổ chức, nguyên tắc và phương pháp thì mức tương quan rất cao (dao động 0,78 – 0,86). Điều này phản ánh tính hệ thống và tính logic trong tư duy

của cán bộ: khi đã nắm chắc một thành tố của tư tưởng đại đoàn kết, họ có khả năng kết nối với các thành tố khác, từ đó vận dụng mang tính chiến lược và nhất quán. Nói cách khác, sự am hiểu của cán bộ không chỉ dừng ở mức độ cá nhân mà gắn trực tiếp với năng lực lãnh đạo, tổ chức và điều hành thực tiễn.

Trong khi đó, ở nhóm người dân, mức độ hiểu biết chung có mối tương quan khá cao với thực trạng vận dụng ($r = 0,556$, $p < 0,001$). Đây là bằng chứng cho thấy, đối với người dân, tri thức tư tưởng có vai trò quyết định đến hành vi xã hội: nhận thức đúng thì hành động đúng. Đặc biệt, các mối liên hệ giữa thực trạng vận dụng và từng nội dung cụ thể như vai trò, lực lượng, hình thức tổ chức đều đạt mức rất cao (từ $r = 0,850$ đến $r = 0,888$). Điều này phản ánh tính thực chứng: khi người dân hiểu đúng thì sự tham gia vào hoạt động đoàn kết diễn ra đồng bộ và cụ thể hơn.

Như vậy giữa hai nhóm có sự khác biệt nổi bật ở người dân, mức độ hiểu biết TTHCM có ảnh hưởng trực tiếp, mạnh mẽ đến thực trạng vận dụng trong đời sống ($r = 0,556$, $p < 0,001$); trong khi đó, ở cán bộ, mối quan hệ này chỉ ở mức trung bình ($r \approx 0,231$, $p < 0,01$). Sự chênh lệch này có thể lý giải từ đặc điểm vị trí xã hội và vai trò chính trị khác nhau của hai nhóm. Đối với người dân, nhận thức là yếu tố trung tâm, mang tính quyết định cho hành động. Khi hiểu rõ TTHCM về đại đoàn kết, họ có xu hướng trực tiếp chuyển hóa tri thức thành hành vi trong các hoạt động cộng đồng như tham gia phong trào, ủng hộ đoàn thể, giữ gìn bản sắc văn hóa, hoặc tham gia hòa giải mâu thuẫn. Ngược lại, nếu nhận thức còn hạn chế, sự tham gia của họ sẽ mờ nhạt, thậm chí thụ động. Vì thế, chỉ số tương quan cao cho thấy trong tầng lớp nhân dân, "hiểu biết đúng" đồng nghĩa với "hành động đúng", và tri thức tư tưởng trở thành động lực trực tiếp để hình thành sức mạnh đoàn kết.

Trong khi đó, cán bộ là nhóm giữ vai trò lãnh đạo, quản lý, vốn được định hướng bởi hệ thống tổ chức, quy định và trách nhiệm chính trị. Do đó, việc họ vận dụng TTHCM trong thực tiễn không chỉ phụ thuộc vào nhận thức cá nhân, mà còn gắn với cơ chế, chính sách, sự phân công và kỷ luật tổ chức. Nói cách khác, hành động của cán bộ được điều tiết bởi nhiều nhân tố ngoài nhận thức, khiến cho mối quan hệ trực tiếp giữa "hiểu biết" và "thực trạng vận dụng" trở nên thấp hơn. Điều đó chứng tỏ các bộ

kỳ vọng nhiều hơn nữa trong quá trình vận dụng TTHCM vào trong thực tiễn. Thực trạng công tác này vẫn chưa đáp ứng được mong muốn của họ.

3.2. Kết quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc

3.2.1. Thành tựu và nguyên nhân trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc

3.2.1.1. Thành tựu trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc

Một là, các cấp Đảng uỷ, chính quyền địa phương và nhân dân các dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc đã nhận thức được tầm quan trọng, vị trí vai trò của việc vận dụng TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc đã được chuyển hóa thành nhận thức và niềm tin xã hội bền vững ở cơ sở.

Việc tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội đã cải thiện đáng kể đời sống của nhân dân, giúp một số địa phương miền núi "thay da đổi thịt". Tiêu biểu như tỉnh Lào Cai (GRDP 77.223 tỉ VNĐ) năm 2024, Lạng Sơn năm 2024 xếp 20/63 tỉnh (GRDP 25.779 tỉ VNĐ) *(xem phụ lục 3)*. Việc tổ chức và thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo được xem là giải pháp trọng tâm của các tỉnh miền núi phía Bắc. Quá trình triển khai đã tạo sự đồng thuận và gắn kết trong cộng đồng, qua đó củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, đồng thời thúc đẩy giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế – xã hội tại địa phương. Kết quả phỏng vấn cho thấy, cả nhân dân và cán bộ đều khẳng định đại đoàn kết dân tộc là yếu tố quyết định sự ổn định và phát triển của địa phương. Đại đoàn kết không chỉ được nhìn nhận như một giá trị truyền thống mà còn là điều kiện thiết yếu để giải quyết các vấn đề kinh tế – xã hội ở miền núi, "Đại đoàn kết là sức mạnh toàn dân tộc, nếu không đoàn kết thì không làm được việc gì, còn đồng lòng thì việc gì cũng thuận lợi" (ND02), "Đại đoàn kết là tài sản vô giá, là truyền thống quý báu, quyết định sự phát triển của xã hội" (ND08), "Muốn phát triển địa phương thì trước hết phải đoàn kết, từ cán bộ đến nhân dân" (PV07).

Các tỉnh đã triển khai 03 chương trình, mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển KT - XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong các giai đoạn 2021-2025 gắn chặt với các phong trào thi đua do MTTQ triển khai trên địa bàn của tỉnh, làm tốt công tác tuyền truyền, vận động nhân dân tham gia và tích cực hưởng ứng các cuộc vận động "*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*", phong trào "*Đoàn kết, sáng tạo*", Phong trào "*Cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*", Phong trào "*vì người nghèo, không ai bị bỏ lại phía sau*" đã huy động sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc đã góp phần chung vào sự thành công của các chương trình mục tiêu quốc gia, cũng như sự thành công trong việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT - XH, quốc phòng, an ninh của địa phương trong điều kiện khó khăn như dịch covid 19 bùng phát.

Hai là, thực hiện tốt việc phát huy sức mạnh của MTTQ, vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong việc huy động sức mạnh đoàn kết dân tộc của nhân dân thực hiện tốt đường lối, chính sách, pháp luật của nhà nước, thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội.

MTTQ VN tại các tỉnh miền núi phía Bắc đã phát huy vai trò quan trọng của mình trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới tạo các tỉnh miền núi phía Bắc, cụ thể:

Tăng cường tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng các tỉnh miền núi ngày càng phát triển.

Thường xuyên đổi mới và duy trì công tác thông tin tuyên truyền trong việc lắng nghe những tâm tư, nguyện vọng của nhân dân để phản hồi với cấp uỷ, chính quyền, đồng thời thông tin cho nhân dân góp phần định hướng dư luận xã hội. Ban thường trực Ủy ban MTTQ các cấp đã bám sát nhiệm vụ chính trị, phối hợp với các thành viên đẩy mạnh công tác tuyền truyền, vận động nhân dân thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước. Thực tiễn phỏng vấn phản ánh Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữ vai trò trung tâm trong việc tập hợp, vận động nhân dân,

tổ chức các phong trào đoàn kết và giải quyết mâu thuẫn từ cơ sở, "Công tác mặt trận là quan trọng nhất, MTTQ là cầu nối giữa chính quyền và nhân dân" (ND02), "MTTQ rất gần gũi với dân, khi có việc khó hay hộ nghèo thì đều có mặt để hỗ trợ" (ND03), "Thông qua Mặt trận, các đoàn thể cùng vào cuộc nên nhân dân tin tưởng và đồng thuận cao" (PV03). Đây là thành tựu quan trọng trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Các hình thức sinh hoạt cộng đồng góp phần tăng cường gắn kết xã hội. Thực tiễn khảo sát cho thấy, tại các địa phương miền núi phía Bắc, nhiều hình thức sinh hoạt cộng đồng đã được triển khai một cách linh hoạt, phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội và đặc điểm văn hóa của từng địa bàn. Các hoạt động như Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân, sinh hoạt văn hóa – văn nghệ, thể dục – thể thao không chỉ tạo không gian giao lưu, chia sẻ giữa các thành viên trong cộng đồng mà còn góp phần tăng cường sự gắn bó, hiểu biết và đoàn kết giữa các dân tộc. Thông qua các phong trào và hoạt động mang tính cộng đồng này, tinh thần đoàn kết được củng cố, khoảng cách xã hội được thu hẹp, sự đồng thuận và tham gia của nhân dân ngày càng được nâng cao *"Ngày hội Đại đoàn kết là ngày hội của nhân dân, bà con cùng ăn, cùng múa hát, rất đoàn kết" (ND01); "Thông qua văn nghệ, thể thao thì mọi người gần nhau hơn, không còn khoảng cách" (ND08), "Các phong trào ở khu dân cư tạo hiệu ứng rất tốt, dân tham gia đông đủ" (PV06).*

Triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy, BCHTW Đảng (khoá IX) về việc tiếp tục phát huy sức mạnh khối ĐĐKDT vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; về công tác dân tộc, tôn giáo; tuyên truyền và quán triệt, xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết lần thứ XI của Đảng và Nghị quyết các Đảng bộ các tỉnh; Nghị quyết Đại hội VII MTTQ Việt Nam; tuyền truyền chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị về việc "*tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*" ngày 14/5/2011, cụ thể hoá triển khai "*Rèn luyện tư cách người cán bộ Mặt trận*" và phong trào "*Cán bộ Mặt trận làm theo lời Bác*" theo các tiêu chí cụ thể gắn với cuộc Vận động "*toàn dân xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư*" và kiểm điểm thực hiện Nghị quyết BCHTW Đảng lần thứ 4 khoá XI "một

số vấn đề cấp bách xây dựng Đảng hiện nay. Phong trào "*Xây dựng nông thôn mới*", Tổng kết 20 năm thực hiện ngày hội "Đại đoàn kết toàn dân tộc", Cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới", "Chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau".* Tổ chức nhiều hoạt động phong phú, thiết thực, phù hợp với từng địa phương, từng phong tục, tập quán, văn hoá của người dân góp phần quan trọng vào việc tăng cường, củng cố khối ĐĐKDT, tăng cường sự đồng thuận xã hội; động viên nhân dân, chăm lo đời sống của nhân dân để nhân dân phát huy năng lực sáng tạo của mình trên mọi mặt của đời sống xã hội. Cụ thể, tại tỉnh *Lai Châu*: Tổng kết 20 năm Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc được tổ chức hằng năm tại gần 99% khu dân cư. Toàn tỉnh đã biểu dương trên 5.000 lượt gia đình, cá nhân tiêu biểu và 520 lượt khu dân cư điển hình. Mặt trận các cấp đã hỗ trợ các đối tượng khó khăn, người yếu thế, bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hỏa hoạn và các tỉnh chịu thiệt hại do mưa lũ với tổng số tiền trên 16 tỷ đồng; đồng thời, huy động hơn 12 tỷ đồng cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 [135]. Tại tỉnh *Hà Giang:* Sau 20 năm từ 2003-2023 đã vận động được trên 30 tỷ đồng cho Quỹ Đền ơn đáp nghĩa; tặng 845 sổ tiết kiệm với tổng số tiền 1,7 tỷ đồng cho các hộ gia đình thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Tổ chức vận động ủng hộ quỹ "Vì người nghèo", tặng quà cho các hộ nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nạn nhân chất độc da cam đioxin trên địa bàn tỉnh với trên 13.974 suất quà; vận động các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh hỗ trợ, làm mới và sửa chữa nhà đại đoàn kết được 3.439 nhà với tổng giá trị 73,6 tỷ đồng; vận động được gần 2 triệu ngày công lao động, làm được 1.610 km đường bê tông, sửa chữa nâng cấp 154,55 km đường giao thông nông thôn, nhân dân đã hiến được 685.323 m2 đất để xây dựng các công trình phúc lợi. Đã vận động được 2,7 tỷ đồng để đầu tư cho công tác xây dựng cơ sở hạ tầng ở khu dân cư như cải tạo, nâng cấp, xây mới nhà văn hóa thể thao xã…[156]. Tại tỉnh *Cao Bằng:* Ủy ban MTTQ các cấp đã trao 5.729 suất quà cho người có uy tín tiêu biểu trị giá 2.991.600.000 đồng; biểu dương 42.341 cá nhân tiêu biểu; 11.581 hộ gia đình có thành tích xuất sắc. Hàng năm trên 99% khu dân cư toàn tỉnh đều tổ chức Ngày hội. Riêng năm 2022 toàn tỉnh

có 1.462/1.462 khu dân cư tổ chức ngày hội đại đoàn kết đạt 100%. Toàn tỉnh đã vận động được số tiền trên 34,9 tỷ đồng, hỗ trợ cho 27 xã mua trang thiết bị nhà văn hóa, di rời chuồng trại; vận động Nhân dân hiến 909.467m2 đất, 881.223 ngày công lao động, 235 tấn xi măng...xây dựng được 345,5km đường giao thông nông thôn, kiên cố hóa 1.650km kênh mương nội đồng. Năm 2022 toàn tỉnh có 17/161 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 11 xã đạt 15-18 tiêu chí, 64 xã đạt 10-14 tiêu chí, 47 xã đạt 7-9 tiêu chí, bình quân các xã đạt 11,63 tiêu chí/xã. Thông qua cuộc vận động quỹ vì người nghèo các cấp ủng hộ được 220 tỷ đồng; hỗ trợ xây dựng và sửa chữa 11.198 nhà, với trên 150 tỷ đồng; hỗ trợ 8.359 lượt hộ nghèo phát triển sản xuất với số tiền 8,5 tỷ đồng; 6008 bệnh nhân nghèo khám chữa bệnh với 1,2 tỷ đồng; 2.400 học sinh nghèo có thành tích cao trong học tập với 1,2 tỷ đồng ... Cuộc vận động "*người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*", Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đã phối hợp với sở Công Thương tổ chức 68 hội chợ, với gần 1 triệu lượt khách tham gia. Trong 20 năm MTTQ các cấp trong tỉnh thành lập đoàn có 9.695 lượt các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước; lãnh đạo tỉnh, huyện về dự ngày hội với Nhân dân [157]. Tại tỉnh *Lào Cai,* tổng kết 20 năm ngày Hội đại đoàn kết toàn dân, Ủy ban MTTQ các cấp tỉnh Lào Cai đã vận động ủng hộ được hơn 1.200 tỷ đồng, hiến tặng hơn 392ha đất và 5 triệu ngày công lao động, xóa 1.118 nhà dột nát, mở mới 121km đường giao thông nông thôn, khám, chữa bệnh và phát thuốc miễn phí cho hơn 18.000 người. Nhờ vậy, đến nay 100% số xã và thôn bản đã có đường giao thông, tạo điều kiện cho giao thương hàng hóa; 100% các xã có trường, lớp học kiên cố; 100% số xã, hơn 98% thôn có điện lưới quốc gia, 94,3% hộ gia đình có điện sinh hoạt, hơn 95% số hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh. Thu nhập bình quân đầu người tăng khoảng 30 lần so với năm 2003; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm mạnh [136]. Tại tỉnh *Điện Biên:* MTTQ các cấp hướng dẫn 100% khu dân cư trên địa bàn tổ chức Ngày hội "Đại đoàn kết toàn dân tộc", trong đó 90% khu dân cư tổ chức cả phần lễ và phần hội; 100% khu dân cư tổ chức bữa cơm đại đoàn kết [137].

Phối hợp với các cơ quan thông tin báo chí, đài truyền hình tại các tỉnh để thực hiện tốt các chuyên đề trên các cổng thông tin điện tử.

MTTQ tại các tỉnh miền núi phía Bắc đã chú trọng đổi mới phương thức hoạt động, nội dung, nâng cao chất lượng phong trào thi đua yêu nước, vận động, thu hút đông đảo các hội viên, nhân dân thi đua, sáng tạo nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH. Thành công kêu gọi, tuyên truyền, vận nhân dân đoàn kết chống dịch Covid 19 với tinh thần "*chống dịch như chống giặc*", hạn chế tối thiểu thiệt hại về số lượng người tử vong trong đại dịch là kết quả của sức mạnh đoàn kết toàn dân. Trong đợt bão Yagy xảy ra trong tháng 09/2024 tại hầu hết các tỉnh miền núi phía Bắc bị ảnh hưởng và thiệt hại nặng nề về kinh tế như tỉnh Lào Cai đã làm 201 người chết, mất tích, bị thương; hơn 10.000 nhà ở bị ngập nước, sạt lở, lũ cuốn trôi; hơn 5.140 ha diện tích ruộng lúa, lúa, ngô, hoa màu, cây trồng bị thiệt hại. Ước thiệt hại ban đầu do thiên tai gây ra là gần 6.641 tỷ đồng. MTTQ các tỉnh đã thực hiện tốt tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ nhân dân ủng hộ mọi mặt giúp nhân dân các tỉnh vượt qua đau thương mất mát và ổn định cuộc sống.

MTTQ đã phối hợp chặt chẽ với các các đoàn thể cùng nhân dân tham gia góp ý xây dựng pháp luật, góp ý cho các Dự thảo Văn kiện phục vụ Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng; kiến nghị với các cơ quan nhà nước về các nội dung bất cập khi thực hiện triển khai trong thực tiễn của địa phương.

Thực hiện lấy ý kiến về mức độ hài lòng của người dân về mọi mặt, để điều chỉnh trên tinh thần gần dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, thân dân, yêu dân. Đẩy mạnh thực hành dân chủ ở cơ sở, tăng cường thực hiện giám sát và phản biện xã hội; phát hiện và báo cáo cơ quan nhà nước về những tiêu cực, tham nhũng góp phần xây dựng hệ thống chính trị tại cơ sở ổn định, phát triển.

Lấy ý kiến của nhân dân về kết quả xây dựng nông thôn mới, được các cấp chính quyền địa phương phân tích kết quả, tổng hợp những ý kiến phản ánh, kiến nghị đến chính quyền các cấp, kịp thời xử lý những hạn chế, tồn tại và đáp ứng nguyện vọng chính đáng của người dân; đồng thời phát huy dân chủ; tập trung vào những ý kiến nhân dân chưa hài lòng như môi trường, thu gom rác thải, nước thải khu vực nông thôn; điện, nước sạch, nâng cao chất lượng trạm y tế… để giải quyết đáp ứng nguyện vọng của nhân dân. Thực hiện Đề án vận động làm nhà đại đoàn kết cho hộ

nghèo của tỉnh Điện Biên của MTTQ VN cho tỉnh Điện Biên và một số tỉnh khác. Trong 09 tháng đã hoàn thành "5.000 căn nhà cho các hộ nghèo của tỉnh Điện Biên 500 căn nhà cho hộ nghèo của các tỉnh Lai Châu, Lào Cai"…[140].

Ba là, MTTQ tại các tỉnh miền núi phía Bắc đã làm tốt công tác đối ngoại nhân dân với các quốc gia láng giềng. Hoạt động đối ngoại nhân dân được thực hiện rất đa dạng trên tinh thần đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng phát triển trên nhiều phương diện cùng giao lưu phát triển kinh tế, văn hoá; giữ gìn cột mốc biên giới, mốc giới giữa 2 quốc gia Việt Nam – Trung Quốc; Việt Nam - Lào hỗ trợ lẫn nhau xoá đói giảm nghèo, chia sẻ kinh nghiệm xoá đói, giảm nghèo, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. Hợp tác biên mậu giữa Việt Nam với 2 quốc gia giáp biên ngày càng được tăng cường. Theo báo đầu tư "tính chung trong năm 2024, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước đạt 205,2 tỷ USD, đánh dấu mức kỷ lục về thương mại 2 chiều. So với năm 2023 đã tăng thêm 33,3 tỷ USD. Với kết quả này, Trung Quốc đã trở thành đối tác thương mại đầu tiên mà nước ta thiết lập quy mô trên 200 tỷ USD"[128]. Hình thành Uỷ ban công tác liên hợp giữa tỉnh Quảng Ninh, Hà Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng (Việt Nam) và khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây và Khu tự trị tỉnh Vân Nam, Trung Quốc nhờ đó, giao lưu hợp tác được tăng cường; hợp tác quản lý biên giới được tăng cường; hợp tác phòng, chống dịch bệnh được hiệu quả, đẩy mạnh kết nối giao thông, hợp tác đào tạo, bồi dưỡng, tăng cường hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, giáo dục và đào tạo.

Bốn là, phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta theo tinh thần "Tiền hô hậu ủng", "Nhất hô bá ứng", "Trên dưới đồng lòng", "Dọc ngang thông suốt".

Sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân tăng lên, là một nhân tố căn bản đảm bảo sự ổn định chính trị và là điều kiện để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân; liên minh công - nông – trí thức được mở rộng, củng cố và tăng cường dưới sự lãnh đạo của Đảng. Xuất phát từ lợi ích chung của nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc trở thành động lực mạnh mẽ nhất thúc đẩy sự gắn kết trong nhân dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số như tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban

Chấp hành trung ương Khoá IX đã nêu

> "Thực hiện tốt chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, chống hẹp hòi, chia rẽ dân tộc. Tập trung phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xoá đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Nâng cao ý thức tự lực tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số, đồng thời tăng cường sự hỗ trợ, giúp đỡ của nhà nước và cộng đồng, thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân sĩ, trí thức dân tộc thiểu số".

Nhân dân và chính quyền các tỉnh đã thực hiện cụ thể hoá nội dung TTHCM về ĐĐKDT, cụ thể hoá quan điểm của Đảng

> "Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng ở nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ, cùng thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa".

Năm là, già làng, trưởng bản, người có uy tín phát huy hiệu quả vai trò gắn kết cộng đồng, cho thấy phản ánh rõ việc vận dụng đúng tinh thần Hồ Chí Minh: lấy dân làm gốc, tôn trọng vai trò của cộng đồng.

Tại các tỉnh miền núi phía Bắc già làng, trưởng bản, người uy tín có vai trò đặc biệt quan trọng trong kết nối, quy tụ sự đoàn kết nhân dân trong bản, làng, thôn. Kết quả phỏng vấn cho thấy, trong bối cảnh dân trí không đồng đều, người dân thường tin tưởng và làm theo lời vận động của già làng, trưởng bản và người có uy tín hơn cả cán bộ hành chính. "Có mâu thuẫn thì dân nghe trưởng bản hơn, trưởng bản nói thì bà con mới nghe" (ND04), "Già làng, trưởng bản là người giải thích cho dân hiểu, hòa giải để bà con đoàn kết" (ND10), "Ở vùng cao, vai trò người có uy tín rất quan trọng trong giữ ổn định thôn bản" (PV04).

3.2.1.2. Nguyên nhân của thành tựu đạt được trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc

Nguyên nhân khách quan

Sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời, toàn diện của Đảng và Nhà nước về các chính sách dân tộc và tôn giáo; chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kì mới. Đây là sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay. Xác định đúng vai trò, tầm quan trọng của chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc nói chung, tại các tỉnh phía Bắc "phên dậu" của Tổ quốc nói riêng, Đảng và Nhà nước ta đã kịp thời ban hành chủ trương, đường lối chính sách qua Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng từ ĐH VI đến ĐH XIII; Hoàn thiện và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các luật như Luật MTTQ, Luật Biên giới quốc gia, Luật Hoà giải ở cơ sở; Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng. Ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quyết định nghị quyết giúp nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc giải quyết các vấn đề khó khăn trong phát triển KT - XH, nâng cao đời sống nhân dân, tăng cường sự đồng thuận xã hội, đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ 4.0: Sự phát triển của khoa học, công nghệ tạo đà cho các tỉnh phát huy những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ để ứng dụng trong công tác quản lí, điều hành, chỉ đạo mọi mặt của đời sống xã hội.

Sự mở rộng hợp tác quốc tế ngày càng sâu rộng: Hợp tác quốc tế theo xu hướng đa phương hoá, hội nhập kinh tế quốc tế tạo cơ hội cho nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam và nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc có thể tận dụng cơ hội, phát triển KT- XH.

Sự chủ động, thích ứng, linh hoạt với những điều kiện, tình hình mới của chính quyền và nhân dân. Chủ động, linh hoạt, thích ứng với điều kiện tình hình mới, đặc biệt là những năm đại dịch Covid 19 diễn ra gây khó khăn và ảnh hưởng đến cuộc sống của nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc.

Nguyên nhân chủ quan:

Sự đồng thuận của chính quyền địa phương và nhân dân trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trên mọi mặt.

Chính quyền địa phương đã cụ thể hoá đường lối, chính sách của Đảng bằng các nghị quyết, kế hoạch đã tổ chức, triển khai đến các cấp, có sự phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT - XH, thực hiện chiến lược đại đoàn kết toàn dân, huy động sức mạnh tập thể của nhân dân trong việc xoá đói, giảm nghèo; phát triển KT - XH, đảm bảo an ninh, quốc phòng, nâng cao đời sống của nhân dân.

Chính quyền địa phương đã làm tốt công tác quán triệt TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm phát triển KT - XH, nâng cao đời sống của nhân dân. Điều đó thể hiện qua sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của các cấp uỷ đảng, chính quyền bằng việc ban hành các văn bản, chỉ đạo trực tiếp, cụ thể hoá nghị quyết, chỉ đạo MTTQ thực hiện các chuyên đề về từng đối tượng, giai cấp, tầng lớp trong tỉnh, tạo điều kiện để cán bộ đi học tập, nâng cao trình độ.

Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân các cấp chú trọng đến hoạch định chính sách hiệu quả thiết thực góp phần nâng cao đời sống của nhân dân.

Nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc có tinh thần đoàn kết, yêu nước, thương nòi. Là nơi có nhiều di tích lịch sử văn hoá, an toàn khu với truyền thống bất khuất, kiên trung trong giữ gìn biên cương của Tổ quốc, nhân dân miền núi phía Bắc tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, là căn cứ địa cách mạng trong thời hoà bình. Truyền thống tốt đẹp đó được nhân dân tiếp tục được củng cố và phát huy trên cơ sở kế thừa các truyền thống tốt đẹp của quê hương dân tộc. Nội hàm mới của khái niệm yêu nước đó là cùng đoàn kết để cùng nhau xây dựng, phát triển KT - XH góp phần xây dựng và phát triển quê hương ngày càng giàu mạnh. Truyền thống đoàn kết, yêu nước là điều kiện, tiền đề để phát triển KT - XH, đi lên chủ nghĩa xã hội; phát triển KT - XH để tăng cường và củng cố khối ĐĐKDT tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc phát huy truyền thống đoàn kết trong lịch sử đã luôn dành nhiều công sức, tâm huyết, ý thức, có tinh thần trách nhiệm trong vun đắp tình đoàn

kết giữa các dân tộc thiểu số góp phần xây dựng khối ĐĐKDT.

3.2.2. Hạn chế và nguyên nhân trong quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc

3.2.2.1. Hạn chế cần khắc phục trong quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc

Về công tác lãnh, chỉ đạo của Đảng bộ các cấp và chính quyền địa phương

Bên cạnh những thành tựu của Đảng bộ, chính quyền các tỉnh miền núi phía Bắc còn bộc lộ hạn chế sau:

Công tác lãnh, chỉ đạo ở một số nơi chưa kịp thời, chưa cụ thể hoá hết các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng vào phát triển KT - XH tại địa phương; sự phát triển KT - XH tại một số tỉnh miền núi phía Bắc chưa tương xứng với trình độ phát triển, tiềm năng, tiềm lực của địa phương.

Thiếu chính sách thu hút đầu tư, thiếu chính sách trong việc thu hút các chuyên gia giỏi để phục vụ tại địa phương lâu dài.

Thực tiễn cho thấy, tình trạng một bộ phận đảng viên vi phạm pháp luật, tham nhũng, sai phạm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn tại một số địa phương như Lào Cai (trước khi sáp nhập), Điện Biên và Hà Giang đã và đang tác động tiêu cực đến uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với nhân dân, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ làm suy giảm niềm tin xã hội và ảnh hưởng đến việc củng cố, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Một số đảng viên bị khai trừ ra khỏi đảng, xử lý hình sự, làm ảnh hưởng xấu đến sự lãnh đạo, uy tín của của Đảng, gây hậu quả và ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống nhân dân. Như một số vụ án: Vụ khai thác quặng lậu, rửa tiền tại Lilama Lào Cai gây thiệt hại nặng nề cho nhà nước, trong đó khởi tố nhiều quan chức nguyên là lãnh đạo tỉnh Lào Cai Nguyễn Văn Vịnh, cựu Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai; Doãn Văn Hưởng, cựu Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh.., lãnh đạo một số sở, ngành liên quan bị Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh truy tố về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo khoản 3, Điều 281, Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng diện tích khai thác quặng trái phép là 40.241,97m2, khai thác được 1.532.709,71 tấn quặng apatit, trị giá hơn 610 tỷ đồng [151]. Vụ án vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ,

tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ tại dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không Điện Biên đối với 5 bị cáo, trong đó có Nguyễn Tuấn Anh - cựu Phó Chủ tịch UBND TP Điện Biên Phủ. Xử lý giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hà Giang, Nguyễn Văn Sử, Nguyễn Thế Bình (SN 1975) về hành vi "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản của Nhà nước gây thất thoát, lãng phí".

Năng lực điều hành, chỉ đạo của một số cấp uỷ đảng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Đội ngũ cán bộ thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Còn một bộ phận tổ chức cơ sở đảng chưa phát huy tốt vai trò lãnh đạo. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của bộ máy chính quyền trên một số các lĩnh vực còn yếu, kém. Sự phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành trong giải quyết công việc còn chưa chủ động, linh hoạt, chặt chẽ.

Cơ chế, chính sách ở một số các địa phương đề ra chưa phù hợp với thực tiễn, chưa đủ mạnh. Còn chậm, muộn trong tham mưu, đề xuất cho Trung ương những cơ chế, chính sách mang tính đặc thù, đột phá.

Một số các phong trào thi đua như tìm hiểu, vận dụng TTHCM về ĐĐKDT, triển khai cuộc vận động *"Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"* còn mang tính hình thức, chưa mang tính sâu rộng trong toàn thể nhân dân.

Tổ chức ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc (18/11) hàng năm ở một số địa phương vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn do khoảng cách địa lý nên khó tập hợp được nhân dân, chưa có nhà văn hoá; nhà văn hóa tại một số địa phương chưa đáp ứng sinh hoạt cộng đồng của nhân dân sau khi sáp nhập ; thiết bị âm thanh, cơ sở vật chất trang bị cho nhà văn hóa còn ít, chưa đáp ứng yêu cầu; một số địa phương nội dung còn sơ sài, chưa kết hợp phần lễ và phần hội với các hoạt động thiết thực, phong phú, đa dạng.

Về phía MTTQ VN tại các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay

Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân chưa được phát huy được đầy đủ; có một số nơi chưa phát huy vai trò của nhân dân.

Một số địa phương chưa cụ thể hoá, thể chế hoá hoặc đã thể chế hoá xong chưa thực hiện đầy đủ, phù hợp với thực tế của địa phương về chủ trương, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, về quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân.

Hoạt động của MTTQ tại một số địa phương chưa mang lại hiệu quả cao nhất là các công tác: Công tác giám sát và phản biện xã hội hiệu quả chưa cao, hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, hoạt động nắm bắt tình hình, tư tưởng trong nhân dân, công tác đổi mới, nâng cao chất lượng tổ chức đội ngũ cán bộ và phương thức hoạt động, liên minh phối hợp thống nhất hành động. Chưa phát huy được trong công tác ngăn chặn các tệ nạn xã hội, tham nhũng.

Nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội chưa đáp ứng với yêu cầu của tình hình mới. Công tác tuyên truyền, vận động của MTTQ còn dàn trải, thiếu sức hút với nhân dân. Công tác nắm bắt tình hình thực tế, dư luận xã hội, tâm tư, nguyện vọng và bức xúc của nhân dân đôi lúc, có nơi chưa kịp thời. Công tác triển khai các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động chưa thực hiện đồng đều, hiệu quả chưa cao. Công tác giám sát và phản biện xã hội và góp ý xây dựng chính quyền chưa đáp ứng được yêu cầu xã hội đặt ra. Hoạt động của Hội đồng tư vấn chưa đáp ứng được yêu cầu. Công tác triển khai giám sát cán bộ còn lúng túng; chưa chủ động lựa chọn vấn đề phản biện xã hội; còn tình trạng né tránh và nể nang, ngại va chạm. Việc theo dõi đôn đốc giải quyết kiến nghị sau giám sát và tiếp thu, phản hồi có nơi chưa được chú trọng dẫn đến tình trạng kiến nghị một chiều, hình thức.

Đối với việc tập hợp, quy tụ ĐĐKDT tham gia các tổ chức chính trị - xã hội.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Bên cạnh những thanh niên tích cực tham gia các hoạt động đoàn, hội còn một bộ phận thanh niên chưa rèn luyện, tu dưỡng về đạo đức, chưa có khát vọng vươn lên trong học tập và lao động. Vẫn còn tình trạng thanh niên vi phạm pháp luật và vấn đề tảo hôn, sa vào các tệ nạn xã hội như nghiện ma tuý, buôn bán, vận chuyển tàng trữ

trái phép các chất ma tuý, tệ rượu chè, cờ bạc…. Theo kết quả điều tra tại Biểu 1.17a. "Số người dân tộc thiểu số tảo hôn năm 2023 chia theo giới tính, thành thị, nông thôn, vùng biên giới, vùng kinh tế - xã hội và đơn vị hành chính" [152] cho thấy tỉ lệ tảo hôn tại các tỉnh miền núi phía Bắc đang cao nhất trong cả nước với tổng số: 12.045 người, tập trung tại các đồng bào dân tộc thiểu số khu vực nông thôn, trong khi tại các khu vực khác của cả nước tỷ lệ thấp hơn nhiều như tại Đồng bằng sông Hồng chỉ có 242 người, Quảng Ninh ít hơn so với các tỉnh khác cùng ở miền Bắc (185 người). Tại các tỉnh miền núi Phía Bắc có số người tảo hôn ở các tỉnh Lai Châu (1.723 người) và Hà Giang (1.547 người) cao nhất, Điện Biên (1.085 người), Lào Cai (883 người), Cao Bằng (788 người), Lạng Sơn (408 người).

Tỷ lệ thanh niên học chuyển tiếp lên THPT ở một số địa phương miền núi còn thấp (*xem phụ lục 4*).

Một bộ phận thanh niên chưa phát huy khả năng xung kích, đi đầu trong ứng dụng tiến bộ của khoa học công nghệ vào học tập và sản xuất.

Công tác vận động thanh niên thanh niên doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động phong trào do tỉnh Đoàn phát động còn hạn chế và gặp nhiều khó khăn.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

Phong trào phụ nữ chưa phát triển đồng đều, chưa phát huy hết nội lực từ phụ nữ. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật chưa hiệu quả. Việc tham gia xây dựng, phản biện xã hội và giám sát thực hiện luật pháp, chính sách về bình đẳng giới còn nhiều hạn chế, thiếu chủ động. Tình trạng bạo hành, xâm hại, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ vẫn tồn tại. Hoạt động hỗ trợ phụ nữ duy trì việc làm ổn định sau dạy nghề và giảm nghèo hiệu quả chưa cao, đặc biệt ở các khu vực vùng sâu, vùng xa, phụ nữ dân tộc thiểu số nên đời sống vật chất và tinh thần của phụ nữ, trẻ em còn gặp nhiều khó khăn. Công tác vận động phụ nữ xây dựng gia đình gia đình văn hoá chưa bắt kịp tình hình mới, kết quả chưa rõ nét. Việc quản lý hội viên ở một số địa phương chưa chặt chẽ. Việc kiện toàn tổ chức bộ máy cấp tỉnh/thành còn chậm. Công tác tuyên truyền còn nhiều hạn chế, công tác đào tạo, bồi dưỡng, giới thiệu nguồn cán bộ nữ cho Đảng và hệ thống chính trị thiếu tính chiến lược nên hiệu quả chưa cao, chưa đạt yêu cầu

theo tinh thần Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị và pháp luật về bình đẳng giới. Vẫn còn tồn tại vấn đề tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống [152] và định kiến về giới vẫn tồn tại tại một số các vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Theo thống kê tỷ lệ hôn nhân cận huyết thống tại các tỉnh miền núi phía Bắc có 116 người, trong đó tại các tỉnh "Hà Giang 36 người, Cao Bằng 21 người, Điện Biên 28 người, Lai Châu 06 người, Lạng Sơn 15 người, Lào Cai 07 người"[152].

Hội Nông dân

Trình độ của nông dân tại các tỉnh miền núi phía Bắc còn thấp; các mô hình phát triển KT - XH của nông dân các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số nên một số việc đề xuất, tham mưu và phối hợp triển khai nghị quyết ở một số địa phương còn hạn chế, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai nhiệm vụ; có địa phương còn lúng túng trong triển khai thực hiện nhiệm vụ; công tác tuyên truyền tại một số nơi hiệu quả chưa cao, nhận thức của hội viên tại một số địa phương còn hạn chế.

Trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và phong trào thi đua "cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020" còn tồn tại những hạn chế: quy mô sản xuất nhỏ, hoạt động thiếu bền vững; sản phẩm hàng hoá chưa đa dạng, sức cạnh tranh còn yếu. Thiếu các mô hình sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị hoặc theo chuỗi các giá trị liên kết với các doanh nghiệp; thực hiện liên kết vùng sản xuất chuyên canh tìm đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp của nông dân còn hạn chế, dẫn đến tình trạng nông dân không thể mở rộng sản xuất vì không có thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm.

Việc tư vấn, định hướng sản xuất cho các hộ nghèo, cận nghèo còn lúng túng, chưa phù hợp với thực tiễn. Một bộ phận người dân chưa có ý thức vươn lên, vẫn còn tâm lý thụ động, ỉ lại sự hỗ trợ từ Nhà nước. Việc theo dõi để rút kinh nghiệm từ các mô hình chưa được thực hiện nghiêm túc. Tỷ lệ ăn ở, sinh hoạt hợp vệ sinh chưa cao tại một số các địa phương.

Cán bộ có sự biến động, luân chuyển, cán bộ trẻ thiếu kinh nghiệm, cán bộ lâu năm không sáng tạo, thậm chí có cán bộ bị xử lý kỷ luật.

Công tác vận động, tuyên truyền còn mang nặng tính hình thức; tham mưu cho cấp uỷ chưa tốt. Công tác giám sát còn hạn chế.

Hội Cựu chiến binh, người uy tín

Hội Cựu chiến binh: Công tác nắm bắt địa bàn, tình hình tư tưởng của CCB và nhân dân có thời điểm chưa nhanh, kịp thời; công tác tham gia giám sát quy chế dân chủ ở cơ sở còn hạn chế; Thực hiện các phong trào thi đua ở địa phương như "Cựu chiến binh gương mẫu", "Cựu chiến binh giúp nhau giảm nghèo làm kinh tế giỏi" chưa có nhiều giải pháp và sáng tạo, chưa huy động được hết nguồn lực và tiềm năng, thế mạnh của CCB. Công tác phối hợp với chính quyền, MTTQ và các cơ quan, ban ngành còn có nội dung chưa thường xuyên. Thực hiện công tác dân vận cấp huyện chậm đổi mới, hiệu quả nguồn lực hỗ trợ nhân dân ở một số nơi còn hạn chế.

Đối với người uy tín

Chưa có tiêu chí, điều kiện chọn người có uy tín. Chưa quy định độ tuổi tối đa của người có uy tín tại địa phương nên một số địa phương đã chọn người uy tín có độ tuổi quá cao, sức khoẻ yếu dẫn đến chất lượng hoạt động của người có uy tín chưa đạt hiệu quả. Khả năng sử dụng các ứng dụng công nghệ để gửi thông tin, tuyên truyền đến nhân dân còn hạn chế. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân còn chưa đáp ứng được yêu cầu, nội dung còn chưa phong phú.

Về thủ tục lựa chọn và đưa ra khỏi danh sách người có uy tín do quy định là thủ tục hành chính nên gây khó khăn cho công tác bình chọn.

Việc nắm bắt dư luận xã hội, nắm bắt tình hình nhân dân ở thôn, bản, các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và các nghị quyết, kế hoạch… của địa phương của người có uy tín còn hạn chế; chưa kịp thời báo cáo, phản ánh tình hình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết các vấn đề nổi cộm tại địa phương. Một số người uy tín thường xuyên không tham gia các hoạt động tập huấn, phổ biến hội nghị, cung cấp thông tin do bận việc cá nhân nên ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của họ tại địa phương.

Việc đưa ra khỏi danh sách người uy tín đối với những người hoạt động hiệu quả chưa cao của cơ quan quản lý nhà nước chưa quyết liệt, vẫn còn tình trạng nể nang.

Về phía nhân dân

Trình độ dân trí còn thấp so với mặt bằng chung của cả nước. Có nhiều lao động phổ thông chưa qua đào tạo, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển KT - XH trong tình hình hiện nay (Phụ lục 5). Trình độ cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu nhà khoa học có trình độ cao. Thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, công nhân lành nghề, chuyên gia giỏi. Chất lượng giáo dục toàn diện chưa đảm bảo, có sự chênh lệch giữa các vùng; học sinh học tiếp lên THPT, giáo dục thường xuyên và dạy nghề còn thấp ở một số xã vùng cao. Nguồn nhân lực chưa đáp ứng được nhu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Nguồn nhân lực khoa học, công nghệ năng lực đổi mới, sáng tạo còn hạn chế; hoạt động khoa học công nghệ tại các tỉnh và trong doanh nghiệp chưa thực sự trở thành động lực cho sự phát triển (*Xem phụ lục 6*).

Đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng sâu, vùng xa, vùng KT - XH đặc biệt khó khăn, khu vực miền núi đồng bào dân tộc thiểu số.

Tập tục lạc hậu tại một số địa bàn chậm được thay đổi, một số văn hoá, nét đẹp văn hoá truyền thống có nguy cơ bị mai một. Thiết chế văn hoá, thể thao ở cơ sở còn thiếu, chưa được sử dụng hiệu quả. Phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá"*, các danh hiệu văn hoá ở một số nơi địa phương còn mang tình hình thức. Thiếu khu vui chơi, giải trí công cộng phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, nhất là trẻ em. Công tác quản lý di tích ở một số địa phương còn buông lỏng. Một số di tích lịch sử cách mạng chưa được quan tâm, phát huy giá trị. Số lượng các ấn phẩm, văn học, nghệ thuật có giá trị, chương trình phát thanh, truyền hình có giá trị của địa phương chưa nhiều. Tỷ lệ cán bộ, người dân đọc báo Đảng, nghe, xem các chương trình truyền hình địa phương tỷ lệ còn thấp.

Bản:g 3.11 Đánh giá của người dân về những khó khăn, hạn chế có ảnh hưởng đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay

Nội dung	Mức độ hiểu biết (%)					Trung bình	Độ lệch chuẩn
	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý		
Nhận thức của một bộ phận người dân về đại đoàn kết dân tộc còn hạn chế	3,3	2,1	20,7	54,2	19,7	3,85	,874
Thiếu thông tin, tài liệu tuyên truyền phù hợp với đặc thù vùng miền	3,8	2,9	20,8	52,1	20,3	3,82	,917

Sự phối hợp giữa các tổ chức, lực lượng chưa đồng bộ	3,2	3,8	21,2	51,5	20,3	3,82	,906
Một số chính sách dân tộc chưa được thực hiện hiệu quả	3,2	3,2	19,9	52,9	20,8	3,85	,896
Điều kiện kinh tế – xã hội còn khó khăn, ảnh hưởng tới hoạt động đoàn kết	3,2	2,9	18,1	53,3	22,5	3,89	,894
Tác động tiêu cực từ các mặt trái của xã hội (tệ nạn xã hội, xung đột lợi ích cục bộ, buôn lậu, tham nhũng)	3,5	2,2	18,6	52,4	23,3	3,90	,899
Chưa phát huy tốt vai trò của già làng, trưởng bản, người uy tín	3,7	3,4	22,0	50,6	20,4	3,81	,924
Chưa nhân rộng kịp thời các mô hình, điển hình tiên tiến	3,4	2,5	21,1	52,1	20,9	3,85	,895
Chưa phát huy được vai trò của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể xã hội	4,1	3,6	22,4	49,1	20,9	3,79	,948
Tổ chức học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chưa hiệu quả	3,5	4,0	21,7	49,8	21,0	3,81	,929

Kết quả khảo sát về những khó khăn và hạn chế ảnh hưởng đến xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở miền núi phía Bắc (*đã được nêu trong bảng 3.11*) phản ánh một thực trạng xã hội đa chiều. Người dân có sự nhận thức khá rõ và rõ về những yếu tố đang cản trở hiệu quả của khối đoàn kết. Một bộ phận nhỏ giữ thái độ trung lập hoặc phủ định, nhưng không làm thay đổi xu hướng chung. Trong các nội dung được đánh giá, hai yếu tố nổi bật nhất là tác động tiêu cực từ mặt trái xã hội và điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn, với tỷ lệ đồng thuận cao và điểm trung bình gần 3,9. Điều này phản ánh bối cảnh đặc thù miền núi, nơi các yếu tố kinh tế và hiện tượng xã hội tiêu cực có ảnh hưởng trực tiếp đến sự bền vững của khối đoàn kết. Bên cạnh đó, nhận thức hạn chế của một bộ phận người dân cũng được đánh giá là một rào cản đáng kể, cho thấy vấn đề gắn liền với nền tảng nhận thức và mức độ tiếp cận thông tin. Những hạn chế liên quan đến tính đồng bộ trong phối hợp của các tổ chức, hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc, hay vai trò của già làng, trưởng bản và người có uy tín đều được thừa nhận ở mức cao. Đây là chỉ báo xã hội quan trọng, bởi nó phản ánh sự tồn tại của khoảng trống trong việc phát huy sức mạnh tổng hợp từ cả hệ thống chính trị lẫn các thiết chế cộng đồng truyền thống. Ngoài

ra, việc chưa phát huy đầy đủ vai trò của MTTQ, các đoàn thể, cùng với hạn chế trong công tác nhân rộng điển hình tiên tiến và tổ chức học tập, làm theo TTHCM, cũng cho thấy những trở ngại ở bình diện thiết chế. Nhìn tổng thể, dữ liệu khẳng định nhân dân đã có nhận thức khá rõ về các khó khăn mang tính cơ cấu và bối cảnh, phản ánh những yếu tố xã hội đang trực tiếp tác động đến sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc ở miền núi phía Bắc.

Bảng: 3.12 Đánh giá của cán bộ về những khó khăn, hạn chế trong việc vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại địa phương

Nội dung	**Mức độ hiểu biết (%)**					**Trung bình**	**Độ lệch chuẩn**
	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Trung lập	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý		
Sự phân hóa giàu nghèo gia tăng	1,4	10,1	20,2	54,3	14,0	3,70	,8822
Trình độ dân trí thấp	1,7	11,0	18,0	53,6	15,8	3,71	,9195
Thiếu cán bộ có trình độ cao, năng lực một số cán bộ làm công tác liên quan đến tập hợp, vận động quần chúng còn hạn chế	0,9	6,2	15,8	58,4	18,8	3,89	,8103
Kinh tế – xã hội chậm phát triển, nghèo đói	2,1	13,5	21,1	47,8	15,6	3,61	,9717
Chính sách, pháp luật chưa đồng bộ, khó tiếp cận,	2,4	12,3	18,8	49,3	17,1	3,66	,9785
Sự chống phá của các thế lực thù địch như lợi dụng mạng xã hội, tôn giáo gây phá vỡ khối đại đoàn kết dân tộc,	1,2	8,2	14,0	55,3	21,2	3,87	,8799
Sự khác biệt về văn hóa, phong tục tập quán	1,4	8,2	17,8	56,0	16,6	3,78	,8661
Địa hình chia cắt, giao thông, đi lại khó khăn	1,2	8,0	16,1	54,5	20,2	3,84	,8774
Công tác giám sát và phản biện xã hội còn hạn chế	1,2	5,1	17,1	57,7	18,8	3,88	,8119

Kết quả khảo sát này phản ánh rõ những thách thức mang tính chiến lược đối với việc vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc trong bối cảnh miền núi phía Bắc (*đã được nêu trong bảng 3.12*). Phần lớn cán bộ đều thống nhất rằng khó khăn không chỉ nằm ở điều kiện kinh tế – xã hội còn hạn chế, mà sâu xa hơn là ở năng lực tổ chức, sự gắn kết hệ thống và khả năng dẫn dắt của đội ngũ. Nổi bật là nhận định về tình

trạng thiếu cán bộ có trình độ và kỹ năng vận động quần chúng, đi kèm với hạn chế trong công tác giám sát và phản biện xã hội. Đây không chỉ là khó khăn kỹ thuật, mà là vấn đề chính trị cốt lõi, bởi cán bộ chính là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, là lực lượng trực tiếp biến tư tưởng đoàn kết thành hành động thực tiễn. Khi năng lực này bị giới hạn, tính lan tỏa và hiệu quả của đại đoàn kết khó đạt đến tầm mong muốn. Cùng với đó, cán bộ nhận thức rất rõ tác động từ các yếu tố khách quan: sự chống phá của các thế lực thù địch, sự khác biệt về văn hóa, phong tục, và điều kiện địa hình, giao thông phức tạp. Những yếu tố này, trong con mắt của một chính trị gia, chính là thách thức về an ninh chính trị và tính bền vững của khối đoàn kết dân tộc. Nếu không được nhận diện và ứng xử đúng tầm, chúng có thể trở thành điểm yếu bị lợi dụng để chia rẽ cộng đồng. So với các yếu tố kinh tế như phân hóa giàu nghèo hay trình độ dân trí, cán bộ đặt trọng tâm nhiều hơn vào khía cạnh chính trị – xã hội và năng lực quản trị. Điều này phản ánh rõ nhận thức rằng đại đoàn kết dân tộc không chỉ là sự cộng hưởng tự nhiên trong cộng đồng, mà phải được tổ chức, dẫn dắt và bảo vệ bởi một hệ thống chính trị mạnh, có khả năng định hướng và xử lý những thách thức phức tạp trong bối cảnh hiện nay.

3.2.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc

Nguyên nhân khách quan

Do tác động từ những mặt trái của sự phát triển công nghệ thông tin, mạng xã hội. Sự bùng nổ của công nghệ thông tin, mặt trái của các mạng xã hội gây khó khăn cho công tác tập hợp, vận động quần chúng, trong đó có công tác vận động đoàn viên công tác tại các doanh nghiệp nước ngoài. Thêm vào đó, các thế lực thù địch, phản động chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ gây mất đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc qua đăng tải các nội dung sai trái, bôi nhọ, xuyên tạc các chính sách của Đảng và nhà nước, các chính sách về đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng thông qua mạng xã hội…

Do điều kiện tự nhiên không thuận lợi. Điều kiện tự nhiên ở một số địa phương tại các tỉnh miền núi phía Bắc có những mặt không thuận lợi cho sự phát triển KT - XH cũng như hiệu quả của công tác thực hiện ĐĐKDT như dân cư thưa thớt, địa hình

hiểm trở, giao thông khó khăn gây cản trở cho công tác triển khai mọi hoạt động đến nhân dân chưa kịp thời, đầy đủ. Bên cạnh đó, trình độ sản xuất của đồng bào ở vùng núi cao còn lạc hậu gây khó khăn cho quá trình phát triển KT - XH. Đây là những khó khăn cản trở đến việc xây dựng khối ĐĐKDT tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

Do nhận thức về chính sách, vị trí, vai trò của xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc của một bộ phận nhân dân còn hạn chế. Nhận thức về vị trí, vai trò của MTTQ trong công tác xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở một số tổ chức Đảng, tại một số các địa phương, chính quyền, đoàn thể, trong một bộ phận cán bộ đảng viên chưa sâu sắc và toàn diện, chưa quan tâm đầy đủ và thường xuyên đến công tác mặt trận.

Nhận thức của một số cấp uỷ đảng, chính quyền về vai trò, vị trí của mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội còn chưa đầy đủ, xem nhẹ công tác vận động quần chúng. Chưa quan tâm đúng mức đến việc lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện cho mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội; trình độ, năng lực cán bộ, nhất là ở cơ sở còn hạn chế. Nội dung và hình thức hoạt động của mặt trận và các đoàn thể ở các chi hội còn đơn điệu, chất lượng thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động hiệu quả chưa cao; chức năng chăm lo, đại diện cho đoàn viên, hội viên chưa được phát huy; chế độ chính sách cho cán bộ MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở chưa thoả đáng.

Công tác xây dựng các tổ chức trong các doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước, ở các vùng đồng bào có đạo, đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn.

Do thiên tai, dịch bệnh gây thiệt hại cho đời sống nhân dân và sự phát triển KT - XH. Trong những năm gần đây, tình trạng thiên tai xảy ra liên tiếp trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc đã gây ra những thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản và hoa màu, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của nhân dân và sự ổn định kinh tế – xã hội của địa phương. Bên cạnh đó, đại dịch Covid-19 đã tác động sâu rộng và kéo dài, gây suy giảm nghiêm trọng các hoạt động kinh tế – xã hội, làm gián đoạn chuỗi sản xuất, sinh kế và quá trình phát triển của các tỉnh miền núi phía Bắc.

Do sự chống phá của các thế lực thù địch. Do sự chống phá của các thế lực thù địch, thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình" không ngừng tấn công qua mạng internet, truyền đạo trái phép tại một số địa phương đồng bào dân tộc thiểu số. Tình trạng buôn lậu, buôn bán ma tuý, vượt biên trái phép qua biên giới diễn ra phức tạp tại khu vực giáp biên giới giữa Việt Nam với Trung Quốc và Lào. Lợi dụng tôn giáo hòng thực hiện âm mưu chống phá Nhà nước, chia rẽ dân tộc.

Nguyên nhân chủ quan

Do MTTQ, các đoàn thể xã hội ở một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. MTTQ ở một số nơi còn thiếu kinh nghiệm trong tham mưu cho cấp uỷ trong việc phối hợp chặt chẽ với chính quyền trong tổ chức và hoạt động. Tổ chức MTTQ đã tiến hành đổi mới phương thức hoạt động tuy nhiên ở một số địa phương tổ chức và cán bộ mặt trận chưa đáp ứng với yêu cầu tình hình mới như một bộ phận cán bộ làm công tác mặt trận thật sự chưa tâm huyết, thiếu chủ động, thiếu sáng tạo, chậm đổi mới và hướng dẫn tổ chức thực hiện nên một số công tác của MTTQ chưa đạt kết quả cao. Tổ chức MTTQ chưa được bố trí tương xứng với vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của MTTQ trong thời kì mới. Các tổ chức đoàn thể ở một số địa phương hoạt động chưa hiệu quả, chất lượng hoạt động còn thấp, nội dung hoạt động còn sơ sài.

Do thiếu nguồn nhân lực có trình độ cao, đặc biệt cán bộ làm công tác mặt trận tại các khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao do thiếu chính sách thu hút nhân tài. Thiếu nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất cho ngành giáo dục đáp ứng yêu cầu tối thiểu; xã hội hoá giáo dục ở vùng cao, huy động nguồn lực còn hạn chế. Biên chế giáo viên thực hiện theo định mức chung song còn nhiều bất cập, còn thiếu giáo viên. Nguồn kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ chưa đáp ứng nhu cầu.

Do thiếu về điều kiện, nguồn lực cho sự phát triển kinh tế – xã hội, đặc biệt tại các địa phương đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS. Thiếu các điều kiện, nguồn lực cho phát triển KT - XH; nhận thức của người dân về kinh tế thị trường còn hạn chế, tái cơ cấu kinh tế chưa rõ nét. Thiếu các chính sách thu hút đầu tư, hỗ trợ cho nông nghiệp, nông thôn. Chậm ứng dụng những tiến bộ của khoa học công nghệ vào

sản xuất. Việc nhân rộng mô hình sản xuất, đổi mới tổ chức sản xuất chưa tích cực. Chính sách quản lý thương mại, biên mậu thường bị động, hoạt động thương mại hiệu quả chưa cao. Quản lý nhà nước đối với một số lĩnh vực đất đai, tài nguyên, khoáng sản, du lịch, dịch vụ, hạn tầng đô thị chưa được thực hiện tốt.

Lực lượng nòng cốt trong từng tổ chức còn yếu, trình độ năng lực của một số cán bộ còn hạn chế, công tác phối hợp giữa MTTQ và các tổ chức đoàn thể với chính quyền chưa toàn diện. Việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện ở một số chính sách còn chưa tốt; chưa xây dựng và nhân rộng các mô hình điểm.

Nhận thức của cấp uỷ ở một số địa phương về vai trò của văn hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội còn hạn chế. Ngân sách cho phát triển văn hoá còn thấp. Xã hội hoá trong lĩnh vực văn hoá – thể thao còn hạn chế, chưa có sự đồng hành của nhân dân. Tập tục lạc hậu, những mặt trái của kinh tế thị trường tác động tiêu cực đến phát triển văn hoá. Cơ chế tài chính đối với các cơ quan báo đài còn chậm đổi mới; các hoạt động hợp tác, đối ngoại về báo chí của địa phương chưa được đẩy mạnh.

Do một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số chưa cố gắng thực hiện đoàn kết dân tộc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau về kinh nghiệm phát triển KT - XH, vẫn còn tình trạng ỉ lại, trông chờ vào trợ cấp của nhà nước và đồng bào cả nước giúp đỡ. Tình trạng tái nghèo, giảm nghèo không bền vững vẫn tồn tại ở một số địa phương tại các tỉnh miền núi phía Bắc do tập quán sản xuất lạc hậu, tình trạng du canh, du cư. Các hủ tục lạc hậu trong tang ma, cưới hỏi, trình độ dân trí thấp là những nguyên nhân chính dẫn tới đời sống nhân dân ở một số địa phương, vùng đồng bào DTTS còn gặp nhiều khó khăn. Điều này làm giảm tính chủ động của người dân mà Hồ Chí Minh coi là chủ thể nền tảng của khối đại đoàn kết.

Do sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức của một bộ phận cán bộ công tác tại các tỉnh miền núi phía Bắc làm ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay. Đây là "giặc nội xâm" gây nguy hại cho Đảng và Nhà nước; gây suy giảm niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng bộ các cấp; gây chia rẽ, mất đoàn kết trong nội bộ cán bộ, nhân dân như tình trạng tham nhũng, tham ô, lợi dụng chức vụ quyền hạn gây thiệt hại cho Nhà nước và nhân dân.

3.3. Những vấn đề đặt ra đối với việc tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc

3.3.1. Đối với hệ thống chính trị và chính quyền địa phương

Một là, đổi mới tư duy vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, gắn đoàn kết dân tộc với phát triển kinh tế - xã hội bền vững, sinh kế xanh, du lịch văn hoá, kinh tế biên mậu.

Đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện mục tiêu quốc gia, CNH, HĐH đất nước là vấn đề cơ bản nhất đối với chính quyền và nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc. Đoàn kết dân tộc là tiền đề cho sự ổn định để phát triển KT – XH và phát triển KT - XH là điều kiện để đảm bảo cho ĐĐKDT được mở rộng, tăng cường. Đại đoàn kết toàn dân tộc trở thành mục tiêu, động lực cho sự phát triển góp phần thực hiện đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của chính quyền các cấp. Tăng trưởng kinh tế phải gắn với nâng cao đời sống của nhân dân, xoá đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí tại các tỉnh miền núi phía Bắc là nhiệm vụ trọng tâm hiện nay. Trong bối cảnh hiện nay, miền núi phía Bắc đang chuyển mình mạnh mẽ nhờ các chính sách phát triển vùng, yêu cầu đặt ra là phải đổi mới tư duy vận dụng TTHCM về ĐĐKDT một cách sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, chuyển hoá đoàn kết thành động lực phát triển thực chất. Phát triển bền vững và sinh kế xanh: Cần hướng tinh thần đoàn kết vào việc khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông sản đặc trưng vùng cao (chè Shan Tuyết, thảo quả, dược liệu, du lịch cộng đồng…). Phát triển du lịch văn hoá và kinh tế biên mậu: Liên kết giữa các dân tộc trong phát triển du lịch cộng đồng (Sa Pa, Đồng Văn) và thương mại biên giới (Lào Cai, Lạng Sơn, Cao Bằng, Quảng Ninh) với các tỉnh, thành phố khác trong cả nước, thể hiện rõ tinh thần "đại đoàn kết là sức mạnh nội sinh của phát triển", biến tinh thần đoàn kết thành lực đẩy phát triển kinh tế xanh và phát triển bền vững vùng miền núi.

Phát triển KT - XH đi đôi giải quyết các vấn đề là nguyên nhân gây ảnh hưởng đến khối ĐĐKDT, gây chia rẽ dân tộc như tình trạng phân hoá giàu – nghèo trong

nhân dân; chênh lệch vùng miền; giải quyết hài hoà các mối quan hệ lợi ích giữa các dân tộc, giữa DTTS với dân tộc đa số; tăng trưởng kinh tế, xây dựng các tỉnh theo hướng hiện đại đi đôi bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, các phong tục tập quán tốt đẹp, các giá trị truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc. Thực hiện bài trừ, đi đến xoá bỏ các hủ tục, phong tục tập quán lạc hậu trong đồng bào các dân tộc như hút sách, rượu chè, tảo hôn, tang ma. Đảm bảo môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, giải quyết vấn đề nâng cao dân trí, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, thanh niên, phụ nữ dân tộc thiểu số, tạo công ăn việc làm cho người lao động, đẩy mạnh việc chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Ngoài ra, đặt ra vấn đề đối với chính quyền địa phương nhu cầu phát triển KT - XH với việc cải thiện cơ sở hạ tầng, nhất là vấn đề giao thông, hạ tầng, điện lưới, viễn thông, trường học. Đại đoàn kết toàn dân tộc gắn liền với giải quyết vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh liên kết vùng, sản xuất hiện đại với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại các vùng sâu, vùng xa với quy mô sản xuất nhỏ, manh mún, lạc hậu. Sản phẩm sản xuất thiếu tính cạnh tranh, chi phí sản xuất cao… chính sách thực hiện ĐĐKDT quan trọng nhất "đoàn kết dân tộc và nâng cao đời sống của đồng bào"[69; tr.458]. Vì vậy, đối với cấp uỷ Đảng cần chú ý bám sát thực tiễn về điều kiện tự nhiên, điều kiện KT - XH, văn hoá – lịch sử để vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh đại đoàn kết một cách sáng tạo, phù hợp, tránh nóng vội rập khuôn, sao chép "Về lãnh đạo: Miền núi đất rộng người thưa, tình hình vùng này không giống tình hình vùng khác. Vì vậy, áp dụng chủ trương và chính sách phải thật sát với tình hình thực tế ở mỗi nơi. Tuyệt đối chớ rập khuôn, chớ máy móc, chớ nóng vội"[69; tr.461]. Muốn làm tốt thì cần phải thực hiện tốt các chính sách về vấn đề dân tộc, cải thiện các vấn đề khó khăn hiện có như giao thông, nâng cao trình độ dân trí, văn hoá của đồng bào "Đoàn kết và giúp đỡ đồng bào địa phương cần làm đúng chính sách của Đảng về vấn đề dân tộc" với nhiệm vụ "Động viên và lãnh đạo đồng bào miền núi tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm"[69; tr.460], nhằm mục đích "nhân dân ấm no hơn; Văn hoá cao hơn; giao thông thuận tiện hơn; bản làng vui tươi hơn. Quốc

phòng vững vàng hơn"[69; tr.460-461].

Như vậy, để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay cần giải quyết các vấn đề nảy sinh trong lòng xã hội. Trước những vấn đề cần giải quyết, đòi hỏi các cấp uỷ, đảng và chính quyền địa phương tiếp tục giải quyết nhằm khắc phục những thiếu sót và giải quyết các mâu thuẫn đặt ra trong thực tiễn tại các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay.

Hai là, xây dựng niềm tin chính trị – xã hội bền vững ở vùng dân tộc thiểu số thông qua phát huy vai trò người có uy tín, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo

Để tăng cường và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc đòi hỏi toàn thể nhân dân các dân tộc phải nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của vấn đề ĐĐKDT để mỗi chủ thể, mỗi cá nhân làm tròn trách nhiệm của mình đối với nhiệm vụ được phân công phụ trách. Trên thực tế, tại một số các địa phương vẫn tồn tại việc các chủ thể chưa nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc theo TTHCM, hoặc nhận thức còn mơ hồ, chưa hiểu rõ vị trí, vai trò, trách nhiệm của mình được giao trong việc tuyên truyền, phổ biến, thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực tế tại một số địa phương vẫn còn một bộ phận cấp uỷ, chính quyền địa phương, MTTQ, các tổ chức đoàn thể và cá nhân nhận thức chưa đầy đủ về vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc nên còn thờ ơ, lúng túng, chưa làm tròn trách nhiệm của mình đối với công việc, với nhân dân. Nội dung các quan điểm của Đảng và sự vận dụng sáng tạo TTHCM về đại đoàn kết dân tộc chưa được chú trọng và đạt hiệu quả cao, việc thực hiện còn mang tính hình thức, chưa đi vào thực chất và chưa được nhân dân tích cực tham gia, hưởng ứng, các giải pháp chưa sát với thực tiễn tại một số địa phương cụ thể. Nguy hại hơn nếu không nhận thức đầy đủ, vận dụng sáng tạo, nói một đằng, làm một nẻo, rập khuôn, máy móc sẽ làm khối đại đoàn kết bị ảnh hưởng, hiệu quả thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng, theo TTHCM bị ảnh hưởng và giảm sút nghiêm trọng dẫn đến hệ luỵ và hậu quả khôn lường. Trên thực tế, một bộ phận cán bộ chưa tận tâm với công việc, hạn chế về trình độ năng lực do chưa đi

sâu sát hoặc không nắm bắt rõ các kiến thức chuyên môn, thiếu kỹ năng, phương pháp tuyên truyền, kinh nghiệm thực tiễn dẫn đến việc tuyên truyền, giải thích đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là vấn đề về đại đoàn kết toàn dân tộc, các vấn đề về dân tộc, tôn giáo đến nhân dân một cách nửa vời, không đến nơi đến chốn sẽ gây ra hậu quả đồng bào dân tộc không hiểu được chính sách của Nhà nước, từ đó nhân dân không nhận thấy được các lợi ích tốt đẹp từ các chủ trương, chính sách của Nhà nước về vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề vô cùng nguy hiểm. Đây có thể là lỗ hổng lớn mà các thế lực thù địch sẽ lợi dụng sự thiếu hiểu biết hoặc hiểu không đúng, hoặc hạn chế về nhận thức của đồng bào sẽ tấn công gây chia rẽ, mất đoàn kết trong nhân dân.

Vì vậy, muốn nâng cao nhận thức của các chủ thể cần củng cố và phát triển các chi bộ, phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên tại địa phương, đặc biệt là cán bộ xã. Theo nghiên cứu cho thấy tỷ lệ người cán bộ chưa qua đào tạo về chuyên môn và lý luận chính trị tại cán bộ cấp xã ở một số địa phương vùng sâu, vùng xa, năng lực công tác chưa đáp ứng yêu cầu. Hồ Chí Minh cho rằng cần phải

> "Củng cố tốt và phát triển tốt chi bộ Đảng và chi bộ Đoàn Thanh niên. Luôn nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và lập trường giai cấp của đảng viên và đoàn viên. Ra sức bồi dưỡng cán bộ địa phương, cán bộ phụ nữ và cán bộ xã về mọi mặt. Lãnh đạo phải có quyết tâm đi đúng đường lối quần chúng, phải biến những nghị quyết của Đảng thành lực lượng của nhân dân. Mỗi ngành, bộ ở Trung ương cần phải nhận rõ phần trách nhiệm của mình đối với miền núi và chú trọng hơn nữa công tác ở miền núi"[69; tr.461- 462].

Ba là, đại đoàn kết toàn dân tộc dân tộc gắn với giải quyết các vấn đề bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ đi đôi với giải quyết các vấn đề xã hội.

Các tỉnh miền núi phía Bắc có vị trí rất quan trọng về quốc phòng và an ninh. Vấn đề trọng tâm của các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới là xây dựng, củng cố hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân vững chắc ở vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), miền núi, biên giới, hải đảo. Đứng trước

những vấn đề an ninh phi truyền thống, cách mạng màu, các thế lực thù địch sử dụng nhiều chiêu bài, thực hiện âm mưu diễn biến hoà bình, hòng chia rẽ dân tộc, phá vỡ đoàn kết dân tộc, nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc càng mở rộng đại đoàn kết toàn dân, tiếp tục giữ vững và đảm bảo an ninh, quốc phòng. Tuyệt đối không để bị động, bất ngờ, đảm bảo vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia; giữ vững khu vực biên giới hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển; bố trí xây dựng khu vực phòng thủ vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới. Đẩy mạnh phòng trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, gắn phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư*" gắn với phong trào tự quản đường biên, cột mốc ở các xã, phường biên giới. Giải quyết các vấn đề đổi mới, tăng cường năng lực thông tin, tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức, quốc phòng – an ninh, nâng cao tinh thần cảnh giác của vùng đồng bào DTTS, miền núi, hải đảo trước các âm mưu, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động, kiên quyết đấu tranh với các hành vi lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo nhằm chia rẽ, phá hoại đoàn kết, gây mất ổn định an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Vấn đề xây dựng và nhân rộng các mô hình tự quản về an ninh, trật tự tại thôn bản. Phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào DTTS tham gia nhiệm vụ chính trị. Xây dựng lực lượng công an chính quy, lực lượng dân quân tự vệ chất lượng, biên phòng mạnh để giải quyết các vấn đề chia rẽ, mất đoàn kết, lợi dụng tôn giáo để truyền đạo trái pháp luật; truyền bá mê tín dị đoan; giải quyết vấn đề tội phạm, buôn lậu qua biên giới, đặc biệt là buôn bán các chất ma tuý, lừa đảo, buôn bán người. Đảm bảo vững chắc an ninh, biên giới gắn với phát triển KT - XH khu vực biên giới, thương mại biên giới, mở rộng giao lưu đối ngoại nhân dân, đối ngoại Đảng, đối ngoại Nhà nước với 02 quốc gia láng giềng và các quốc gia khác trên thế giới.

Bốn là, đảm bảo lợi ích của nhân dân, thu hẹp khoảng cách chênh lệch giàu nghèo, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, hải đảo.

Dưới tác động của sự phát triển KT – XH các tỉnh miền núi phía Bắc cần giải quyết các vấn đề như chênh lệch giàu nghèo; chênh lệnh vùng miền, tình trạng phân hoá giàu nghèo giữa các khu vực thành phố và miền núi,vùng sâu, vùng xa. Vì vậy,

thực hiện các chính sách về đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng và sự vận dụng sáng tạo lý luận về ĐĐKDT theo TTHCM cần tập trung giải quyết các vấn đề lợi ích của nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc trên cơ sở thực hiện công bằng, bình đẳng giữa các dân tộc. Đảng uỷ, chính quyền địa phương tập trung giải quyết vấn đề lợi ích giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, khi sự gia tăng chênh lệch, khoảng cách giàu – nghèo có xu hướng gia tăng hiện nay. Bên cạnh đó, cần nắm bắt tâm lý, khó khăn của nhân dân sau khi sáp nhập và thực hiện chính quyền 2 cấp. Cần có những giải pháp thiết thực, hiệu quả để giải quyết các vấn đề đặt ra hiện nay như những phương pháp, cách thức khéo léo, phù hợp, cần hiểu rõ nhân dân để có cách ứng xử phù hợp.

3.3.2. Đối với các tổ chức đoàn thể

Một là, đổi mới phương thức hoạt động, sắp xếp, tinh gọn bộ máy của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của cơ quan, bộ máy và vận hành chính quyền 2 cấp.

Theo Nghị quyết 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 tại Hội nghị lần thứ 6 BCHTW khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và chất lượng hoạt động của MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương. Trên thực tế, một số bộ phận các cơ quan MTTQ và các tổ chức đoàn thể thuộc các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động chưa thật sự hiệu quả trong tập hợp, kêu gọi, giải quyết các vấn đề trực thuộc chức trách nhiệm vụ được phân công, trong vận động, truyên truyền thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước ta về đại đoàn kết toàn dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong giai đoạn hiện nay với phương châm "*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm"*, Trung ương, Chính phủ, Quốc hội tăng cường hoàn thiện thể chế, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát và cải cách tối đa thủ tục hành chính, giảm chi phí, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp.

Hai là, công tác tuyên truyền, vận động quần chúng chưa thật sự hiệu quả.

Nhiều đoàn thể chưa đổi mới nội dung, hình thức vận động phù hợp với từng dân tộc, từng nhóm tuổi; còn phụ thuộc vào phương thức truyền thống, một số địa phương khó khăn trong công tác sử dụng mạng xã hội, ngôn ngữ tộc người, văn nghệ – lễ hội bản địa để vận động, tuyên truyền nhân dân.

Ba là, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong giám sát, phản biện xã hội chưa được phát huy mạnh mẽ. Nhiều tổ chức đoàn thể chưa tạo được các diễn đàn để đồng bào góp ý, phản ánh tiếng nói; một số nơi hoạt động còn mang tính hình thức, chưa thực sự gần dân như yêu cầu của Hồ Chí Minh về "Dân vận khéo".

Bốn là, sự liên kết giữa các tổ chức đoàn thể với cấp ủy, chính quyền còn thiếu chặt chẽ. Một số chương trình phối hợp còn chồng chéo, thiếu sự phân công cụ thể, dẫn đến hiệu quả thấp trong vận động đồng bào, triển khai phong trào đoàn kết, xây dựng nông thôn mới, bảo tồn văn hóa dân tộc.

3.3.3. Đối với nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc

Một là, trình độ dân trí và cơ hội tiếp cận nguồn lực phát triển còn hạn chế. Trình độ dân trí tại một số địa phương thấp dẫn đến nhận thức của nhân dân về đại đoàn kết còn hạn chế, một bộ phận nhân dân còn thụ động, trông chờ, ỉ lại vào Nhà nước, vào sự giúp đỡ của địa phương, xã hội, chưa tự mình cố gắng vươn lên xoá đói, giảm nghèo. Vì vậy, nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc cần phát huy khả năng tự học, tự vươn lên làm chủ đất nước, xã hội, từng bước tự nâng cao trình độ nhận thức, sự hiểu biết để bắt kịp sự phát triển của đất nước.

Hai là, trình độ ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất còn hạn chế.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ 4.0 là điều kiện thuận lợi trong ứng dụng các thành tựu của khoa học và công nghệ vào sản xuất và kinh doanh, như đồng bào vùng cao sử dụng mạng xã hội để lan toả các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, du lịch cộng đồng, quảng bá và bán các sản phẩm đặc sản của địa phương nhằm nâng cao thu nhập và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc đã góp phần tạo nên diện mạo mới cho các tỉnh miền núi phía Bắc. Một số địa phương vùng sâu, vùng xa địa

hình núi cao, chia cắt không có điều kiện phát triển KT - XH dẫn đến đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, canh tác sản xuất còn lạc hậu.

Ba là, một số hủ tục, thói quen sản xuất lạc hậu vẫn tồn tại. Tảo hôn, hôn nhân cận huyết, sản xuất manh mún, du canh du cư, nghi lễ tốn kém… còn phổ biến tại một số dân tộc như Mông, Dao, Hà Nhì… làm giảm hiệu quả công tác vận động quần chúng, hạn chế sự phát triển bền vững – mâu thuẫn với yêu cầu "đoàn kết phải gắn với tiến bộ".

Bốn là, sự phân hóa giàu nghèo và thay đổi giá trị văn hóa truyền thống tác động tiêu cực đến đoàn kết cộng đồng. Di cư lao động, đô thị hóa, tác động của kinh tế thị trường và mạng xã hội làm mai một một số giá trị văn hóa, gây nguy cơ đứt gãy truyền thống đoàn kết lâu đời của đồng bào.

Năm là, niềm tin vào chính quyền cơ sở ở một số nơi còn chưa vững chắc.

Một bộ phận nhân dân còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước; khi chính sách triển khai chậm, thiếu đồng bộ dễ dẫn đến tâm lý hoài nghi, bị kích động bởi các thế lực thù địch trong và ngoài nước, làm suy giảm "niềm tin – nền tảng của đoàn kết" theo TTHCM.

Tiểu kết chương 3

Những nhân tố khách quan và chủ quan là những yếu tố có tác động đến việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc, bao hàm cả những nhân tố thuận lợi và những khó khăn. Qua nghiên cứu thực trạng sự vận dụng TTHCM về đại đoàn kết toàn dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc từ các báo cáo của cấp có thẩm quyền và kết quả khảo sát từ người dân và cán bộ đã làm rõ kết quả quá trình vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc như quá trình nhận thức và hành động của Đảng bộ tỉnh, chính quyền và nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc về của vị trí, vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, bảo tồn các giá trị văn hóa; phát triển kinh tế biên mậu; vận dụng sáng tạo TTHCM về đại đoàn kết dân tộc trong tập hợp lực lượng – đoàn kết toàn dân, đổi mới hình thức, phương pháp hoạt động của MTTQVN, các tổ chức chính trị - xã hội; đổi mới phương pháp tuyên truyền, tiếp cận. Nghiên cứu đã chỉ ra những thành tựu, nguyên nhân đạt được như: Sự nỗ lực từ Đảng bộ các cấp, chính quyền, đoàn thể và nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc trong giai đoạn từ 2010-2025 góp phần xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, KT - XH phát triển, an ninh, quốc phòng, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc được giữ vững, đời sống nhân dân được nâng cao. Nghiên cứu chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân khách quan, chủ quan do sự chống phá của các thế lực thù địch, tác động từ những mặt trái của sự phát triển công nghệ thông tin, mạng xã hội, điều kiện tự nhiên không thuận lợi, nhận thức về chính sách về đại đoàn kết dân tộc của một bộ phận người dân ở một số địa phương còn hạn chế. MTTQ, các đoàn thể xã hội ở một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, cán bộ trình độ cao còn thiếu, đặc biệt là cán bộ làm công tác mặt trận tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; thiếu điều kiện, nguồn lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS; do một bộ phận đồng bào còn có tâm lý trông chờ, ỷ lại vào trợ cấp của Nhà nước; do sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức của một bộ phận cán bộ, công chức. Từ đó, luận án đề xuất những vấn đề đặt ra đối với việc tiếp tục vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình mới.

Chương 4
QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP TIẾP TỤC VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC TRONG TÌNH HÌNH MỚI

4.1. Tình hình mới và yêu cầu mới đối với việc tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc

4.1.1. Tình hình mới đối với việc tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc

4.1.1.1. Tình hình thế giới

Tình hình thế giới trong bối cảnh hiện nay tác động và ảnh hưởng đến vấn đề đại đoàn kết dân tộc của Việt Nam hiện nay nói chung, các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng. Sự tác động của toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế mạnh mẽ, đa cực hoá về chính trị, đa dạng về phát triển văn hoá có tác động mạnh mẽ đến Việt Nam tạo ra những cơ hội, vận hội mới, mặt khác cũng có những thách thức đối với vấn đề độc lập dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Một là, chính trị thế giới đang thúc đẩy thế giới theo xu thế đa cực. Xung đột trên thế giới vẫn diễn ra, trong đó có sự chuyển dịch quyền lực từ hướng Tây sang Đông. Những điều đó đã tác động và biến động sâu sắc tới toàn cầu, làm cho cục diện thế giới theo hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn nên các quốc gia lớn luôn cạnh tranh chiến lược, điều chỉnh chiến lược, tranh giành ảnh hưởng giữa các nước lớn ngày càng gia tăng, quyết liệt, tác động sâu rộng đến an ninh, chính trị thế giới.

Hai là, vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống tác động đến các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Vấn đề toàn cầu đó là biến đổi khí hậu gây ra lũ lụt, suy thoái môi trường sinh thái; chiến tranh thương mại; khủng bố quốc tế, tội phạm xuyên quốc gia, lừa đảo, các thảm hoạ thiên tai, nghèo đói, dịch bệnh; buôn lậu, buôn ma tuý. Vấn đề an ninh phi truyền thống như an ninh mạng, bảo mật, an ninh nguồn nước,

an ninh biển. Những tác động đặt ra cho nhân dân ta đảm bảo các vấn đề an ninh biển, đất liền, biên giới Việt Nam – Trung Quốc, giữ vững chủ quyền biển đảo của Việt Nam. Chủ nghĩa khủng bố được tài trợ bởi tội phạm ở nước ngoài vẫn đang là vấn đề đặt ra đối với Việt Nam.

Ba là, phong trào ly khai, không liên kết hợp tác giữa các nước với nhau làm giảm hợp tác, tăng cạnh tranh, xung đột và do đó đưa đến những căng thẳng mới trong quan hệ quốc tế.

Bốn là, kinh tế phục hồi và tăng trưởng, hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Tuy nhiên, quá trình hội nhập quốc tế cũng đặt ra những rủi ro và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam do biến động chính sách toàn cầu, nhất là chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ, cùng tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu hướng chuyển sang kinh tế số, xã hội số. Đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với cả nước nói chung và các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng, đòi hỏi phải phát huy mạnh mẽ tinh thần đại đoàn kết dân tộc để tận dụng thời cơ phát triển, rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với khu vực và thế giới. Như vậy, tình hình thế giới có sự biến đổi mạnh mẽ và tác động đến vấn đề tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc giữa Việt Nam với các quốc gia trên thế giới. Các tỉnh miền núi phía Bắc cần tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc để tận dụng điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế – xã hội, đồng thời nêu cao cảnh giác trước những biến động của tình hình thế giới nhằm giữ vững ổn định chính trị và an ninh. Việc củng cố đoàn kết toàn dân tộc là cơ sở quan trọng để xây dựng và phát triển khu vực miền núi phía Bắc bền vững, hội nhập và xứng tầm trong bối cảnh khu vực và quốc tế.

4.1.1.2. Tình hình Việt Nam

Sau 39 năm tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự đoàn kết của nhân dân, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn về mọi mặt, sức mạnh ĐĐKTDT được tăng cường và củng cố, tại Đại hội Đảng lần thứ XIII nhấn mạnh *"Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay".* Tuy nhiên, đất nước ta cũng xuất hiện những vấn đề mới, chưa có tiền lệ "phát triển nền

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ đã tác động đến các giai cấp, tầng lớp, cũng như mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp với nhau: Gia tăng chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa các khu vực, vùng, miền. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch tiếp tục lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền, để tăng cường chống phá, gây chia rẽ, phá hoại khối ĐĐKTDT, chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân"[107; tr. 32]. Những vấn đề đặt ra đối với đất nước trong giai đoạn hiện nay đồng thời cũng là những vấn đề cấp thiết đối với các tỉnh miền núi phía Bắc, đòi hỏi sự tập trung giải quyết một cách đồng bộ và hiệu quả, đó là:

Một là, đất nước chuyển từ kỷ nguyên độc lập, tự do, thống nhất đất nước, đổi mới, phát triển sang kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Đích đến của kỷ nguyên vươn mình là dân giàu, nước mạnh, xã hội xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu. "Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa"[148]. Như vậy, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc đòi hỏi phát huy sức mạnh tập thể của toàn thể nhân dân nhằm thực hiện các "*đột phá, phát triển tăng tốc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đưa quốc gia, dân tộc lên một tầm cao mới, tiến cùng thời đại"*[147]. Đột phá trong các lĩnh vực công nghệ cao, quản trị quốc gia hiện đại trên nền tảng chính phủ số, xã hội số, công dân số, tạo sự phát triển vượt bậc về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Song song giải quyết các vấn đề hạn chế, khó khăn, rào cản trong quá trình phát triển. Tiếp tục đổi mới tư duy trong nhận thức các vấn đề về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận về đại đoàn kết dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên mới. Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của đất nước, phát huy lợi thế của quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế như phát huy nội lực, lợi thế địa chính trị, địa kinh tế, khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, phát triển kinh tế xanh. Phát

huy các động lực phát triển đất nước, tiếp tục phát huy vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc như một động lực quan trọng cùng với truyền thống yêu nước, thông minh, sáng tạo, cần cù, hiếu học và các truyền thống tốt đẹp khác trở thành sức mạnh nội lực góp phần thắng lợi trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc đòi hỏi khách quan phát huy sức mạnh của nhân dân với tư cách là chủ thể quan trọng nhất của công cuộc xây dựng đất nước. Tạo động lực, niềm tin để nhân dân sáng tạo, phát huy hết khả năng của mình trong sự nghiệp xây dựng đất nước. Quán triệt nguyên lý Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ; mọi chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải xuất phát từ nguyện vọng và lợi ích chính đáng của nhân dân.

Hai là, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu của thời kì mới.

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc đòi hỏi đổi mới trên mọi lĩnh vực hoạt động của bộ máy Nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy chính trị tinh gọn. Sắp xếp tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; sắp xếp, tinh gọn cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp xã) như một cuộc cách mạng trong sự phát triển nhằm mở rộng không gian phát triển cho các tỉnh, thực hiện tốt liên kết vùng trong cả nước, trong đó có các tỉnh miền núi phía Bắc đòi hỏi sự đoàn kết toàn dân nhanh chóng ổn định tình hình, không làm gián đoạn các hoạt động của Nhà nước và chính quyền, gây ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, khắc phục những hạn chế, yếu kém còn tồn tại trong hoạt động của bộ máy nhà nước như tham nhũng, năng lực lãnh đạo, quản lý đồng thời đối phó và phản bác các luận điệu chống phá xuyên tạc về việc sáp nhập và tinh gọn bộ máy do Đảng ta đang tiến hành của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

Ba là, tiếp tục đổi mới, nâng cao sức chiến đấu và sự lãnh đạo của Đảng Cộng

sản Việt Nam trong kỷ nguyên mới của dân tộc. Xây dựng *"*hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng, của hệ thống chính trị tinh gọn, thống nhất, hợp lý, đồng bộ, thông suốt, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc kết nối - tương tác - chia sẻ, có khả năng thích ứng cao với thời cuộc luôn thay đổi; để có được một đội ngũ cán bộ, đảng viên liêm khiết, mẫu mực, tiêu biểu hết lòng vì Đảng, vì Dân. Đây thực sự là một cuộc cách mạng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc"[147].

Bốn là, giải quyết các vấn đề xã hội khác. Suy thoái về kinh tế, nền kinh tế phát triển chưa bền vững, thiên tai bão lũ, chất lượng dân số thấp. Đây là những vấn đề ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của nước ta. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, biến đổi về cơ cấu giai cấp, sự chênh lệch giàu – nghèo và các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường sinh thái, các vấn đề mai một bản sắc văn hoá dân tộc; các vấn đề tôn giáo như mê tín dị đoan; các vấn đề về xoá bỏ các hủ tục lạc hậu.

Năm là, giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội gắn với chuyển đổi số, đổi mới, sáng tạo. Vấn đề này đòi hỏi sự vào cuộc, sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị và nhân dân dựa trên tinh thần đoàn kết của nhân dân.

Sáu là, nâng cao cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Bốn nguy cơ như tham nhũng, lãng phí, "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch với những thủ đoạn mới, nhất là triệt để sử dụng các phương tiện truyền thông trên mạng internet để chống phá Nhà nước, Đảng, chúng xuyên tạc lịch sử, bôi nhọ danh dự của cán bộ lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

Âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch diễn ra mạnh hơn, thủ đoạn hơn, tinh vi hơn. "Thời gian qua, các thế lực phản động gia tăng các hoạt động "diễn biến hòa bình", tuyên truyền cách mạng màu, cách mạng nhung trên các phương tiện thông tin đại chúng và internet. Chúng duy trì sử dụng 63 đài phát thanh có chương trình Việt ngữ, trên 400 báo, tạp chí, 88 nhà xuất bản tiếng Việt, hàng nghìn Website, blog. Trên các phương tiện đó, chúng đăng tải hàng ngàn, thậm chí hàng vạn tin, bài xuyên tạc các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chúng thúc đẩy hình thành các hội, nhóm "xã hội dân sự" trong nước,

hậu thuẫn cho những hoạt động tuyên truyền phá hoại tư tưởng chống chế độ; ủng hộ, cổ vũ, tài trợ cho các tổ chức, cá nhân có biểu hiện hoạt động chống đối trong nước, tạo điều kiện kết nối với các mạng lưới phản động ngoài nước, tìm cách đưa người ra nước ngoài huấn luyện và tung về nước hoạt động chống phá"[144].

Thêm vào đó, tham nhũng và tệ quan liêu, lãng phí là vấn đề nổi cộm, cần giải quyết. Với những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ dẫn đến niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng, chế độ có mặt bị giảm sút.

Sự suy thoái về tư tưởng đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ đảng viên gây tác động và ảnh hưởng xấu đến khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay ở Việt Nam nói chung và các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng. "Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, các biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" của một bộ phận đảng viên, quan liêu, lãng phí là những nguy cơ gây mất ổn định, tác động đến niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, tác động đến khối đại đoàn kết dân tộc" [107; tr.73-74].

Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, do điểm xuất phát thấp; Nguy cơ sai lầm đường lối, đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa. Nguy cơ này đòi hỏi chúng ta cần phải đề phòng qua việc giải quyết các vấn đề đảm bảo thực hiện quyền làn chủ của nhân, phòng, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí; sự xuống cấp về đạo đức, chính trị, tư tưởng, sự hoà tan về văn hoá, mất bản sắc văn hoá dân tộc, sự phai nhạt lý tưởng trong bối cảnh hội nhập kinh tế, văn hoá như hiện nay.

Bảy là, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, hải đảo của Tổ quốc trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt về chủ quyền biển đảo. Sự cạnh tranh gay gắt giữa các cường quốc trên thế giới về chủ quyền biển đảo, lãnh thổ gây ra nhiều tiềm ẩn bất ổn đối với các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Việc giải quyết vấn đề biển đảo ở biển Đông, đảm bảo quyền chủ quyền của nước ta còn nhiều vấn đề cần giải quyết. Đối với nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc cần đoàn kết để giữ vững mốc biên giới, đường biên giới và biển đảo của quốc gia.

Suy thoái về kinh tế, nền kinh tế phát triển chưa bền vững là những vấn đề ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của nước ta nói chung và các tỉnh miền

núi phía Bắc nói riêng. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, biến đổi về cơ cấu giai cấp, sự chênh lệch giàu – nghèo và các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường sinh thái, các vấn đề mai một bản sắc văn hoá dân tộc; các vấn đề tôn giáo như mê tín dị đoan; các vấn đề về xoá bỏ các hủ tục lạc hậu trong đồng bào DTTS tại các tỉnh miền núi phía Bắc là những vấn đề cần quan tâm giải quyết.

Tám là, những vấn đề mới sau khi sáp nhập tỉnh, chuyển sang mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, các tỉnh miền núi phía Bắc cần chú ý đến các vấn đề mới phát sinh trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc như:

Vấn đề bảo đảm sự thống nhất và đồng thuận xã hội trong không gian hành chính mới: Sau sáp nhập tỉnh, sự gia tăng về quy mô, tính đa dạng và khác biệt giữa các cộng đồng dân cư đặt ra yêu cầu mới trong việc củng cố sự gắn kết, hài hòa lợi ích và tâm lý xã hội giữa các dân tộc, vùng, địa bàn, khắc phục nguy cơ cục bộ, chia rẽ và so sánh vùng miền.

Vấn đề phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong điều kiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp: Việc tinh gọn bộ máy hành chính đòi hỏi phải đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện ở cơ sở nhằm bảo đảm nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, được tham gia, được lắng nghe và được thụ hưởng một cách thực chất trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Vấn đề xử lý hài hòa lợi ích và phân bổ nguồn lực phát triển sau sáp nhập: Những điều chỉnh về quy hoạch, đầu tư, an sinh xã hội và cung ứng dịch vụ công có thể làm nảy sinh các tâm tư, nguyện vọng khác nhau giữa các nhóm dân cư, đòi hỏi phải bảo đảm nguyên tắc công bằng, minh bạch và đặt lợi ích tối cao của quốc gia – dân tộc lên trên hết, phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết trên cơ sở lợi ích chung.

Vấn đề giữ vững ổn định chính trị – xã hội và củng cố "thế trận lòng dân" trong bối cảnh mới: Quá trình sắp xếp đơn vị hành chính và thay đổi mô hình chính quyền có thể bị lợi dụng để kích động tư tưởng chia rẽ dân tộc, tôn giáo, do đó đặt ra yêu cầu mới đối với việc kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc với nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng miền núi, biên giới.

Vấn đề đổi mới nội dung, phương thức vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân: Sự biến đổi về cơ cấu xã hội, di cư, đô thị hóa và tác động của kinh tế thị trường đòi hỏi công tác mặt trận, công tác dân vận phải được đổi mới theo hướng linh hoạt, phù hợp với đặc điểm dân tộc, văn hóa và điều kiện thực tiễn của các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

Vấn đề phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong điều kiện tổ chức bộ máy mới: Việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ dừng ở kế thừa các nguyên lý cốt lõi, mà còn phải được bổ sung, phát triển về nội dung và phương thức thực hiện, đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương hiện đại và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh mới.

Như vậy, trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước hiện nay, các yếu tố thuận lợi, cơ hội và thời cơ đan xen với những khó khăn, thách thức đặt ra yêu cầu mới đối với chính quyền địa phương ở các tỉnh miền núi phía Bắc. Thực tiễn đó đòi hỏi các cấp chính quyền phải chủ động nghiên cứu, đổi mới tư duy và phương thức lãnh đạo, quản lý, thể hiện quyết tâm chính trị cao nhằm tận dụng hiệu quả các thời cơ, cơ hội do bối cảnh quốc tế và trong nước mang lại cho phát triển kinh tế – xã hội. Đồng thời, cần tăng cường năng lực dự báo, chủ động ứng phó và giải quyết kịp thời những vấn đề khó khăn, cấp bách nảy sinh từ thực tiễn, qua đó thúc đẩy phát triển toàn diện đời sống xã hội và củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

4.1.2. Yêu cầu mới đối với việc tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc

4.1.2.1. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân trong thực hiện đại đoàn kết dân tộc nhằm mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và đối ngoại nhân dân với các nước láng giềng.

Phát huy sức mạnh của toàn dân đi đôi với phát huy vai trò, trách nhiệm của mỗi cơ quan, tổ chức cá nhân trong xây dựng khối ĐĐKTDT tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới nhất định sẽ thành công.

Một là, đối với Đảng bộ các cấp

Quán triệt nguyên tắc Đảng bộ các cấp tại các tỉnh miền núi phía Bắc là lực

lượng lãnh đạo toàn diện chính quyền và xã hội. Tiếp tục xây dựng Đảng bộ các cấp và hệ thống chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh. Nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng bộ các cấp đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Huy động mọi tiềm lực khai thác có hiệu quả lợi thế, tiềm năng của các tỉnh miền núi phía Bắc, trong đó công nghiệp là trụ cột quan trọng; thương mại, du lịch, dịch vụ là đột phá; nông, lâm nghiệp, xây dựng nông thôn mới là trọng tâm. Tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân như Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn "các ngành phải nhận rõ vấn đề miền núi quan trọng. Ta không thể để cho đồng bào sống cực khổ mãi như thế được. Địch vẫn tìm cách len vào để phá ta. Về phía xã hội, kinh tế, chính trị, quân sự, miền núi rất quan trọng. Các ngành phải chú trọng tiến hành công tác ở miền núi" [68; tr.181]. Để thúc đẩy phát triển kinh tế các tỉnh miền núi phía Bắc, cần đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường liên kết kinh tế vùng và liên vùng, tổ chức không gian phát triển trên cơ sở hình thành 3 tiểu vùng, 5 hành lang kinh tế, 3 vành đai phát triển và 1 khu vực động lực, gắn với hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đa phương thức (đường bộ, đường sắt, đường sông). Trọng tâm là các hành lang kinh tế xuyên quốc gia và liên vùng như: Côn Minh – Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh; Nam Ninh – Lạng Sơn – Hà Nội – Hải Phòng; Lạng Sơn – Hà Nội – Thành phố Hồ Chí Minh – Mộc Bài (thuộc hành lang xuyên Á Nam Ninh – Singapore), qua đó khẳng định vai trò cửa ngõ kết nối Trung Quốc với Việt Nam và ASEAN. Đồng thời, phát triển các hành lang kinh tế nội vùng gồm: Lào Cai – Phú Thọ – Hà Nội; Lạng Sơn – Bắc Giang – Hà Nội; Điện Biên – Sơn La – Phú Thọ – Hà Nội; Hà Giang – Phú Thọ – Hà Nội; Cao Bằng – Thái Nguyên – Hà Nội, nhằm tăng cường kết nối giữa các tiểu vùng với Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, các cảng cửa ngõ và thị trường quốc tế, gắn với hình thành các trung tâm thương mại, trung chuyển, du lịch và từng bước xây dựng hạ tầng liên vận quốc tế. Mô hình liên kết này góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội, thu hẹp khoảng cách vùng miền, ưu tiên các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng biên giới và đồng bào dân tộc thiểu số. Các cấp uỷ đảng tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế đi đôi với quản lý và sử dụng tài nguyên hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái; chủ động phòng chống thiên tai và ứng phó

với biến đổi khí hậu.

Với các tỉnh miền núi, trình độ dân trí không đồng đều nên cần phải tập trung phát triển giáo dục và đào tạo, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS đặc biệt khó khăn; ứng dụng chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học công nghệ trong phát triển mọi mặt của đời sống xã hội.

Cần chú trọng phát triển KT - XH gắn với phát triển văn hoá, thể thao; phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh văn hoá, bản sắc văn hoá với tiếp thu văn hoá tiên tiến của nhân loại. Phát triển du lịch sinh thái, gắn với thế mạnh của các dân tộc bản địa tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Phát triển KT - XH gắn liền với tiến bộ, công bằng, an sinh, phúc lợi xã hội xã hội để phát huy tinh thần đoàn kết của nhân dân.

Một trong các nhiệm vụ trọng tâm của cấp uỷ đảng tại các tỉnh này là đảm bảo an ninh, quốc phòng; đảm bảo trật tự an toàn xã hội; mở rộng quan hệ hợp tác, đối ngoại với các quốc gia láng giềng, trong khu vực và trên thế giới theo diện đối ngoại nhân dân, đối ngoại Đảng, đối ngoại nhà nước trên tất cả các lĩnh vực cùng hợp tác và phát triển.

Phát huy sức mạnh ĐĐKTDT, thực hiện dân chủ XHCN, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường pháp chế XHCN. Phát huy vai trò của nhân dân và MTTQ VN và các tổ chức chính trị - xã hội.

Hai là, đối với MTTQ VN tại các tỉnh

Tiếp tục phát huy vai trò của MTTQVN trong xây dựng khối ĐĐKTDT với các nội dung sau:

Một là, tham gia xây dựng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các tổ chức chính trị – xã hội tham gia tích cực vào quá trình xây dựng Đảng và hệ thống cơ quan Nhà nước vững mạnh. Hoạt động trọng tâm được thể hiện qua việc chủ động góp ý đối với chủ trương, đường lối của Đảng và hệ thống pháp luật của Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan đến đại đoàn kết dân tộc, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa và củng cố đồng thuận xã hội. Đồng thời, các tổ chức này đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân;

tham gia đề xuất, phản biện đối với các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo luật của Nhà nước.

Bên cạnh đó, các tổ chức chính trị – xã hội còn tham gia góp ý với các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương về dự thảo nghị quyết, chỉ thị, báo cáo chính trị của Đại hội Đảng bộ các cấp; chủ động thực hiện vai trò trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, qua đó góp phần xây dựng bộ máy nhà nước hoạt động hiệu lực, hiệu quả và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hai là, tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm nắm chắc tình hình nhân dân tại địa phương, chủ động tuyên truyền, định hướng dư luận. Tuyên truyền việc triển khai thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT - XH của địa phương. Đổi mới, đa dạng hoá các hình thức vận động, tập hợp nhân dân phù hợp với đối tượng, tình hình cụ thể của địa phương. Vận động đoàn kết với các tôn giáo, các dân tộc, các vùng miền trong các địa phương.

Ba là, đổi mới, nâng cao chất lượng các cuộc vận động, các phong trào thi đua, yêu nước gắn với việc triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ của MTTQ trong các CTMTQG về xây dựng nông thôn mới, xoá đói, giảm nghèo bền vững.

Bốn là, nghiên cứu, hoàn thiện các chính sách tạo môi trường để nhân dân phát huy quyền làm chủ, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thường xuyên lắng nghe, phản ánh tâm tư nguyện vọng, đề xuất, kiến nghị chính đáng của nhân dân đến cấp uỷ đảng, chính quyền để giải quyết.

Năm là, triển khai có hiệu quả công tác giám sát và phản biện xã hội. Tập trung các vấn đề nổi cộm, có tác động và ảnh hưởng lớn đến đời sống của nhân dân để triển khai giám sát và phản biện xã hội.

Sáu là, củng cố MTTQVN, đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định. Hướng hoạt động về cơ sở, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong các tổ chức.

Bảy là, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác mặt trận đáp ứng với yêu cầu,

nhiệm vụ mới; tinh gọn bộ máy theo hướng hiệu quả, chuyên nghiệp. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ có bản lĩnh chính trị, có năng lực chuyên môn, tâm huyết, có trình độ đáp ứng với yêu cầu của thực tiễn.

Ba là, đối với các tổ chức chính trị - xã hội

Yêu cầu chung: Tiếp tục thực hiện đẩy mạnh "đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" gắn với các chương trình hành động của tỉnh uỷ các tỉnh thực hiện Nghị quyết của Trung ương theo từng giai đoạn, từng năm, từng đơn vị, từng cá nhân cụ thể. Đề ra kế hoạch học tập, có đánh giá, tổng kết, khen thưởng và rút kinh nghiệm. Xây dựng các mô hình, điển hình tiên tiến về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tạo sự lan toả rộng rãi, mạnh mẽ và sự chuyển biến trong nhận thức và việc làm, hành động của nhân dân các địa phương.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của MTTQ VN tại các tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội đáp ứng với yêu cầu của tình hình thực tiễn.

Cụ thể hoá các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn Hội CCB VN, Hội LHPNVN, Đoàn TNCSHCM, Hội Nông dân VN, Công đoàn VN về ĐĐKTDT phù hợp với điều kiện, phong tục tập quán, truyền thống văn hoá, từng đối tượng tại địa phương, không ngừng củng cố, mở rộng khối ĐĐKTDT tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội gắn với tuyên truyền quy chế dân chủ ở cơ sở. Thực hiện giám sát và phản biện xã hội; đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; làm thất bại mọi âm mưu "diễn biến hoà bình", "bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch; âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc; các hành vi lợi dụng tôn giáo để gây chia rẽ, chống phá nhà nước, chia rẽ dân tộc.

Phát huy và nêu cao tinh thần phòng, chống tham nhũng, thực hiện Nghị quyết TW 4 (Khoá XII, XIII) của Đảng về tăng cường và xây dựng chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự

chuyển hoá trong nội bộ.

Cùng đoàn kết, hỗ trợ các hội viên cùng phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo bền vững; tham gia các chương trình phát triển KT - XH của địa phương; vận động nhân dân chấp hành tốt và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các quy định của địa phương, đơn vị. Thực hiện động viên nhân dân tự nguyện tham gia vào các tổ chức CT-XH để các tổ chức đoàn thể ngày càng hùng hậu về lực lượng góp phần mở rộng, củng cố và tăng cường tại các địa phương.

Lắng nghe ý kiến của nhân dân, gần dân, giúp dân, thương dân, gắn bó mật thiết với nhân dân.

Yêu cầu cụ thể đối với từng tổ chức chính trị - xã hội

Đối với Hội Cựu chiến binh

Tích cực tham gia xây dựng Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ nhân dân. Tích cực tuyên truyền cho hội viên phát huy truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", quán triệt, thực hiện nghị quyết của Đảng bộ về "Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch", thực hiện Nghị quyết Đại hội CCB Việt Nam lần thứ VII; NQ số 25-NQ/TW và Kết luận số 23-KL/TW về *"Tăng cường đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới"*, cụ thể hoá bằng chương trình, kế hoạch thực hiện thống nhất trong toàn hội. Thực hiện các phong trào *"Cựu chiến binh gương mẫu giúp nhau làm kinh tế, cùng xoá đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống của hội viên*"; giúp đỡ nhân dân, làm nòng cốt trong mô hình bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, đội tự quản…

Đối với Đoàn TNCSHCM: Tiếp tục phát huy vai trò là cầu nối giữa Đảng, chính quyền và đoàn viên thanh niên. Chú trọng công tác tuyên truyền, vận động, nắm bắt, tập hợp, phản ánh tình hình của Đoàn viên; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động theo hướng sát dân, mạnh về cơ sở; đáp ứng nguyện vọng và lợi ích chính đáng của các đoàn viên. Cần làm tốt công tác giám sát và phản biện xã hội, đặc biệt đối với các vấn đề liên quan đến đời sống đoàn viên. Phát huy truyền thống và tinh thần đoàn kết giữa đoàn viên với đoàn viên; cơ quan đoàn thanh niên với đoàn

viên; phát huy ĐĐKTDT là chủ trương xuyên suốt, nhất quán của Đảng ta, tạo thành sức mạnh vô địch, xứng đáng là cánh tay phải đắc lực của Đảng.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động của tổ chức Đoàn, củng cố tổ chức Đoàn thực sự vững mạnh cả về tư tưởng, tổ chức và hành động. Tăng cường công tác giáo dục, đi đầu trong công tác giáo dục thiếu niên, nhi đồng, xây dựng lớp thanh niên giàu lòng yêu nước, có hoài bão, có ý chí khát vọng và cống hiến. Chia sẻ, quan tâm, chăm lo đến các thanh niên yếu thế vươn lên trong cuộc sống.

Phát huy mạnh mẽ vai trò xung kích, tình nguyện, tiên phong, sáng tạo của đoàn viên, thanh niên hăng hái thi đua học tập giỏi, lao động tốt, khởi nghiệp, làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại trong hội nhập quốc tế, chuyển đổi số quốc gia.

Đối với Hội Nông dân: Tiếp tục thực hiện phát huy vai trò của người nông dân, hội viên trong thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, không ngừng nâng cao đời sống của nông dân tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Tiếp tục tuyên truyền chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về các vấn đề của đất nước, của địa phương đặc biệt là các vấn đề về nông nghiệp, nông thôn đến với nông dân.

Đối với Liên đoàn Lao động tỉnh: Với vai trò là tổ chức đại diện cho giai cấp công nhân, là bộ phận cấu thành quan trọng trong hệ thống chính trị. Công đoàn cần làm tốt hơn nữa vai trò nòng cốt chính trị góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Làm tốt công tác vận động, tập hợp CBVC, NLĐ đẩy mạnh các phong trào thi đua, yêu nước, thực hành dân chủ, đồng thuận xã hội để góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu chính trị của đất nước, của tỉnh trong giai đoạn mới.

Công đoàn cấp tỉnh cần phải kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc của người lao động, đơn thư khiếu nại, tố cáo; phát huy quy chế dân chủ phát huy quyền làm chủ của công nhân, viên chức, người lao động, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của CBVC, NLĐ. Cán bộ công đoàn cần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, tinh thần trách nhiệm với công việc.

Đối với Hội Liên hiệp Phụ nữ:

Là tổ chức quy tụ đoàn kết phụ nữ các tỉnh trong việc chăm lo mọi mặt của chị em phụ nữ. Tiếp tục thực hiện các chức năng hỗ trợ chị em phụ nữ cùng nhau phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo, chăm lo xây dựng gia đình, con cái; bảo tồn các làng nghề truyền thống của các dân tộc thiểu số, giới thiệu, bán các sản phẩm ra thị trường; nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ học vấn, kỹ năng, nghiệp vụ cho các chị em phụ nữ trong chăm sóc sức khoẻ, học tập, thực hiện bình đẳng giới; xoá bỏ các hủ tục lạc hậu. Tổ chức nhiều hoạt động, các cuộc thi cho chị em phụ nữ. Thực hiện bình đẳng nam nữ tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Cụ thể hoá các chính sách của Đảng và nhà nước liên quan đến phụ nữ để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của chị em phụ nữ.

Đối với các tầng lớp nhân dân khác: Thực hiện ĐĐKTDT với các giai cấp, tầng lớp nhân dân phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong xây dựng, phát triển KT - XH, đảm bảo quốc phòng, an ninh, thực hiện chuyển đổi số, rút ngắn khoảng cách giàu nghèo, khoảng cách vùng, xoá bỏ các hủ tục lạc hậu, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi.

Các giai cấp, tầng lớp và nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc là các chủ thể, là lực lượng quyết định xây dựng và phát triển KT - XH, đảm bảo an ninh, quốc phòng góp phần xây dựng khối ĐĐKDT theo TTHCM trong tình hình mới. Mỗi giai cấp, tầng lớp sẽ thực hiện các nhiệm vụ khác nhau, có vai trò khác nhau trong xây dựng khối ĐĐKDT.

Giai cấp công nhân: Là giai cấp chiếm đa số trong cơ cấu xã hội – giai cấp tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Hiện nay, giai cấp công nhân có xu hướng tăng nhanh về số lượng, nâng cao về chất lượng theo hướng đáp ứng với yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và sự phát triển KT - XH tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Giai cấp công nhân trong tình hình mới cần phát huy truyền thống đoàn kết với giai cấp nông dân và tầng lớp nhân dân lao động khác dưới sự lãnh đạo của Đảng để thực hiện sự phát triển công nghiệp tại địa phương theo hướng hiện đại. Là lực lượng lãnh đạo, lực lượng tiên phong trong quá trình thực hiện CNH, HĐH đất nước. GCCN tại các tỉnh miền núi phía Bắc cần phải nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ, thấm nhuần các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, TTHCM về ĐĐKDT, thực hiện

các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển KT - XH, giữ vững an ninh, quốc phòng tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Giai cấp nông dân: Cùng với GCCN, GCND tại các tỉnh miền núi phía Bắc là lực lượng đông đảo, chiếm số đông trong xã hội, trên 52% dân số và có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển KT - XH và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Là chủ thể phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác và hợp tác xã, giữ gìn các ngành nghề truyền thống và phát triển, giữ gìn truyền thống, bản sắc văn hoá các dân tộc Việt Nam và các dân tộc thiểu số tại các tỉnh miền núi phía Bắc. GCND tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, lao động, sáng tạo với GCCN và các tầng lớp nhân dân lao động khác nhằm thực hiện phát triển nông nghiệp, giúp đỡ nhau cùng trong sản xuất, nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên đất đai, sử dụng nguồn vốn do nhà nước cho vay có hiệu quả; không ngừng ứng dụng và áp dụng thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ mới vào sản xuất và quảng bá sản phẩm; gắn sản xuất nông nghiệp với các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm thân thiện và bảo vệ môi trường sinh thái. Hiện nay, GCCN có xu hướng ngày một nâng cao về trình độ, có sự chuyển dịch mạnh mẽ trong các ngành nghề. Tuy nhiên, trong tình hình mới đòi hỏi GCND không ngừng học tập, nâng cao trình độ về lý luận, hiểu biết để nâng cao năng suất lao động, tăng giá trị các sản phẩm nông nghiệp/diện tích đất canh tác; thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng số để phát triển KT - XH, đáp ứng yêu cầu mới của xã hội. GCND các tỉnh miền núi phía Bắc cần xoá bỏ các phương thức canh tác lạc hậu, tư tưởng mạnh mún, sản xuất nhỏ lẻ, du canh, du cư.

Đội ngũ doanh nhân: Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức được vai trò của giới công thương Việt Nam trong thi đua yêu nước, đặc biệt trong trào thi đua yêu nước để "Diệt giặc đói, Diệt giặc dốt, Diệt giặc ngoại xâm". Theo Hồ Chí Minh giới công thương Việt Nam là một bộ phận của khối ĐĐKTDT, của công thương cứu quốc đoàn là một thành viên của Mặt trận Việt Minh, nằm trong của hệ thống chính trị của Việt Nam. Hồ Chí Minh xác định nhiệm vụ của công thương là xây dựng nền kinh tế và tài chính vững vàng và thịnh vượng là nhiệm vụ xuyên suốt, quan trọng hàng đầu; đoàn kết để thi đua làm những việc ích nước, lợi dân "Việc nước việc nhà bao giờ

cũng đi đôi với nhau. Nền kinh tế quốc dân thịnh vượng nghĩa là các sự kinh doanh của các nhà công thương nghiệp thịnh vượng"[60; tr.53] đòi hỏi giới công thương tiếp tục đoàn kết vào hội "công - thương cứu quốc đoàn"[60; tr.53] dưới sự lãnh đạo của Đảng vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ủng hộ đất nước, khôi phục và phát triển kinh tế. Người khẳng định Chính phủ và nhân dân và bản thân Hồ Chí Minh sẽ tận tâm giúp đỡ công thương trong công cuộc kiến thiết đất nước. Trải qua quá trình phát triển, tầng lớp doanh nhân tại Việt Nam nói chung, các tỉnh miền núi nói riêng có xu hướng tăng lên về số lượng và chất lượng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Là lực lượng năng động, nhạy bén với sự phát triển của xã hội, có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm cho các lao động tại địa phương tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, 09/12/2011 của Bộ chính trị về *"Xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế"* đặt ra cho doanh nhân tại các tỉnh miền núi phía Bắc yêu cầu và nhiệm vụ mới: Đoàn kết doanh nhân với giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng tạo thành sức mạnh tổng hợp trong việc tạo chuỗi liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm tại địa phương góp phần phát triển KT - XH tại các địa phương. Trước bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, cạnh tranh ngày càng gay gắt đòi hỏi đội ngũ doanh nhân, đặc biệt là doanh nhân là dân tộc thiểu số cần phải nâng cao kiến thức kinh doanh, hiểu biết về pháp luật, chấp hành pháp luật, nâng cao trình độ quản lý, khả năng cạnh tranh; phát huy tinh thần đoàn kết, yêu nước, vì lợi ích của dân tộc; phát huy tính năng động, hiệu quả, đổi mới sáng tạo trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và ý thức trách nhiệm với xã hội; chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp; từng bước nâng cao uy tín, thương hiệu sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp, nâng cao khả năng tiếp cận thị trường. Không ngừng tìm hiểu pháp luật quốc tế nhằm hợp tác với các đối tác Trung Quốc và Lào để thúc đẩy kim ngạch xuất nhập khẩu các sản phẩm địa phương, tạo thương hiệu, uy tín của các sản phẩm trong nước đến với bạn bè quốc tế. Doanh nhân tại các tỉnh miền núi phía Bắc cần quán triệt theo quan điểm *"Tâm - Tài - Cống*

hiến - Phụng sự Tổ quốc - Đồng hành cùng dân tộc", tiếp tục thực hiện cuộc vận động "*Học tập và làm theo tấm gương, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh",* phong trào "*Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam*" và các phong trào thi đua khác. Phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, phát huy tài – trí – tâm của doanh nhân và Hiệp hội doanh nhân Việt Nam góp phần thực hiện mục tiêu ích nước, lợi dân, xây dựng các tỉnh miền núi phía Bắc ngày càng phát triển. Tổng Bí thư Tô Lâm ghi nhận những đóng góp to lớn của kinh tế tư nhân đối với ngân sách nhà nước trong bài phát biểu *"Phát triển kinh tế tư nhân - đòn bẩy cho một Việt Nam thịnh vượng"* khẳng định "với gần một triệu doanh nghiệp, khoảng 5 triệu hộ kinh doanh cá thể, khu vực kinh tế tư nhân hiện đóng góp khoảng 51% GDP, hơn 30% ngân sách nhà nước, tạo ra hơn 40 triệu việc làm, chiếm hơn 82% tổng số lao động trong nền kinh tế, đóng góp gần 60% vốn đầu tư toàn xã hội"[149].

Đội ngũ trí thức: Lực lượng này có xu hướng tăng về số lượng và chất lượng so với những năm 2010. Là lực lượng tiên phong trong việc truyền bá tri thức, truyền bá hệ tư tưởng, luôn khát khao tìm hiểu những cái mới. Tầng lớp trí thức là đội ngũ tinh hoa, là nguồn lực chất lượng cao; lực lượng nòng cốt, có vai trò quan trọng trong việc tiếp nhận, ứng dụng khoa học, công nghệ vào phục vụ cho sự nghiệp sản xuất và tham mưu cho các cơ quan ban ngành cụ thể hoá, triển khai đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước vào thực tiễn cuộc sống. Trước yêu cầu mới của sự phát triển đòi hỏi đội ngũ trí thức đoàn kết với các GCCN, GCND và các tầng lớp khác đứng trong hàng ngũ của MTTQ Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng trong phát triển KT - XH tại địa phương, góp phần quan trọng vào công tác xoá đói, giảm nghèo. Nước ta đang trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, thực hiện CNH, HĐH đất nước, hội nhập quốc tế, khoa học công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, hàm lượng tri thức trong các sản phẩm lao động ngày càng tăng lên đòi hỏi tầng lớp trí thức tại các tỉnh miền núi phía Bắc không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, phát huy truyền thống đoàn kết, yêu nước đi đầu trong chuyển giao công nghệ, tạo ra những phát minh, sáng chế, đi sâu tìm hiểu nghiên cứu xây dựng các mô hình và các giải pháp hiệu quả trong phát triển về công - nông - lâm - ngư nghiệp

giúp thay đổi cuộc sống của nhân dân miền núi phía Bắc.

Người uy tín: Tính đến nay toàn vùng núi phía Bắc đã bầu chọn được 22.695 người có uy tín đại diện cho các lứa tuổi, các thành phần, dân tộc với cương vị công tác khác nhau, trên mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội. Người uy tín tại các tỉnh miền núi phía Bắc có vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, quy định của địa phương đến nhân dân, đặc biệt là già làng, trưởng thôn, trưởng bản tại các địa phương. Trong tình hình mới của đất nước, người uy tín là nòng cốt trong các phong trào thi đua yêu nước, là hạt nhân trong khối ĐĐKDT, trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Người có uy tín ở địa phương cần tích cực hơn nữa trong công tác phối hợp với cấp ủy, chính quyền, MTTQ các cấp và đoàn thể cơ sở tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến các tầng lớp nhân dân và vận động con cháu, gia đình, dòng họ chấp hành tốt pháp luật, ký cam kết phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Tiếp tục bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, an ninh biên giới. Người uy tín thật sự là điểm tựa của đồng bào dân tộc thiểu số trên mọi phương diện như trong việc xóa đói, giảm nghèo, chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; vận động đồng bào hăng say thi đua lao động sản xuất, xây dựng nông thôn mới; góp phần xây dựng và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc.

Đội ngũ người có uy tín tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm gương mẫu trong lời nói và việc làm để gia đình, dòng họ, thôn bản, cộng đồng noi gương và làm theo; tích cực phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện nếp sống văn hóa mới, xóa bỏ những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan; vận động, giáo dục con cháu trong gia đình, dòng họ, thôn, bản… tham gia các tổ tự quản đường biên, cột mốc, phối hợp với Bộ đội Biên phòng, Công an tổ chức tuần tra, bảo vệ biên giới... tiếp tục tuyên tuyền cho nhân dân giữ gìn các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, lễ hội truyền thống được người có uy tín lưu giữ và phát huy bản sắc, điển hình, như Lễ hội Gầu Tào của dân tộc H'Mông, Lễ hội Lồng Tồng của dân tộc Tày, Nùng, hát Then của dân tộc Tày, hát Sình Ca của Dân tộc Cao Lan,

dân ca Soọng Cô của dân tộc Sán Dìu, lễ hội Chợ tình Khâu Vai của dân tộc Nùng, lễ hội cầu mưa của dân tộc Lô Lô ở Hà Giang, lễ cấp sắc của người Dao. Nâng cao trình độ, ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai công tác đến công tác ĐĐKDT. Đổi mới phương pháp tuyên truyền, vận động nhân dân trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Đồng bào các dân tộc thiểu số: Đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, hăng hái thi đua để xây dựng và phát triển kinh tế, tự mình vươn lên xoá đói, giảm nghèo, nâng cao ý thức cảnh giác và kiên quyết đấu tranh chống mọi âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch hòng lợi dụng vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, nhân quyền, để gây chia rẽ khối ĐĐKTDT.

Trong tình hình mới, đồng bào DTTS tại các tỉnh miền núi phía Bắc thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; của địa phương nơi cư trú; cần nâng cao trình độ học vấn, văn hoá để tích cực chủ động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh; không trông chờ, thụ động; khơi dậy ý chí vượt khó vươn lên, nuôi dưỡng khát vọng làm giàu chính đáng; hội nhập cùng phát triển với đất nước; đồng lòng, chung sức cùng với cả nước phấn đấu xây dựng đất nước ta ngày càng giàu đẹp, nhân dân ta có cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc. "Từ ngày hoà bình lập lại, Nhà nước ta đã giúp đỡ các dân tộc anh em tiến bộ thêm về mặt kinh tế, văn hoá và xã hội. Các dân tộc đoàn kết chặt chẽ dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đang hăng hái thi đua xây dựng nước nhà. Chính sách dân tộc của chúng ta là nhằm thực hiện sự bình đẳng giúp nhau giữa các dân tộc để cùng nhau tiến lên chủ nghĩa xã hội…"[68, tr.372]. Hồ Chí Minh nhấn mạnh phải xây dựng khối đoàn kết giữa các dân tộc thiểu số. Người cho rằng: "Nhờ sức đoàn kết tranh đấu chung của tất cả các dân tộc, nước Việt Nam ngày nay được độc lập, các dân tộc thiểu số được bình đẳng cùng dân tộc Việt Nam, tất cả đều như anh chị em trong một nhà, không còn có sự phân chia nòi giống, tiếng nói gì nữa. Trước kia các dân tộc để giành độc lập phải đoàn kết, bây giờ để giữ lấy nền độc lập càng cần đoàn kết hơn nữa…"[60; tr.130]. Đồng bào các DTTS tích cực tham gia xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đảng, chính quyền, MTTQ, các đoàn thể nhân dân; tích

cực tự bồi dưỡng, phấn đấu trở thành đảng viên là người dân tộc thiểu số, nhất là ở những vùng trọng điểm, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới; góp phần xây dựng tổ chức Đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở ngày càng vững mạnh, làm tròn trách nhiệm lãnh đạo ở cơ sở.

Đáng chú ý, đồng bào các DTTS tích cực tham gia xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với thế trận lòng dân vững chắc. Chủ động giải quyết tốt mọi mâu thuẫn, vướng mắc phát sinh ngay từ cơ sở; tạo sự đồng thuận, xây dựng thôn bản đoàn kết, bình yên, phát triển; kiên quyết không để xảy ra các "điểm nóng", "điểm phức tạp" về an ninh, trật tự. Giữ gìn và tăng cường mối quan hệ hợp tác, đoàn kết, hữu nghị với nhân dân nước bạn ở vùng biên giới trên tinh thần "gây sự thân thiện giữa ta và Trung Quốc, nhất là dân tộc ở các miền biên giới Việt Nam và Trung Quốc"[60; tr.130].

Thanh niên, thiếu niên, nhi đồng

Thanh niên tại các tỉnh miền núi phía Bắc cần đoàn kết, phát huy truyền thống xung kích, tự giác học tập suốt đời để nâng cao trình độ, thích ứng với cái mới; tích cực khởi nghiệp, lập thân, lập nghiệp; thi đua học tập, sáng tạo, làm chủ khoa học công nghệ. Gương mẫu cho các thiếu niên, nhi đồng noi theo, đồng thời thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục các em nhi đồng tại địa phương. Làm chủ khoa học công nghệ hiện đại trong thời kỳ chuyển đổi số, hội nhập quốc tế. Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quảng bá, tiêu thụ sản phẩm OCOP, sản phẩm khởi nghiệp, kỹ năng kinh doanh trên sàn điện tử. Tiên phong trong các phong trào tình nguyện, chung tay xây dựng nông thôn mới. Đoàn kết, giúp đỡ thanh niên với thanh niên vùng đồng bào DTTS, thanh niên yếu thế tự tin, vươn lên hoà nhập, chủ động, sáng tạo trên mọi mặt vươn lên trong cuộc sống. Tích cực học tập, rèn luyện, đoàn kết trong trường, lớp, thực hiện 05 điều Bác Hồ dạy.

Các lực lượng vũ trang nhân dân (Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, Hải quân, Dân quân tự vệ).

Tại các tỉnh miền núi phía Bắc, lực lượng vũ trang nhân dân giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm quốc

phòng, an ninh và an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân. Trước yêu cầu của tình hình mới, các lực lượng này cần không ngừng củng cố sự đoàn kết nội bộ, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân, phát huy phương châm gần dân, trọng dân và vì dân phục vụ. Việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại là yêu cầu tất yếu nhằm đáp ứng hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và phục vụ nhân dân trong giai đoạn hiện nay.

Các cụ cao tuổi

Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò của người cao tuổi trong giáo dục con cháu truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chia sẻ những kinh nghiệm, kỹ năng, lòng yêu nước, động viên các con cháu thi đua, yêu nước, tham gia nhập ngũ giải phóng dân tộc. Làm gương cho con, cháu trong mọi hoạt động và đoàn kết trong tổ chức của các cụ phụ lão. Người viết các bậc phụ lão "khua gậy đi trước" "cần phải đoàn kết trước để làm gương cho con cháu chúng ta" tham gia "phụ lão cứu quốc hội"[60; tr.23-24] và khẳng định vai trò của các cụ phụ lão đối với dân tộc, đất nước "Đất nước hưng thịnh do phụ lão giúp sức. Đất nước bị mất phụ lão cứu. Đất nước suy sụp phụ lão phù trì. Nước nhà hưng, suy, tồn, vong phụ lão đều gánh trách nhiệm rất nặng nề… Đối với gia đình, đối với Tổ quốc, phụ lão có trọng trách là bậc tôn trưởng. Đối với làng xóm, đối với bà con, phụ lão có sự tín nhiệm lớn lao. Phụ lão hô, nhân dân hưởng ứng; phụ lão làm, nhân dân làm theo…"[59; tr.232]. Trong TTHCM, người cao tuổi là những người có kinh nghiệm, uy tín, là người lao động cần cù, sáng tạo trong xây dựng gia đình, quê hương, đất nước, là người dám hy sinh thân mình cho độc lập tự do của dân tộc. Họ chính là những người trực tiếp làm nên lịch sử, gìn giữ bảo tồn các giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Động viên, khuyến khích con cháu tham gia bộ đội và thanh niên xung phong; giữ gìn trật tự trị an làng xóm; giúp đỡ dân quân, tăng gia sản xuất, trồng cây gây rừng; cổ động bà con đặt hũ gạo chống Mĩ cứu nước, tiên phong trong các phong trào học tập *"bình dân học vụ"*; là những chiến sĩ cao tuổi vừa cầm gậy, tay cầm dao giết giặc....

Nhận thức được vai trò của các cụ phụ lão đối với đất nước. Đảng ta đặc biệt quan tâm đến người cao tuổi. Tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng yêu cầu: "Phát huy trí

tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, học tập của người cao tuổi trong xã hội, cộng đồng và gia đình. Tiếp tục xây dựng gia đình kiểu mẫu "ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền, vợ chồng hòa thuận, anh chị em đoàn kết, thương yêu nhau". Kính trọng, bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi. Bảo trợ, giúp đỡ người cao tuổi gặp khó khăn, cô đơn không nơi nương tựa"…

Trong bối cảnh hiện nay, người cao tuổi tại các tỉnh miền núi phía Bắc giữ vai trò quan trọng trong việc bảo tồn, gìn giữ và truyền thụ các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc, đặc biệt là tri thức dân gian, nghề thủ công truyền thống, làn điệu dân ca, phong tục, tập quán tốt đẹp, cũng như những kinh nghiệm sống quý báu cho các thế hệ kế tiếp. Với những đóng góp to lớn trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, người cao tuổi tiếp tục là lực lượng có uy tín, ảnh hưởng tích cực trong cộng đồng. Thông qua việc tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, đổi mới sáng tạo, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và chăm sóc sức khỏe, người cao tuổi phát huy tinh thần chủ động, tự lực. Việc củng cố và phát triển tổ chức Hội Người cao tuổi, gắn với phát huy truyền thống "Tuổi cao chí càng cao", có ý nghĩa quan trọng trong việc nêu gương, lan tỏa các giá trị tốt đẹp, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.

4.1.2.2. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong việc giải quyết các vấn đề tiềm ẩn nguy cơ gây chia rẽ, mất đoàn kết, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kì mới, đòi hỏi chính quyền và nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc vận dụng sáng tạo những quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, TTHCM và của ĐCSVN về ĐĐKTDT. Đồng thời, giải quyết các vấn đề tiềm ẩn, có nguy cơ gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ, chia rẽ dân tộc trong tình hình mới đó là các vấn đề về nâng cao trình độ dân trí, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, suy thoái về tư tưởng chính trị đạo đức, "*tự diễn biến, tự chuyển hoá"*, các tệ nạn xã hội, vi phạm dân chủ, tình trạng buôn lậu, xoá đói, giảm nghèo, chậm phát triển, lạc hậu về KT - XH, sự phân hoá giàu nghèo, phai nhạt lý tưởng, vi phạm pháp luật, tham ô, tham nhũng, lợi dụng tôn giáo

thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; mặt trái của cơ chế thị trường, tình trạng ô nhiễm môi trường, phân hoá giàu nghèo. Tình trạng lạc hậu về khoa học công nghệ, thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, đảm bảo chủ quyền, quốc gia, sắp xếp, tinh gọn bộ máy. Vấn đề giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, tiêu thụ các sản phẩm cho người dân, phát triển KT- XH bền vững gắn với giữ gìn, đảm bảo môi trường sinh thái với giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc… những vấn đề đòi hỏi cần phải giải quyết, đây là những vấn đề khó khăn cần phải thực hiện sự quyết tâm của cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương cần nghiêm túc thực hiện.

4.2. Quan điểm tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc

4.2.1. Kiên định quan điểm "Đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược, là vấn đề sống còn" gắn với phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Đại đoàn kết các dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc là chiến lược lâu dài, thường xuyên tạo thành sức mạnh làm nên thắng lợi trong công cuộc phát triển KT - XH, đảm bảo an ninh, quốc phòng góp phần thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Các cấp uỷ Đảng, chính quyền, MTTQ các cấp và các tổ chức đoàn thể nhân dân cần nhận thức và quán triệt quan điểm đại đoàn kết dân tộc là một chiến lược lâu dài xuyên suốt quá trình xây dựng và phát triển các địa phương tại các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay. Củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc sẽ tạo nên sức mạnh có vai trò đặc biệt quan trọng quyết định mọi thắng lợi của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo bền vững, đảm bảo an ninh, quốc phòng, nâng cao đời sống của nhân dân góp phần thực hiện CNH, HĐH đất nước, thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CHXH.

Với các tỉnh miền núi phía Bắc, điều này cần được thể hiện qua giảm nghèo đa chiều, phát triển sinh kế xanh, kinh tế nông nghiệp hàng hóa, du lịch cộng đồng, kinh tế biên mậu; tăng cường kết nối hạ tầng và nguồn lực vùng. Các chính sách phải hướng đến thu hẹp khoảng cách phát triển với bình quân cả nước – điều kiện quan trọng để củng cố đoàn kết bền vững. Mặt khác, trước bối cảnh trong nước và thế giới

đang có những thời cơ thuận lợi cho sự phát triển vì vậy, đồng bào các tỉnh miền núi phía Bắc cần đoàn kết để thực hiện các nhiệm vụ quan trọng như chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào mọi mặt của đời sống xã hội, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Tuy nhiên, đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi phía Bắc cần phải sáng suốt để đối phó với những âm mưu phá hoại, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc dưới chiêu bài xâm lăng văn hoá, lợi dụng tôn giáo…dưới mọi hình thức. Tăng cường giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc nhằm phát triển du lịch xanh, bền vững.

Cần quán triệt quan điểm củng cố đoàn kết ở không gian biên giới và địa bàn chiến lược. Xác định biên giới là phên dậu của Tổ quốc, đoàn kết cộng đồng dân cư biên giới là nhân tố trực tiếp bảo đảm ổn định chính trị, an ninh – quốc phòng, chủ quyền lãnh thổ. Phát huy vai trò bà con các dân tộc, già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc tôn giáo trong tham gia bảo vệ đường biên, mốc giới, phòng chống tội phạm, buôn lậu. Tăng cường hữu nghị – hợp tác nhân dân vùng biên với Trung Quốc và Lào, xây dựng khu vực biên giới hòa bình, hợp tác và phát triển.

4.2.2. Xây dựng Đảng bộ các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội xứng tầm nhiệm vụ, gần dân, sát dân, phát huy vai trò nòng cốt đoàn kết

Muốn xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc cần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, trong sạch, đủ tâm – tài – tầm để lãnh chỉ đạo xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới. Đảng các cấp, chính quyền địa phương, MTTQ VN và các tổ chức chính trị xã hội không ngừng đổi mới trong phương thức hoạt động, nắm bắt tình hình thực tiễn trên tinh thần gần dân, sát dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, vận động nhân dân, huy động sức dân – tài dân để xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

4.2.3. Quán triệt quan điểm "Lấy dân làm gốc", bảo đảm lợi ích của nhân dân và phát huy vai trò chủ thể của đồng bào dân tộc thiểu số.

Đây là quan điểm bất di, bất dịch trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vì mọi sự thành bại của cách mạng đều do nhân dân. Quan điểm lấy dân làm gốc vừa đảm bảo tự do dân chủ, bình đẳng vừa phát huy nội lực của các dân tộc miền núi phía

Bắc. Muốn đoàn kết lâu dài, đoàn kết phải chân thành thật sự phải đảm bảo các lợi ích, đặt lợi ích của dân tộc, của nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc lên hàng đầu, đảm bảo lợi ích chính đáng của cá nhân. Trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân bảo đảm lợi ích cao nhất của quốc gia, dân tộc, hiện thực hóa khát vọng xây dựng đất nước cường thịnh, phồn vinh hạnh phúc, phấn đấu trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045. Đặt nhân dân vào vị trí trung tâm, coi dân là gốc. Phát huy sự tham gia thực chất của người dân trong xây dựng chính sách; trao quyền cho cộng đồng; bồi dưỡng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số; phát huy "người có uy tín", già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo; tạo cơ chế để đồng bào trở thành động lực nội sinh của sự phát triển.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18/02/1998 về việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở để cụ thể hoá Nghị quyết Trung ương 3, khóa VIII về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đặc biệt ở cơ sở đặt dưới cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ". Thực hiện tốt các chính sách dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới. Cần thực hiện phương châm "nghe dân nói – nói dân hiểu – làm dân tin"; tôn trọng phong tục, luật tục tiến bộ; kết hợp hài hòa quản lý nhà nước với quản lý cộng đồng. Đây là giải pháp quan trọng để xử lý các vấn đề xã hội phức tạp như tranh chấp đất đai, an ninh biên giới, di cư tự do, tệ nạn ma túy, buôn lậu…

4.2.4. Lấy điểm tương đồng làm mẫu số chung trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc tiếp tục nghiên cứu, vận dụng sáng tạo, cụ thể hoá quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, TTHCM về vấn đề dân tộc và đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới. Bám sát quan điểm, chủ trương của Đảng về vấn đề ĐĐKTDT để cụ thể hoá những quan điểm đó thông qua nghị quyết, kế hoạch, chỉ thị, đề án của từng tỉnh, đảm bảo không rập khuôn, máy móc, phù hợp với đặc điểm lịch sử, điều kiện KT - XH, phong tục, tập quán, truyền thống văn hoá của nhân dân từng địa phương.

Đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng bộ các cấp trong quy tụ ĐĐKTDT, trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức với

toàn thể nhân dân trong tỉnh nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn thể nhân dân trong phát triển KT - XH và đảm bảo an ninh, quốc phòng, biển đảo của tổ quốc.

Quán triệt quan điểm lịch sử cụ thể, quan điểm thực tiễn, quan điểm toàn diện trong xây dựng khối ĐĐKTDT tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới. Hiện nay, nước ta thực hiện chính sách ĐĐKTDT để phát triển nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN, CNH, HĐH đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, đẩy mạnh đột phá về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới, sáng tạo và đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia. Trong tình hình mới, các quan hệ dân tộc – giai cấp, các thành phần kinh tế biến đổi nhanh chóng, sự đa dạng của các thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu, cạnh tranh gay gắt, xuất hiện nhiều giai cấp, tầng lớp với nhiều lợi ích khác nhau. Điều này đặt ra cho chính quyền các địa phương làm thế nào để vừa đoàn kết để phát triển lại vừa giải quyết những yếu tố phát sinh trong quá trình phát triển tại các tỉnh này. Vì thế, các tỉnh cần quán triệt quan điểm ĐĐKTDT trên cơ sở lấy điểm tương đồng làm mẫu số chung; đặt lợi ích của dân tộc, lợi ích chính đáng của nhân dân lên trên hết. Điểm tương đồng của nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc thể hiện trên tất cả mọi phương diện của đời sống xã hội, cụ thể: Về kinh tế: điểm tương đồng là xoá đói, giảm nghèo bền vững; phấn đấu trở thành địa bàn có động lực, năng động, vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, vì lợi ích chung (lợi ích của đất nước, dân tộc với lợi ích chính đáng của cá nhân, của nhân dân, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh". Về chính trị: Điểm tương đồng là ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, biên giới, biển đảo tại các tỉnh miền núi phía Bắc nhằm thực hiện khát vọng xây dựng một nước Việt Nam hùng cường thịnh vượng, văn minh, có vị thế xứng đáng trong cộng đồng quốc tế, dựa trên ý chí tự chủ, tự cường, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Về tư tưởng: Điểm tương đồng là các truyền thống tốt đẹp của dân tộc đặc biệt là truyền thống yêu nước, truyền thống đoàn kết dựa nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác – Lênin, TTHCM. Về văn hoá, tín ngưỡng điểm tương đồng là giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; giữ gìn truyền thống uống nước nhớ nguồn, thờ cúng tổ tiên và người có công với đất nước; tôn trọng tự do tín ngưỡng. Theo Hồ Chí Minh,

cần phải thực hiện ĐĐKTDT trên cơ sở hội tụ, kết hợp của các yếu tố: Đường lối chủ trương đúng đắn và biện pháp thực hiện tốt và kế hoạch. Có kế hoạch là một phần, biện pháp nhân đôi và quyết tâm nhân ba mới hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

4.2.5. Quán triệt quan điểm "Cầu đồng, tồn dị", chân thành, tự phê bình và phê bình, đoàn kết phải trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ.

Đối với nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc cần phải hiểu đồng bào, sống với đồng bào một cách chân thành, gần dân, giúp dân. Dân hiểu và tin vào cán bộ. Đây là một nét rất đặc thù đối với các dân tộc miền núi phía Bắc, điều đó đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện trong quá trình tập hợp nhân dân, đồng bào đi theo Đảng, Bác Hồ đấu tranh giành độc lập cho dân tộc. Lấy cái chung, mục tiêu chung của dân tộc, của địa phương làm điểm tương đồng để hạn chế những khác biệt về văn hoá, trình độ. Xoá bỏ sự mặc cảm, tự ti, thành kiến để cùng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thêm vào đó, muốn đoàn kết được lâu dài cần phải thi đua, phải đấu tranh bằng việc tự phê bình và phê bình càng ngày càng đoàn kết và càng tiến bộ.

Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa các dân tộc "bình đẳng – đoàn kết – tương trợ" phải tiếp tục được cụ thể hóa bằng cơ chế, chính sách phù hợp: phát triển kinh tế vùng dân tộc thiểu số; nâng cao chất lượng giáo dục – y tế; mở rộng khả năng tiếp cận nguồn lực; tăng cường giao lưu, hòa nhập giữa các cộng đồng. Đặc biệt, nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ.

4.2.6. Quan điểm tăng cường giáo dục chính trị – tư tưởng và xây dựng niềm tin xã hội, tạo sự đồng thuận xã hội trong nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc.

Đoàn kết chỉ bền vững khi nhân dân có niềm tin vào Đảng, Nhà nước và chính quyền cơ sở. Vì vậy, các tỉnh cần đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục lịch sử – văn hóa các dân tộc; nhân rộng mô hình "giáo dục truyền thống đoàn kết" trong trường học, cộng đồng; đấu tranh phản bác thông tin xấu độc; củng cố hệ thống chính trị cơ sở, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới.

4.3. Giải pháp tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới

4.3.1. Nhóm giải pháp về nhận thức

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của từng cá nhân, từng tổ chức trong xã hội trong xây dựng khối ĐĐKTDT tại các tỉnh miền núi phía Bắc là điều kiện cần thiết đảm bảo sự vận dụng sáng tạo TTHCM về ĐĐKTDT trong tình hình mới.

4.3.1.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc theo tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với từng đối tượng

Các cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương cần cụ thể hoá các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, TTHCM về các chính sách dân tộc và ĐĐKTDT;

Triển khai sâu rộng các bài viết, các công trình nghiên cứu có giá trị, các bài viết, các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về ĐĐKTDT, tổ chức các cuộc thi, tham gia các phong trào thi đua, các cuộc vận động tìm hiểu về tấm gương, đạo đức, phong cách của Bác đến toàn thể nhân dân bằng nhiều hình thức khác nhau, phù hợp với từng đối tượng.

Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân để nâng cao nhận thức của nhân dân về ĐĐKTDT cần phải phù hợp, cụ thể, thiết thực với đối tượng, tâm lý, trình độ nhận thức của từng đối tượng cần tuyên truyền. Cán bộ tuyên truyền lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp, cách thức, biện pháp sao cho phù hợp với từng đối tượng. Nêu cao tính tự giác trong việc nhận thức của nhân dân về ĐĐKTDT là vấn đề cốt lõi làm cho đồng bào tin tưởng vào Đảng, nhà nước và chính quyền địa phương các cấp. Để họ tin tưởng vào chủ trương, chính sách ĐĐKTDT của Đảng, Bác Hồ họ sẽ nâng cao nhận thức của mình về vị trí, vai trò của xây dựng khối ĐĐKTDT. Muốn thực hiện tốt vấn đề này, cần tập trung vào các giải pháp sau:

Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của chủ thể trong thực hiện khối ĐĐKTDT tại các tỉnh miền núi phía Bắc đến toàn thể nhân dân. Nhận thức vị trí, vai

trò, tầm quan trọng về ĐĐKTDT cần được triển khai, lan toả đến tất cả mọi người dân trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần xây dựng địa phương ngày càng phát triển.

Trong quá trình triển khai, cấp uỷ, chính quyền địa phương cần bám sát thực tiễn, tình hình, địa bàn, đối tượng, phong tục tập quán của dân tộc để có cách ứng xử phù hợp. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc bằng các hình thức phù hợp với đặc thù miền núi; chú trọng tuyên truyền trực quan, sinh hoạt cộng đồng và đối thoại trực tiếp nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong toàn xã hội. *(ND02; ND03; PV01; PV03).* Tôn trọng sự khác biệt trong văn hoá, ngôn ngữ, lợi ích, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, đặc biệt là dân ở khu vực đồng bào DTTS.

Các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương cần làm tốt công tác phân công, sử dụng, bố trí, đào tạo cán bộ các cấp, đặc biệt là cán bộ làm công tác liên quan đến hoạch định, phát triển KT - XH và các cán bộ làm công tác tuyên giáo phải có sự am hiểu, đào tạo chuyên sâu về các chuyên ngành phù hợp, đặc biệt là chuyên ngành về Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Xây dựng Đảng…. Cần tạo điều kiện, chú trọng đào tạo cán bộ tại các địa phương, vùng đồng bào DTTS để am hiểu tiếng nói, chữ viết, văn hóa, phong tục tập quán ở địa phương vừa thuận lợi cho quá trình triển khai công tác vừa là cầu nối giữa Đảng, chính quyền với nhân dân.

Hình thức và phương pháp tuyên truyền cần giản dị, dễ hiểu, hấp dẫn quần chúng theo phong cách Hồ Chí Minh. Trong bối cảnh hiện nay, đòi hỏi cán bộ giúp nhân dân nâng cao nhận thức về TTHCM về ĐĐKDT phải đảm bảo tính trung thực, không tô vẽ thêm, không hiện đại hoá TTHCM; cần nghiên cứu kỹ TTHCM về vấn đề đại đoàn kết dân tộc, phải nắm được cái "cốt", bản chất, linh hồn trong hệ thống tư tưởng của Người. Cần liên hệ với thực tiễn, vận dụng TTHCM về ĐĐKDT một cách sáng tạo, bổ sung các điều kiện lịch sử, thực tiễn của thời đại, làm cho giá trị tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh được lan toả, thấm sâu vào tâm khảm của các chủ thể nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc và biến thành hành động cụ thể

trong đời sống hàng ngày. Đối với đồng bào DTTS tại vùng sâu, vùng xa cần kết hợp công tác vận động tuyên truyền về đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, kế sinh nhai, TTHCM về ĐĐKTDT có thể sử dụng các tuyên truyền viên là giáo viên, bộ đội biên phòng, đảng viên, người uy tín… sẽ mang lại hiệu quả tốt.

4.3.1.2. Nâng cao nhận thức của nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc thực hiện đoàn kết dân tộc trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bình đẳng các dân tộc, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số.

Nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc cần nâng cao nhận thức của mình trong thực hiện đoàn kết giữa Đảng, chính quyền với nhân dân trong sáng tạo, đổi mới, chuyển đổi số trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm phát triển KT - XH, xoá đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Nâng cao nhận thức của nhân dân thông qua động viên nhân dân đoàn kết để thực hiện các mục tiêu quan trọng về phát triển KT - XH, thực hiện chuyển đổi số quốc gia. Chuyển đổi số phải được diễn ra toàn diện, đồng bộ trên mọi lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, y tế, quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Đảng uỷ và chính quyền các địa phương tại miền núi phía Bắc tiếp tục cụ thể hóa đường lối Đại hội XIII của Đảng, ngày 22/12/2024 Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW "Về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia". Đồng thời lấy cảm hứng từ phong trào "Bình dân học vụ" do Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi xướng, Quyết tâm đưa Nghị quyết số 57-NQ/TW đi vào cuộc sống, rất nhiều địa phương đã triển khai đẩy mạnh chuyển đổi số như TP Hạ Long đã nhanh chóng phát động phong trào "*Bình dân học vụ số*"(21/3/2025) và xây dựng kế hoạch, giao nhiệm vụ cụ thể cho cấp ủy, chính quyền các cấp trong toàn thành phố. Mục tiêu cốt lõi mà thành phố đặt ra là hoàn thành các mục tiêu chuyển đổi số; từ đó xây dựng và hình thành nên những công dân số, đô thị thông minh, trung tâm sáng tạo và phát triển của tỉnh và khu vực Đông Bắc[150].

4.3.1.3. Nâng cao nhận thức của nhân dân về tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc thông qua các cuộc thi, các cuộc vận động lớn của đất nước và địa phương về tư tưởng Hồ Chí Minh và thi đua yêu nước.

Đảng uỷ và các cấp chính quyền địa phương tiếp tục nâng cao hiểu biết, nhận thức của nhân dân thông qua việc thực hiện các cuộc vận động, các phong trào của ĐCSVN phát động; các phong trào, kế hoạch của địa phương một cách thiết thực, hiệu quả, đi vào đời sống của nhân dân, gắn với chức trách, nhiệm vụ được giao. Cấp uỷ cụ thể hoá Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về "Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh "đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm cho việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả thực chất, phong trào *"Toàn dân xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư", "Ngày đại đoàn kết toàn dân"* theo nhiều hình thức phong phú, đa dạng gắn với các cuộc thi tìm hiểu về Bác, xem phim tư liệu, kể chuyện về cuộc đời của Bác, tổ chức tham quan thực tế "*Hành trình về nguồn*" thăm các di tích lịch sử của đất nước, các địa danh gắn với quá trình hoạt động của Bác; các buổi sinh hoạt chuyên đề tại cơ quan, sinh hoạt chi bộ, gắn với công việc cụ thể hàng ngày của toàn thể nhân dân với các chủ đề phong phú, đa dạng, cụ thể, thiết thực, hiệu quả.

Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn. Nâng cao nhận thức cho thế hệ trẻ về ĐĐKTDT theo TTHCM qua việc giáo dục thông môn lịch sử, giáo dục công dân ở bậc tiểu học và THCS; môn giáo dục kinh tế và pháp luật, lịch sử, văn học ở bậc học THPT; Ở bậc học cao đẳng, đại học, sau đại học có các học phần lý luận chính trị, đặc biệt là học phần tư tưởng Hồ Chí Minh. Để đạt được hiệu quả cao, đòi hỏi có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là ngành giáo dục và đào tạo cần phải đổi mới, cập nhật kiến thức, phương pháp giảng dạy của giảng viên và trang bị đầy đủ các trang thiết bị dạy học trong nhà trường hiện nay. Thông qua các lễ hội truyền thống, lễ hội văn hoá, họp tổ dân phố…

góp phần kết nối nhân dân trong và ngoài tỉnh, gần nhau, hiểu nhau.

Tuyên truyền cho nhân dân luôn nêu cao trách nhiệm nêu gương trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí, tự lực, tự cường dân tộc, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh trong đó tập trung đến đối tượng là cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu.

4.3.2. Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách

Hoàn thiện hệ thống chính sách dân tộc theo hướng toàn diện và đặc thù đối với các tỉnh miền núi phía Bắc

Cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến dân tộc thiểu số theo hướng: nhất quán, đồng bộ, dễ tiếp cận và sát thực tiễn. Đồng thời, nâng cao vai trò giám sát và phối hợp liên ngành của Ủy ban Dân tộc, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc triển khai các chương trình dân tộc.

Chính sách phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Phát triển kinh tế cần gắn với khai thác lợi thế bản địa (dược liệu, nông nghiệp hữu cơ, du lịch sinh thái, nghề truyền thống), hỗ trợ tín dụng, khởi nghiệp cho đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng liên kết vùng, nhất là giao thông và logistics, tạo động lực lan tỏa phát triển.

Chính sách giáo dục và nâng cao dân trí. Mở rộng hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, trường bán trú, chính sách cử tuyển. Đổi mới nội dung giáo dục theo hướng tích hợp tinh thần đại đoàn kết, lịch sử dân tộc và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tăng cường đào tạo nghề và giáo dục hướng nghiệp tại chỗ.

Chính sách bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc. Tăng cường hỗ trợ phục dựng lễ hội, bảo tồn tiếng nói, chữ viết, trang phục, làng nghề truyền thống của các dân tộc. Tạo điều kiện để đồng bào dân tộc chủ động trong xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần nâng cao ý thức cộng đồng và niềm tự hào dân tộc.

Chính sách cán bộ dân tộc thiểu số. Xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số gắn với quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng hợp lý. Bảo đảm có đại diện dân tộc thiểu số trong các cơ quan lãnh đạo tại địa phương,

nhất là ở cấp cơ sở.

Chính sách an sinh xã hội, y tế và môi trường. Bảo đảm quyền tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng cho đồng bào vùng sâu, vùng xa; hỗ trợ bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh lưu động, đào tạo cán bộ y tế tại chỗ. Đồng thời, lồng ghép các chương trình phát triển với bảo vệ môi trường sinh thái và thích ứng biến đổi khí hậu.

Chính sách đối với cán bộ làm công tác Mặt trận tại thôn, bản, người uy tín, già làng, trưởng bản tại các tỉnh miền núi phía Bắc có tính đặc thù vùng biên giới, hải đảo.

Thực tiễn khảo sát tại các tỉnh miền núi phía Bắc cho thấy, già làng, trưởng bản và người có uy tín giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc vận động quần chúng, hòa giải mâu thuẫn ở cơ sở, duy trì sự ổn định xã hội và gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc. Đây là lực lượng có ảnh hưởng lớn trong cộng đồng, được nhân dân tin tưởng và lắng nghe, nhất là trong điều kiện trình độ dân trí không đồng đều và phong tục, tập quán truyền thống còn tác động sâu sắc đến đời sống xã hội. Tuy nhiên, kết quả phỏng vấn cũng phản ánh rõ những bất cập về cơ chế, chính sách đối với lực lượng này, làm hạn chế hiệu quả phát huy vai trò trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Nhiều ý kiến cho rằng, trong giải quyết các mâu thuẫn phát sinh ở cộng đồng, tiếng nói của già làng, trưởng bản thường có sức thuyết phục cao hơn so với cán bộ hành chính. Một người dân tại Hà Giang cho biết: "Có tranh chấp đất rừng thì dân nghe trưởng thôn hơn, cán bộ nói nhiều khi dân chưa nghe" (ND04). Tương tự, tại các địa bàn có nhiều dân tộc cùng sinh sống, người có uy tín được xem là "cầu nối" quan trọng trong hòa giải, giúp giữ gìn tình làng, nghĩa xóm và sự đoàn kết giữa các dân tộc: "Già làng, trưởng bản giải thích cho dân hiểu, để hai bên hòa thuận, không thù hằn lẫn nhau" (ND10).

Tuy nhiên, thực tiễn khảo sát cũng cho thấy, đội ngũ già làng, trưởng bản, người có uy tín hiện nay chưa được hưởng các chính sách hỗ trợ tương xứng với vai trò và trách nhiệm được giao. Một trưởng ban công tác Mặt trận cơ sở phản ánh: "Người uy tín ở thôn bản hiện nay không có hỗ trợ gì, trong khi việc vận động, hòa

giải rất vất vả" (ND07). Ở góc độ cán bộ cơ sở, nhiều ý kiến cho rằng chế độ phụ cấp thấp và thiếu cơ chế động viên đã ảnh hưởng đến mức độ tham gia và sự nhiệt tình của lực lượng này trong các phong trào đoàn kết: "Phụ cấp cho cán bộ thôn bản còn thấp nên sự nhiệt tình cũng bị ảnh hưởng" (PV05). Từ những kết quả phỏng vấn trên, có thể khẳng định rằng việc hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với già làng, trưởng bản, người có uy tín là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới. Trên cơ sở đó, cần tập trung vào một số nội dung cụ thể sau:

Một là, hoàn thiện và cụ thể hóa hệ thống chính sách đối với cán bộ Mặt trận ở thôn, bản theo hướng thống nhất, đồng bộ và phù hợp đặc thù miền núi. Cần tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị định 33/2023/NĐ-CP; bảo đảm phụ cấp, kinh phí hoạt động, chế độ kiêm nhiệm và điều kiện làm việc cho Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư; tăng hỗ trợ cho các thôn, bản vùng sâu, vùng xa, biên giới. Xây dựng cơ chế ghi nhận và đãi ngộ phù hợp đối với già làng, trưởng bản, người có uy tín, bao gồm hỗ trợ kinh phí hoạt động, phụ cấp trách nhiệm và các hình thức khen thưởng kịp thời, nhằm khuyến khích họ tích cực tham gia công tác vận động quần chúng và hòa giải ở cơ sở (ND07; PV05).

Hai là, tăng cường bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ Mặt trận cơ sở. Nội dung bồi dưỡng tập trung vào kỹ năng tuyên truyền, vận động nhân dân, hòa giải, giám sát cộng đồng và tổ chức các phong trào thi đua; khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương pháp dân vận gắn với đặc thù dân tộc thiểu số. Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng vận động quần chúng và hòa giải cộng đồng cho già làng, trưởng bản, người có uy tín, giúp họ phát huy tốt hơn vai trò trong việc giữ gìn đoàn kết, ổn định xã hội và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số (ND04; PV04).

Ba là, thực hiện đầy đủ và linh hoạt chính sách đối với người uy tín, già làng, trưởng bản theo Quyết định 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định 28/2023/QĐ-TTg. Các tỉnh cần bảo đảm kinh phí hỗ trợ, kịp thời thăm hỏi, động viên; tăng cường cung cấp

thông tin, tài liệu, thời sự; mở rộng các hoạt động tham quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm cho đội ngũ này.

Bốn là, phát huy vai trò người uy tín trong xây dựng khối đại đoàn kết và phát triển kinh tế – xã hội. Cần tạo điều kiện để họ tham gia vào các chương trình mục tiêu quốc gia, vận động nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng – vật nuôi, xây dựng nông thôn mới, giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ đường biên, mốc giới; đồng thời kịp thời khen thưởng, tôn vinh các mô hình, điển hình tiên tiến. Tạo điều kiện để lực lượng này tham gia sâu hơn vào các hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở, đặc biệt là công tác Mặt trận, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến nhân dân, phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục của từng cộng đồng dân tộc (ND01; ND10; PV04).

Năm là, tăng cường phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc, chính quyền địa phương và các đoàn thể trong quản lý, sử dụng và phát huy nguồn lực của đội ngũ cán bộ Mặt trận và người uy tín. Đẩy mạnh kiểm tra, đánh giá định kỳ việc thực hiện chính sách; bổ sung chính sách phù hợp biến động dân cư, đặc thù dân tộc và yêu cầu nhiệm vụ chính trị từng địa bàn.

4.3.3 Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện

Xây dựng khối ĐĐKDT tại các tỉnh miền núi phía Bắc là sự quyết tâm, đoàn kết của cả hệ thống chính trị, không bỏ sót một lực lượng nào, đặc biệt trong tình hình mới của đất nước càng cần đoàn kết hơn nữa trở thành một lực lượng vật chất to lớn thực hiện mục tiêu chung của đất nước và địa phương. Để đạt được các mục tiêu lớn, cần tập trung vào các giải pháp sau:

4.3.3.1. Đối với sự lãnh đạo của Đảng các cấp và chính quyền địa phương tại các tỉnh miền núi phía Bắc

Tại các tỉnh miền núi phía Bắc một số cấp uỷ đảng, chính quyền tại địa phương còn lúng túng trong chỉ đạo, triển khai công tác về thực hiện ĐĐKTDT. Vì vậy, để khắc phục những tồn tại, đáp ứng với yêu cầu của tình hình mới, các cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương tại các tỉnh miền núi phía Bắc cần thực hiện các giải pháp sau:

Một là, tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng các cấp. Đảng lãnh đạo chính quyền toàn diện, đáp ứng với điều kiện thực tiễn của địa phương, là "lực lượng nòng cốt" trong xây dựng khối ĐĐKTDT. Là nơi quy tụ sức mạnh ĐĐKTDT. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, ngang tầm nhiệm vụ mới. Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tổ chức. Nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức Đảng, nâng cao chất lượng của đảng viên, nhất là đảng viên giữ chức vụ trong hệ thống chính trị. Các cấp uỷ đảng tại địa phương cần bình tĩnh, đối phó với những khó khăn, biến đổi. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và mạnh mẽ, CNH, HĐH đất nước, chuyển đổi số các cấp uỷ Đảng cần tập trung lãnh chỉ đạo toàn diện, chính quyền và huy động sức mạnh ĐĐKTDT thực hiện các nhiệm vụ, thực hiện các mục tiêu đã đề ra nhằm phát triển KT - XH, đảm bảo an ninh, quốc phòng góp phần thực hiện các mục tiêu của quốc gia, thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao đời sống và văn hoá của nhân dân "Chủ nghĩa xã hội là không ngừng nâng cao đời sống vật chất và đời sống văn hoá của nhân dân"[69, tr.193].

Về phát triển KT - XH. Tuyên truyền, vận động nhân dân đoàn kết thực hiện mục tiêu phát triển KT - XH, bảo đảm an ninh, quốc phòng đã đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp qua các nhiệm kì từ năm 2010 đến 2025, cải thiện đời sống của nhân dân, xoá đói giảm nghèo bền vững, góp phần tăng cường và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

Phát huy hiệu quả mọi nguồn lực, lợi thế của địa phương như truyền thống yêu nước, truyền thống đoàn kết, địa lý, kinh tế, chính trị ổn định, tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, đặc biệt là tiềm năng khoáng sản, du lịch. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với an ninh, quốc phòng, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển ổn định, lâu dài. Tăng cường các thiết chế văn hoá, thể thao đảm bảo an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, rút ngắn khoảng cách giữa các vùng miền trong cả nước và trên thế giới. Tăng cường khoa học và công nghệ, thực hiện đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội phục vụ cho CNH, HĐH đất nước, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành và phục vụ phát triển sản xuất và phát triển KT - XH, nâng

cao đời sống của nhân dân. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp, tạo bước chuyển biến về hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính. Sẵn sàng đối phó và nâng cao cảnh giác trước những âm mưu chia rẽ khối ĐĐKTDT của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

Các giải pháp chủ yếu nhằm phát triển kinh tế

Các cấp uỷ Đảng cần tập trung chỉ đạo phát triển các ngành kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp – dịch vụ - nông nghiệp gắn với công nghiệp hoá, hiện đại hoá dựa trên các điều kiện thực tiễn của mỗi địa phương. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế. Xây dựng các đề án, đẩy mạnh liên kết kinh tế. Bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái. Thu hút các nhà đầu tư triển khai xây dựng và phát triển các khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp tập trung. Chú trọng ban hành các cơ chế thu hút nhằm đầu tư vào các khu công nghiệp, hình thành các cụm công nghiệp mới. Thúc đẩy và nâng cao các chất lượng xây dựng cơ bản, tiến độ các dự án và các công trình trọng điểm, tập trung từ nguồn vốn ngân sách, đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư vào cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế. Tăng cường công tác thanh - kiểm tra, giám sát, phân cấp quản lý đầu tư, nâng cao chất lượng của các công trình, dự án.

Phát triển nông – lâm – ngư nghiệp và kinh tế nông thôn. Theo Hồ Chí Minh chú ý đến nông nghiệp một cách hợp lý, thực hiện phát triển theo hướng chuyên canh "chú ý đến nông nghiệp miền núi. Miền núi phải phát triển mạnh nông nghiệp, tiến dần thành những vùng nông nghiệp mới'[69, tr.213]. Thực hiện khoanh vùng nông nghiệp, nơi nào sản xuất nhiều chè thì chuyên sản xuất chè là chính…để thuận lợi cho sản xuất, nguồn nhân lực, máy móc…"bần nông, trung nông đoàn kết một nhà"[69, tr.215]. Các tỉnh miền núi cần phát triển nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững, thân thiện với môi trường đáp ứng nhu cầu và thị hiếu ngày càng cao của người tiêu dùng. Gắn sản xuất với chế biến, thị trường và giải quyết các vấn đề nông dân và nông thôn. Ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp nhằm tăng năng suất, chất lượng của các sản phẩm từ nông nghiệp. Phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ và vùng chuyên môn hoá. Đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm, giữ diện tích trồng lúa, phát triển lâm nghiệp bền vững, tăng tỷ lệ che phủ rừng. Phát triển đánh bắt, nuôi trồng thuỷ, hải sản đa dạng, phong phú và phát triển hậu cần nghề cá và chế biến thuỷ, hải sản tại

tỉnh Quảng Ninh.

Quy hoạch nông thôn mới. Xây dựng hạ tầng kinh tế đồng bộ; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập cho nông dân. Chú ý đẩy mạnh công nghiệp, dịch vụ về nông thôn. Quan tâm đến kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt là lao động ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS và phát triển ngành nghề theo thế mạnh của địa phương, chú ý giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động tại các địa phương.

Nâng cao hiệu quả của công tác xoá đói, giảm nghèo bền vững, thu hẹp khoảng cách chênh lệch giàu nghèo trong dân cư tại địa phương, trong vùng. Cần nghiên cứu mô hình sản xuất phù hợp, đổi mới hình thức và tổ chức sản xuất có hiệu quả, tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận với vốn, khoa học công nghệ và các dịch vụ công khác.

Có chính sách khuyến khích, đãi ngộ, khen thưởng nhằm nâng cao trình độ của cán bộ làm công tác nông nghiệp, nông dân, nông thôn để họ yên tâm phục vụ nông dân tại các tỉnh miền núi phía Bắc lâu dài, ổn định. Phấn đấu nhiều xã đạt được các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, xoá đói, giảm nghèo trên địa bàn các tỉnh, giảm tỷ lệ xã đói nghèo, tăng xã đạt tiêu chí nông thôn mới.

Thúc đẩy phát triển dịch vụ thương mại, kinh tế cửa khẩu, du lịch, vận tải biển, vận tải đường bộ, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng, hàm lượng công nghệ cao. Đối với các tỉnh miền núi phía Bắc có thế mạnh đều giáp với Trung Quốc, riêng tỉnh Điện Biên giáp Trung Quốc và Lào nên thuận lợi cho phát triển kinh tế, hợp tác song phương về vận tải, dịch vụ thương mại và phát triển du lịch giữa các tỉnh miền núi phía Bắc với Trung Quốc và Lào. Đồng thời phát huy thế mạnh về phát triển du lịch đa dạng như du lịch tâm linh Cao Bằng, Điện Biên; du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hoá lịch sử tại các tỉnh miền núi phía Bắc; Phát triển các khu du lịch lớn, trọng điểm quốc gia, quốc tế như Sa Pa. Phát triển các khu du lịch leo núi tại Quảng Ninh, Hà Giang, Lào Cai. Xây dựng nét đẹp văn hoá truyền thống thành các khu du lịch bản sắc, độc đáo, phát triển các đặc sản địa phương gắn với phát triển du lịch.

Mở rộng và phát triển đến các vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa các

dịch vụ bưu chính, viễn thông, điện thoại, mạng internet giúp nhân dân tiếp cận với công nghệ thông tin, phát triển sản xuất.

Phát triển các siêu thị, trung tâm thương mại ở các tỉnh. Tập trung xây dựng thành phố cửa khẩu giữ vai trò là đầu mối giao lưu với Trung Quốc, Lào với ASEAN… Tăng dần tỷ trọng xuất khẩu chính ngạch qua lối mở, cửa khẩu, cải cách các thủ tục thông quan; phát huy tối đa lợi thế vị trí "cầu nối" đối với các hành lang kinh tế cửa khẩu tại các tỉnh miền núi phía Bắc như Quảng Tây, Côn Minh (Trung Quốc) – Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh (Việt Nam), Riêng tỉnh Điện Biên giáp cửa khẩu với cả 02 nước là Trung Quốc và Lào (Phía tây giáp tỉnh Phôngsali và phía nam giáp tỉnh Luang Prabang của Lào) với các cửa khẩu quốc tế Tây Trang (Việt Nam) – Pang Hốc (Xốp Hùn) (Lào) và cửa Khẩu Huổi Puốc – Na Son; giáp Trung Quốc có cửa khẩu A Pa Chải – Long Phú với quy mô là cửa khẩu Quốc gia có điều kiện thuận lợi để Điện Biên trở thành điểm đầu mối trung chuyển hàng hóa của các tỉnh phía Bắc Việt Nam xuất nhập khẩu hàng hóa với thị trường các tỉnh Bắc Lào và khu vực Tây Nam, Trung Quốc và Myanmar. Các cửa khẩu quốc tế trở thành nơi trung chuyển hàng hoá lớn của cả nước.

Quản lý tốt thị trường tại các khu vực, đặc biệt là khu vực nông thôn, vùng khó khăn để đảm bảo các hàng hoá thiết yếu và tránh tình trạng hàng giả, hàng kém chất lượng, không để tình trạng khan hiếm hàng hoá, giá cả tăng đột biến. Tiết kiệm chi ngân sách nhà nước, chống lãng phí, đảm bảo thu, chi ngân sách đúng, đủ theo quy định. Tập trung đầu tư vốn cho các công trình, dự án hạ tầng KT - XH trọng điểm tại các tỉnh. Tạo điều kiện cho các ngân hàng hoạt động, vay vốn cho mọi đối tượng. Đẩy mạnh thanh toán điện tử hạn chế sử dụng tiền mặt chống lạm phát và góp phần phòng, chống tham nhũng.

Tăng cường quản lý, bảo vệ môi trường sinh thái. Đẩy mạnh tuyên truyền cho nhân dân có sự chuyển biến trong nhận thức và hành động trong thực hiện chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển, dự án đầu tư bảo vệ môi trường. Kiểm soát ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Phát động các phong trào bảo vệ môi trường và khắc phục tình trạng suy thoái môi trường ở các khu công nghiệp, cải thiện môi

trường ven biển.

Phát huy lợi thế vùng, miền, đẩy mạnh hợp tác kinh tế quốc tế và kinh tế vùng. Phát huy thế mạnh của từng vùng, địa phương; tăng cường liên kết giữa các địa phương, tập trung vào 03 vùng: Vùng đô thị, vùng nông thôn, vùng núi, biên giới. Đối với vùng đô thị là động lực để hỗ trợ các vùng khác phát triển. Vùng nông thôn: Tăng cường ứng dụng các tiến bộ của khoa học công nghệ vào nâng cao năng suất lao động, tăng hàm lượng trí tuệ/sản phẩm, hướng tới sản xuất sản phẩm hữu cơ, chất lượng cao, phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng, xây dựng nông thôn mới, đạt các tiêu chí nông thôn mới. Vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa tiếp tục đẩy mạnh khai thác đất rừng, chăn nuôi gia súc, buôn bán, kinh tế trang trại. Vùng ven biển và biển tập trung nuôi trồng, khai thác, đánh bắt thuỷ, hải sản, phát triển du lịch sinh thái.

Tăng cường hợp tác với các tỉnh Quảng Tây, Vân Nam và một số địa phương khác của Trung Quốc, Lào, với các tỉnh miền Duyên hải, vùng trọng điểm kinh tế trọng điểm Bắc bộ, vùng đồng bàng sông Hồng, TP Hải Phòng.

Phát triển xây dựng về kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị. Thực hiện quy hoạch tổng thể hạ tầng khoa học, hiện đại, đồng bộ, hoàn chỉnh phục vụ cho công tác phát triển KT- XH tại địa phương. Nâng cấp các tuyến đường giao thông, đặc biệt là các tuyến đường giao thông vùng tiềm năng phát triển du lịch. Huy động nguồn vốn từ nhiều nguồn để đầu tư hạ tầng giao thông, ưu tiên các dự án liên kết vùng của tỉnh. Nâng cấp các tuyến quốc lộ, cao tốc, tỉnh lộ, các tuyến giao thông huyết mạch, giao thông tại các khu công nghiệp; xây dựng đường dây trọng tải điện đến các đảo, vùng sâu, vùng xa.

Xây dựng các thiết chế văn hoá – xã hội như nhà hát, trung tâm thể thao, bảo tàng, thư viện, nhà triển lãm và một số các thiết chế văn hoá tại địa phương. Hoàn thành xây dựng các khu vui chơi, sinh hoạt cho nhân dân, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa. Xây dựng các trường học kiên cố phục vụ, đáp ứng với yêu cầu giảng dạy, đào tạo ngày 02 buổi. Hoàn thiện, cải tạo, xây mới bệnh viện phục vụ công tác khám chữa bệnh cho nhân dân. Xây dựng nhà chung cư, nhà ở cho người có thu nhập thấp.

Cải thiện môi trường đầu tư, huy động nguồn lực đầu tư; phát triển các thành phần kinh tế, chú trọng đến kinh tế tư nhân.

Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, huy động nguồn lực đầu tư phục vụ cho sự phát triển KT - XH như đơn giản hoá các thủ tục hành chính, thực hiện chế độ 1 cửa, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào địa phương. Nâng cao năng lực quản lý gắn với chuyên môn hoá quy trình giải quyết thủ tục hành chính. Công khai hoá, minh bạch các quy trình, thủ tục hành chính và giải quyết kiến nghị của doanh nghiệp, địa phương đồng thời quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ngành, địa phương, công chức ở khâu tiếp nhận, xử lý, khuyến khích các doanh nghiệp đăng kí kinh doanh online, nộp, trả kết quả bằng dịch vụ bưu chính, công ích nhằm giảm chi phí, thời gian cho doanh nghiệp. Huy động nguồn lực tối đa cho sự phát triển; chú trọng huy động các đối tác lớn.

Khuyến khích đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Có chính sách đào tạo, khuyến khích về vật chất và tinh thần, thu hút đối với lao động có chuyên môn cao về công tác tại địa phương các tỉnh miền núi phía Bắc.

Phát triển các thành phần kinh tế thích ứng với cơ chế thị trường, định hướng XHCN, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển. Tôn trọng và phát huy quyền tự do kinh doanh theo pháp luật của mọi công dân. Các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh đều được bình đẳng trước pháp luật, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Quan tâm đến kinh tế tư nhân và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển gắn với quản lý đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên. Phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng chú trọng đến các hợp tác xã. Tại các tỉnh miền núi phía Bắc các mô hình hợp tác xã, trang trại, gia trại phát huy hiệu quả cho bà con hợp tác xã viên. Phát triển các thị trường bất động sản và thị trường lao động. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đào tạo nghề, dịch vụ, giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động. Tổ chức các hội trợ kết hợp với giới thiệu quảng bá sản phẩm, hội chợ việc làm, giới thiệu việc làm, khuyến khích người lao động tự tạo việc làm.

Về phát triển văn hoá - xã hội

Nâng cao hiệu quả, chất lượng của công tác thông tin, tuyên truyền. Tuyên truyền cho nhân dân đoàn kết, đồng lòng cùng thực hiện mục tiêu nâng cao trách nhiệm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá truyền thống của gần 40 dân tộc trong các tỉnh miền núi phía Bắc, tiếp thu tinh hoa của văn hoá nhân loại để làm đa dạng, phong phú thêm văn hoá dân tộc. Có ý thức, trách nhiệm và đầu tư kinh phí trong bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, di tích cách mạng, di tích văn hoá, các giá trị văn hoá phi vật thể. Phát triển các hình thức nghệ thuật truyền thống. Bảo tồn các làng cổ, nghề truyền thống mang đậm đặc trưng văn hoá của đồng bào như làng của người Mông, Người Dao, Người Tày, Người Lô lô… Gắn phát triển văn hoá đi đôi với phát triển kinh tế, chính trị với giữ gìn, bảo tồn các giá trị văn hoá, không làm mai một các giá trị văn hoá dưới tác động của cơ chế thị trường và sự xâm lăng về văn hoá gắn với cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá mới"*. Cần đấu tranh chống lại các biểu hiện lợi dụng văn hoá hòng chia rẽ khối ĐĐKTDT.

Loại bỏ những hủ tục lạc hậu, ăn ở mất vệ sinh trong sinh hoạt của đồng bào DTTS. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhắc nhở các xã viên cần phải đoàn kết, ăn ở hợp vệ sinh, xoá nạn mù chữ, tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao "xã viên phải đoàn kết chặt chẽ, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau… nông dân có ăn no, mặc ấm, nhà cửa cao ráo, giữ gìn vệ sinh, xoá nạn mù chữ, bổ túc văn hoá, tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao".

Đổi mới, nâng cao chất lượng của công tác giám sát và phản biện xã hội của nhân dân, nâng cao chất lượng của các đội ngũ cán bộ và các cơ quan phát thanh, báo chí, truyền hình. Ngăn chặn việc lợi dụng mạng internet để tuyền truyền, chống phá, xuyên tạc nhà nước, tư tưởng phản động, lối sống không lành mạnh, đặc biệt là thế hệ trẻ. Tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong nhân dân.

Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới là nhiệm vụ cấp bách, thường xuyên, lâu dài. Nỗ lực đổi mới giáo dục và đào tạo, thực hiện xã hội học tập, tự học tập suốt đời theo tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Giáo dục con người Việt Nam toàn diện vừa hồng, vừa

chuyên chú trọng giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức; giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc, trong đó chú trọng giáo dục truyền thống đoàn kết cho thế hệ trẻ; giáo dục kỹ năng, tư duy độc lập, sáng tạo, có tác phong công nghiệp. Có ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới. Bổ sung, tăng cường nguồn lực cho công tác giáo dục và đào tạo đảm bảo trang thiết bị, cơ sở vật chất tại các trường học trên địa bàn tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Nâng cao công tác khuyến học, xây dựng xã hội học tập, phổ cập giáo dục cấp học. Đặc biệt chú trọng công tác dạy học nhằm nâng cao dân trí, trong đó có đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa. Có chính sách thu hút, đãi ngộ, "giữ chân" trọng dụng nhân tài có trình độ cao về công tác tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân. Tăng cường công tác y tế dự phòng. Đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao, nâng cao sức khoẻ và tăng thể lực cho nhân dân. Nâng cao trình độ của y, bác sĩ, đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân.

Tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, tích cực nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vào mọi mặt, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đây là giải pháp mang ý nghĩa quyết định trong sự phát triển KT - XH tạo các tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay vì giải quyết các vấn đề tiết kiệm thời gian, công sức, tiền bạc của nhân dân. Thuận lợi cho công tác quản lý góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý hành chính tại các địa phương và xây dựng nền hành chính hiện đại. Chuyên nghiệp, nhanh gọn góp phần giảm thiểu các tiêu cực trong giải quyết các thủ tục hành chính.

Giải quyết tốt các vấn đề xã hội khác. Quan tâm, đảm bảo chính sách quyền lợi cho người lao động theo bộ luật Lao động hiện hành. Đẩy mạnh công tác xoá đói, giảm nghèo bền vững, nghiên cứu tạo kế sinh nhai phù hợp với từng khu vực, đối tượng để cải thiện đời sống của nhân dân, đặc biệt là DTTS. Chăm lo cho người cao tuổi, động viên người uy tín để họ làm tốt chức trách, nhiệm vụ là "điểm tựa" cho con cháu và của đồng bào, nhân dân. Thực hiện chính sách với người có công, gia đình thương binh, liệt sĩ. Đẩy mạnh, ngăn ngừa, phòng chống tệ nạn xã hội, buôn lậu, buôn

bán người qua biên giới, đặc biệt là tội phạm ma tuý.

Đảm bảo quốc phòng – an ninh, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền đất liền, biên giới, hải đảo do các tỉnh miền núi phía Bắc quản lý.

Đây là nhiệm vụ, trọng trách lớn lao mà Đảng, nhà nước tin tưởng giao phó cho nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc. Phát huy truyền thống đoàn kết đánh giặc ngoại xâm của quân, dân các tỉnh miền núi phía Bắc. Hiện nay, việc đảm bảo quốc phòng, an ninh cần phải huy động sức mạnh tổng hợp của toàn thể nhân dân và các cấp uỷ đảng, chính quyền tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Cần tăng cường công tác lãnh chỉ đạo, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh, đặc biệt là vấn đề an ninh biên giới, biển đảo trên cơ sở những chỉ đạo của trung ương về vấn đề này.

Tăng cường, quan tâm và làm tốt giáo dục truyền thống đoàn kết, yêu nước và ý thức và trách nhiệm của nhân dân về kiến thức quốc phòng an ninh thông qua giảng dạy lịch sử, các học phần lý luận chính trị; ngăn chặn các âm mưu của thế lực phản động, nhận diện những vấn đề đúng, kiên quyết bài trừ những bài viết, tư tưởng, hành động xuyên tạc, lợi dụng văn hoá, tôn giáo chống phá nhà nước, phá vỡ khối ĐĐKTDT. Từ đó, sẵn sàng làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.

Phát huy vai trò của nhân dân trong bảo vệ Tổ quốc, cần tích cực đẩy mạnh phát động phong trào "toàn dân tham gia bảo vệ Tổ quốc". Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân, xây dựng các khu vực phòng thủ vững chắc. Quản lý chặt chẽ đường biên giới, mốc giới, cửa khẩu, các phương tiện hoạt động trên biển. Nâng cao hiệu quả của công tác đối ngoại nhân dân, đối ngoại biên giới; kết hợp chặt chẽ giữa giữa phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại.

Nâng cao chất lượng của các lực lượng vũ trang nhân dân. Thường xuyên phối hợp, tổ chức huấn luyện, diễn tập thuần thục các phương án, nâng cao khả năng phối hợp giữa các lực lượng sẵn sàng đối phó với các tình thế. Quan tâm, chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Quan tâm và đào tạo việc làm cho bộ đội

xuất ngũ.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp, sắp xếp tinh gọn bộ máy chính quyền các cấp theo Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền tại địa phương là tất yếu khách quan trong quá trình xây dựng và phát triển, tăng cường hoạt động hiệu lực, hiệu quả của bộ máy chính quyền các cấp đáp ứng với yêu cầu của công tác, phù hợp với chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay, góp phần xây dựng chính quyền hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giảm bớt các khâu trung gian góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý hành chính. Chủ trương này đang được nhân dân cả nước đồng tình ủng hộ. Các tỉnh hiện nay cần tiếp tục thực hiện đúng theo tinh thần hướng dẫn của Đảng và nhà nước, đặc biệt là các nghị quyết: Nghị quyết 18/NQ-TW năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; chính;

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng bộ máy chính quyền các cấp thực sự là của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của của chính quyền địa phương (HĐND và UBND các cấp) nhằm phát huy vai trò của HĐND là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ở địa phương, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân. Nâng cao hiệu quả của công tác tiếp xúc cử tri, tiếp nhận và trả lời những ý kiến của cử tri. Nâng cao công tác quản lý, điều hành của UBND các cấp gắn với nâng cao ý thức, trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện tốt các chức năng quản lý KT - XH, không ngừng chăm lo đến đời sống nhân dân. Thực hiện tốt công tác cải cách tư pháp và giám sát các hoạt động tư pháp, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy dân chủ và sức sáng tạo của nhân dân; kịp thời giải quyết và nâng cao chất lượng của công tác khiếu nại, tố cáo theo thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Cải cách hành chính, xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, đủ khả năng đáp ứng yêu cầu công việc trong tình hình mới.

Có các giải pháp cụ thể, khả thi đi kèm với ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới thái độ, tinh thần làm việc của cán bộ trong giải quyết các thủ tục hành

chính ở tất cả các cấp, các ngành. Bãi bỏ các thủ tục gây phiền hà, không phù hợp cho nhân dân, thực hiện cơ chế "*một cửa", "một cửa liên thông*". Đẩy mạnh phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân từng ngành. Đổi mới tư duy, sửa đổi lề lối làm việc theo đúng tinh thần "là công bộc" của nhân dân gắn với cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"*.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tham nhũng, lãng phí được coi là "giặc nội xâm", là bạn của đế quốc và thực dân vì vậy nên từ rất sớm chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất quan tâm đến công tác phòng chống tham nhũng. Người đã chỉ ra tác hại, nguyên nhân, biện pháp, cách giải quyết các vấn đề phòng, chống tham nhũng đó là làm cho người ta xuống dốc, gây mất niềm tin của nhân dân đối với Đảng, thoái hoá biến chất ở cán bộ và gây mất đoàn kết trong nhân dân. Vì vậy, công tác phòng, chống tham nhũng là trách nhiệm của toàn xã hội và chủ thể thực hiện tích cực trong công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí là lãnh đạo cấp uỷ, chính quyền, MTTQ VN tại địa phương và các đoàn thể nhân dân, đặc biệt là cán bộ chủ chốt, cán bộ lãnh đạo, các cá nhân công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn. Phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí và có cơ chế khuyến khích và bảo đảm an toàn cho nhân dân tham gia phòng chống tham nhũng. Tăng cường công tác thanh – kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng kịp thời xử lý các trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Nâng cao hiệu quả của công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức Đảng tại các Đảng bộ, Chi bộ tại các tỉnh miền núi phía Bắc

Tăng cường xây dựng Đảng mạnh về chính trị. Tiếp tục tăng cường, đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác tuyền truyền, giáo dục nền tảng tư tưởng của Đảng cho nhân dân. Cụ thể, tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin, TTHCM và đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước trong đó nhấn mạnh nội dung về vấn đề dân tộc và đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới phù hợp với từng địa phương, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Cụ thể

hoá, vận dụng sáng tạo trong nghiên cứu, quán triệt, tổng kết thực hiện chủ trương của Đảng và chính quyền địa phương. Thực hiện gắn phát triển kinh tế là trung tâm với xây dựng Đảng là then chốt với phát triển văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội.

Nâng cao hiệu quả của công tác dân vận, đập tan mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch. Giữ gìn sự đoàn kết, đồng thuận, thống nhất trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn. Nâng cao trình độ, kỹ năng của các báo cáo viên. Chú trọng công tác giáo dục tư tưởng chính trị cho nhân dân.

Nâng cao tính hiệu quả, thiết thực của "đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" là một nhiệm vụ thường xuyên, hàng ngày của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Xây dựng kế hoạch học tập cụ thể, phù hợp gắn với các chủ đề theo từng giai đoạn, từng thời kì, từng giai đoạn. Biến học tập thành các hành động thiết thực hàng ngày như tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, phẩm chất, nhân cách của mỗi cá nhân, con người góp phần xây dựng quê hương đất nước.

Kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng sau khi thực hiện sáp nhập các địa phương, nâng cao chất lượng đảng viên, chất lượng sinh hoạt đảng. Nâng cao chất lượng và đổi mới hình thức, nội dung sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề. Thực hiện tốt các nguyên tắc sinh hoạt Đảng, mở rộng dân chủ, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình đi đôi với tăng cường kỷ cương, kỷ luật nghiêm minh, tự giác, nêu gương trong đảng, nhất là Bí thư Đảng bộ tỉnh, chi bộ và sau đó là các đảng viên. Nâng cao chất lượng của các cơ sở Đảng và đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện, tính chiến đấu và tính giáo dục của Đảng. Chống lại mọi biểu hiện suy thoái tư tưởng, chính trị, đạo đức, đoàn kết xuôi chiều, tư tưởng cục bộ, địa phương, độc đoán, chuyên quyền, dân chủ hình thức. Chú ý công tác phát triển Đảng trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Xây dựng đội ngũ đảng viên có phẩm chất chính trị, có trí tuệ, đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm đáp ứng với yêu cầu của tình hình mới.

Nâng cao chất lượng công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, có cơ chế đãi ngộ, thu hút nhân tài, các chuyên gia. Làm tốt công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ trẻ có đủ phẩm chất đạo đức, chính trị, uy tín đáp ứng nhiệm vụ và yêu cầu công tác trong tình hình mới.

Làm tốt công tác đánh giá, sử dụng, luân chuyển và quản lý cán bộ. Thực hiện sự đoàn kết trong cán bộ khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhà nước. Đảm bảo độ tuổi, tính liên tục và kế thừa, phát triển.

Bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định về sự lãnh đạo của Đảng, phân công nhiệm vụ rõ ràng đối với các cơ sở tổ chức Đảng trong hệ thống chính trị.

Nâng cao trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Phát huy vai trò của các chi bộ để quản lý chặt chẽ đảng viên. đảng viên tích cực tham gia sinh hoạt tại địa phương theo quy định số 213-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ; quy chế làm việc; thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí… Gắn công tác kiểm tra, giám sát với công tác tư tưởng, công tác tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng với nghiêm minh, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả, thiết thực với nâng trình độ, chất lượng của cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát.

Đổi mới phương thức và nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp uỷ, tăng cường đoàn kết, sự đồng thuận trong cấp uỷ để đề ra và thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo có hiệu quả, mang lại hạnh phúc và nâng cao đời sống của nhân dân.

4.3.3.2. Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tại các tỉnh miền núi phía Bắc

Về nhận thức: Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, MTTQVN và các đoàn thể nhân dân về ĐĐKTDT; vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới. Các cơ quan, ban ngành phải nhận thức rõ vai trò, chức năng nhiệm vụ của mình trong thực hiện nhiệm vụ ĐĐKTDT tại địa phương. Tuyên truyền cho nhân dân nâng cao cảnh giác và có những hành động thiết thực trong việc chống lại những âm mưu gây chia rẽ, phá hoại khối ĐĐKTDT. Tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được trong xây dựng khối ĐĐKTDT tại các địa phương.

Về cơ chế, chính sách: Tiếp tục nâng cao hiệu quả của công tác phối hợp với các cơ quan, ban ngành có liên quan để thực hiện và triển khai các nội dung công tác liên quan đến xây dựng khối ĐĐKTDT tại các tỉnh, địa phương.

Về công tác chỉ đạo: Giám sát và chỉ đạo cấp dưới thực hiện tốt các chính sách đại đoàn kết dân tộc, kịp thời ngăn chặn và phát hiện những thiếu sót trong việc xây dựng khối ĐĐKTDT tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Về tổ chức thực hiện: Các cấp lãnh đạo chủ động, tiên phong, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ; nghiên cứu, cập nhật thường xuyên các văn bản chỉ đạo của các cấp, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao. Chú ý đến phương pháp, cách thức tuyên truyền nhân dân cần phải cẩn thận, dễ hiểu và thực tế, làm đến đâu chắc đến đó như lời Bác dạy "phải làm từng bước cho tốt, cho vững. Có bọn phản động thì phải trừng trị, nhưng phải đả cho khéo, cho đúng, đừng đả lung tung. Nói tóm lại, phải thật sự cầu thị, phải nắm chắc tình hình, suy nghĩ cẩn thận. Muốn làm được như thế phải đánh thông tư tưởng của cán bộ, đoàn viên, rồi đến nhân dân. Ở miền núi nếu nói cao xa thì không ăn thua. Phải có lý luận, phải có vật chất, phải có thực tế"[68; tr.180].

Các giải pháp cụ thể:

Đổi mới hoạt động của Mặt trận tổ quốc Việt Nam tại các địa phương và các đoàn thể nhân dân, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị

Nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp uỷ Đảng đối với MTTQ và các đoàn thể nhân dân. Phát huy dân chủ, nâng cao vai trò của nhân dân trong việc tham gia quản lý xã hội. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và đoàn thể,

nhân dân về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong tính hình mới. Không ngừng củng cố mối quan hệ mật thiết, máu thịt giữa Đảng với nhân dân.

Tiếp tục quan tâm, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ của các giai – tầng trong xã hội đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, truyền thống, lý tưởng, tạo điều kiện cho các nhân dân được học tập, lao động phát triển toàn diện vừa hồng, vừa chuyên (đức – trí – thể - mỹ - dục), có tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết, tự tôn dân tộc, năng động, sáng tạo, đáp ứng với yêu cầu mới của đất nước. Cụ thể,

Đối với giai cấp công nhân: Phát triển tăng lên cả về số lượng và chất lượng, xứng đáng là lực lượng lãnh đạo, có tinh thần đoàn kết, cách mạng triệt để, có tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động góp phần thực hiện CNH, HĐH đất nước.

Đối với giai cấp nông dân: đoàn kết với các giai cấp khác, không ngừng học hỏi nâng cao trình độ, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, xây dựng nông thôn mới, giữ gìn làng nghề truyền thống và các giá trị văn hoá dân tộc, đi đầu trong công tác xoá bỏ các hủ tục lạc hậu, du canh, du cư, phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp tại các địa phương đạt năng suất, chất lượng cao góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tạo địa phương, cải thiện và nâng cao đời sống của nông dân.

Đối với tầng lớp tri thức: Xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, nghiên cứu, áp dụng các thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ góp phần phát triển mọi mặt của đời sống – xã hội tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Đối với đội ngũ doanh nhân: Xây dựng đội ngũ doanh nhân tăng lên cả số lượng chất lượng, năng động, sáng tạo, hiểu biết pháp luật, có tinh thần dân tộc, cống hiến cho phát triển kinh tế tư nhân tại địa phương.

Đối với thế hệ trẻ: Cần quan tâm, tạo điều kiện cho thế hệ trẻ được học tập, rèn luyện, giải trí, phát triển thể lực. Tăng cường công tác giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc, giáo dục chính trị tư tưởng, truyền thống, lý tưởng cho thế hệ trẻ.

Đối với phụ nữ: nâng cao trình độ, kỹ năng nuôi dạy con, chăm sóc gia đình. Thực hiện đoàn kết các chị em phụ nữ giúp đỡ nhau trong phát triển kinh tế như du lịch cộng đồng và phát triển các sản phẩm du lịch, dịch vụ mang bản sắc của các dân tộc

của địa phương. Phát huy vai trò của phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ DTTS, thực hiện bình đẳng giới, trao quyền năng cho phụ nữ.

Đối với cựu chiến binh: Phát huy vai trò của CCB trong tuyên truyền cho nhân dân thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, phát huy tinh thần "Bộ đội Cụ Hồ" giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc đến thế hệ trẻ góp phần bảo vệ chế độ.

Ngoài ra chăm lo đến các giáo dân, tạo điều kiện để họ sinh hoạt theo quy định của pháp luật thực hiện đoàn kết tôn giáo, sống tốt đời, đẹp đạo.

Hiệp thương dân chủ, đổi mới chương trình phối hợp và thống nhất hành động hàng năm với của MTTQ từ tỉnh đến cơ sở. Đa dạng hoá các hình thức vận động, tập hợp nhân dân phù hợp với thực tế, phù họp với đối tượng và từng địa phương.

Đổi mới chất lượng của các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, công tác dân vận. Tập trung thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*", Phong trào "*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*", phong trào "*Đoàn kết sáng tạo*" gắn với các phong trào thi đua yêu nước và các phong trào của các tổ chức đoàn thể khác.

MTTQ và các tổ chức đoàn thể cần tiếp tục nghiên cứu các cơ chế, chính sách, phát huy vai trò của tổ chức tạo môi trường cho nhân dân phát huy quyền làm chủ của mình.

Nâng cao hiệu quả công tác giám sát và phản biện xã hội. Nâng cao hiệu quả của công tác xây dựng Đảng, xây dựng cơ quan nhà nước ở địa phương.

4.3.3.3. Đối với đồng bào các dân tộc các tỉnh miền núi phía Bắc

Ngoài sự nỗ lực, hoàn thiện thể chế, chính sách của Đảng và nhà nước ta về chính sách, chiến lược ĐĐKTDT. Sự vận dụng sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tiễn TTHCM về đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới của các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, MTTQ VN và các tổ chức đoàn thể tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Phát huy vai trò chủ thể của nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thực thi các chính sách về ĐĐKTDT và quyết định đến việc phát triển KT - XH, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống, đảm bảo an ninh, biển đảo của quốc gia. Thực hiện quan điểm nhà nước của dân nên nhân dân các tỉnh miền núi phía

Bắc cần chủ động, tự lực cánh sinh, phát huy nội lực của đồng bào các dân tộc tại các địa phương nhằm thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Để thực hiện chiến lược ĐĐKTDT tại các tỉnh miền núi phía Bắc cần thực hiện tập trung vào các giải pháp chủ yếu sau:

Phát huy vai trò chủ thể của nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc trong xây dựng khối ĐĐKTDT.

Đại đoàn kết nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc trong phát triển KT - XH, tích cực, chủ động ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, thực hiện đổi mới sáng tạo. Khơi dậy khát vọng phát triển quê hương, đất nước ở mỗi người dân thực hiện CNH, HĐH đất nước góp phần đưa đất nước phát triển đi tới phồn vinh, hạnh phúc, giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Một là, nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc đoàn kết học hỏi, tự nỗ lực vươn lên làm chủ khoa học, công nghệ, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống góp phần tích cực vào việc phát triển KT - XH tại địa phương.

Nhiệm vụ trọng tâm trong thời kì mới hiện nay của nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc là tập trung phát triển KT - XH, nâng cao đời sống của nhân dân. Vì vậy, nhân dân phải tích cực học tập trau dồi khả năng tự học, tự tìm tòi, nghiên cứu, không ngừng đổi mới sáng tạo, biết tận dụng các cơ hội, những thành tựu của khoa học công nghệ để áp dụng vào sản xuất, quảng bá du lịch, phát triển kinh tế. Xoá bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào trợ cấp của nhà nước và chính quyền địa phương. Xoá bỏ các hủ tục lạc hậu, du canh, du cư, tích cực chia sẻ với nhau những kinh nghiệm thành công, thất bại để rút kinh nghiệm. Hồ Chí Minh nhấn mạnh trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội còn nhiều khó khăn nhưng toàn Đảng, toàn quân đoàn kết chặt chẽ nhất định sẽ vượt qua tất cả mọi khó khăn "Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội chúng ta nhất định sẽ có những khó khăn. Biến đổi một xã hội cũ thành một xã hội mới không phải là một chuyện dễ. Nhưng đó là những khó khăn trong sự trưởng thành. Toàn Đảng, toàn dân đồng sức, đồng lòng thì khó khăn gì cũng nhất định khắc phục được"[69; tr.376].

Tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua, các cuộc vận động về phát triển KT - XH, xây dựng khối ĐĐKTDT một cách thiết thực, hiệu quả như các cuộc vận

động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh","Ngày hội đoàn kết toàn dân"* và các phong trào thi đua khác.

Thực hành tiết kiệm để thực hiện mục tiêu "*dân giàu, nước mạnh*" và tạo thêm nguồn lực đầu tư cho các công trình, mở rộng sản xuất, kinh doanh, phúc lợi xã hội cho nhân dân; gắn thực hiện chủ trương phát triển kinh tế gắn với phát triển văn hoá – xã hội.

Phát huy tinh thần phát huy "*tinh thần cống hiến vì đất nước của mọi người dân Việt Nam"*[24; tr.46-47]. Tích cực đóng góp trí tuệ, tiền của, công sức để phát triển KT - XH tại địa phương, làm giàu chính đáng, nêu cao trách nhiệm với cộng đồng trong giáo dục truyền thống đoàn kết, yêu nước, nhân ái và các truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tham gia xoá đói giảm nghèo, quan tâm, động viên những gia đình chính sách, người có công; chia sẻ khó khăn với người yếu thế, đồng bào có hoàn cảnh khó khăn, giúp đỡ nhau cùng nâng cao chất lượng cuộc sống. Xoá bỏ định kiến, mặc cảm về quá khứ, thành phần dân tộc để tạo sự đoàn kết trong mọi giai cấp – tầng lớp nhân dân.

Chủ động tìm kiếm, kết nối và tham gia các khoá học về ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo để phục vụ cho sản xuất, quảng bá thương hiệu, văn hoá các địa phương nhằm chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng hiện đại, gắn với phát triển kinh tế "*xanh*", bền vững, thân thiện với môi trường, mang lại thu nhập cao hơn; hàm lượng "*trí tuệ, chất xám*" được nâng lên.

Hai là, đại đoàn kết trong việc nâng cao hiểu biết pháp luật, chấp hành và thực thi pháp luật.

Chủ động tìm hiểu các quy định mới, các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách của Đảng và nhà nước, các quy định của địa phương về phát triển KT - XH, đặc biệt là các chính sách về dân tộc, chiến lược ĐĐKTDT thông qua các kênh chính thống của nhà nước, địa phương như đài phát thanh, truyền hình, báo chí, mạng xã hội, qua MTTQ VN tại các tỉnh, qua tổ trưởng dân phố, qua trưởng bản, trưởng thôn và các tổ chức đoàn thể tại địa phương.

Tích cực, chủ động tự nghiên cứu để góp ý cho các dự thảo Luật, Nghị quyết, cơ chế, chính sách của nhà nước, các nội quy, quy định của địa phương.

Động viên gia đình và bản thân luôn thực hiện, gương mẫu trong xây dựng khối ĐĐKTDT, chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các nội quy, quy định tại địa phương. Giúp đỡ những người đã từng lầm đường, lạc lối, những người đã vi phạm pháp luật cải tà, quy chính, giúp họ hoà nhập cộng đồng làm công dân có ích cho xã hội.

Kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hiện hiện tượng vi phạm pháp luật của cán bộ, nhân dân với chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định, trình tự của pháp luật theo tinh thần "*mỗi người dân là một chiến sĩ*". Tham gia hoà giải ở cơ sở; thực hiện tốt quyền khiếu nại, tố cáo; tự phê bình và phê bình góp phần thực hiện tốt đoàn kết nơi cư trú.

Ba là, Thực hành dân chủ rộng rãi, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, nâng cao khả năng giám sát và phản biện xã hội.

Phát huy dân chủ XHCN. Phát huy vai trò và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân trong các công việc của địa phương và mọi lĩnh vực của đời sống – xã hội theo phương châm *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"*. Tích cực, chủ động tham gia xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; đóng góp ý kiến xây dựng Đảng, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước. Tham gia giám sát, phản biện, góp ý các hoạt động của các cấp uỷ đảng tại địa phương, thực hiện phê bình cấp uỷ, cán bộ, đảng viên tại địa phương. Thực hiện các quyền của công dân được quy định trong Hiến pháp và pháp luật, tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp. Nêu cao tinh thần tự quản trong cộng đồng, phát huy tính tự chủ của cộng đồng dân cư, kịp thời giải quyết những mâu thuẫn ngay từ cơ sở, giảm bớt các vụ khiếu kiện vượt cấp… thực hiện sự đồng thuận xã hội, dân chủ và đoàn kết với phương châm: *"Tự chủ - tự quản – tự hoà giải – tự giải quyết cơ sở"*. Phối hợp với chính quyền xây dựng hương ước, quy ước khu dân cư gắn với các nội dung của cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư"*.

Nâng cao vị trí, chất lượng, phát huy vai trò hạt nhân của các đại biểu Quốc hội với tư cách là người đại biểu của nhân dân, do nhân dân bầu ra và bảo vệ quyền

lợi, lợi ích hợp pháp của nhân dân. Đại biểu quốc hội cần lắng nghe ý kiến của nhân dân, quan tâm đề xuất với Quốc hội giải quyết những bức xúc, bất cập trong các chính sách của nhà nước, các hoạt động của địa phương, đặc biệt quan tâm đến sự phát triển của đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người yếu thế góp phần xây dựng khối ĐĐKTDT tại địa phương. Vì vậy nhân dân cần sáng suốt, nghiên cứu để lựa chọn các đại biểu có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có tâm – tầm – tài, có năng lực, trình độ hiểu biết pháp luật, có điều kiện tham gia hoạt động lập pháp của Quốc hội và các lĩnh vực khác. Mặt khác, đại biểu Quốc hội không ngừng tự rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức, chuyên môn, am hiểu về các chính sách của Đảng và nhà nước trong đó có chính sách về dân tộc và đại đoàn kết dân tộc, những đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tình trạng phát triển KT - XH, chất lượng cuộc sống của nhân dân tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Tôn trọng và thực hiện quyền con người. Nhân dân các dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc vừa là chủ thể, vừa là mục tiêu, vừa là động lực quyết định đến sự thành công của chiến lược đại đoàn kết dân tộc.

Thực hiện tốt các nguyên tắc sinh hoạt Đảng, phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình trên tinh thần giúp đỡ lẫn nhau, thẳng thắn, chân thành, cùng tiến bộ, trên tinh thần thương yêu lẫn nhau. Tránh tình trạng "dân chủ giả hiệu", lợi dụng việc phê bình để bôi nhọ, chơi xấu, hạ bệ nhau.

Tiếp tục thực hiện và phát huy nguyên tắc, phương thức "hiệp thương dân chủ" trong việc bàn bạc các vấn đề quan trọng của địa phương hoạt động đặc trưng của MTTQ VN. Nguyên tắc này nhấn mạnh sự bàn bạc, thảo luận giữa các cơ quan, tổ chức về một vấn đề cụ thể trên cơ sở dân chủ, bình đẳng, mọi thành viên đều có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến nhằm lấy ý kiến và mọi ý kiến đều được xem xét một cách công bằng, không phân biệt địa vị hay chức vụ của đa số để đi đến kết quả thống nhất, đồng thuận của đa số.

Thực hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc theo quan điểm của Đảng và TTHCM. Tăng cường sự hiểu biết của nhân dân góp phần tích cực trong công tác giám sát và

phản biện xã hội tại địa phương có hiệu quả. Muốn thực hiện được giải pháp này cần nâng cao trình độ dân trí của nhân dân tại các tỉnh miền núi phía Bắc, đặc biệt là vùng đồng bào DTTS.

ĐĐKTDT các tỉnh miền núi phía Bắc trong giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

Một là, Đảng và Nhà nước cần hoàn thiện các chính sách, các điều kiện để đồng bào các dân tộc có điều kiện giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc đồng thời phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trong việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

Trong thời kì hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ như hiện nay, việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc gữi vai trò rất quan trọng vì "***văn hóa còn dân tộc còn, văn hóa mất thì dân tộc mất***". Hơn nữa, văn hoá của các dân tộc các tỉnh miền núi phía Bắc rất đa dạng, phong phú, đặc sắc, có nhiều lễ hội, nhiều phong tục, truyền thống tốt đẹp nên có sức hấp dẫn đối với nhiều khách du lịch khắp các châu lục muốn đến thăm, tìm hiểu, khám phá. Miền núi phía Bắc là nơi các tỉnh giáp biên giới với Trung Quốc và Lào là điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch, giao lưu văn hoá, kinh tế giữa các địa phương với địa phương giáp biên giới với các nước bạn. Vì vậy, để văn hoá truyền thống không bị mai một, nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc phát huy vai trò chủ thể sáng tạo các giá trị văn hoá và hưởng thụ các giá trị văn hoá cần ý thức được tầm quan trọng của bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Gắn phát triển KT - XH với giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc theo TTHCM và theo nghị quyết số 33/NQ-TW, ngày 09/6/2014 của Trung ương về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Tiếp tục phát huy vai trò của các nghệ nhân, trưởng bản trong việc nghiên cứu, sưu tầm, giữ gìn, phổ biến, tuyên truyền các giá trị truyền thống của văn hoá, các dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Giữ gìn, tôn tạo các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể tại địa phương.

Cần lên án các hành vi huỷ hoại văn hoá tốt đẹp của dân tộc như tầm thường, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục, mai một truyền thống văn hoá…bài trừ các hủ

tục lạc hậu, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

Giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc gắn với các buổi sinh hoạt cộng đồng, lễ hội, các hoạt động văn hoá, văn nghệ của địa phương. Tổ chức hội thảo, hội nghị, toạ đàm, trưng bày các sản phẩm văn hoá; tích cực giáo dục thế hệ sau các giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc. Tham gia hội thi, các ngày hội của dân tộc tại các địa phương và gắn với nâng cao ý thức cộng đồng và gắn kết mọi người dân địa phương với các địa phương khác, góp phần hiểu biết và đoàn kết với nhau.

Bảo tồn và giảng dạy tiếng mẹ đẻ của dân tộc thiểu số (Tày, Thái, Hoa, Khmer, Nùng, Mông) thông qua học sách giáo khoa, bố mẹ dạy cho các con, qua các chương trình truyền hình, tránh tình trạng bị mai một tiếng mẹ đẻ của DTTS.

Hai là, Phát huy vai trò của người uy tín trong quá trình xây dựng khối ĐĐKTDT.

Xây dựng đội ngũ người có uy tín tiêu biểu, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và các đối tượng đặc thù. Phát huy vai trò của người uy tín trong vận động nhân dân địa phương chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, vận động nhân dân phát huy tài năng của mình phát triển KT - XH.

Gương mẫu, tiên phong trong mọi hoạt động để nhân dân học tập và làm theo. Không ngừng nâng cao hiểu biết, trình độ, ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương pháp, hình thức vận động nhân dân, thực sự là "***điểm tựa cho đồng bào DTTS***". Vận động nhân dân xoá bỏ các hủ tục lạc hậu, giữ gìn các truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

ĐĐKTDT trong việc giữ gìn an ninh, biên giới, hải đảo của quốc gia, ngăn chặn các âm mưu phá vỡ khối ĐĐKTDT và thực hiện tốt công tác đối ngoại nhân dân với các nước láng giềng trong đó có Trung Quốc và Lào tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

Không ngừng củng cố, duy trì quan hệ hữu nghị hợp tác với các nước láng giềng theo phương châm hợp tác, bình đẳng, đôi bên cùng có lợi. Củng cố và phát triển các mô hình về đối ngoại nhân dân tại các xã biên giới. Kêu gọi đoàn kết với

Việt kiều hướng về Tổ quốc.

Đoàn kết quân dân giữa Việt Nam với các nước quốc gia láng giềng đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng tại địa phương, đặc biệt là lực lượng vũ trang nhân dân tiếp tục giữ gìn, đảm bảo an ninh, an toàn biên giới, mốc giới quốc gia, hải đảo của tổ quốc; chống buôn lậu qua biên giới, vượt biên trái phép. Nhân dân cần phải nâng cao cảnh giác trước những âm mưu của các thế lực thù địch "Phải nâng cao cảnh giác cách mạng, giữ vững trật tự trị an" [69, tr.225-226] và "phải đoàn kết, đoàn kết chặt chẽ, đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân và dân. Các chú đóng ở nhiều nơi là vùng đồng bào thiểu số cho nên phải làm đầy đủ chính sách dân tộc, phải làm cho khéo" [69; tr. 351].

Tiểu kết chương 4

Đứng trước tình hình mới, yêu cầu mới đối với việc tiếp tục vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới cần phải phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân trong thực hiện đại đoàn kết dân tộc nhằm mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và đối ngoại nhân dân với các nước láng giềng; Phát huy sức mạnh ĐĐKTDT trong việc giải quyết các vấn đề tiềm ẩn nguy cơ gây chia rẽ, mất đoàn kết, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Từ đó, luận án đưa ra 6 quan điểm về tiếp tục vận dụng TTHCM về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc: Kiên định quan điểm "đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược, là vấn đề sống còn" đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế -xã hội tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Gắn xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc với nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội nhanh và bền vững; "Lấy dân làm gốc", đảm bảo lợi ích của nhân dân, của dân tộc, thực hiện tốt chính sách dân tộc, trong quản lý xã hội, phát huy vai trò chủ thể của đồng bào các dân tộc thiểu số trong khối đại đoàn kết; "Lấy điểm tương đồng làm điểm chung trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc"; Xây dựng Đảng các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tại các tỉnh miền núi phía Bắc xứng tầm với nhiệm vụ là nơi quy tụ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; thực hiện tốt công tác dân vận. "Cầu đồng, tồn dị", chân thành, tự phê bình và phê bình, đoàn kết phải trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ; Tăng cường giáo dục chính trị – tư tưởng và xây dựng niềm tin xã hội, tạo sợ đồng thuận xã hội trong nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc. Trên nền tảng quan điểm tiếp cận hệ thống và căn cứ vào những yêu cầu thực tiễn từ các tỉnh miền núi phía Bắc, luận án xác lập ba nhóm giải pháp có tính định hướng nhằm tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong bối cảnh mới, gồm: nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức; nhóm giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số; và nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện.

KẾT LUẬN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc là bộ phận cốt lõi trong hệ thống tư tưởng của Người, thể hiện tầm nhìn chiến lược, giá trị nhân văn sâu sắc và tính định hướng lâu dài đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Suốt tiến trình đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tư tưởng đại đoàn kết dân tộc đã trở thành nguồn sức mạnh nội sinh đặc biệt quan trọng, tạo nên lực lượng tổng hợp của toàn dân tộc, quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, tư tưởng đó tiếp tục giữ vai trò nền tảng trong đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, đồng thời là cơ sở phương pháp luận quan trọng để giải quyết các vấn đề của thực tiễn phát triển đất nước.

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn có giá trị, có thể khái quát ở một số điểm cơ bản sau:

Một là, luận án đã phân tích và luận giải có hệ thống những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong các giai đoạn cách mạng Việt Nam. Qua đó, luận án làm rõ vai trò, vị trí chiến lược của đại đoàn kết toàn dân tộc đối với sự phát triển đất nước, đặc biệt đối với các tỉnh miền núi phía Bắc – khu vực có vị thế chính trị, kinh tế, văn hóa và quốc phòng – an ninh đặc biệt quan trọng. Những giá trị phương pháp luận của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết, từ nguyên tắc đoàn kết rộng rãi, lâu dài, bền vững đến phương thức tập hợp lực lượng và mô hình tổ chức khối đại đoàn kết toàn dân tộc, vẫn giữ nguyên tính thời sự và giá trị định hướng trong bối cảnh mới.

Hai là, luận án đã phân tích sâu sắc những đóng góp nổi bật của Hồ Chí Minh đối với lý luận về đại đoàn kết dân tộc, qua đó khẳng định vai trò của tư tưởng đại đoàn kết như một cơ sở tư tưởng, kim chỉ nam cho Đảng ta trong hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối đại đoàn kết. Việc nghiên cứu các quan điểm đó không chỉ góp phần khẳng định giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trên phương diện lý luận, mà còn cung cấp căn cứ quan trọng để cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức

chính trị – xã hội ở các tỉnh miền núi phía Bắc vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp trong điều kiện đặc thù của vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

Ba là, luận án đã khảo cứu, phân tích toàn diện bối cảnh thực tiễn, điều kiện tự nhiên, địa lý, đặc điểm dân cư, văn hóa, kinh tế – xã hội và các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc giai đoạn 2010 – 2025. Trên cơ sở dữ liệu khảo sát, luận án đánh giá khách quan thực trạng vận dụng: những kết quả nổi bật đạt được; những hạn chế, bất cập; nguyên nhân chủ quan và khách quan. Đây là cơ sở khoa học để luận án nhận diện rõ những vấn đề đặt ra trong bối cảnh mới, đặc biệt liên quan đến công tác dân tộc, công tác vận động quần chúng, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở và phát triển bền vững vùng miền núi phía Bắc.

Bốn là, luận án đã đề xuất hệ thống quan điểm và giải pháp toàn diện nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc ở các tỉnh miền núi phía Bắc. Các giải pháp là những gợi ý chính sách phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng dân tộc thiểu số. Trong đó nhấn mạnh: Nâng cao nhận thức chính trị – tư tưởng về đại đoàn kết; Hoàn thiện cơ chế, chính sách dân tộc theo hướng đồng bộ, phù hợp thực tiễn; Đổi mới phương thức lãnh đạo, cơ chế phối hợp và tổ chức thực hiện; Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội; Đề cao vai trò chủ thể của nhân dân và người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc. Những giải pháp này có giá trị tham khảo quan trọng đối với cấp ủy, chính quyền và các cơ quan chức năng trong quá trình hoạch định, triển khai chính sách đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và sự biến động phức tạp của tình hình khu vực và thế giới, việc vận dụng đúng đắn và sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc có ý nghĩa chiến lược đối với bảo đảm ổn định chính trị, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc vào Đảng, Nhà nước, tạo sự đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh nội sinh và nâng cao năng lực cạnh tranh của vùng. Đây cũng là yêu cầu khách quan của tiến trình phát triển kinh tế – xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng – an ninh trong kỷ nguyên mới.

Từ những kết quả nghiên cứu đạt được, luận án khẳng định: việc tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc là yêu cầu cấp thiết, khách quan, đồng thời là biểu hiện sinh động của sự bổ sung, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn đổi mới đất nước. Điều này cho thấy sức sống trường tồn, giá trị định hướng bền vững và tính phổ quát của tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Phương Thủy (2024), "Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc - động lực chủ yếu của sự phát triển bền vững của đất nước trong giai đoạn hiện nay", *Tạp chí Thanh niên* (49), ISSN 2734-9039, tr.31-35.

2. Nguyễn Phương Thủy, Hồ Thị Thủy (2025), "Vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc sau 50 năm thống nhất đất nước", *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia 50 năm thống nhất đất nước hành trình hướng tới kỷ nguyên mới của dân tộc*, NXB Khoa học xã hội, tr.780-794.

3. Nguyễn Phương Thủy (2025), "Ý nghĩa lịch sử và giá trị thực tiễn trong bức thư đầu tiên Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi học sinh, sinh viên và đội ngũ nhà giáo (19/5/1945-19/5/2025)", *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia "Bác Hồ với giáo dục, giáo dục với Bác Hồ",* NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, quyển 2, tr. 375-381.

4. Nguyễn Phương Thủy, Nguyễn Thị Lan Anh (2025), "The Role of Regional Linkages in Socio-economic Development in The Northern Midlands and Mountainous Region", *21st International Conference on Socio – economic and Environmental Issues in Development, 2025 At National Economics University, Ha Noi, Viet Nam,* Finance Pulishing House, Ha Noi, 11th June, 2025, ISBN: 978-604-79-5010-2, pp. 3094-3104.

5. Nguyễn Phương Thủy (2025), "Enhance the Effectiveness of Education of the trandition of National unity following Ho Chi Minh's ideology for students of School of Foreign Languages, Thai Nguyen University", *The third International Conference on the Issues of Social sciences and Humanities,* Vol 1, Vietnam National University, ISBN: 2 978-604-43-4873-5, pp. 232-250.

6. Nguyễn Phương Thủy (2025), "The power of great national unity of Viet Nam: A driving force for socio – economic development in the Northern Moutainous provices in the new era", *The third International Conference on the Issues of Social sciences and Humanities,* Vol 1, Vietnam National University, Hanoi, ISBN: 2 978-604-43-4873-5, pp. 251-269.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Phạm Ngọc Anh (2009), "Tư tưởng Đại đoàn kết Hồ Chí Minh", *Tạp chí Lý luận chính trị* (2), tr.8 -14.

2. Phan Văn Ba (2008), *Vấn đề giáo dục truyền thống đoàn kết cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc Gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

3. Ban Tuyên giáo tỉnh uỷ Lào Cai (2021), *Kết quả nổi bật trong thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XV, nhiệm kì 2015-2020*, Công ty in cổ phần Tổng hợp Lào Cai.

4. Ban Tuyên giáo tỉnh uỷ Lào Cai (2021), *Chương trình, đề án, nghị quyết Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Lào Cai, khoá XVI, giai đoạn 2020-2025*.

5. Ban tuyên giáo tỉnh uỷ Lào Cai (2021), *Hỏi – đáp Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI, nhiệm kì 2020-2025*, Công ty in cổ phần Tổng hợp Lào Cai.

6. Ban tuyên giáo Trung ương – Tạp chí Cộng sản (2023), *Nâng cao tính lý luận và tính chiến đấu, làm thất bại những luận điệu xuyên tạc, sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên trận địa lý luận*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

7. Bộ Quốc phòng, Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự (2016), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc,* NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.

8. Vũ Thiên Bình (2020), *Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, NXB Lao động, Hà Nội.

9. Các dân tộc thiểu số TP.HCM (2019), *Bác Hồ tấm gương đại đoàn kết*, NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

10. C.Mác và Ph.Ăngghen (2000), Toàn tập, tập 5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.646.

11. Chi Cục thống kê tỉnh Cao Bằng (2025), *Niên Giám thống kê tỉnh Cao Bằng năm 2024*, NXB Thống kê, tr.8.

12. Nguyễn Hồng Chuyên (2019), *Học tập và làm theo những lời dạy của chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

13. Đoàn Minh Duệ (2007), "Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và sự vận dụng của Đảng ta trong công cuộc đổi mới", *Tạp chí Triết học* 1(188), tr.22-27.

14. Nguyễn Hữu Dũng, Lê Mậu Nhiệm (2022), *Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

15. Lã Trọng Đại (2024), *Tác động của phân hóa giàu – nghèo đến xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam hiện nay,* Luận án Tiến sĩ Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị Bộ Quốc Phòng, Hà Nội.

16. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Sự thật, Hà Nội.

17. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Sự thật, Hà Nội.

18. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Sự thật, Hà Nội.

19. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

20. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998) *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 2*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy, Ban chấp hành Trung ương khoá IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

25. Nguyễn Hữu Đông (2016), "Tư tưởng Hồ Chí Minh về ý Đảng - lòng dân và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân hiện nay", *Tạp chí Lịch sử Đảng* (2), tr.28-31.

26. Phạm Văn Đồng (2023), *Hồ Chí Minh quá khứ, hiện tại và tương lai*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

27. Phạm Văn Đồng (2023), *Hồ Chí Minh một con người một dân tộc một thời đại một sự nghiệp,* NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

28. Phạm Văn Đức (2008), "Vai trò và cơ sở xã hội của đại đoàn kết xã hội ở Việt Nam, *Tạp chí Triết học* (1(200)), tr.45-54.

29. Võ Nguyên Giáp (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

30. Võ Nguyên Giáp (2006), *Nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

31. Võ Nguyên Giáp (2018), *Thế giới còn đổi thay nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh còn sống mãi*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

32. Lê Thị Hà (2016), *Nguyên tắc, phương pháp đại đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

33. Lê Mậu Hãn (2020), *Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh,* NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

34. Nguyễn Bích Hạnh, Nguyễn Văn Khoan (2001), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết và mặt trận đoàn kết dân tộc*, NXB Lao Động, Hà Nội.

35. Cao Thu Hằng (2015), "Tăng cường đồng thuận xã hội ở Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Triết học* 10 (293), tr.24-29.

36. Trần Hậu (2022), *Đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận Dân tộc Thống nhất một số lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

37. Trần Hậu (2016), *Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam quá khứ và hiện tại*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

38. Trần Hậu (2009), "Góp phần tìm hiểu về phản biện xã hội", *Tạp chí Lý luận chính trị* (6), tr.77-80.

39. Trần Hậu (2007), "Những biểu hiện sinh động về chính sách đại đoàn kết đúng đắn của Đảng, nhà nước ta", *Tạp chí Lịch sử Đảng* (11), tr.25-30.

40. Đào Đình Hiếu (2018), *Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc và vấn đề quyền con người trong Hiến pháp 2013*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

41. Nguyễn Thị Kim Hoa, Mai Linh, Nguyễn Thị Vĩnh Hà (2021), *Tác động của phân tầng xã hội đến ổn định và phát triển vùng dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

42. Nguyễn Đình Hoà (2015), "Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam", *Tạp chí Triết học* 8 (291), tr.11-19.

43. Phạm Văn Hoà (2015), *"*Hồ Chí Minh với công tác tôn giáo và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc*"*, *Tạp chí Phật học*, tr.52-55.

44. Phạm Văn Hoà và nhóm biên soạn (2020), *Xây dựng tình đoàn kết giữa Việt Nam với các nước láng giềng theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Đà Nẵng.

45. Học viện Chính trị Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2004), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết với vấn đề phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong thời kì mới*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

46. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2006), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.

47. Quốc hội (2016)*, Hiến pháp nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

48. Đỗ Quang Hưng (chủ biên), Lê Duy Hoà, Nguyễn Đăng Vinh (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc, tôn giáo và đại đoàn kết trong cách mạng Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.

49. Trần Thị Mỹ Hường (2012), *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thực hiện chính sách dân tộc ở một số tỉnh Tây Bắc từ năm 1996 đến năm 2006*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

50. Phạm Công Khái (2007), "Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong tác phẩm Đường cách mệnh", *Tạp chí Lịch sử Đảng* (8), tr.25-28.

51. Lại Quốc Khánh (2023), "Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Cộng sản* (1.011), tr.29-35.

52. Nguyễn Bá Linh (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

53. Văn Thị Thanh Mai (2009), "Hồ Chí Minh với vấn đề đoàn kết đồng bào các dân tộc thiểu số", *Tạp chí Tuyên giáo* (5), tr. 37-40.

54. Viện Ngôn ngữ (2020) Từ điển Tiếng Việt, NXB Từ điển bách khoa.

55. Dương Văn Mạnh (2017), *Vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Bắc hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh (qua thực tế ở Sơn La)*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.

56. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1996), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận Dân tộc Thống nhất (Kỷ yếu Hội thảo khoa học và thực tiễn)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

57. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập,* tập 1, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

58. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập,* tập 2, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

59. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập,* tập 3, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

60. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập,* tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

61. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập,* tập 5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

62. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập,* tập 6, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

63. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập,* tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

64. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập,* tập 8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

65. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập,* tập 9, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

66. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập,* tập 10, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

67. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập,* tập 11, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

68. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập,* tập 12, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

69. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập,* tập 13, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

70. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập,* tập 14, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

71. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập,* tập 15, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

72. Hồ Chí Minh (1994), *Về đại đoàn kết*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

73. Hồ Chí Minh (2003), *Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

74. Nguyễn Đình Minh (2016), *Đoàn kết dân tộc ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

75. Nguyễn Thị Nga (2005), "Phát huy tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh trong điều kiện nước ta hiện nay", *Tạp chí Cộng sản* 10 (tháng 5), tr.15-20.

76. Trần Quang Nhiếp (2006), *Tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

77. Nhà xuất bản tiến bộ Mátxcơva (1998), *Từ điển Chính trị vắn tắt*, NXB Tiến bộ Mátxcơva, NXB Sự thật Hà Nội, tr.75.

78. Nhiều tác giả (2013), *Hồ Chí Minh về đại đoàn kết, xây dựng mặt trận và các đoàn thể quần chúng*, NXB Thông tin và truyền thông.

79. Nhiều tác giả (2019), *Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về sự tôn trọng nhân dân, phát huy dân chủ và chăm lo đời sống của nhân dân*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

80. Nguyễn Đức Ngọc (2007), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc và sự vận dụng của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.

81. Mai Đức Ngọc (2017), "Tư tưởng của Hồ Chí Minh về đoàn kết trong Đảng", *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam,* số 11, tr.94-103.

82. Hà Nguyên (2020), *Những câu chuyện kể về đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

83. Hà Văn Núi (2008), "Đoàn kết xã hội - Động lực phát triển của xã hội", *Tạp chí Triết học* số 5(204), tháng 5, tr.41-45.

84. Vũ Oanh (1998), *Đại đoàn kết dân tộc phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

85. Nguyễn Huy Oánh (2007), "Hồ Chí Minh với sự nghiệp phát triển kinh tế miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số", *Tạp chí Lịch sử Đảng* (11), tr.31-34.

86. Bùi Đình Phong (2007), *Vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới*, NXB Lao động, Hà Nội.

87. Lê Du Phong, Hoàng Văn Hoa (1998), *Phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.

88. Trần Thanh Pôn (2010), *Học tập tấm gương đạo đức và tư tưởng Hồ Chí Minh về chính sách đoàn kết dân tộc*, NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

89. Hoàng Phê (2010), Từ điển Tiếng Việt, NXB Từ điển Bách Khoa, tr.429.

90. Phùng Hữu Phú (chủ biên), Vũ Dương Ninh, Lê Mậu Hãn, Phạm Xanh (1995), *Chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

91. Nguyễn Bá Quang (2020), *Học tập và làm theo phong cách "Dân vận khéo" Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

92. Huỳnh Thanh Quang (2010), *"Phát huy giá trị văn hoá Khmer vùng đồng bằng Sông Cửu Long góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn hiện nay"*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

93. Nguyễn Văn Quang, Chế Đình Quang (2016), *"Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc"*, NXB Quân đội nhân dân.

94. Tô Huy Rứa, Hoàng Chí Bảo, Trần Khắc Việt, Lê Ngọc Tùng (2005), *Nhìn lại quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng 1986-2005*, tập 2, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.

95. Văn Tạo (2014), "Tư tưởng về đoàn kết qua Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh", *Tạp chí Lịch sử Đảng* (4), tr.37-42.

96. Văn Tạo (2009), "Phát huy truyền thống mặt trận dân tộc Việt Nam trong thời kỳ đổi mới", *Tạp chí Tuyên giáo* (2), tr.38-40.

97. Đới Văn Tặng (2023), *Mối quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội trong thực hiện giám sát, phản biện xã hội thực trạng, giải pháp*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

98. Nguyễn Thị Thanh (2009), "Xây dựng nhà nước pháp quyền, phát huy sức mạnh ĐĐKDT thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội X, *Tạp chí Lý luận chính trị* (5), tr.31-36.

99. Song Thành, (1997), *Một số vấn đề phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu về Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.

100. Song Thành, (2007), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.

101. Nguyễn Xuân Thắng (2016), "Hồ Chí Minh - Hành trình lịch sử sáng tạo với sự ra đời của mặt trận Việt Minh", *Tạp chí Lịch sử Đảng* (5), tr.5-7.

102. Lê Ngọc Thắng (2005), *Hồ Chí Minh với vấn đề đoàn kết các dân tộc*, NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

103. Nguyễn Văn Thế (2008), "Sự thống nhất và đấu tranh giai cấp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở Việt Nam trong Tư tưởng Hồ Chí Minh", *Tạp chí Triết học* (203)(4), tr.11-16.

104. Trương Thị Thông (2009), "Một số bài học kinh nghiệm trong công tác dân vận của Đảng", *Tạp chí Lý luận chính trị* (3), tr.21-26.

105. Đặng Hữu Toàn (2008), "Đoàn kết dân tộc trên cơ sở đồng thuận xã hội", *Tạp chí Triết học* (203) (4), tr.17-23.

106. Hoàng Trang (2005), *Toàn dân đoàn kết chống Mỹ, cứu nước dưới ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh (1954-1975)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

107. Nguyễn Phú Trọng, (2023), *Phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc*, NXB Chính trị Quốc Gia – Sự thật, Hà Nội.

108. Nguyễn Phú Trọng, (2023), *Đoàn kết, vững tin đưa đất nước vào giai đoạn mới*, NXB Chính trị Quốc Gia – Sự thật, Hà Nội.

109. Nguyễn Phú Trọng, (2023), *Toàn Đảng, toàn dân chung sức, đồng lòng xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc*, NXB Chính trị Quốc Gia – Sự thật, Hà Nội.

110. Nguyễn Xuân Trung (2022), *Giải quyết vấn đề dân tộc – tôn giáo ở Việt Nam hiện nay nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

111. Bùi Thanh Tuấn (3-2023), "Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc", *Tạp chí Lý luận chính trị* (541), tr.28-31

112. Trần Thị Minh Tuyết (2022), *Giá trị và sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

113. Trần Thị Minh Tuyết (2016), "Đoàn kết, thống nhất trong Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh", *Tạp chí Lịch sử Đảng* (1), tr.30-33.

114. Hoàng Vi (2009), *Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết giúp nhau cùng phát triển*, NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

115. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2006), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Tập 2, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

116. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2006), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Tập 3, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

117. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2006), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

118. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2006), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

119. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2006), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Tập 6, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

120. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2006), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Tập 7, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

121. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2006), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Tập 8, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

122. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2006), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Tập 9, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

123. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2006), *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Tập 10, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Tiếng Anh

124. Nguyen Van Dao. (2020), Ho Chi Minh's thought on Great National Unity and its Significance to the Current Policy of National Unity of the Communist Party of Vietnam, *South Asian Research Journal of Humanities and Social Sciences*, ISSN 2664-4002 (Print) & ISSN 2664-6714 (Online), Volume-2, Issue-4, July-Aug -2020.

125. Institute of Asian and African studies Lomonosov Moscow State University, Faculty of Political Science VNU-University of Social Sciences and Humanities. (2020), *Ho Chi Minh's Heritage in VietNam and Abroad*, Moscow University Press.

126. Institute of China and Contemporary Asia of the Russian Academy of Sciences (ICCA RAS), Faculty of Political Science VNU-University of Social Sciences and Humanities. (2022), The Communist Party of Vietnam: Empowering National Progress, *Moscow University Press*

127. Trinh Van Quyet (2024). Application of Ho Chi Minh's thought on 'taking the people as the root' in building the people's hearts-and-minds posture: consolidating national defense. *Communist Review*. Thursday, January 18, 2024 https://en.tapchicongsan.org.vn/web/english/focus/detail/-/asset_publisher/FMhwM2oQCZEZ/content/application-of-ho-chi-minh-s-thought-on-taking-the-people-as-the-root-in-building-the-people-s-hearts-and-minds-posture-consolidating-national-defense?

Website

128. Báo Điện tử Đầu tư (2025), *Thương mại Việt Nam – Trung Quốc vượt 205 tỷ USD*, https://baodautu.vn/thuong-mai-viet-nam---trung-quoc-vuot-205-ty-usd-d240770.html?, ngày15/01/2025.

129. Báo Điện tử Quảng Ninh (2025), *Gần 200 sinh viên Trường Đại học Hạ Long được tuyển dụng trước khi tốt nghiệp*, https://baoquangninh.vn/gan-200-sinh-vien-dai-hoc-ha-long-duoc-tuyen-dung-truoc-them-tot-nghiep-3368497.html, ngày 25/7/2025.

130. Báo điện tử Chính Phủ (2025), *Sức mạnh của đoàn kết*,

https://baochinhphu.vn/print/suc-manh-cua-doan-ket-102250629094534147.htm?, ngày 29/6/2025.

131. Báo Điện tử Chính phủ (2024), *Quảng Ninh thu hút hơn 15 triệu lượt khách du lịch trong năm 2023*, https://baochinhphu.vn/quang-ninh-thu-hut-hon-15-trieu-khach-du-lich-trong-nam-2023-102240105111924068.htm, ngày 05/01/2024.

132. Báo Lào Cai điện tử (2023), *Lào Cai đón trên 7.2 triệu lượt khách du lịch trong năm 2023*, https://baolaocai.vn/lao-cai-don-tren-72-trieu-luot-khach-du-lich-trong-nam-2023-post377846.html, ngày 28/12/2023.

133. Báo Điện tử Quân đội nhân dân (2025), *Hà Giang đẩy mạnh công tác quảng bá du lịch năm 2025*, https://www.qdnd.vn/du-lich/tin-tuc/ha-giang-day-manh-cong-tac-quang-ba-du-lich-nam-2025-811680, ngày 15/01/2025.

134. Báo Kiểm toán điện tử (2025), *Quảng Ninh đứng thứ 6 cả nước về tăng trưởng kinh tế*, http://baokiemtoan.vn/quang-ninh-dung-thu-6-ca-nuoc-ve-tang-truong-kinh-te-. 37855.html, ngày 22/01/2025.

135. Báo điện tử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2025), *MTTQ Việt Nam tỉnh Lai Châu - Cầu nối đoàn kết, xây dựng tỉnh phát triển*, https://m.mattran.org.vn/hoat-dong-mat-tran-dia-phuong/mttq-viet-nam-tinh-lai-chau-cau-noi-doan-ket-xay-dung-tinh-phat-trien-65588.html, ngày 16/9/2025.

136. Báo Nhân dân điện tử (2023), Lào Cai tổng kết 20 năm "*Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc"*, https://nhandan.vn/lao-cai-tong-ket-20-nam-ngay-hoi-dai-doan-ket-toan-dan-toc-post767440.html?, ngày 15/8/2023.

137. Báo Điện Biên TV (2023), *Tổng kết 20 năm tổ chức Ngày hội "Đại đoàn kết toàn dân tộc,* https://dienbientv.vn/tin-tuc-su-kien/chinh-tri/202305/tong-ket-20-nam-to-chuc-ngay-hoi-dai-doan-ket-toan-dan-toc-5803617/?, ngày 15/5/2023.

138. Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh ủy Tuyên Quang (2023), *Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Hà Giang khai giảng năm học 2023-2024*, https://tuyengiao.hagiang.gov.vn/tin-tuc/tin-tuc-su-kien-noi-bat/phan-hieu-dai-hoc-thai-nguyen-tai-ha-giang-khai-giang-nam-hoc-2023-2024.html, truy cập ngày 15/11/2023.

139. Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch (2024), *Lạng Sơn: Tập*

trung phát triển toàn diện du lịch, đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng du lịch đồng bộ, hiện đại, https://bvhttdl.gov.vn/lang-son-tap-trung-phat-trien-toan-dien-du-lich-day-manh-thu-hut-dau-tu-xay-dung-ha-tang-du-lich-dong-bo-hien-dai-20241227141202314.htm, ngày 27/12/2024.

140. Đỗ Văn Chiến (2024), *Nâng cao vai trò nòng cốt chính trị của MTTQ Việt Nam, phát huy dân chủ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc*, Ban tuyên giáo, Tạp chí Điện tử Tuyên giáo, https://www.tuyengiao.vn/nang-cao-vai-tro-nong-cot-chinh-tri-cua-mat-tran-to-quoc-viet-nam-phat-huy-dan-chu-suc-manh-dai-doan-ket-toan-156969, ngày 14/10/2024.

141. Cổng thông tin điện tử Bộ Dân tộc và Tôn giáo (2025), *Kết quả điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024,* http://cema.gov.vn/thong-bao/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-thuc-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2024.htm, ngày 18/7/2025.

142. Nguyễn Dương (2024), *Quảng Ninh thiệt hại hơn 23.700 tỷ đồng do bão Yagi*, ngày 15/9/2024, https://dantri.com.vn/xa-hoi/quang-ninh-thiet-hai-hon-23700-ty-dong-do-bao-yagi-20240915160603978.htm

143. Đào Thị Hoàn (2025), *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh nội sinh đưa đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên mới*, Tạp chí Lý luận chính trị, https://lyluanchinhtri.vn/van-dung-tu-tuong-ho-chi-minh-ve-dai-doan-ket-toan-dan-toc-phat-huy-suc-manh-noi-sinh-dua-dat-nuoc-vung-buoc-tien-vao-ky-nguyen-moi-6714.html?, ngày 21/02/2025.

144. Học viện Chính trị Công An nhân dân (2022), *Chống diễn biến hòa bình: Tình hình mới và yêu cầu đặt ra đối với việc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch*, https://hvctcand.bocongan.gov.vn/chong-dien-bien-hoa-binh/tinh-hinh-moi-va-yeu-cau-dat-ra-doi-voi-viec-dau-tranh-phan-bac-cac-quan-diem-sai-trai-thu-dich-4079, ngày 05/7/2022.

145. Học viện Chính trị Công An nhân dân (2022), *Chống diễn biến hòa bình: Tình*

hình mới và yêu cầu đặt ra đối với việc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, https://hvctcand.bocongan.gov.vn/chong-dien-bien-hoa-binh/tinh-hinh-moi-va-yeu-cau-dat-ra-doi-voi-viec-dau-tranh-phan-bac-cac-quan-diem-sai-trai-thu-dich-4079, ngày 05/7/2022.

146. Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai (2024), *Biểu 13 quy mô đào tạo, số lượng nhập học năm mới và số lượng tốt nghiệp năm 2024*, https://laocai.tnu.edu.vn/bieu-13-quy-mo-dao-tao-so-luong-nhap-hoc-nam-moi-va-so-luong-tot-nghiep-nam-2024/, ngày 01/09/2024.

147. Phùng Hữu Phú (2025), *Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc và những yêu cầu lịch sử*, Tạp chí Cộng sản, https://tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-va-nhung-yeu-cau-lich-su, ngày 03/01/2025.

148. Tô Lâm (2024), *Cơ sở định vị mục tiêu phát triển và định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới*, Báo Nhân Dân (25193), https://image.nhandan.vn/Uploaded/2024/tmuivppi/2024_11_01/docbao-ndhangngay-01112024-8657.pdf

149. Tô Lâm (2025), "*Phát triển kinh tế tư nhân - đòn bẩy cho một Việt Nam thịnh vượng*", Báo Điện tử Chính phủ, xaydungchinhsach.chinhphu.vn/phat-trien-kinh-te-tu-nhan-don-bay-cho-mot-viet-nam-thinh-vuong- 119250318000126845.htm, ngày 02/4/2025.

150. Hoàng Nga (2025), *Phong trào "Bình dân học vụ số" ở thành phố thủ phủ*, Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ninh, https://www.quangninh.gov.vn/chuyen-de/DH-Dang/Trang/ChiTietTinTuc.aspx?nid=153049, ngày 05/4/2025.

151. Hương Thu (2024), *Lào Cai: Xét xử sơ thẩm vụ án khai thác quặng lậu, rửa tiền tại công ty Lilama*, https://www.vietnamplus.vn/lao-cai-xet-xu-so-tham-vu-an-khai-thac-quang-lau-rua-tien-tai-cong-ty-lilama-post953357.vnp, ngày 20/04/2024.

152. Tổng cục thống kê (2025), *Thông báo kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024*, http://cema.gov.vn/thong-bao/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-thuc-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2024.htm, ngày 18/7/2025.

153. Trang thông tin Điện tử Cục Thống kê (2025), *Thông cáo Báo chí kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2024,* https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2025/05/thong-cao-bao-chi-ket-qua-khao-sat-muc-song-dan-cu-nam-2024, ngày 16/5/2025.

154. Tạp chí Cộng sản điện tử (2024), *Chuyển đổi số toàn diện ở tỉnh Quảng Ninh: Những kết quả đạt được và nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới*, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/1024302/chuyen-doi-so-toan-dien-o-tinh-quang-ninh--nhung-ket-qua-dat-duoc-va-nhiem-vu%2C-giai-phap-trong-thoi-gian-toi.aspx, ngày 29/11/2024.

155. Tạp chí điện tử Diễn đàn doanh nghiệp (2025), *Lạng Sơn xếp thứ 4 cả nước về chuyển đổi số*, https://diendandoanhnghiep.vn/lang-son-xep-thu-4-ca-nuoc-ve-chuyen-doi-so-10149872.html, ngày 02/12/2025.

156. Trang thông tin Điện tử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2023), *Sức lan tỏa qua 20 năm thực hiện Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc ở Hà Giang,* https://m.mattran.org.vn/cac-cuoc-van-dong-phong-trao-thi-dua/suc-lan-toa-qua-20-nam-thuc-hien-ngay-hoi-dai-doan-ket-toan-dan-toc-o-ha-giang-53161.html, ngày 14/11/2023.

157. Trang thông tin Điện tử Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Cao Bằng (2023), *Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết 20 năm Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc và biểu dương Gia đình văn hóa tiêu biểu cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" giai đoạn 2003 – 2023*, https://ubmattran.caobang.gov.vn/hoat-dong-mat-tran-to-quoc-tinh/uy-ban-mttq-viet-nam-tinh-to-chuc-hoi-nghi-tong-ket-20-nam-ngay-hoi-dai-doan-ket-toan-dan-toc-va-926254, ngày 09/09/2023.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1 (Trích tại Biểu 1.6.) DÂN SỐ CHIA THEO DÂN TỘC, GIỚI TÍNH, THÀNH THỊ, NÔNG THÔN, VÙNG KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, 01/7/2024

*Ghi chú: *: Số trường hợp quan sát được ít, từ 25 đến 49 trường hợp. Cần thận trọng khi sử dụng số liệu suy rộng. (ô dữ liệu màu vàng) **: Số trường hợp quan sát được rất ít, dưới 25 trường hợp. Không nên sử dụng số liệu suy rộng. (ô dữ liệu màu xanh) (1): Dân tộc thiểu số ít người.*

	Tổng số	Tày	Thái	Hoa	Khmer	Mường	Nùng	Mông	Dao	Gia Rai	Ngái (1)	Ê đê	Ba Na	Xơ Đăng	Sán Chay	Cơ Ho	Chăm	Sán Dìu	Hrê	Mnông	Ra glay	Xtiêng	Bru Vân Kiều	Thổ	Giáy	Cơ Tu	Giẻ Triêng	Mạ	Khơ mú	Co	Tà Ôi	Chơ Ro	Kháng	Xinh Mun	Hà Nhì	Chu Ru	Lào	La Chí	La Ha (1)	Phù Lá	La Hủ	Lự (1)	Lô Lô (1)	Chứt (1)	Mảng (1)	Pà Thẻn (1)	Cơ Lao (1)	Cống (1)	Bố Y (1)	Si La (1)	Pu Péo (1)	Brâu (1)	Ơ Đu (1)	Rơ Măm (1)
Trung du và vùng núi phía bắc	7302211	1528275	1238077	40043	194	910565	887959	1332885	783976	986	705	174	106	109	157190	12(**)	18(**)	134591	83	107	15(**)	6(**)	64	34 68	519 28	16(**)	37(*)	4(**)	561 01	25(*)	113	9(**)	279 10	249 72	178 45	5(**)	236 84	161 99	108 39	87 39	102 28	63 34	48 02	6(**)	425 0	81 70	29 66	24 82	34 09	804	711	-	12(**)	-
Nam	3697702	774891	615331	21799	91	460594	459464	668583	398205	31(*)	402	18(**)	9(**)	36(*)	83583	-	2(**)	71945	14(**)	25(*)	-	-	35(*)	15 73	266 11	3(**)	-	-	272 56	4(**)	6(**)	-	139 94	123 32	855 2	-	121 73	821 5	561 6	41 73	505 7	31 64	23 15	6(**)	206 7	41 62	15 65	12 30	17 81	415	374	-	-	-
Nữ	3604508	753384	622746	18244	103	449972	428495	664302	385771	955	303	156	97	73	73608	12(**)	16(**)	62646	69	83	15(**)	6(**)	29(*)	18 95	253 18	13(**)	37(*)	4(**)	288 45	21(**)	107	9(**)	139 16	126 40	929 3	5(**)	115 11	798 4	522 3	45 66	517 1	31 70	24 87	-	218 3	40 08	14 01	12 52	16 28	389	337	-	12(**)	-
Thành thị	7001 41	251595	126841	6059	71	691 54	100241	648044	395 58	35(*)	493	11(**)	63	5(**)	105 75	-	16(**)	126 22	10(**)	18(**)	-	-	1(**)	92 0	856 1	4(**)	3(**)	-	242 8	-	1(**)	-	337	20(**)	713	-	144	180 0	72	390	22(**)	42(*)	53 3	-	7(**)	52 6	74	40(*)	10 81	35(*)	215	-	-	-
Nông thôn	6602069	1276680	1111236	33984	123	841411	787718	1268081	744418	952	213	163	42(*)	105	146615	12(**)	2(**)	121970	73	89	15(**)	6(**)	63	25 47	433 67	12(**)	34(*)	4(**)	536 73	25(*)	112	9(**)	275 73	249 52	171 31	5(**)	235 40	143 99	107 67	83 49	102 06	62 92	42 69	6(**)	424 3	76 43	28 92	24 42	23 27	769	496	-	12(**)	-
01. Hà Giang	7734 38	196141	571	8949	32(*)	920	91952	283903	146049	12(**)	28(*)	-	-	1(**)	807	-	-	130	-	21(**)	-	-	-	3(**)	147 30	2(**)	-	-	10(**)	-	1(**)	-	178	-	-	-	9(**)	156 74	-	388	-	-	17 84	-	4(**)	63 55	29 21	-	11 81	-	682	-	-	-
Nam	3887 31	996003	188	5017	11(**)	435	46833	141353	72638	6(**)	9(**)	-	-	-	403	-	-	70	-	11(**)	-	-	-	1(**)	733 0	-	-	-	-	-	-	-	166	-	-	-	-	799 1	-	114	-	-	80 7	-	-	32 47	15 42	-	59 9	-	359	-	-	-
Nữ	3847 06	965338	383	3931	21(**)	485	45119	142550	73411	6(**)	19(**)	-	-	1(**)	404	-	-	60	-	10(**)	-	-	-	2(**)	740 0	2(**)	-	-	10(**)	-	1(**)	-	12(**)	-	-	-	9(**)	768 2	-	274	-	-	97 8	-	4(**)	31 08	13 79	-	58 3	-	323	-	-	-
Thành thị	6888 2	281477	70	2821	-	470	55588	173199	74722	-	24(**)	-	-	-	261	-	-	27(*)	-	6(**)	-	-	-	3(**)	317 4	2(**)	-	-	1(**)	-	1(**)	-	164	-	-	-	1(**)	176 1	-	76	-	-	51 2	-	-	47 1	74	-	25 4	-	215	-	-	-
Nông thôn	7045 55	167994	502	6128	32(*)	450	86395	266584	138577	12(**)	4(**)	-	-	1(**)	546	-	-	103	-	15(**)	-	-	-	-	115 56	-	-	-	9(**)	-	-	-	14(**)	-	-	-	8(**)	139 13	-	312	-	-	12 72	-	4(**)	58 84	28 47	-	92 7	-	467	-	-	-
02. Cao Bằng	5238 94	222516	506	116	4(**)	296	16235 6	608500	65496	73	40(*)	-	23(**)	-	8616	4(**)	-	86	-	-	-	-	-	12(**)	6(**)	1(**)	3(**)	-	19(**)	10(**)	-	-	-	-	-	-	4(**)	-	-	-	-	-	28 48	-	9(**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nam	2582 74	108359	141	54	-	69	80771	30433	32621	-	26(*)	-	4(**)	-	4314	-	-	45(*)	-	-	-	-	-	4(**)	1(**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14 32	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nữ	2656 21	114156	365	62	4(**)	227	81586	304177	32875	73	14(**)	-	19(**)	-	4302	4(**)	-	41(*)	-	-	-	-	-	8(**)	5(**)	1(**)	3(**)	-	19(**)	10(**)	-	-	-	-	-	-	4(**)	-	-	-	-	-	14 15	-	9(**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thành thị	9576 1	574555	48(*)	87	-	105	32702	2613	2448	-	40(*)	-	23(**)	-	136	-	-	80	-	-	-	-	-	5(**)	-	-	3(**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4(**)	-	-	-	-	-	13(**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nông thôn	4281 34	165061	458	29(*)	4(**)	191	12965 4	582377	63048	73	-	-	-	-	8480	4(**)	-	7(**)	-	-	-	-	-	8(**)	6(**)	1(**)	-	-	19(**)	10(**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	28 34	-	9(**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
03. Lào Cai	5138 77	111404	1455	265	-	1026	36592	227452	98099	-	-	-	-	-	83	-	-	-	-	-	-	-	-	-	242 70	-	-	-	4(**)	-	-	-	7(**)	-	3572	-	2(**)	201	-	7237	-	3(**)	21(**)	-	-	17(**)	-	-	21 67	-	-	-	-	-
Nam	2609 14	569600	520	127	-	389	19055	115097	49232	-	-	-	-	-	40(*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	129 44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1758	-	-	134	-	3502	-	1(**)	14(**)	-	-	-	-	-	11 40	-	-	-	-	-
Nữ	2529 63	544455	934	137	-	637	17537	112355	48867	-	-	-	-	-	43(*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	113 26	-	-	-	4(**)	-	-	-	7(**)	-	1814	-	2(**)	67	-	3735	-	2(**)	7(**)	-	-	17(**)	-	-	10 27	-	-	-	-	-
Thành thị	4230 3	100411	116	9(**)	-	302	6200	184114	3495	-	-	-	-	-	12(**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	266 3	-	-	-	-	-	-	-	4(**)	-	-	-	-	-	-	205	-	-	8(**)	-	-	17(**)	-	-	81 3	-	-	-	-	-
Nông thôn	4715 74	101364	1338	255	-	724	30393	209038	94604	-	-	-	-	-	71	-	-	-	-	-	-	-	-	-	216 07	-	-	-	4(**)	-	-	-	3(**)	-	3572	-	2(**)	198	-	7032	-	3(**)	13(**)	-	-	-	-	-	13 54	-	-	-	-	-
04. Điện Biên	5392 08	280608	248608	4963	-	561	904	235206	3029	31(*)	-	-	-	-	23(**)	-	-	35(*)	-	-	-	-	-	727	37(*)	-	3(**)	-	26620	-	-	-	5864	292	1074	-	6922	-	-	176	2(**)	-	-	-	10(**)	-	-	1042	-	272	-	-	-	-
Nam	2677 14	148656	122256	2498	-	313	566	118287	1486	-	-	-	-	-	5(**)	-	-	11(**)	-	-	-	-	-	360	12(**)	-	-	-	12990	-	-	-	2825	142	425	-	3296	-	-	91	1(**)	-	-	-	1(**)	-	-	516	-	149	-	-	-	-

| | | |

Phụ lục 2: Bản đồ hành chính 07 tỉnh miền núi Phía bắc, Việt Nam giáp danh với Trung Quốc (trước sáp nhập)

(Nguồn: https://thuvienphapluat.vn/hoi-dap-phap-luat/839EB99-hd-quy-mo-dan-so-cua-cac-tinh-thuoc-vung-trung-du-va-mien-nui-bac-bo-la-bao-nhieu.html*)*

Phụ lục 2: Bản đồ hành chính 07 tỉnh miền núi Phía bắc, Việt Nam giáp danh với Trung Quốc

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ, CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH NĂM 2025				
TỈNH	**DIỆN TÍCH (KM2)**	**DÂN SỐ**	**MẬT ĐỘ DÂN SỐ**	**QUY MÔ KINH TẾ (TỶ ĐỒNG)**
Lào Cai	13.257 km²	1.656.500	140 người/km2	125.886
Hà Giang (nay là Tỉnh Tuyên Quang)	13.796 km²	1.731.600	134 người/km2	86.247
Cao Bằng	6.700,4 km²	574.000	111 người/ km2	25.204
Lạng Sơn	8.310,2 km²	908.000	136 người/ km2	49.736
Lai Châu	9.068,7 km²	469.000	50 người/ km2	31.025
Điện Biên	9.539,9 km²	554.000	105 người/ km2	31.663

Nguồn: Nghị quyết 60-NQ/TW, ngày 12/4/2025, Hội nghị lần thứ 11 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII

Phụ lục 3. So sánh tốc độ tăng trưởng kinh tế tại các tỉnh miền núi phía Bắc với một số tỉnh/thành phố trong nước từ năm 2011 đến năm 2024 (Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Tên tỉnh	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) (năm 2011)	Tổng GRDP (tỉ VNĐ) Năm 2011	Thu nhập bình quân đầu người	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) (năm 2024)	Tổng GRDP (tỉ VNĐ) Năm 2024	Xếp hạng quốc gia
TP HCM	12%	201.416 tỷ đồng	3.130 USD/người	7,17%	1.479.227	
Hà Nội	10,13%	80.952 tỷ đồng	37 triệu đồng/ đồng/năm	6,52%	1.196.004	
Hải Phòng	11,85%	39.755 tỷ đồng		11,01%	365.585	03/63
Bắc Ninh	16,24%	59.700 tỷ đồng		6,03%	243.032	
Điện Biên		5.625 tỷ đồng (năm 2010)	11,15 triệu đồng (năm 2010)	8,51%	16.262.22	18/63
Lai Châu	14,2%	559 tỷ	9.2 triệu đồng/người/năm	10,52%	15.038.057	
Hà Giang	11%			6,05%	35.822.8	
Lào Cai	10.93%		20.8 triệu đồng/ năm	7,38%	77.223	
Cao Bằng	9,5% (Năm 2012)		13,2 triệu đồng/người	6,74%	25.204	
Lạng Sơn	9-10%			6,01%	25.779	20/63
Quảng Ninh	12%		46.7 triệu đồng/ người/năm	8,42%	347.5	

Phụ lục 4: Bảng so sánh tỷ lệ % dân số đang trong độ tuổi đi học phổ thông nhưng không đi học tại 07 tỉnh miền núi phía Bắc với một số khu vực trong nước (Trang 362) (Đơn vị tính: %) (Nguồn: https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2019/12/Ket-qua-toan-bo-Tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-2019.pdf)

Vùng/địa phương	Tổng số			Thành thị			Nông thôn		
	Chung	Nam	Nữ	Chung	Nam	Nữ	Chung	Nam	Nữ
Toàn quốc	**8,3**	**9,2**	**7,5**	**5,7**	**6,3**	**5,1**	**9,6**	**10,5**	**8,5**
Vùng Trung du miền núi phía Bắc	8,7	8,6	8,8	2,4	2,6	2,1	10,0	9,8	10,2
Vùng Đồng bằng Sông Hồng	3,2	3,6	2,8	1,9	2,1	1,6	3,9	4,3	3,4
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	6,7	8,0	5,4	4,6	5,6	3,6	7,5	8,9	6,1
Hà Giang	17,5	16,4	18,7	4,9	4,8	5,1	19,8	18,5	21,2
Cao Bằng	12,2	12,5	11,8	3,1	3,7	2,5	14,7	14,9	14,6
Lào Cai	11,9	11,3	12,5	3,3	3,7	2,9	14,2	13,3	15,1
Điện Biên	14,7	12,8	16,9	2,3	2,5	2,1	16,5	14,2	18,9
Lai Châu	17,0	15,8	18,3	5,1	5,1	5,0	19,2	17,7	20,7
Lạng Sơn	4,9	6,1	3,5	1,8	2,4	1,2	5,6	7,0	4,1
Quảng Ninh	4,0	4,3	3,6	2,2	2,5	1,9	7,0	7,4	6,6
Bắc Ninh	3,5	3,6	3,4	2,8	3,1	2,5	3,8	3,8	3,7
Thái Nguyên	3,0	3,6	2,4	1,4	1,6	1,1	3,7	4,4	3,0

Phụ lục 05: ***Thống kê tỷ lệ % trình độ học vấn tại khu vực Trung du miền núi phía Bắc so với các khu vực khác trên cả nước đến năm 2019 (Nguồn: Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, NXB Thống kê năm 2020, trang 405-425)***

Khu vực	**Tổng số**	**Dưới tiểu học**	**Tiểu học**	**THCS**	**THPT**	**Sơ cấp**	**Trung cấp**	**Cao đẳng**	**Đại học**	**Thạc sĩ**	**Tiến sĩ**
Trung du miền núi phía Bắc	100	15,0	19,3	33,3	14,4	3,4	4,8	3,2	6,3	0,3	0,0
Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung	100	8,7	21,6	33,7	17,5	2,4	4,0	3,7	7,9	0,4	0,0
Tây Nguyên	100	14,9	25,3	32,4	13,5	1,6	3,1	2,6	6,4	0,3	0,0
Đồng bằng Sông Hồng	100	2,7	11,7	37,2	20,4	5,3	4,7	4,4	12,3	1,1	0,2
Đồng bằng Sông Cửu Long	100	18,4	34,6	26,1	11,2	11	1,8	1,6	4,9	0,2	0,0
Đông Nam Bộ	100	6,3	20,5	30,2	22,2	3,3	2,6	3,3	11,0	0,6	0,1

Phụ lục 06: ***Thống kê tỷ lệ % trình độ học vấn tại các tỉnh miền núi phía Bắc theo giới tính, thành thị/ nông thôn tại Trung du miền núi phía Bắc so với các khu vực khác trên cả nước đến năm 2019 (Nguồn: Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, NXB Thống kê năm 2020, trang 426-465)***

Các tỉnh/ TP	Tổng số	Dưới tiểu học	Tiểu học	THCS	THPT	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ
Hà Nội	100	2,0	9,6	26,9	20,7	8,1	5,2	5,0	19,9	2,2	0,4
Hà Giang	100	32,1	19,8	24,9	8,3	3,0	4,2	2,0	5,6	0,2	0,0
Cao Bằng	100	22,2	19,4	22,7	14,8	2,6	7,5	3,5	7,1	0,2	0,0
Lào Cai	100	23,2	18,0	31,3	11,0	1,1	5,0	3,1	7,1	0,3	0,0
Điện Biên	100	32,6	18,5	25,0	7,5	1,8	4,7	3,0	6,5	0,4	0,0
Lai Châu	100	41,7	15,5	22,4	5,9	1,3	4,3	2,4	6,2	0,3	0,0
Hoà Bình	100	8,5	22,6	34,6	18,2	1,7	4,9	3,2	6,0	0,3	0,0
Thái Nguyên	100	5,2	16,8	35,7	20,5	2,7	5,6	4,2	8,5	0,7	0,1
Lạng Sơn	100	12,6	23,4	30,6	14,3	4,7	4,8	3,5	5,9	0,3	0,0
Quảng Ninh	100	5,8	13,5	29,4	24,1	3,9	7,3	4,5	10,9	0,6	0,0

Phụ lục 7: Các văn bản liên quan đến vấn đề đại đoàn kết dân tộc của Trung ương

TT	Số, kí hiệu, thời gian ban hành	Trích yếu nội dung của văn bản
I	**VĂN BẢN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**	
1.	Nghị quyết số: 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, ngày 12 tháng 03 năm 2003	Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh
2.	Nghị Quyết số: 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung Ương	về Công tác dân tộc của Ban Chấp hành Trung Ương Đảng (Khóa IX) tại Hội nghị lần thứ bảy.
3.	Nghị quyết số: 27-NQ/TW, ngày 06 tháng 8 năm 2008	Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về "Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".
4.	Chỉ thị số 04-CT/TW, ngày 06 tháng 07 năm 2011 của Ban Bí thư Trung Ương Đảng	Về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới.
5.	Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 09/12/2011 của Bộ Chính trị	Về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước
6.	Quyết định của BCH TW Số: 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013	Quyết định Ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

7.	Nghị quyết số: 25-NQ/TW, ngày 03/06/2013	Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới
8.	Nghị quyết số: 18-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017	Nghị quyết hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung Ương khoá XII về Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
9.	Chỉ thị số: 05-CT/TW ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư	Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030.
10.	Nghị quyết số: 11-NQ/TW, ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị	Về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở vùng trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
11.	Nghị quyết số: 19-NQ/TW, ngày 16 tháng 6 năm 2022	Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung Ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân và nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045.
12.	Nghị quyết số: 21-NQ/TW, ngày 16 tháng 6 năm 2022	Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung Ương Đảng khoá XIII về tăng cường củng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong thời kì mới.

13.	Nghị quyết số: 29-NQ/TW, ngày 17 tháng 11 năm 2022	Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung Ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
14.	Nghị quyết số: 43-NQ/TW, ngày 24 tháng 11 năm 2023, Hội nghị lần thứ 8, Ban chấp hành Trung Ương.	Nghị Quyết Hội Nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung Ương Đảng khoá XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.
15.	Nghị quyết số: 44-NQ/TW ngày 24/11/2023	Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.
16.	Nghị quyết số: 45-NQ/TW, ngày 24/11/2023	Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.
17.	Nghị quyết số: 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị	về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
II	**LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI**	
	Số, kí hiệu, thời gian ban hành	**Trích yếu nội dung của văn bản**
1.	Luật số: 06/2003/QH11 của Quốc hội, ngày 17/6/2003	Luật biên giới quốc gia

2.	Luật số: 35/2013/QH13 của Quốc hội, ngày 20/6/2013	Luật hòa giải ở cơ sở
3.	Quyết định số: 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Ban chấp hành Trung Ương	Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.
4.	Luật số: 75/2015/QH13 của Quốc hội, ngày 09-06-2015	Luật Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam
5.	Luật số: 85/2015/QH13 của Quốc hội, ngày 25/06/2015	Luật bầu cử đại biểu quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân
6.	Luật số: 87/2015/QH13 của Quốc hội, ngày 20/11/2015	Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân
7.	Nghị quyết số: 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019	Về phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.
8.	Nghị quyết số: 20/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020	Về phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.
9.	Quyết định ban hành kế hoạch triển khai nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19	Quyết định ban hành kế hoạch triển khai nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu

	tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội	tư chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.
III	**QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**	
	Số, kí hiệu, thời gian ban hành	**Trích yếu nội dung của văn bản**
1.	Quyết định số: 52/2010/QĐ-TTg, ngày 18/8/2010	Về chính sách hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo giai đoạn 2010-2020.
2.	Quyết định số: 2123/2010/QĐ-TTg, ngày 22/11/2010	Phê duyệt Đề án "Phát triển giáo dục đối với các dân tộc ít người giai đoạn 2010-2015".
3.	Quyết định số: 85/2010/QĐ-TTg, ngày 21/12/2010	Về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ người học cho học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú.
4.	Quyết định số: 2472/QĐ-TTg, ngày 28/12/2010	Về cấp một số loại báo, tạp chí cho vùng dân tộc và miền núi đặc biệt khó khăn.
5.	Nghị định số: 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011	về Công tác dân tộc.
6.	Quyết định số: 18/2011/QĐ-TTg, ngày 18/3/2011	Về chính sách đối với người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

7.	Quyết định số: 1270/2011/ QĐ-TTg, ngày 27/7/2011	Phê duyệt Đề án "bảo tồn, phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020".
8.	Quyết định số: 1610/2011/QĐ-TTg, ngày 16/9/2011	Phê duyệt Chương trình thực hiện Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020".
9.	Quyết định số: 42/2012/QĐ-TTg, ngày 18/10/2012	Về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.
10.	Quyết định số: 54/2012/QĐ-TTg, ngày 04/12/2012	Về việc ban hành chính sách cho ay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn.
11.	Quyết định số: 59/2012/ QĐ-TTg, ngày 24/12/2012	Về chính sách hỗ trợ pháp lý cho người nghèo, cho đồng bào dân tộc thiểu số tại xã nghèo giai đoạn 2013-2020.
12.	Quyết định số: 12/2013/QĐ-TTg, ngày 24/14/2012	Về quy định chính sách hỗ trợ học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
13.	Quyết định số: 551/QĐ-TTg, ngày 04/4/2013	Phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn bản, đặc biệt khó khăn.
14.	Quyết định số: 755/QĐ-TTg, ngày 20/5/2013	Phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo ở xã, thôn bản đặc biệt khó

		khăn.
15.	Quyết định số: 36/2013/QĐ-TTg, ngày 18/6/2013	Về chính sách hỗ trợ gạo cho học sinh tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn.
16.	Quyết định số: 66/2013/ QĐ-TTg, ngày 11/11/2013	Về quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.
17.	Chỉ thị số: 01/2015/CT-TTg, ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ	Về việc toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới.
18.	Quyết định số: 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016	Về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.
19.	Quyết định số: 2086/QĐ-TTg, ngày 31/10/2016	Phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế -xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016-2025.
20.	Quyết định số: 50/2016/QĐ-TTg, ngày 03/11/2016	Về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.
21.	Quyết định số: 582/2017/QĐ-TTg, ngày 28/4/2017	Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, Khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.
22.	Quyết định số: 900/2017/QĐ-TTg, ngày 20/6/2017	Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư chương trình 135, giai đoạn 2017-2020.

23.	Quyết định số: 945/QĐ-TTg, ngày 22/6/2017	Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2016 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.
24.	Quyết định số: 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/03/2018 của Thủ tướng Chính phủ	Về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.
25.	Quyết định số: 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2019	về "cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn" giai đoạn 2019-2021.
26.	Nghị quyết số: 12/NQ-CP ngày 15/2/2020 của Chính phủ	về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.
27.	Quyết định số: 1014/QĐ-TTg ngày 14/7/2020 của Thủ tướng	về thành lập ban chỉ đạo trung ương chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.
28.	Quyết định số: 861/QĐ-TTg ngày 04/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.
29.	Quyết định số: 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021đến năm 2025.

30.	Quyết định số: 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021	Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn TW và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: 2021-2025.
IV	**NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ**	
	Số, kí hiệu, thời gian ban hành	**Trích yếu nội dung của văn bản**
1.	Nghị quyết số: 30a/2008/NQ-CP, ngày 27/12/2017	Về Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững tại 62 huyện nghèo
V	**VĂN BẢN CỦA BỘ, UỶ BAN DÂN TỘC**	
1.	Quyết định số: 98/QĐ-UBDT ngày 18/2/2021 của Ủy ban Dân tộc	về kế hoạch thực hiện đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 (giai đoạn II).

(Nguồn: Tác giả tổng hợp, thống kê)

Phụ lục 9: Các văn bản liên quan đến vấn đề đại đoàn kết dân tộc của các tỉnh miền núi phía bắc

Phụ lục 9A: Các văn bản liên quan đến vấn đề dân tộc, đại đoàn kết dân tộc của Tỉnh uỷ các tỉnh miền núi phía Bắc

TT	Số, kí hiệu, thời gian ban hành	Trích yếu nội dung văn bản
I	**NGHỊ QUYẾT CỦA TỈNH UỶ**	
1.	Nghị quyết số: 01-NQ/ĐH ngày 05/10/2010 của Đảng bộ tỉnh Hà Giang	Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010-2015.
2.	Báo cáo số: 01-NQ/ĐH ngày 29/9/2015 của Đảng bộ tỉnh Hà Giang	Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020.
3.	Báo cáo số: 07-NQ/TU ngày 10/5/2021 của tỉnh ủy Hà Giang	Nghị quyết của Ban thường vụ tỉnh ủy tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.
4.	Báo cáo số: 27-NQ/TU ngày 01/5/2022 của tỉnh ủy Hà Giang	Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh thực hiện xóa bỏ hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh trong nhân dân các dân tộc tỉnh Hà Giang giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.
5.	Nghị quyết số: 17-NQ/TU, ngày 10/12/2021 của Tỉnh uỷ tỉnh Điện Biên	Về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã

		hội tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.
6.	Nghị quyết số: 01-NQ/ĐH ngày 16/10/2020 của Đảng bộ tỉnh Lào Cai	Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 Đảng bộ Tỉnh Lào Cai.
7.	Nghị quyết số: 06-NQ/TU ngày 17/5/2021 của ban chấp hành Đảng Bộ Tỉnh Quảng Ninh	Về phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030
8.	Nghị quyết số: 1018-BC/TU, ngày 28/9/2020, tỉnh uỷ Lào Cai	Báo cáo chính trị Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh Khoá XV trình đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025
9.	Nghị quyết số: 04-NQ/ĐH ngày 01/11/2010 của Đảng bộ tỉnh Lào Cai	Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2010-2015 Đảng bộ Tỉnh Lào Cai.
10.	Nghị quyết số: 01-NQ/ĐH, ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Đảng bộ tỉnh Lào Cai	Nghị quyết đại hội đại biểu lần thứ XV, nhiệm kỳ 2015 – 2020 đảng bộ Tỉnh Lào Cai.
11.	Nghị quyết số: 01-NQ/ĐH ngày 24/9/2015 của Đảng bộ tỉnh Lào Cai	Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2015-2020 Đảng bộ Tỉnh Lào Cai.
12.	Nghị quyết số: 05-NQ/ĐH, ngày 23 tháng 10 năm 2020, tỉnh Lai Châu	Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025.

II	**QUYẾT ĐỊNH CỦA TỈNH UỶ**	
2	Số 06-HD/TU, ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Ban thường vụ tỉnh uỷ Lai Châu.	Việc nhận diện các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".
III	**BÁO CÁO CỦA TỈNH UỶ**	
1.	Báo cáo số 21/BC-TU ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tỉnh ủy Hà Giang	Báo cáo kết quả triển khai thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2021; phương hướng, nhiệm vụ năm 2022.
2.	Báo cáo số 323-BC/TU ngày 20/10/2010 của BCH Đảng bộ tỉnh Lào Cai Khoá XIII	Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy Đoàn kết - Dân chủ - Sáng tạo xây dựng tỉnh Lào Cai phát triển nhanh và bền vững.
3.	Báo cáo số 1080-BC/TU, ngày 28 tháng 9 năm 2020, Tỉnh uỷ Lào Cai	Báo cáo chính trị ban chấp hành đảng bộ tỉnh khoá XV trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 – 2025.
4.	Báo cáo số 544-BC/TU, ngày 08/9/2015, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai	Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 2010 - 2015 trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2015 –2020.

5.	Báo cáo số 403-BC/TU, ngày 16 tháng 01 năm 2019 của BTV Tỉnh uỷ tỉnh Lai Châu	tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2018, nhiệm vụ năm 2019, của BTV Tỉnh uỷ tỉnh Lai Châu.
6.	Báo cáo số 86-BC/TU, ngày 03 tháng 02 năm 2012của Tỉnh uỷ Cao Bằng	Báo cáo kết quả công tác năm 2011, phương hướng nhiệm vụ năm 2012.
7.	Báo cáo số 184-BC/TU, ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Tỉnh uỷ Cao Bằng	Báo cáo kết quả công tác năm 2012, phương hướng nhiệm vụ năm 2013.
8.	Báo cáo số 290-BC/TU, ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Tỉnh uỷ Cao Bằng	Báo cáo kết quả công tác năm 2013, phương hướng nhiệm vụ năm 2014
9.	Báo cáo số 394-BC/TU, ngày 25 tháng 02 năm 2015 của Tỉnh uỷ Cao Bằng	Báo cáo kết quả công tác năm 2014, phương hướng nhiệm vụ năm 2015.
10.	Báo cáo số 32-BC/TU, ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Tỉnh uỷ Cao Bằng	Báo cáo kết quả công tác năm 2015, phương hướng nhiệm vụ năm 2016.
11.	Báo cáo số 151-BC/TU, ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Tỉnh uỷ Cao Bằng	Báo cáo kết quả công tác năm 2016, phương hướng nhiệm vụ năm 2017.
12.	Báo cáo số 442-BC/TU, ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Tỉnh uỷ Cao Bằng	Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 2018, triển khai nhiệm vụ công tác năm 2019.

13.	Báo cáo số 28-BC/TU, ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Tỉnh uỷ Cao Bằng	Báo cáo kết quả công tác năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021.
V	**KẾ HOẠCH VÀ CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN**	
1.	Đề án số: 09-ĐA/TU ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Ban thường vụ tỉnh ủy Hà Giang	Đề án về bảo tồn, khôi phục, phát huy giá trị văn hóa đặc trưng của dân tộc Mông trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2027-2020, định hướng đến năm 2030.
VI	**BÁO CÁO CỦA UBND TỈNH**	
1.	Báo cáo số 245/BC/HNDT ngày 08 tháng 10 năm 2022	Báo cáo Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của BCH TW Đảng khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.
2.	Báo cáo số: 276-UBND, ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh Điện Biên	Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện nghị quyết số 23/NQ-TW, ngày 02/03/2003 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
3.	Báo cáo số: 411-UBND, ngày 14/02/2023 của UBND tỉnh Điện Biên	Báo cáo đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giả nghèo bền vững đầu kì năm 2022 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
4.	Báo cáo số: 1937-BC/UBND, ngày 12/05/2023 của UBND tỉnh Điện Biên	Báo cáo tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2023, giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023-2025

		và định hướng triển khai trong giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.
5.	Báo cáo số: 3987-BC/UBND, ngày 12/09/2023 của UBND tỉnh Điện Biên	Báo cáo giữa kì việc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2023 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
6.	Báo cáo số: 6218-BC/UBND, ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Điện Biên	Báo cáo Kết quả thực hiện chương trình chuyên đề thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.
7.	Báo cáo số: 2905-BC/UBND, ngày 10/7/2023 của UBND tỉnh Điện Biên	Báo cáo Kết quả thực hiện chương trình chuyên đề thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 06 tháng đầu năm, nhiệm vụ, kế hoạch 06 tháng cuối năm.
8.	Báo cáo số: 173/BC-UBND, ngày 30 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh Điện Biên	Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2017.
9.	Báo cáo số: 282/BC-UBND, ngày 30 tháng 11 năm 2012, UBND tỉnh Điện Biên	Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội năm 2012, Kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội năm 2013
10.	Báo cáo số: 393 /BC-UBND, ngày 04 tháng 12 năm 2015, UBND tỉnh Điện	Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2015 và Kế hoạch phát triển kinh tế -

	Biên	xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2016.
11.	Báo cáo số: 313 /BC-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2013, UBND tỉnh Điện Biên	Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2013; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2014
12.	Báo cáo số: 393 /BC-UBND, ngày 03 tháng 12 năm 2021, UBND tỉnh Điện Biên	Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2021; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2022, tỉnh Điện Biên.
13.	Báo cáo số: 2882 /BC-UBND, ngày 07 tháng 7 năm 2023, UBND tỉnh Điện Biên	Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 06 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 06 tháng cuối năm 2023.

Phụ lục 9B: Các văn bản liên quan đến vấn đề dân tộc, đại đoàn kết dân tộc của Tỉnh uỷ tại các tỉnh miền núi phía Bắc

TT	Số, kí hiệu, thời gian ban hành	Trích yếu nội dung văn bản
I	**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**	
14.	Nghị quyết số: 392/2015/NQ-HĐND, ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên	Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2016-2020.
IV	**BÁO CÁO CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC**	
1.	Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Điện Biên số: 233-BC/BTV, ngày 24/04/2023	Báo cáo về việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030
2.	Báo cáo số: 23/BC-MTTQ-UB, ngày 27 tháng 8 năm 2024	Báo cáo tổng kết công tác mặt trận khoá XV, nhiệm kì 2019-2024 của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai.
3.	Báo cáo số: 1167 /BC-MTTQ-BTT, ngày tháng 05 năm 2023	Báo cáo việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn

		2021 – 2030.
4.	Báo cáo số: 775/BC-MTTQ-BTT, ngày 20 tháng 11 năm 2023, UBMTTQVN tỉnh Cao Bằng	Báo cáo kết quả công tác mặt trận năm 2023, chương trình thống nhất và hành động năm 2024.
5.	Báo cáo số: 445/BC-MTTQ-BTT, ngày 26 tháng 11 năm 2021, UBMTTQVN tỉnh Cao Bằng	Báo cáo tổng kết công tác dân vận năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác dân vận năm 2022.
6.	Báo cáo số: 670/BC-MTTQ-BTT, ngày 05 tháng 5 năm 2023, UBMTTQVN tỉnh Cao Bằng	Báo cáo Tổng kết 20 năm tổ chức Ngày hội "Đại đoàn kết toàn dân tộc" giai đoạn 2003-2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

(Nguồn: Tác giả tổng hợp, thống kê)

Phụ lục 10. Bảng hỏi khảo sát
10.1. Mẫu phiếu khảo sát dành cho người dân

(MẪU 1 DÀNH CHO NGƯỜI DÂN)

PHIẾU KHẢO SÁT
Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới
*** Biểu thị câu hỏi bắt buộc**
PHẦN A. THÔNG TIN CHUNG
Giới tính (Chọn 01 đáp án)*
o Nam
o Nữ
o Khác
Độ tuổi *(Chọn một đáp án)**
o Dưới 18
o 18–30
o 31–45
o 46–60
o Trên 60
Dân tộc *(Chọn một đáp án)**
o Kinh
o Khác (ghi rõ)
o Tày
o Mông
o Nùng
o Dao
Trình độ học vấn *(Chọn một đáp án)**
o Trung cấp /Cao đẳng
o THCS
o Tiểu học
o THPT
o Đại học trở lên
Nghề nghiệp chính *(Câu trả lời ngắn)**
Tỉnh/Xã, Phường, đặc khu đang sinh sống của Anh/Chị *

PHẦN B – MỨC ĐỘ HIỂU BIẾT TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

1. Hiểu biết của anh/chị về Khái niệm và nội dung cốt lõi về đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.
(Chọn 1 trong 5 phương án)
*

Hoàn toàn không biết
Biết rất ít
Biết ở mức trung bình
Biết khá rõ
Biết rất rõ
2. Vai trò và vị trí của đại đoàn kết dân tộc đối với cách mạng Việt Nam
(Chọn 1 trong 5 phương án)
*
1= Hoàn toàn không biết
2= Biết rất ít
3= Biết ở mức trung bình
4= Biết khá rõ
5= Biết rất rõ
3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc theo tưởng Hồ Chí Minh
(Chọn 1 trong 5 phương án)
*
1= Hoàn toàn không biết
2= Biết rất ít
3= Biết ở mức trung bình
4= Biết khá rõ
5= Biết rất rõ
4. Phương pháp, nguyên tắc cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc (Chọn 01 phương án)*
1= Hoàn toàn không biết
2= Biết rất ít
3= Biết ở mức trung bình
4 = Biết khá rõ
5= Biết rất rõ
5. Lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh (Chọn 01 phương án)*
1= Hoàn toàn không biết
2= Biết rất ít
3= Biết ở mức trung bình
4= Biết khá rõ
5= Biết rất rõ
6. Ý nghĩa của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới
(Chọn 01 phương án)
*
1=Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý

5= Hoàn toàn đồng ý

PHẦN C: THỰC TRẠNG VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC

7. Nguyên tắc đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh được quán triệt trong tất cả lĩnh vực và trong sinh hoạt cộng đồng.
(Chọn 01 phương án)
*
1=Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý
5= Hoàn toàn đồng ý

8. Các phong trào (như Ngày hội đại đoàn kết toàn dân ở khu dân cư, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, ủng hộ người nghèo....) ở địa phương bám sát nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.
(Chọn 01 phương án)
*
1=Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý
5= Hoàn toàn đồng ý

9. Tổ chức Đảng các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phát huy tốt vai trò nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.
(Chọn 01 phương án)
*
1=Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý
5= Hoàn toàn đồng ý

10. Tuyên truyền, giáo dục về đại đoàn kết dân tộc, truyền thống đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh thường xuyên và hiệu quả.
(Chọn 01 phương án)
*
1=Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý
5= Hoàn toàn đồng ý

11. Quy chế dân chủ được thực hiện, người dân được tham gia bàn bạc, quyết định,
.

(Chọn 01 phương án)
*
1=Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý
5= Hoàn toàn đồng ý
12. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, đoàn thể và nhân dân. (Chọn 01 phương án)*
1=Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý
5= Hoàn toàn đồng ý
13. Mô hình đoàn kết được nhân rộng.
(Chọn 01 phương án)
*
1=Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý
5= Hoàn toàn đồng ý
14. Hòa giải mâu thuẫn cộng đồng hiệu quả
(Chọn 01 phương án)
*
1=Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý
5= Hoàn toàn đồng ý
15. Chính sách về đại đoàn kết dân tộc được hỗ trợ triển khai kịp thời
(Chọn 01 phương án)
*
1= Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý
5= Hoàn toàn đồng ý
C1. THỰC TRẠNG VẬN DỤNG VỀ VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC
16. Đại đoàn kết dân tộc là chiến lược lâu dài, xuyên suốt mọi giai đoạn cách mạng, quyết định thắng lợi.
(Chọn 01 phương án)

*
1=Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý
5= Hoàn toàn đồng ý
17. Đại đoàn kết dân tộc là nguồn sức mạnh chủ yếu bảo vệ Tổ quốc, toàn vẹn lãnh thổ (biên giới, hải đảo, đất liền). (Chọn 01 phương án)*
1=Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý
5= Hoàn toàn đồng ý
18. Đại đoàn kết dân tộc góp phần phát triển kinh tế – xã hội vùng miền núi.
(Chọn 01 phương án)
*
1=Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý
5= Hoàn toàn đồng ý
19. Đại đoàn kết giúp giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.
(Chọn 01 phương án)
*
1=Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý
5= Hoàn toàn đồng ý
20. Đại đoàn kết dân tộc góp phần xây dựng, tăng cường giao lưu nhân dân với các nước láng giềng (Trung Quốc, Lào) và các nước khác trên thế giới
(Chọn 01 phương án)
*
1=Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý
5= Hoàn toàn đồng ý
C2. THỰC TRẠNG VẬN DỤNG VỀ LỰC LƯỢNG CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC
21. Khối đoàn kết dân tộc bao gồm mọi giai cấp, tầng lớp, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giai cấp.
(Chọn 01 phương án)

*
1=Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý
5= Hoàn toàn đồng ý
22. Đồng bào Dân tộc thiểu số là bộ phận quan trọng, không thể thiếu trong khối đại đoàn kết dân tộc.
(Chọn 01 phương án)
*
1=Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý
5= Hoàn toàn đồng ý
23. Liên minh công–nông–trí thức là nền tảng, là gốc của khối đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng
(Chọn 01 phương án)
*
1=Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý
5= Hoàn toàn đồng ý

C3. THỰC TRẠNG VẬN DỤNG VỀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC KHỐI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

24. Mặt trận tổ quốc là tổ chức nòng cốt của khối đại đoàn kết dân tộc.
(Chọn 01 phương án)
*
1=Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý
5= Hoàn toàn đồng ý
25. Các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc
(Chọn 01 phương án)
*
1=Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý
5= Hoàn toàn đồng ý

26. Hiệp thương dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản, xuyên suốt chủ đạo.
(Chọn 01 phương án)
*
1=Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý
5= Hoàn toàn đồng ý
27. Ban công tác Mặt trận thôn/bản hoạt động hiệu quả.
(Chọn 01 phương án)
*
1=Hoàn toàn không đồng ý
2= Không đồng ý
3=Trung lập / Bình thường
4= Đồng ý
5= Hoàn toàn đồng ý
28. Già làng, trưởng bản, người uy tín là hạt nhân gắn kết, có vai trò quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết tại địa phương.
(Chọn 01 phương án từ thấp đến cao: 1=Hoàn toàn không đồng ý, 2= Không đồng ý, 3=Trung lập / Bình thường, 4= Đồng ý, 5= Hoàn toàn đồng ý)
*
Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý

C4. THỰC TRẠNG VẬN DỤNG VỀ NGUYÊN TẮC & PHƯƠNG PHÁP ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

29. Quan điểm của anh/chị về phương pháp và nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh tại các tỉnh miền núi phía Bắc cần các yếu tố nào.
(Chọn nhiều phương án)
*
Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý
NP1 “Đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, chân thành, thân ái…” là nền tảng
NP2 Bình đẳng, tôn trọng, giúp nhau phát triển giữa các dân tộc
NP3. Lợi ích tối cao của Tổ quốc & nhân dân là điểm tương đồng quy tụ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
NP4. Tuyên truyền – giáo dục truyền thống đoàn kết là then chốt

NP5. Đối thoại, thuyết phục để giải quyết mâu thuẫn
NP6. Phát hiện & nhân rộng điển hình đoàn kết tiên tiến

PHẦN D. NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC HIỆN NAY

30. Xin vui lòng cho biết mức độ đồng ý của anh/chị đối với các ý kiến dưới đây về những khó khăn, hạn chế trong việc vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại địa phương
(Chọn nhiều phương án)
*
Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý
KK1 Nhận thức của một bộ phận người dân về đại đoàn kết dân tộc còn hạn chế
KK2 Thiếu thông tin, tài liệu tuyên truyền phù hợp với đặc thù vùng miền
KK3 Sự phối hợp giữa các tổ chức, lực lượng chưa đồng bộ
KK4 Một số chính sách dân tộc chưa được thực hiện hiệu quả
KK5 Điều kiện kinh tế – xã hội còn khó khăn, ảnh hưởng tới hoạt động đoàn kết
KK6 Tác động tiêu cực từ các mặt trái của xã hội (tệ nạn xã hội, xung đột lợi ích cục bộ, buôn lậu, tham nhũng)
KK7 Chưa phát huy tốt vai trò của già làng, trưởng bản, người uy tín
KK8 Chưa nhân rộng kịp thời các mô hình, điển hình tiên tiến
KK9 Chưa phát huy được vai trò của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể xã hội
KK10. Tổ chức học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chưa hiệu quả.

31. Anh/ Chị cho biết yếu tố quan trọng nhất để vận dụng hiệu quả tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết ở địa phương?*

PHẦN E. GIẢI PHÁP NHẰM TĂNG CƯỜNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG TÌNH HÌNH MỚI

32. Nhóm 1 – Giải pháp về nhận thức
(Chọn nhiều phương án)
*
Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý
NT_VR1 Nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương và nhân dân về vị trí, vai trò then chốt của đại đoàn kết dân tộc

NT_TC1 Tuyên truyền về vai trò của hình thức tổ chức khối đại đoàn kết (nâng cao hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể xã hội tại địa phương)
NT_LL1 Giáo dục về tầm quan trọng của mọi lực lượng trong khối đoàn kết (đại đoàn kết toàn dân, không phân biệt dân tộc, giai cấp, tầng lớp, tôn giáo)
NT_NP1 Tăng cường, đổi mới công tác truyền thông về nguyên tắc, phương pháp thực hiện đoàn kết

33. Nhóm 2 - Giải pháp về tổ chức thực hiện:

(Chọn nhiều phương án)
*
Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý
TCG_VR1 Đưa mục tiêu đoàn kết dân tộc vào các chương trình phát triển địa phương.
TCG_TC1 Sắp xếp tinh gọn bộ máy và tăng cường hoạt động hiệu lực, hiệu quả bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp và tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng các cấp, Chính quyền và Mặt trận Tổ quốc & các đoàn thể.
TCG_LL1 Huy động sức mạnh nội sinh của nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số, đổi mới, sáng tạo, xóa đói, giảm nghèo.
TCG_NP1 Thực hiện quy chế dân chủ tại cơ sở, thực hiện đối thoại, hòa giải, phát huy mô hình đoàn kết tiên tiến, phát huy tự phê bình và phê bình trên tinh thần "cầu đồng tồn dị".

34. Nhóm 3 – Giải pháp về cơ chế, chính sách

(Chọn nhiều phương án)
*
Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý
CS_VR1 Hoàn thiện chính sách khẳng định vai trò nền tảng của đoàn kết dân tộc là một chiến lược lâu dài, quyết định sự phát triển kinh tế -xã hội, an ninh quốc phòng tại các tỉnh miền núi phía Bắc.
CS_TC1 Bảo đảm nguồn lực cho các hình thức tổ chức đoàn kết hoạt động hiệu quả(về cơ chế, về tài chính, về con người)
CS_LL1 Chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với các lực lượng nòng cốt tham gia đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc.
CS_NP1 Quy định, hướng dẫn rõ ràng nguyên tắc & phương pháp thực hiện đoàn kết phù hợp với văn hóa, phong tục, tập quán của địa phương.

35. Đề xuất cụ thể để khắc phục khó khăn, hạn chế của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại địa phương của anh/chị?

10.2. Mẫu phiếu khảo sát dành cho cán bộ

(MẪU 2 DÀNH CHO CÁN BỘ)

PHIẾU KHẢO SÁT
Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới

Phiếu khảo sát phục vụ nghiên cứu khoa học. Mọi thông tin của anh/chị được bảo mật tuyệt đối và chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu. Xin vui lòng trả lời đầy đủ và trung thực.
* Biểu thị câu hỏi bắt buộc
PHẦN A. THÔNG TIN CHUNG
Chức vụ/chức danh *
☐ Cán bộ cấp xã/thôn/ phường
☐ Cán bộ cấp tỉnh
☐ Cán bộ Mặt trận Tổ quốc
☐ Tổ chức đoàn thể khác: ……
Giới tính*
o Nam
o Nữ
o Khác
Độ tuổi*
o Dưới 18
o 18–30
o 31–45
o 46–60
o Trên 60
Dân tộc *
o Kinh
o Tày
o Nùng
o Mông
o Dao
o Khác (ghi rõ)
Trình độ học vấn *
o Tiểu học
o THCS
o THPT
o Trung cấp / Cao đẳng

o Đại học trở lên
Đơn vị công tác (Tỉnh/Phường/Xã/Đặc khu)*
PHẦN B – MỨC ĐỘ HIỂU BIẾT TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC
1. **Anh/ chị cho ý kiến của mình về các nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc***
1= Hoàn toàn không biết
2= Biết rất ít
3= Biết ở mức trung bình
4= Biết khá rõ
5= Biết rất rõ
Hiểu biết của anh/chị về Khái niệm và nội dung cốt lõi về đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.
Vai trò và vị trí của đại đoàn kết dân tộc đối với cách mạng Việt Nam
Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc theo tưởng Hồ Chí Minh
Phương pháp, nguyên tắc cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc
Lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng
Ý nghĩa của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết tại các tỉnh miền núi phía Bắc trong tình hình mới
PHẦN C: THỰC TRẠNG VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TẠI TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC
2. **Cấp ủy, Chính quyền đã quán triệt và cụ thể hóa tư tưởng đại đoàn kết của Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn của địa phương***
Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý
3. **Các phong trào (như Ngày hội đại đoàn kết toàn dân ở khu dân cư, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, ủng hộ người nghèo....) ở địa phương bám sát nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.***
Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý
4. Tổ chức Đảng các cấp là lực lượng lãnh đạo, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phát huy tốt vai trò nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. (Chọn 01 phương án)
*
Hoàn toàn không đồng ý

Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý

5. Tuyên truyền, giáo dục về đại đoàn kết dân tộc, truyền thống đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh thường xuyên và hiệu quả.
(Chọn 01 phương án)
*

Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý

6. Quy chế dân chủ được thực hiện, người dân được tham gia bàn bạc, quyết định.
(Chọn 01 phương án)
*

Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý

7. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, đoàn thể và nhân dân. (Chọn 01 phương án)*

Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý

8. Mô hình đoàn kết được nhân rộng.
(Chọn 01 phương án)
*

Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý

9. Hòa giải mâu thuẫn cộng đồng hiệu quả
(Chọn 01 phương án)
*

Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường

Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý
10. Chính sách về đại đoàn kết dân tộc được hỗ trợ triển khai kịp thời tại địa phương*
Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý
C1. NHẬN THỨC VỀ VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC
Chèn văn bản vào đây.
11. Vị trí và vai trò của đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh*
Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý
Đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược, quyết định thành công cách mạng.
Đại đoàn kết dân tộc là nền tảng quan trọng để phát triển KT-XH, ổn định chính trị.
Đại đoàn kết dân tộc là giải pháp then chốt để củng cố niềm tin nhân dân..
Đại đoàn kết dân tộc là nguồn sức mạnh chủ yếu bảo vệ Tổ quốc, toàn vẹn lãnh thổ (biên giới, hải đảo, đất liền).
Đại đoàn kết dân tộc góp phần phát triển kinh tế – xã hội vùng miền núi.
Đại đoàn kết giúp giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.
Đại đoàn kết dân tộc góp phần xây dựng, tăng cường giao lưu nhân dân với các nước láng giềng (Trung Quốc, Lào) và các nước khác trên thế giới
C2. THỰC TRẠNG VẬN DỤNG VỀ LỰC LƯỢNG CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC
12. Lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc theo Tư tưởng Hồ Chí Minh*
Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý
Khối đoàn kết dân tộc bao gồm mọi giai cấp, tầng lớp, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giai cấp.
Đồng bào Dân tộc thiểu số là bộ phận quan trọng, không thể thiếu trong khối đại đoàn kết dân tộc.
Liên minh công–nông–trí thức là nền tảng, là gốc của khối đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng
Người có uy tín, già làng, trưởng bản giữ vai trò then chốt trong vận động nhân dân.
Thanh niên, phụ nữ, trí thức, doanh nhân là lực lượng quan trọng cần phát huy.
Đảng viên, cán bộ phải nêu gương trong xây dựng đoàn kết.

C3. THỰC TRẠNG VẬN DỤNG VỀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC KHỐI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

13. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

*

Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý
Mặt trận tổ quốc là tổ chức nòng cốt của khối đại đoàn kết dân tộc.
Các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc
Hiệp thương dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản, xuyên suốt chủ đạo.
Ban công tác Mặt trận thôn/bản hoạt động hiệu quả.
Già làng, trưởng bản, người uy tín là hạt nhân gắn kết, có vai trò quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết tại địa phương.

C4. THỰC TRẠNG VẬN DỤNG VỀ NGUYÊN TẮC & PHƯƠNG PHÁP ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

14. Quan điểm của anh/chị về phương pháp và nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh tại các tỉnh miền núi phía Bắc cần các yếu tố nào.

(Chọn nhiều phương án)

*

Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý
“Đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, chân thành…” được quán triệt.
Lợi ích Tổ quốc–nhân dân là điểm hội tụ.
Bình đẳng–tôn trọng–giúp nhau phát triển.
Nêu gương cán bộ, đảng viên tạo niềm tin xã hội.
Đối thoại–thuyết phục giải quyết mâu thuẫn.
Nhân rộng điển hình đoàn kết tiên tiến.

PHẦN D. NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC HIỆN NAY

15. Xin vui lòng cho biết mức độ đồng ý của anh/chị đối với các ý kiến dưới đây về những khó khăn, hạn chế trong việc vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc tại địa phương

(Chọn nhiều phương án)

*

Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý
Sự phân hóa giàu nghèo gia tăng
Trình độ dân trí thấp
Thiếu cán bộ có trình độ cao, năng lực một số cán bộ làm công tác liên quan đến tập hợp, vận động quần chúng con hạn chế
Kinh tế – xã hội chậm phát triển, nghèo đói
Chính sách, pháp luật chưa đồng bộ, khó tiếp cận.
Sự chống phá của các thế lực thù địch như lợi dụng mạng xã hội, tôn giáo gây phá vỡ khối đại đoàn kết dân tộc.
Sự khác biệt về văn hóa, phong tục tập quán
Địa hình chia cắt, giao thông, đi lại khó khăn
Công tác giám sát và phản biện xã hội còn hạn chế

Phần E. GIẢI PHÁP NHẰM TĂNG CƯỜNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG TÌNH HÌNH MỚI

16. Nhóm giải pháp về nhận thức

*

Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý
Quán triệt nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương, nhân dân về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kì mới
Nêu gương và thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm của mỗi cán bộ, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể
Thực hiện tốt công tác giáo dục, truyền thông về đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh đa kênh/ đa ngôn ngữ
Tăng cường giáo dục trong thiết chế xã hội như các chương trình giáo dục học đường, sinh hoạt cộng đồng, nhân rộng mô hình điển hình tiên tiến

17. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện

*

Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý
Kiện toàn tổ chức Mặt trận & đoàn thể trong vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.

Phát huy vai trò lãnh đạo của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền; phân công rõ trách nhiệm giữa các cấp, ngành, xây dựng đội ngũ chuyên trách, phát huy vai trò người có uy tín, trưởng bản, già làng.
Thực hiện công tác phối hợp đa ngành trong giải quyết vấn đề chung. Tổ chức đối thoại định kỳ giữa chính quyền – nhân dân. Liên kết chính quyền – doanh nghiệp – nhân dân
Tăng cường công tác truyền thông hiện đại trong vận động nhân dân
Tăng cường công tác kiểm tra giám sát kết quả tổ chức thực hiện, nhân rộng các mô hình hay.

18. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách*

Hoàn toàn không đồng ý
Không đồng ý
Trung lập / Bình thường
Đồng ý
Hoàn toàn đồng ý
Cột 6
Hoàn thiện pháp luật & quy định về dân tộc, hoạt động của MTTQ và các tổ chức đoàn thể; Hoàn thiện chính sách dân tộc phù hợp thực tiễn miền núi phía Bắc.
Bảo đảm nguồn lực (tài chính, nhân lực, cơ sở vật chất); Ưu tiên đầu tư hạ tầng, phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc.
Chính sách bình đẳng, công bằng, ưu tiên DTTS như Chính sách thu hút, đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số…
Giám sát, đánh giá & điều chỉnh chính sách như Tăng cường giám sát, phản biện xã hội từ Mặt trận & đoàn thể.

19. Theo anh/chị, yếu tố quan trọng nhất để nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc là gì? *

20. Đề xuất giải pháp cụ thể cho địa phương trong việc thực hiện tốt vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới

Phụ lục 11. Bảng hỏi khảo sát phỏng vấn sâu

11.1. Mẫu phiếu phỏng vấn sâu dành cho nhân dân

Mẫu 1 (Dành cho người dân)

BỘ CÂU HỎI PHỎNG VẤN SÂU

"VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC TRONG TÌNH HÌNH MỚI"

Thông tin chung của người được phỏng vấn:

- Họ và tên: .....
- Tuổi: ..... Giới tính: .....
- Nghề nghiệp/chức vụ: .....
- Đơn vị/cơ quan (nếu có): .....

1. Về nhận thức vai trò, vị trí

Anh/chị hiểu thế nào về vai trò, ý nghĩa của việc vận dụng sáng tạo tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh trong cuộc sống cộng đồng hiện nay?

Theo anh/chị, đại đoàn kết dân tộc có quan trọng với sự phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương không? Vì sao?

2. Về lực lượng tham gia

Theo anh/chị, những lực lượng nào (già làng, trưởng bản, thanh niên, phụ nữ, trí thức, doanh nghiệp…) có vai trò quan trọng nhất trong việc gắn kết cộng đồng?

Anh/chị có thường xuyên tham gia vào các hoạt động, phong trào đoàn kết do chính quyền hoặc Mặt trận tổ chức không? Trải nghiệm của anh/chị như thế nào?

3. Về hình thức tổ chức khối đoàn kết

Anh/chị thấy Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể có gần gũi, gắn bó với dân không, thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội ra sao?

Những hình thức tập hợp, sinh hoạt cộng đồng hiện nay (hội nghị thôn bản, lễ hội văn hóa, phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"...) có giúp tăng cường đoàn kết không?

4. Về nguyên tắc & phương pháp

Anh/chị có cảm nhận được sự bình đẳng, tôn trọng giữa các dân tộc trong đời sống hàng ngày không?

Khi xảy ra mâu thuẫn trong cộng đồng, anh/chị thấy cán bộ địa phương thường giải quyết bằng cách nào (đối thoại, tuyên truyền, hòa giải...)? Hiệu quả ra sao?

5. Về khó khăn & mong muốn

Theo anh/chị, những khó khăn lớn nhất trong việc xây dựng đoàn kết hiện nay là gì (kinh tế, đường sá, chính sách, phong tục…)?

Anh/chị mong muốn Nhà nước, chính quyền và tổ chức đoàn thể cần làm gì để tăng cường đoàn kết dân tộc trong thời gian tới?

11.1. Mẫu phiếu phỏng vấn sâu dành cho cán bộ.

Mẫu 2 (Dành cho cán bộ lãnh đạo, quản lý)

BỘ CÂU HỎI PHỎNG VẤN SÂU

"VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC TRONG TÌNH HÌNH MỚI"

Thông tin chung của người được phỏng vấn

- Họ và tên: .....
- Tuổi: ..... Giới tính: .....
- Nghề nghiệp: .....
- Đơn vị/cơ quan (nếu có): .....

Phần 1. Về nhận thức & vai trò đoàn kết dân tộc tại các tỉnh miền núi phía Bắc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Anh/chị đánh giá thế nào về vai trò, vị trí của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, đặc biệt ở miền núi phía Bắc?

Theo anh/chị, tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc còn giữ nguyên giá trị thời sự trong bối cảnh hiện nay không? Vì sao?

Những điểm mới trong tình hình hiện nay (toàn cầu hóa, chuyển đổi số, biến đổi xã hội, sáp nhập, vận hành chính quyền địa phương 2 cấp…) đòi hỏi các cấp ủy Đảng/ Chính quyền/MTTQ và các tổ chức đoàn thể tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc như thế nào?

Phần 2. Về lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc

Anh/chị thấy vai trò của các dân tộc thiểu số trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay như thế nào?

Theo anh/chị, các già làng, trưởng bản, người có uy tín có phát huy được vai trò hạt nhân đoàn kết không? Có hạn chế gì?

Có sự gắn bó, phối hợp chặt chẽ giữa cán bộ lãnh đạo và già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng không?

Lực lượng trẻ (thanh niên, trí thức trẻ) có tham gia tích cực không? Nếu còn hạn chế thì nguyên nhân là gì?

Phần 3. Về hình thức tổ chức khối đại đoàn kết

Theo anh/chị, hệ thống Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể hiện nay đã thực sự là cầu nối để tập hợp các lực lượng chưa?

Các mô hình, phong trào (ví dụ: "dân vận khéo", "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư") có thực sự hiệu quả không?

Anh/chị có kiến nghị gì để nâng cao hiệu quả của các tổ chức MTTQ và các đoàn thể trong việc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc?

Cấp ủy/ chính quyền địa phương có tổ chức cuộc thi có liên quan đến đại đoàn kết dân tộc hoặc cụ thể hóa cuộc vận động và học tập và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh không?

Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc (18/11) hàng năm tại địa phương anh/chị tổ chức các hoạt động nào? Có ý nghĩa trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc tại địa phương không?

Phần 4. Về nguyên tắc & phương pháp

Trong xử lý mâu thuẫn giữa các nhóm dân cư, cán bộ thường dùng phương pháp nào: tuyên truyền, đối thoại, hòa giải…? Hiệu quả ra sao?

Theo anh/chị, nguyên tắc "bình đẳng – tôn trọng – giúp nhau cùng tiến bộ" đã được thực hiện đến đâu?

Có tồn tại khoảng cách nào giữa nhận thức và thực tiễn khi vận dụng nguyên tắc của Hồ Chí Minh vào thực tế không?

Phần 5. Về khó khăn, hạn chế

Anh/chị thấy những khó khăn lớn nhất hiện nay trong việc xây dựng khối đại đoàn kết ở miền núi phía Bắc là gì (về kinh tế, văn hóa, chính sách, giao thông, nhận thức của người dân và cán bộ về đại đoàn kết dân tộc)?

Có trường hợp nào anh/chị từng gặp khi mâu thuẫn cộng đồng diễn biến phức tạp, khó giải quyết không? Kinh nghiệm rút ra là gì?

Chính sách dân tộc hiện nay có điểm nào chưa phù hợp với thực tiễn miền núi?

Phần 6. Về phương hướng & giải pháp

Anh/chị phương hướng, giải pháp quan trọng nhất để tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh?

Là cán bộ/nhà lãnh đạo, anh/chị có đề xuất cụ thể nào về cơ chế, chính sách để phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc nói chung/tại địa phương nói riêng?

Theo anh/chị, để vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh hiệu quả trong tình hình mới, cần đổi mới cách thức nào trong công tác tuyên truyền, giáo dục?

Anh/chị đề xuất những phương hướng, giải pháp quan trọng nào để vận dụng hiệu quả tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới?

Nếu gửi một khuyến nghị ngắn gọn đến cấp Trung ương, anh/chị sẽ nhấn mạnh vấn đề gì?